

ĐỖ CHU

TẢN MẠN TRƯỚC ĐÈN

tùy
bút

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

ĐỖ CHU

tản mạn trước đèn

Tập tùy bút
in lần hai

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
Hà Nội - 2011

KÌA ĐÀN HỒNG HẠC

Năm mới 2003, sớm mừng một, có chị Thùy Linh người của chương trình thời sự Truyền hình trung ương ôm máy đến nhà báo tôi nói đôi lời cảm nhận trước sự kiện, từ hôm nay Việt Nam chính thức bước vào AFTA, tức là chúng ta chính thức hòa nhập thông thương với các nước trong khối ASEAN. Đây là một câu hỏi lớn và khó, nhất là đối với một người xưa nay không am tường lắm chuyện làm ăn kinh tế như tôi.

Sau mấy năm tập dượt chuẩn bị, giờ là lúc chúng ta bắt đầu nhảy xuống biển cùng bơi với các dân tộc trong khu vực. Chúng ta chính thức đi vào một cuộc chơi bình đẳng và tự nguyện. Nói cuộc chơi có nghĩa

nhìn chung là vui, là hào hứng nhưng cuộc chơi này lại còn mang tính cạnh tranh rất khắc nghiệt, đôi khi có cả chuyện chơi nhau thật sự chứ chẳng phải dễ dàng. Kinh tế thị trường mà. Nó sẽ đụng chạm đến niêu com mỗi nhà, cho nên nếu có lo lắng một chút cũng là phải, nếu có rụt rè thận trọng cũng là dễ hiểu. Với cuộc đua chen cật lực này, quá trình khẳng định và đào thải sẽ thường xuyên xảy ra trong đời sống, với một tốc độ nhanh. Cuộc sống của chúng ta nhiều năm nay không thiếu sự bất cập, có phần nào quen nuông chiều, uế oái, *ở nhà nhất mẹ nhì con*. Giờ đây, mỗi người đều phải tìm cho mình một cách thích nghi với hoàn cảnh mới. Ở đây sự thành công và thất bại rất dễ xảy ra hàng ngày, hàng giờ.

Và tôi đã trả lời chị Thùy Linh đây là một quyết định dũng cảm, một bước đi dũng cảm của dân tộc mình, của Đảng mình. Một bước đi mang tính tất yếu, càng chần chừ càng dễ tụt hậu. Năm năm về trước, trong một cuộc điều tra của thế giới, nền kinh tế của chúng ta được xếp ở hàng thứ 47 trong 58 nước được xem đến. Năm vừa qua, con tàu Việt Nam vẫn đang tiếp tục tiến lên với tốc độ tăng trưởng 7,04% so với năm trước, nhưng vẫn với cuộc điều tra trong quy mô toàn cầu, chúng ta lại đã tụt xuống sáu bậc, đứng ở hàng thứ 53 trong 58 nước. Những con số ấy đủ để

chúng ta phải giết mình giữa bối cảnh chung, trước sự quật khởi của thiên hạ trong cuộc làm ăn xây dựng và hòa nhập nói chung. Bước đi mùa xuân này của chúng ta là một bước trưởng thành đầy tự tin như thể một thiếu phụ nhận ra rằng nếu muốn có con đẻ bế thì không được sợ đàn ông vậy.

Cho nên nhìn một cách toàn diện, lâu dài chúng ta nói đây là một cuộc chọn lựa đúng đắn. Đây cũng có thể xem như là một cái mốc lịch sử mang ý nghĩa mở đầu cho một vận hội mới. Trước mắt chúng ta là những cơ hội cùng những thách thức, những xô đẩy lớn, vượt qua nó chúng ta sẽ càng thêm hiểu mình, hiểu người, thêm sự nếm trải cần thiết để trở nên sâu sắc và vững vàng.

*

Trong cuộc hội nhập này có ba khu vực cần phải vận động mạnh để đứng vững trước những cơn sóng từ xung quanh tràn tới, và bằng nội lực của mình, chúng ta sẽ có thể tiến lên làm chủ tình hình. Các khu vực này thật sự đóng vai trò gánh vác và đi tiên phong trong cả nước đó là Hà Nội, là Quảng Nam - Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh nơi sẽ xảy ra những cọ sát gay gắt nhất. Có

thể nói đây cũng là một trách nhiệm mà lịch sử đã lựa chọn giao phó.

Tôi có thể không tin vào một vài nhà lãnh đạo nào đó, ở một lúc nào đó, nhưng tôi chưa bao giờ không tin vào bản lĩnh của Đảng mình cũng như bản lĩnh của dân tộc mình. Một niềm tin có cơ sở, có cội nguồn.

Năm mười tám tuổi tôi bắt đầu ti toe cầm bút, mẹ tôi mát mề bảo: *Mẹ nghe chừng anh muốn viết văn, cũng được, nhưng phải viết thể nào để được như nhà chị gì sáng sáng vẫn có lời mở đầu cho Đài Tiếng nói Việt Nam thì mới giỏi. Thật là trung trọng, mà lại cảm động. Anh vào đời cổ mà gặp một người như thế để lấy làm vợ thì đấy mới thật là một cái phúc lớn cho cả nhà, cả họ, cả tông nhà anh.*

Giờ đây ngồi nhìn lại, ba mươi năm trước trong một đêm tháng Chạp Hà Nội rực cháy, mặt đất rung lên từng cơn trong ánh chớp của bom Mỹ của tên lửa và đạn pháo cao xạ ta, có một người con trai Hà Nội đã bay lên đối mặt với những chiếc pháo đài bay B.52. Anh lao vào chúng làm một trận đánh cảm tử, làm một chiến công góp phần kết thúc một cuộc oanh kích cực kỳ dữ dội.

Người anh hùng ở lại mãi mãi với bầu trời. Anh gửi lại trong thành phố này người mẹ một lần tiễn chồng ra trận, một lần tiễn con trai duy nhất ra trận, cả hai đều không trở về. Vợ anh còn rất trẻ, họ cũng vừa

mới cưới nhau được ít lâu, chị là một sinh viên khoa kinh tế vừa mới ra trường.

Anh ấy có một cái tên rất đẹp, Vũ Xuân Thiều, một khúc nhạc xuân. Những ngày ấy tôi đã lang thang trên sân bay và đêm ấy tôi cũng đã thấp thỏm cùng đồng đội của anh đứng ngóng anh trở về. Ngóng cho đến rạng sáng, cho đến lúc bầu trời trên đầu hiện ra xanh thăm thẳm, không một gợn mây. Đó là một sự ra đi khiến mỗi ngày của những người ở lại không được phép cầu thả, không được phép vẩn đục. Và những khúc nhạc xuân cũng không thể ứ đọng eo là. Ai đó đã mở chiếc tăng-xi-to và lại vang lên trong buổi sớm ấy một giọng nói kiêu hãnh mà mẹ tôi hôm nào đã nhắc đến một cách tha thiết nhất: *"Đây là tiếng nói Việt Nam, phát thanh từ Hà Nội. Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"*. Tôi khóc. Mấy anh phi công đứng gần đấy hình như cũng đã khóc.

*

Đúng một tháng sau thì Hiệp định Paris được ký kết. Kế đó là Hà Nội đón Đoàn Đại biểu Phụ nữ miền Nam ra thăm miền Bắc, đoàn đông đến năm sáu chục người, do bà tướng anh hùng Nguyễn Thị Định dẫn đầu. Đã được gọi là quân bà Định thì khỏi bàn.

Có thể được phong hay không được phong, nhưng tất cả các chị có mặt trong đoàn ấy đều được xem là những người anh hùng. Tận đáy lòng mỗi chúng tôi đều đã hiểu như thế. Trong số đó có một cô gái chưa đầy hai chục tuổi, nom hiền khô, duyên dáng lạ lùng. Con gái từ rừng ra mà nước da đỏ hồng, dáng dấp lại đoan trang con nhà gia giáo, một cô gái nội thành tiếng Sài Gòn êm nhẹ, mười sáu tuổi đã tham gia hoạt động, cũng mới chỉ vào Cứ vài tháng trước ngày ra Bắc. Cô ta tên là Dương Thục Trinh. Mấy tuần sau đó cô theo đoàn lên thăm tỉnh Hà Sơn Bình, ở đó Thục Trinh đã báo cáo cô là người chính gốc Hà Đông, cha mẹ làm ăn ngoài Hà Nội, cô được đề ra ở một bệnh viện tư áp hồ Thiển Quang. Các đồng chí tỉnh ủy Hà Sơn Bình xiết cổ vui mừng, ngay hôm sau bố trí đưa Thục Trinh về thăm quê nhà. Quê cô ở làng Cự Đà, Khúc Thủy gần chợ Chuông.

Đây là lần đầu tiên cô về thăm quê cha đất tổ. Ngày cô được gọi ra Cứ, mẹ cô đã đeo vào ngón tay cô một chiếc nhẫn vàng, nay cô tháo chiếc nhẫn ra, nhờ một người trong họ mang đi bán lấy tiền mua vài nghìn gạch, mấy bao xi măng, nhờ người trong làng xây tuốt lượt các ngôi mộ ông bà tổ tiên. Một mơ ước ở nơi xa xôi cha mẹ cô đã cất giữ trong lòng suốt cả một đời.

Vài tháng sau mấy chị phụ nữ Trung ương muốn gửi cô sang học bên Liên Xô nhưng cô đã xin được quay về miền Nam chiến đấu. Cô đã cùng một số chị em vượt Trường Sơn một lần nữa, lần này là đi vào, và họ còn phải lặn lội trong rừng hơn một năm nữa cho đến ngày Ba mươi tháng Tư. Nhớ lại những ngày ấy thật đến chết cười, Thục Trinh được bổ sung vào một đơn vị thuộc lực lượng tự vệ võ trang, không được phép vào nội thành cùng chủ lực, mà phải vác súng đi vòng vo qua các thôn ấp vùng ven Sài Gòn. Ngày đi đêm nghỉ, chừng như là để thị uy thì phải. Đi đến lúc Sài Gòn đã giải phóng cả tuần rồi mà vẫn có lệnh cứ đi. Người chỉ huy phân đội của cô là Hai Sang một thanh niên tuấn tú, mạnh mẽ chân thực, đã từng vào sinh ra tử trong những năm hoạt động nội thành. Phải cái hay gắt như mắu tôm nhưng vẫn là một người rất đáng yêu. Ba năm sau anh từ mặt trận Tây Nam quay về tìm Thục Trinh và họ đã cưới nhau. Bây giờ Thục Trinh đang là Phó Giám đốc Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, một cán bộ quản lý năng động trên mặt trận văn hóa. Còn Hai Sang thì đang là một Phó Giám đốc Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận thuộc phía Nam thành phố. Năm nay doanh số xuất nhập

khẩu toàn khu chế xuất Tân Thuận đã lên tới cả tỉ đô la. Đó là một khu liên hiệp gồm nhiều nhà máy với những dây chuyền công nghệ tiên tiến nhất, sạch sẽ và gọn gàng, với trên sáu nghìn công nhân trẻ trung và hiện đại. Trong khu có nhà máy điện riêng, bến cảng riêng, kho bãi riêng. Tôi đã từng theo Hai Sang đi xuống cả mạn cửa sông Sài Gòn, cách trung tâm thành phố vài chục cây số. Các anh đã mở đường vào đó, đang sắp xếp lại các khu vực dân cư chuẩn bị mặt bằng xây dựng tiếp tục. Mơ ước của họ là sớm có một cảng biển pha sông quy mô lớn hơn nhiều lần cảng Sài Gòn hiện nay.

Hai Sang là một kỹ sư kinh tế, anh vừa mới nhận thêm bằng cao học Chính trị Quốc gia với một luận văn bàn về vai trò của đầu tư nước ngoài đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam. Đó cũng là một sự chuẩn bị chắc chắn trước yêu cầu của cuộc sống hôm nay. Khi nhắc đến Hai Sang cũng cần phải dành đôi dòng để kể về Hai Dương. Anh là Giám đốc, thủ trưởng trực tiếp của Hai Sang. Một người có tầm nhìn rộng và xa, còn Hai Sang là một người chắc chắn trong thực tiễn, họ là một đôi ăn ý và có nhiều khả năng bổ sung cho nhau trong công việc. Hai Dương là một cán bộ gốc Hoa, người Cà Mau, cha là dân chài một lần đi biển

gặp bão mất ở ngoài khơi, mẹ nuôi anh khôn lớn cho lên thành phố học, những năm trước giải phóng anh vừa đi dạy tư vừa tham gia hoạt động trong phong trào học sinh và sinh viên chống xâm lược, và đã được vinh dự kết nạp Đảng. Mấy năm sau giải phóng anh được cử vào công tác trong lĩnh vực kinh tế của thành phố. Rồi bỗng nhiên cấp trên khuyên anh nộp đơn xin ra khỏi Đảng, điều đó khiến anh buồn nhưng vẫn phải chấp hành. Rồi sau đó mấy năm lại vẫn cấp trên ấy gọi anh lên yêu cầu anh lại làm đơn xin tiếp tục sinh hoạt Đảng. Hai Dương lại làm đơn theo lời khuyên của trên và trong bụng cũng không hề dám oán trách một ai. Tôi gặp anh lần đầu trong một cuộc họp do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất của Văn phòng Chính phủ tổ chức ở Quy Nhơn. Lúc đó là vào buổi trưa nhà khách tỉnh úy mất điện, trong căn buồng chật và nóng có một người đàn ông chân dài thượt gác trên giường đang nằm đọc sách. Tôi nhòm vào cuốn sách thì biết nó là một cuốn bàn về triết học Trung Hoa xuất bản tại Bắc Kinh mấy năm gần đây. Một cuốn sách bàn về *Kinh dịch* dưới cách nhìn mới mẻ. Anh hỏi tôi ngoài thái cực còn có gì nữa? Tôi trả lời anh như một thằng học trò trả lời thầy giáo, có lẽ ngoài thái cực còn có vô cực. Anh gật đầu ý chừng đã hiểu

tay này có thể chơi được và rồi từ đó tôi mới biết Hai Sang.

*

Nhà Hai Sang ở Cư xá Tân Cảng thuộc quận Bình Thạnh. Anh còn có một mẹ già năm nay đã ngoài tám mươi tuổi. Bà tên là Tiết Kim Lan một phụ nữ có học, tiếng Anh, tiếng Pháp thành thạo đã từng cùng chồng tham gia hoạt động trong hậu địch ngay từ những ngày đầu Nam bộ kháng chiến. Đến bây giờ mặc dù tuổi đã cao bà vẫn tham gia công tác xã hội ở khu phố.

Năm ông bị địch bắt, bà phải vừa nuôi con vừa tiếp tế cho chồng, bà đã đi khắp các nhà tù ở miền Nam. Rồi chúng thả ông. Một buổi chiều bà từ chợ về lướt qua mặt người ăn mày ốm yếu như một dây khoai héo. Nhưng ánh mắt của ông nhìn theo khiến bà chợt dạ bà đã lập tức quay lại ôm lấy ông vào lòng mà khóc. Vài tháng sau thì ông qua đời. Trước lúc chết, ông dặn bà cố gắng nuôi dạy con chờ ngày đất nước hoàn toàn thống nhất.

Bà đã làm đúng những gì ông dặn lại. Trong đời bà có hai niềm vui đáng kể, một là bà đã sống xứng đáng với vong linh của chồng, hai là bà đã có một đứa con dâu gốc Hà Nội mà bà lấy làm ưng ý,

bà thường mang Thục Trinh ra khoe với bè bạn xung quanh.

Tôi đọc *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức thấy trong quyển 3 *Cương vực chí* ông có bàn rất hay về trời đất nước non của người Việt: “*Khi trong nổi lên trên là trời, khí đục động ở dưới là đất. Trời Bàn Cổ mở mang mờ mịt mà ra, từ đó các loài sinh nhiều... Trung Quốc chỉ biết chín châu theo Thiên Vũ Cống, nhưng ngoài chín châu lại có chín châu khác, ngoài bốn biển lại có bốn biển nữa, sách nhà Phật gọi là bốn bộ châu lớn, các nước ăn thóc gạo, mặc tơ lụa, không biết còn có bao nhiêu thì sách cổ vẫn còn thiếu... Thế dù biết cột chân ngao đã dựng, móng chim hồng đã rõ ràng... Phàm thói quen do người làm thì tùy theo tình trạng văn hóa hay chất phác của từng thời đại mà thay đổi, đó là thường tất nhiên. Nhưng người thời đại bấy giờ ơ yên không biết làm gì, đi không biết đi đâu, dân đến già thì chết, không đi lại với nhau, và trời đất rộng mênh mông, núi sông thêm hiểm trở, mà hiểu biết của người có hạn, vì như trông ra biển, chân đứng ở bãi biển, dùng hết sức trông, trông thấy rộng rãi mênh mông biển tiếp trời mới lùi lại mà không đi rồi chỉ chỗ thấy được là chỗ tận cùng của trời đất, đó há phải là lời biết thực thấy đúng ư”.*

Cái chân ngao ở đây là ông muốn chỉ trời, cái móng chim hồng ở đây là ông muốn chỉ dấu vết của người đi trước để lại, là điểm lành trời đất. Đó là ánh mắt của

người cha hôm nào trước ngõ nhà anh. Đó là lời vĩnh biệt vọng từ trời cao của người phi công lái Míc 21 trong đêm cuối cùng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không.

Trước những vận động lớn của cuộc sống đất nước, trước những vận hội và thách thức mới, mùa xuân này chúng ta đang nhìn thấy đàn hồng hạc bay về đặt chân móng yêu dấu của nó trên những cánh đồng Việt Nam.

*

Cách đây không lâu trong một chuyến vào Nam công tác tôi đã gặp lại Hai Sang, anh được đề bạt làm Giám đốc Công ty Phát triển công nghiệp Tân Thuận. Và khu công nghiệp Tân Thuận vừa được quốc tế ghi nhận là một trong những đơn vị có chất lượng kinh doanh đứng đầu Đông Nam Á. Hai Dương được cử qua Mỹ làm luận văn Tiến sĩ Kinh tế tại Học viện Ken-nơ-đi.

Tôi tới thăm gia đình Hai Sang, cả nhà ngồi quây quần tiếp tôi quanh bàn ăn đặt dưới bóng cây muỗm cổ thụ, giữa một mảnh sân nhỏ ấm cúng. Hôm sau chúng tôi về thăm quê anh dưới miền Tây, một làng cổ nằm trên một trạch đất trù phú giữa sông Tiền, có cái tên rất đẹp Cù Lao Mây. Hai Tốt là anh họ Hai Sang

đón chúng tôi bằng một rổ ngô luộc nóng hôi hổi, rồi anh dùng ghe gắn máy đưa chúng tôi qua sông thấp hương mộ ông già Hai Sang. Chúng tôi lội vào một mảnh ruộng cỏ tranh phủ trùm lớp.

Lúc quay về mưa dũ, mặt sông trắng xóa, mờ mịt như lạc vào cõi nào lạ hoắc. Hai Tốt ngồi ở cuối ghe lấy tay vuốt nước mưa nhạt nhòa trên mặt, anh nói lớn, năm nay lại trúng mùa đó ghen.

GHI CHÉP Ở BAN MÊ

1

Nước nhà thống nhất khá lâu, có một cán bộ lão thành lúc sắp nghỉ hưu quyết định thực hiện một chuyến đi đổi gió. Không xuống Huế, không vào Sài Gòn, mà ông tạt lên Đắc Lắc. Ông đã từng có năm năm ngồi ở cảng Ban Mê. Trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh ông là một chiến sĩ xích vệ. Khi tiếng trống lịch sử bị chìm trong bể máu ông đã cùng bốn chục người trung kiên nhất bị địch bắt đi đày. Tên ông là Đắc, về sau này ông Đắc đã trở thành một cán bộ nòng cốt ngành Bảo tàng lưu trữ.

Những năm ngồi tù chắc hẳn phải có nhiều chuyện để mà nhớ, nhưng với ông Đắc, đáng nhớ nhất là kỷ niệm về những ngày đấu tranh tuyệt thực đòi nhà tù phải giảm bớt những quy chế hà khắc đối với tù nhân. Chủ trương đó vừa được đưa ra toàn thể anh em trong tù đều hưởng ứng, cuộc đấu tranh tuyệt thực bắt đầu bằng lễ chào cờ Đảng. Trong tù không tìm đâu ra vải đỏ may cờ, nên cờ đã được vẽ bằng gạch non lên bức tường vôi. Cuộc tuyệt thực kéo dài bốn tuần lễ, gây tiếng vang khắp ba kỳ, lan cả sang bên Pháp. Mấy tháng sau Mặt trận bình dân lên nắm quyền, một số tù nhân được tha về, số nữa đã tổ chức vượt ngục, ông Đắc nằm trong số đó. Đã có trên bốn thập kỷ rồi, ông Đắc vẫn chưa có dịp nào trở lại Ban Mê Thuật để gặp cảnh cũ người xưa.

Nhớ những ngày đó anh em đều sẵn sàng nhịn đói, đói chết cũng được, nhưng thật lạ, không ai chịu nổi sự hành hạ ghê gớm của những cơn khát. Trong các gian bắt đầu có xi xăm to nhỏ, lãnh đạo nhà tù hội ý liên tục, ông nào cũng nhăn nhó bóp đầu bóp trán, bế tắc hoàn bế tắc. Không khéo cuộc tuyệt thực chỉ có thể kéo dài được vài ba ngày.

Đúng lúc đó, ngồi trên phòng quản trại, ông quản Y Bí Alêô gọi thẳng cháu mình lên mà bảo nhỏ:

- Mà không biết, nhịn đói được mà không nhịn khát được đâu, người Kinh hay người Thượng, cộng

sản hay không cộng sản đều thế cả thôi, mất nước lâu là chết. Vậy nếu anh em đã muốn tuyệt thực thì phải tìm cách giúp họ.

- Mai cháu mang cho mỗi gian một thùng là được chứ gì.

- Ấy chớ, ông xua tay can thẳng cháu. Hàng ngày khi đi thu các ống tre đựng phân và nước tiểu mang ra sưởi, mảy nhó súc cho thật sạch rồi có ý để quên dưới đáy mỗi ống tre một chút nước, chút chút đủ nhấp môi thôi, để nhiều Tây nó sinh nghi thì hóng ráo cả.

Từ hôm sau thẳng cháu làm đúng lời chú dặn. Mỗi khi nhìn thấy nó ôm những ống đựng phân bước vào các gian, tù nhân anh nào cũng sáng mắt lên. Nó mới được ông chú xin cho vào làm chân chạy vặt trong nhà tù, vài năm sau đủ mười tám tuổi nó xung vào lính khố xanh coi tù. Đầu đội nón lá, chân cuốn xà cạp vải gai, tay bồng súng trường.

Sau Cách mạng tháng Tám, một lần gặp lại ông quản Y Bí Alêô ở Hội nghị của Liên khu V, ông Trần Hữu Dực trước đây nguyên là Bí thư chi bộ nhà tù Ban Mê đã bắt tay ông mà nói:

- Chúng tôi mang ơn đồng chí suốt đời.

- Ồ, đồng bào cả mà. *Giang sơn là giang sơn chung, tổ quốc là tổ quốc chung*, Bác Hồ vừa nói vậy trong thư gửi bà con các dân tộc miền núi Nam Trung bộ mà anh.

Lần này, một trong những mong ước của ông Đắc là được tìm đến thăm sức khỏe ông Y Bí Alêô. Khi ông Đắc bước vào phòng khách của nhà khách tỉnh ủy thì đã thấy Y Bí ngồi đợi ở đấy rồi, nom ông già lắm, da mỗi tóc bạc, hai con mắt lim dim, rõ ra một cụ sắp chín mươi.

- Kính chào bác Y Bí, tôi từ Hà Nội vào thăm bác đây.

- Là đồng chí nào thế?

- Đắc đây mà, tù Xô viết Nghệ Tĩnh đây mà.

- Quên hết rồi, làm ơn cho biết số tù.

Ông Đắc đọc to số tù của mình, ông Y Bí vội đưa tay ra:

- Vậy là Phan Sĩ Đắc quê Võ Liệt, Thanh Chương.

Hai ông già ôm lấy nhau mừng mừng tủi tủi. Trở lại Hà Nội được ít lâu thì ông Đắc hay tin Y Bí qua đời, báo *Nhân dân* đăng cáo phó rất trang trọng. Ông Y Bí Alêô nguyên là Thường vụ Quốc hội và là Phó chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, là một cán bộ cao cấp của Đảng.

Người cháu ông, Y Bốc Eban sau cách mạng đã trở thành một trung đội trưởng, một đại đội trưởng rồi một tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn giải phóng quân người Thượng. Sau chín năm kháng chiến, lúc ra Bắc tập kết, Y Bốc Eban làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn Tây Nguyên. Ông là cán bộ người Thượng đầu tiên được

phong quân hàm cấp tướng.

Vào đây lần này Phan Sĩ Đắc tất nhiên cũng phải tìm Y Bốc. Lúc đó Y Bốc đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hai người ngồi hàn huyên trong ngôi nhà khách nho nhỏ nhưng sang trọng đặt giữa một khu vườn lớn. Ông Y Bốc giải thích cho ông Đắc hiểu về cái tên của một người đàn ông Êđê. Như tên ông thì Eban là họ, còn Y nghĩa là thẳng, Bốc nghĩa là cục đất. Y Bốc Eban tức là thẳng cục đất nhà Eban. Với tên ông Y Bí Alêô thì phải hiểu đây là thẳng dải tai to nhà Alêô. Còn Ban Mê Thuột lại có nghĩa là Bàn của bố thẳng Thuột.

Nâng trên tay chén rượu ngô, trong tiếng gió chạy ào ào khắp vùng cây mênh mông, bằng một giọng ngất ngây say, ngất ngây vui, ông Thiếu tướng kiêm Chủ tịch tỉnh nói với người bạn thuở nào:

- Ngày ấy tôi cho các anh uống nước suối giầu trong ống tre, nay mời anh uống chén rượu của bà con trong bản nấu bằng men lá gửi ra. Sắp qua một kiếp người với nhau rồi anh Đắc à, Tây Nguyên được anh yêu quý là chuyện ai cũng thấy, nhưng tôi hỏi liệu anh đã hiểu Tây Nguyên bao nhiêu? Tôi chưa muốn cho anh trở ra vội, tôi còn muốn được dẫn anh tới thăm nơi này nơi kia, thăm người này người nọ, anh có đồng ý không?

Hôm ấy ông Đắc đã ôm bạn mà khóc. Hẹn với bạn sẽ trở lại, nhất định sẽ có một ngày trở lại. Nhưng hẹn là một chuyện mà có đi nổi một chuyến nữa không lại là một chuyện. Ông không còn khỏe mạnh rắn chắc được như Y Bloc, tuổi nhiều hơn bệnh tật cũng nhiều hơn. Ông tự thấy mắt đã mờ chân đã chậm, lại thêm bệnh hen xuất hiện càng làm cho tình hình rối bời.

Mấy hôm liền ông Đắc tìm đến khu nhà tù cũ, ngồi đấy cả buổi để ngẫm nghĩ vợ vẫn những chuyện chẳng ra đầu ra cuối gì. Tình cờ ông đã gặp một cậu được gọi là nhà thơ đang làm nhân viên trông nom di tích.

- Nghe tiếng thì biết cậu cũng là người quê choa.
- Bác huyện mô, cháu dân Thanh Chương đây.
- Vậy cậu vào đây khi mô?

- Vào được vài năm rồi. Ngoài kia cháu là giáo viên dạy Trung văn ở một trường trên Phú Thọ, nhưng Trung văn một dạo mất thế làm cháu cũng mất nghề luôn. Cháu liền bỗng bề vợ con làm một cuộc Nam tiến, trong này người thừa đất rộng lo gì đói. Cháu xin chuyển qua làm bên ngành văn hóa, phòng bảo tồn bảo tàng, coi giữ cái căn cứ này. Nhân viên nhà nước bây giờ ai cũng gieo neo, cháu chịu khó làm thêm, đi tới mấy nông trường, lâm

trường ở sâu ở xa viết báo cáo thuê, làm hội diễn, làm tập san thuê nhân những dịp kỷ niệm này nọ, công xá được trả bằng cả phê mang ra chợ bán lại cũng được giá, trong hợp đồng thanh toán gọi là khoản thù lao văn nghệ sĩ. Hôm nay vừa có đám bạn từ dưới thành phố lên, cháu nhắn họ lên để kịp tổ chức thành một đội xung kích vào đánh thuê cho lâm trường tận trong Yasúp. Chịu khó đi xa mới có việc, những nơi buồn vắng họ mới cần mình, những chỗ làm ăn thua lỗ thất thoát lớn thì người ta mới mong báo chí, văn nghệ đến làm rùm beng lên giúp họ. Muốn thi đua thì phải biết cố động, không biết đến sức mạnh tuyên truyền thì tiến hành cách mạng sao nổi. Chiều nay cháu mỗ con gà trong chuồng, lệnh cho vợ chạy ra ngoài quán mua bi đông rượu, mời bác ở lại ngồi với anh em chúng cháu cho đẹp đội hình.

- Mình xin được góp rượu. Mình rất thích ngồi với cánh văn nghệ, có điều phải nói thật cả đời mình chưa một lần cầm bút làm thơ.

- Không sao cả, rồi bác sẽ làm thơ. Người quê choa một đời không để lại lấy vài bài thơ cho con cháu là có lỗi với ông bà, là quay lưng lại với truyền thống. Đến như Tào Tháo cũng còn làm thơ thì bác sao có thể thờ ơ được.

- Để mình về lần này sẽ tính thêm, dù sao cũng cảm ơn về lời khuyên của cậu.

Họ trải chiếu bày tiệc trên thềm gạch, ngay cửa phòng giam thuê nào ông Đắc đã từng phải sống hết năm này qua năm khác. Ông khoan khoái ngồi vào một góc chiếu, duỗi thẳng hai chân ra trước, tựa lưng vào tường. Vẫn một dáng ngồi quen thuộc, chỉ khác, xưa ngồi trong gian nhà tối om hai cổ chân đút vào gông sắt, mà nay thì quây quần đầm ấm dưới một mái hiên mát mẻ.

Rượu chỉ vừa chọt đưa qua môi chưa uống được bao nhiêu mà thơ như đã muốn tuôn ra ào ạt. Mở đầu là một nhà thơ có phong độ đàn anh: *Còn việc cậu hay hàn, việc văn chương bắt từ, món này xoi chắc khoái khẩu nhất đời, nhưng khôn nổi cổ ngon thường dọn muợn, thượng đế thường rất thích mời rôi.*

Tiếp đến là nhà thơ quê choa lên tiếng: *Còn chuồn chuồn ớt đậu trên cành ớt, cháy hết mình cũng không thể nào cay. Kia ông lão lục tuần đi trong sương giá, sương giá không biết ông lão lục tuần.*

Sau cùng là tiếng than thở nghe thật não ruột của một ông nhạc sĩ nổi tiếng vừa ôm đàn vừa hát: *Độc huyền cảm buồn lắm mấy ai người tri âm. độc huyền cảm lẻ loi bay ngang cánh chim hồng, bắt phong kỳ tà tại Linh Nam cảm là loi, khách anh hùng còn ai tri âm độc huyền cảm, gió*

*mây ngàn bé đông cũng thu về một bóng, tráng sĩ ngồi lặng
câm tri âm độc huyền cầm.*

Thế là thế nào nhỉ, ông Đắc vừa tự hỏi mình vừa lặng nhìn về cuối thềm. Mạnh sơn từ ngày trước là chỗ các ông vài ba ngày được phép lê ra đó một lần, ngồi tùm tùm thành một đám rách rưới, bắt chấy bắt rận và phoi nắng. Nay thì nó biến thành mấy vạt sắn xanh um tùm.

Thôi thì mặc kệ đời, nước trôi thuyền trôi, ta đâu phải người có thể đội đá vá trời. Hãy cứ cố mà sống thêm lấy dăm mười năm thử xem đời sẽ đi về đâu.

Con người ta rất có thể sinh một nơi, chết một nơi và suốt đời lại mang lòng thương nhớ một nơi khác. Như ông Đắc chẳng hạn, không thể nói là ông ít yêu quê hương mình, không thể nói là ông không quý Hà Nội, nhưng quả thật đối với ông Tây Nguyên mới là nơi để ông phải thương nhớ một đời. Vì sao thì chỉ một mình ông biết. Năm ông bị giải lên đây cùng một đoàn người, tất cả đều còn trẻ cả, sợi dây mây mảnh mai mà chắc dễ sợ, được thắt lẩn vào bắp tay họ, những cái nút mây buộc thật khéo, mỗi hồi của đám người bị lưu đày nhuộm nó thành đen nhánh. Các anh ngẩng lên tìm vòm trời xanh qua các tán cây cao, có con chim lạ hoắc nhẩn nha bám theo đoàn người suốt dọc đường, lúc ở phía

sau, lúc ở phía trước, tiếng nó kêu ai oán ròn ròn như muốn thông báo một điểm chẳng lành. Trước đó, ông chưa một lần đặt chân lên chốn này, làm sao biết vùng đất xa xôi này là đâu, ông chỉ biết qua bài học địa dư của thầy giáo trường làng dạy cho trẻ con lớp ba, là đất Hoàng triều cương thổ, là vườn sau của nhà vua. Đó là cao nguyên trung phần, là Tây Nguyên. Năm sáu năm ngồi tù chỉ có khi đến và khi về là ông được qua phố, một thị xã nghèo và buồn vắng, những ngã ba ngã tư, những cửa hàng cửa hiệu, những ngôi nhà lá nép bên nhà gỗ tất cả đều nhuộm màu ảm đạm. Làm thân một thằng khổ sai thì nhìn vào đâu chẳng thấy ngán ngấm. Nếu chỉ đơn giản thế thôi thì miền đất này với anh vẫn có thể xa lạ mãi mãi, chả có gì đủ để ông Đắc phải vương vấn một đời. Hay thời trẻ ông đã để lại ở đây một mối tình, một cuộc hẹn hò thắm kín và một cuộc chia ly ngậm ngùi chẳng, cũng chả phải. Ông vốn là một con người đơn giản, ngay ngắn từ bé. Đời ông không hề có những chuyện lằng nhằng như thế bao giờ. Ông không nợ nần gì nơi này cả mà chính nó đã nợ ông, mảnh đất thiêng liêng này đang nợ ông một món nợ lớn, ông có quyền nói như thế mà không cần phải úp mở gì.

Một người con trai của ông đã hy sinh tại đây,

anh đã vĩnh viễn nằm lại trong một cánh rừng gần mé sông Sêrêpốc, ở một nơi nào cụ thể thì cho đến giờ vẫn chưa rõ, chưa thể chỉ ra, sau rất nhiều hỏi han tìm kiếm ông cũng mới biết được có vậy. Là một cán bộ bảo tàng lưu trữ có hạng, ông hiểu rằng những tài liệu mà ông thu thập được, những gì ông đang có trong tay là quá ít ỏi đối với công việc đi tìm phần mộ một đứa con.

Dòng Sêrêpốc chảy qua hướng Tây để tìm gặp sông lớn Mê Kông, nó là hợp lưu của hai nhánh Krông Nô và Krông Ana. Nô là chàng trai, Ana là cô gái. Cánh đồng Krông Pông bát ngát chính là lưu vực của hai dòng sông đó, người ta ví nó là mâm xôi của *Giàng* ban cho dân chúng vùng này. Cùng với cánh đồng lớn Krông Pông còn có mấy cánh đồng khác nữa, chúng nằm thanh thản bình yên sau những miền đồi núi hùng vĩ, cánh đồng nào lúa cũng thơm gạo cũng ngon. Đi về hướng Bàn Đôn sẽ gặp cánh đồng Yasúp, đi theo hướng Krông Na sẽ gặp cánh đồng Ecao, qua cánh đồng Ecao sẽ là hồ Lắc nằm trên đồng Lắc rất nhiều tôm cá. Người dân Tây Nguyên từ ngàn đời nay quen sống rải rác trong các buôn làng, làm lụng trồng lúa dệt vải trên các cánh đồng, vào rừng hái măng tìm mật, không ưa cách sống thị thành. Thằng con trai ông cũng

không thèm khát cách sống ồn ào chạy ngược chạy xuôi của thành phố, nó đã tìm đến nơi này từ những năm hai mươi tuổi, sau khi đã cầm trong tay mảnh bằng kỹ sư giao thông. Nó vào đây là để làm đường, là để mở những tuyến đường cho quân đi, nó là người lính công binh. Và ông biết chắc nó còn là người yêu thơ ca nữa, nó đã làm thơ, đã có thơ để lại trong những cuốn sổ tay. Hai cha con nếu có chỗ khác nhau thì chính là khác nhau ở chỗ đó. Nếu có ai hỏi ông liệu nó hơn ông ở điểm nào thì ông sẽ nói nó đã hơn ông ở điểm đó, nó lãng mạn hơn ông, bay lượn xa xăm hơn ông, tầm vóc tinh thần nó rộng lớn hơn ông.

Lúc ông Đắc đứng dậy chia tay với nhóm văn nghệ sĩ để tìm về nhà khách tỉnh ủy thì trời cũng đã sập tối được lúc lâu. Đường phố mát mẻ hẳn, ánh điện tỏa sau những chùm cây cao làm màn đêm thành lung linh mờ tỏ. Trong khu vườn Biệt điện đám trẻ đang tập tành gì mà kèn loa đèn đóm rầm rộ như sắp lại có đồng diễn nay mai. Ông đứng lại lấy hơi thở từ từ để cố lựa một con hen rất có thể đang sắp lên đến. Ông dặn mình cố gắng để đừng ốm trong những ngày này. Cất công vào được đây là cả một kỳ tích, mà vào là để đi chứ đâu phải để nằm, cho nên không được phép ốm vội.

Chiều nay ông đã gọi điện hẹn ngày mai sẽ qua thăm anh Phan Mưu Bính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ông cũng đã hẹn với cả anh Trần Nhị, Giám đốc Công ty cầu đường của Bộ đặt trong này. Đây là phần mang nội dung quan trọng trong chuyên đi của ông.

Khi tuổi còn trẻ chả nói làm gì, nhưng khi đã về già có định làm gì cũng phải kín đáo, trù tính trước sau. Một khi hơi thở đã nhẹ như rùa thở, không còn gấp gáp mạnh mẽ được nữa thì đứng trước mọi việc định làm nhớ là phải hết sức thông thả, hết sức gượng nhẹ.

Tôi có dịp nằm chung một phòng với bác Đắc trong nhà khách Tinh uy suốt ba bốn ngày. Ngày nào cũng gọi nhau dậy pha trà để trò chuyện. Cán bộ lưu trữ có khác, trên trời dưới biển chẳng có chuyện gì là bác không biết, mà lại tường tận mới hay chứ, chuyện ở đâu, tự bao giờ, như thế nào, tại làm sao. Tường nếu có bác quanh năm ở bên cạnh, mình chỉ việc cầm bút mà ghi thì nước nhà có năm trăm tờ báo chứ năm ngàn tờ cũng xong tất, không lo gì thiếu bài.

Vậy mà đến việc thẳng con giờ đang nằm chỗ nào

trong vùng này thì bác đành chịu, càng muốn tìm xem ra càng mờ mịt. Tây Nguyên vẫn đang tiếp tục là một kho lưu trữ đầy bí mật và có thể có những tồn tại không dễ kết luận.

Hôm ấy chúng nó được cử đi lấy gạo, trên đường về gặp địch phục kích, cả tiểu đội tàn ra, đánh nhau một hồi thì trời ập tối. Mấy cậu sống công mấy cậu bị thương, có hai đứa hy sinh đành giấu tạm trong một bụi khộp. Những cây khộp thân thẳng, cành xò ngang, tán lá rụng vào cuối thu, đầu xuân trở lộc, khi rụng lá cũng như khi ra lá đều đột ngột. Đêm đông đội đèn mang súng ra rừng săn nai, mắt nhìn vào mắt nai mà bàn chân vẫn phải khôn ngoan khẽ gạt những tàu lá khô sang một bên. Lá khộp rộng bản, lại rất tròn, tròn như chiếc bánh đa làng Kế, vô ý đập lên là con nai lập tức giật mình nháy bóng. Khộp thuộc họ cây có dầu, rừng khộp thoáng sạch như rừng Âu châu. Sức sống rất mạnh mẽ, nhiều cánh rừng bị đốt phá, bị khai thác trần trụi chỉ vài năm quay lại đã thấy các gốc đều trở mầm xanh um, vài năm nữa lại đã gặp một cánh rừng tái sinh đẹp nao lòng. Phải hai hôm sau nghe ngóng tình hình thấy tạm yên, đơn vị mới cho anh em trở lại nơi ấy để mang xác hai đứa về. Nhưng thật lạ lùng, bụi khộp vẫn giữ nguyên vẹn dấu vết phủ đầy thế mà mất một

cái xác, còn một cái xác. Mất đúng thẳng con ông. Hay là nó đã tỉnh lại rồi bỏ đi đâu, hay bọn địch kéo nó đi đâu, hay là rừng khộp có hô có trấn. Hàng chục câu hỏi lo lung cả mấy chục năm nay vẫn không thể có lời giải. Anh em trở về nói chết là chết đứt khoát rồi, hy vọng sống là bằng không, vấn đề còn lại bây giờ là tìm cho ra một cái mộ. Hồi ấy giấy báo tử gửi về quân đội chỉ ghi chung chung nơi hy sinh của liệt sỹ là mặt trận phía Nam, chỉ có ngày hy sinh là ghi chính xác. Mãi sau hòa bình có mấy cậu cùng tiểu đội mò về thăm nhà mới kể mọi chuyện ngọn ngành.

Bác lại tìm thêm được một anh sĩ quan, vốn cũng là một kỹ sư ngành giao thông, chỉ khác thẳng con bác là lớn tuổi hơn, cho nên đã ra trường sớm hơn và vào trong này cũng lâu hơn. Giờ anh ta chuyển ra làm Giám đốc Công ty cầu đường 507 thuộc Tổng 5. Anh tên là Trần Nhị, cũng gốc quê choa, đi khắp trấn gian này gặp được đồng hương quê choa là yên trí lớn, đói có ăn khát có uống, gian nan đùm bọc lẫn nhau, sống chết có nhau, đó là cái nghĩa, cái cách sống mà già trẻ người nào cũng có sẵn, không thể nhất định không phai người xứ Nghệ. Cho nên bác Đắc túm ngay lấy Trần Nhị mà hẹn: Chú làm ơn dẫn dò anh em trong lúc mơ đường về hướng ấy nếu gặp bộ hài cốt nào thì báo về cho anh biết.

Khi đơn vị nhận lệnh khởi công làm tuyến đường ban Đôn đi vùng hồ Yasúp, Trần Nhị lập tức gọi về báo cho người bạn già biết ngay, rồi tháng nào cũng dành một khoảng khuya cầm máy chuyện trò an ủi ông già, duy chỉ chuyện mồi mả là tịnh không đa động đến. Suốt hai năm trời, dọc con đường mở dài gần trăm cây số chẳng gặp một bộ hài cốt nào, thật thương ông già và thương cả thằng nhỏ, khắp mặt trận này trong ngần ấy năm có thiếu gì cách ra đi, nhưng cách ra đi của thằng này đúng là lạ lùng. Chính bản thân Nhị có lúc cũng phân vân hay là nó đang còn sống đâu đó cũng nên, nhưng đó là chuyện muôn một anh không dám nói gì với ông Đắc, huống hồ đồng đội đã cam đoan là nó hy sinh rồi, một viên đạn đã đập vào trán, thằng bé ngã ngay trên tay chúng nó.

Tôi kể chuyện này với bác Đắc: Ngày miền Nam vừa giải phóng có ông chỉ huy ở Tân Sơn Nhất bao tôi, nếu cậu muốn đi rộng để biết toàn cảnh miền Nam thì xuống Cần Thơ ngay, xuống đó tìm anh Tường Phi Đằng đang phụ trách căn cứ không quân Bình Thủy, anh ấy có điều kiện giúp cậu đấy. Tôi đi xe đò tìm xuống đó gặp anh Đằng, thế là chỉ mất mười ngày mà tôi đã đi khắp các vùng đảo. Có gì đâu, lúc đó ngoài Côn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu, rồi Hòn Tre, quần đảo Hai Tắc đâu đâu cũng ngồn ngàng những trục thẳng và

tàu thuyền do đám nguy bỏ chạy để lại. Tàu bè thì Hải quân ta có nhiệm vụ mang về, Không quân có nhiệm vụ đưa người ra sửa chữa tạm rồi mang những chiếc HU.1A còn dùng được về cất ở căn cứ Cần Thơ. Sớm sớm tôi leo lên một chiếc nào đó tùy ý mình, ngồi đứng lơ nhõ quanh tôi là đám phi công, đám thợ máy lẫn lộn ta có nguy có. Ủy ban quân quản ngay từ đầu đã ra lệnh cho cánh nguy cũ tất cả phải đến nhiệm sở làm việc bình thường. Anh em chấp hành rất tốt, làm việc rất nghiêm ngặt.

Một hôm anh Đăng bảo tôi, có một chiếc sắp bay lên Tây Nguyên, sáng đi chiều về, ông có thích thì đi luôn. Tôi thích, vì đã bao giờ được đặt chân tới nơi ấy, ai biết Tây Nguyên là đâu. Anh Đăng lập tức đẩy tôi lên chiếc xe Zip phóng thẳng ra đường băng, ngoài ấy đang có một chiếc HU.1A sắp cất cánh. Anh Đăng dặn chung tất cả, có anh Đỗ Chu cùng đi, dọc đường các cậu phải chu đáo đấy nhé. Ai nấy liền dạ, vâng. Sài Gòn thì dạ, mà Hà Nội thì vâng, cứ xem ý tứ vậy mà hiểu ngầm ai là nguy ai là ta. Lúc đã yên vị trên không trung có anh phi công ngồi ở ghế trên vừa cầm lái vừa nói chuyện với tôi: Thủ trưởng vừa ngoài Hà Nội vô? Thủ trưởng gì mình, mình cũng chỉ là lính như mấy ông thôi, đi bộ đội mười năm, không có lương, tháng tháng vẫn chỉ nhận phụ cấp chiến sĩ như nhiều người

khác, kê thì có hàng triệu người cũng như mình, nói rộng ra là cả đất nước cũng nào ai có lương. Em nom thú trưởng Đằng tướng mạo oai vệ thế, liệu o ngoài ấy đã là tướng chưa ạ? Anh Đằng lúc chi huy thì thế chứ khi về nhà là ngồi giúp vợ nhặt rau muống, bô củi, còi trần ra mà làm cật lực, anh ấy là cán bộ cấp trung đoàn trưởng, tướng tiếc gì đâu. Minh đọc sách thấy chuyện ngày nhậm chức Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ, ông Washington đọc bài diễn văn ven ven có một trăm ba một chữ, trong đó ông muốn thanh minh một điều, suốt cuộc chiến tranh giải phóng, làm tới Đại tướng Tổng tư lệnh, nhưng ông ấy chưa hề bao giờ nhận quyền lợi tài chính của nước nhà, ông mang tiền của gia đình mình đi chiến đấu, người cần vụ da đen cũng mang từ nhà đi.

Mấy chục năm qua, toàn quân toàn dân đi giải phóng đất nước nhìn chung đều không nhận lương, mấy anh sĩ quan gọi là có lĩnh lương hàng tháng đấy, nhưng mình có thể làm chứng cho họ là đồng lương ấy chi nuôi nổi một đứa con thôi, nếu đẻ đứa thứ hai là người vợ phải hiểu ngay đây là phần việc của mình. Suốt nửa thế kỷ vừa qua, mấy bà phụ nữ nhiều khi còn khổ hơn cả đàn ông, họ phải lo toan nhiều bề, nhiều bề. Tôi nghĩ ở phía bên này cũng vậy thôi, ngoài mấy ông sĩ quan khá giả hơn, còn số đông đều rất khổn khổ chứ hay ho gì.

Một lúc sau thì bay vào vùng trời Tây Nguyên. Tôi nhìn xuống thấy những vạt đất mênh mông, rừng mênh mông, cò mênh mông, vài mươi chú bò sữa nhón nhơ trong nắng vàng thật thanh bình. Tôi lại nói, mấy tuần lễ trước các ông mà thấy bọn tôi lấp ló dưới kia chắc chắn là phải lao xuống xia cho vài băng rồi. Người phi công ngụy cười. Rồi sau một lúc trầm ngâm nghĩ ngợi, anh vụt nhớ lại: Có một lần bọn em được lệnh bay lên đây nhật thương binh sau một trận đánh rất kịch liệt. Lúc thương binh đã chết đầy, toàn cất cánh bổng thẳng Mỹ chỉ huy vẫy tay ra hiệu để nó ném thêm một anh Việt cộng lên theo. Anh ta còn trẻ lắm, bụng lòi cả ruột, chả bằng bó gì. Tên Mỹ nói, đem nó về, suốt ngày hôm nay tao để ý thấy thẳng ranh này đánh góm lắm, đúng là nó đấy, tao mấy lần muốn diệt mà không xong. Dọc đường, anh ấy ngủ thiếp đi, rồi khi bừng tỉnh anh ấy lấy hết sức nhồm dậy, nhìn xuống vùng rừng dưới kia, thỉnh linh, anh ấy nhòai người lao đầu ra khỏi cửa. Lúc chúng em hiểu ra thì đã thấy bóng anh ấy mất hút trong khoảng không, dưới ấy chỉ là một thảm rừng xanh thẫm trùng điệp đang vùn vụt lướt nhanh. Tất cả đưa mắt nhìn nhau cùng im lặng. Về nhà em mang chuyện này ra kể, vợ em đã thấp hương lắm rồi khẩn vãi anh ấy không thiêng tha thứ phù hộ cho bọn em.

Bác Đắc nghe tôi kể xong thì đứng dậy đi đi lại lại, bác lăm băm không có lẽ, cũng có lẽ... Rồi bác chép miệng, chết như thế thì biết tìm làm sao được bây giờ.

Chuyến đi vội vàng của tôi lên Tây Nguyên là đi xuống sân bay Ban Mê Thuột. Sân bay này hồi ấy hết sức chật chội, nhìn vào góc nào cũng chỉ thấy rất bao cát và ghi sắt. Trong Tân Sơn Nhất cũng vậy mà ngoài Phù Cát, Đà Nẵng, Phú Bài cũng chẳng khác gì. Người Mỹ đến đâu cũng bỏ lại những sắt thép là sắt thép. Lần ấy tôi kịp tới sư 968, trung đoàn 19 đi tìm thằng em đang làm lính ở đó. Sư bộ đóng trong Biệt điện, còn trung đoàn bộ đóng ở bàn Niêng, cách thị xã chừng mười lăm cây số. Chú Minh còn là cũng là dân Bắc Ninh đang đá bóng ở ngoài sân Biệt điện cho tôi biết Phong Trầm đang ở trong ban Niêng. Tôi vào ban Niêng, leo lên một cái nhà Rông, ôm lấy Phong Trầm. Thế là thằng này còn sống, thằng Phong con bà giáo Trầm còn sống. Tôi chỉ kịp tặng lại cho nó một chiếc chăn len, nói dăm ba câu rồi phải ra xe cho kịp chuyến bay về Sài Gòn.

Lần nào lên Đắc Lắc cũng vội vàng, có chuyến đi này xem chừng thông thả hơn cả, tôi bàn với bác Đắc mai ta đề nghị các anh ấy cho mình đến một thằng canh nào đó. Bác Đắc đã có anh Trần Nhị, lo gì thiếu xe. Đã có anh Trần Nhị tức là có thêm anh Phan Mưu Bính, họ là bạn thân của nhau. Anh Bính cũng như anh Nhị, có

mặt ở Tây Nguyên từ những ngày bom đạn. Bính là người gốc Nam Định, học thủy lợi, ra trường lên công tác ở Ủy ban Kế hoạch tỉnh Phú Thọ. Sau vài ba năm theo yêu cầu của chiến trường anh được bổ sung vào Tây Nguyên, làm cán bộ trong Ban kinh tế khu uỷ, suốt năm này qua năm khác chi đi rầy tra bắp, trồng sắn, trồng rau, xuống vùng ven tài muôi tài gạo, ngũ cũng phải ôm súng ngang bụng, nhưng trong đầu lại nghĩ đến việc nếu đánh lâu dài thì có thể phải tính chuyện lập nông trường.

Có tới gần hai chục năm kể từ sau giải phóng, hết hô nhau lao vào chặt rừng trồng sắn, chặt cả phê trồng sắn, thấy vẫn không thành gì lại hô nhau nhổ sắn trồng cả phê, trồng rừng. Nay mai sẽ đẩy nhanh việc trồng bông, trồng chè, trồng ngô với giống mới mang từ Mỹ về. Làm đường, đào mương, đào hồ, cơ chế sản xuất chuyên đôi lu bù tit, người moi, đất moi. Khi mới giải phóng tỉnh này có hai mươi vạn dân, người dân tộc lúc đó có mười tám vạn, đến nay dân số trong tỉnh lên tới hai triệu, người dân tộc vẫn chỉ là mười tám vạn như cũ. Sức ép dân số đang đặt ra không biết bao nhiêu vấn đề bức xúc trong xã hội, trong mối quan hệ giữa các dân tộc anh em, đây chính là một vấn đề lớn đặt ra cho mọi ngành, cho cả nước, nhưng trong đó ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn chắc chắn phải đóng

vai trò gánh vác chủ yếu. Cầm mặt mà làm, mãi miết mà đi, lúc ngẩng lên nhìn thấy nhau đều đã già thật rồi, sắp nghỉ hưu với nhau cả rồi. Một hướng ra đúng cho Tây Nguyên đang là một đòi hỏi đặc biệt quan trọng, nó không thể là cách đâu đâu dịt đấy, rò đâu vá đấy kiểu lang băm được.

Vợ Trần Nhị là chị Đạm vẫn đang sống dưới Đà Nẵng, mới hôm nào là một cô thanh niên xung phong năng nổ sinh động, nay luống tuổi chỉ thích đi chùa cầu phúc cho chồng con. Chị Đạm có cái chân bị thương phải tìm ra Viện 103 ngoài Hà Đông đập đập bó bó tới năm sáu lần mới tạm ổn. Nguyên một cái bàn chân con người ta cấu tạo cũng đã không đơn giản. Cũng giống hết bàn tay, bàn chân cũng có năm xương ngón, tính từ trong ra thì chỉ có ngón số một, tức ngón cái là gồm hai xương, còn từ ngón hai tới ngón năm, ngón nào cũng gồm ba xương. Ngoài các xương ngón lại có xương hộp, xương sên, xương ghe, xương gót, xương chày, xương mác, xương chêm một, chêm hai. Rồi bên trên gót lại có xương trụ trước, trụ sau, bao quanh các xương là các cơ, các cơ níu được vào các khớp bằng các gân... Nói tóm lại để đứng lên được, con người đã được tạo hóa chuẩn bị hết sức tài tình.

Anh Nhị mỗi lần đưa vợ ra ngoài đó sắp xếp lại xương chân là một lần được bổ túc những hiểu biết vô

giá về cái bàn chân và những lý thuyết về tư thế đứng của con người. Anh ngạc nhiên kêu ồ lên khi các bác sĩ gọi đầu dưới xương chày là mắt cá, hóa ra bàn chân con người cũng có hai mắt, mắt cá trong và mắt cá ngoài, nếu đập vỡ mắt cá, để đứt gân Asin nối xương gót với cơ tam đầu trên cẳng thì coi như hết đi.

Vợ đã vậy, đến thằng con thì mới thật vui. Nó tên là Trần Minh, nhưng nếu công bằng thì thằng con phải có một cái tên khác mới đúng. Nó to phềnh như một chàng lực sĩ, đủ sức đi dự những cuộc thi người đàn ông khỏe nhất hành tinh nhưng đường học hành nghe chừng ái ngại. Hai năm gửi nó vào học đại học dưới Sài Gòn, mỗi bận về thành phố bắt con mở sách ra để hỏi han, thấy thằng con trời ấp úng chẳng đâu vào đâu là hiểu ngay cơm toi rồi. Anh Nhị vốn là người khó buồn, anh hiểu ngay thằng này phai mang đấy ra ngoài nắng, phai mang quăng ra ngoài đường thì may ra mới nên người. Nó được xách ngay lên công trường, suốt ngày cưỡi xe lu. Dám nhìn sự thật trong vé trần trụi của nó cũng là một bản lĩnh, thằng bé chịu khó, ưa những công việc mà người khác né tránh, vậy là được. Nhưng xưa nay dạy người vẫn là công việc dày công nhất, nếu tương thế đã là xong thì chẳng hóa ra dễ dàng quá. Một hôm đang ngồi trong phòng tiếp khách, Nhị thấy thằng con mình lừ đừ đi vào, nói ồm

ôm bằng giọng cô, đồ mất rồi. Cái gì đó? Cái xe lu chủ còn cái gì. Trời đất ơi, đồ xe nào thì còn hiểu được đẳng này nó lại đánh đồ được ca xe lu, thật đúng là một chuyện lạ có thật. Mà hỏi ra mới rõ chiếc xe lu đó bị nó lật ngựa nằm lù lù một đồng giữa đường, ở một chỗ bằng phẳng rộng rãi lại vắng vẻ. Mà nó lại vẫn nhay ra kịp, cũng phải thừa nhận thắng này thế mà tài. Một lũ con gái dưới xí nghiệp vận tải gặp anh đã cười khúc khích, chúng dấm vào vai nhau đun đây, rồi một đứa đánh bạo nói, bố ơi, bố cho chúng con về làm dâu bố đi. Chúng mày lấy làm gì cái thắng ngổ ấy, tao đang khốn khổ vì nó đây. Không hấn thế đâu bố ơi, anh Minh là đại bác đánh đôi A1 đây bố ạ, chúng con chỉ mong được thế thôi. Rồi chúng nó vừa cười vừa bo chạy. Nghe chẳng hiểu ra làm sao nữa, sống là để làm người mà làm người đúng là không ai sống hộ ai được, và cũng không ai dám nói trước, các cụ đã dặn có thân thì lo lấy thân, mỗi người đang có một chương trình. Thì chính mình cũng thế, đời dạy nhiều chủ sách vở dạy được bao nhiêu. Hai mươi tư tuổi rồi ghé trường đại học là đi một mạch vào đây, nhay vào giữa túi bom mà sống rồi lại từ đó mà bước ra, mà đứng lên bằng đôi chân của mình. Đi suốt, không nhớ năm nhỏ tháng nhưng những con đường trong những cánh rừng này thì không thể nào quên, những khuôn mặt

đồng bào đồng chí cũng không thể nào quên. Họ đã dạy cho mình biết thông thả buồn vui, biết xấu hổ khi nhìn ra thiên hạ thấy người ta đang hồi hà sống, cảm cấp sống. Chỉ có hai bàn chân của mình là vẫn đang bình than từng bước dặt lên mảnh đất này, một mảnh đất không dễ dàng gì xa được nó nữa.

Lại như anh Phan Mưu Bính, thì cũng như Trần Nhị bạn mình, anh vào trong này từ những năm nhiều gian nan nhất, sau này cũng đã có lúc được đi đây đi đó, Âu Mỹ đã từng, nhớ lại những dân một mình đi giữa rừng sâu, một mình cầm dao moi đá đào huyết chôn bạn trong núi, mới thấy còn sống đến hôm nay đã là may mắn, nào ngờ còn có dịp đến chỗ này chỗ kia. Rồi đến tuổi cũng phải có vợ có con, người ta ở đời thiếu cái tô ấm nhỏ nhỏ ấy thì có là ông giời cũng không ra thế nào. Cho nên khi gặp được Ty, một cô sinh viên kinh tế vừa mới ra trường là anh Bính hiểu ngay đây chính là người mà mình đã chờ đợi. Họ thành vợ chồng. Chị Ty là một cô gái đẹp người đẹp nết, làm ăn giỏi, một tay gây dựng cơ đồ. Nhưng vợ chồng nhà ấy có tiền thì dễ, mà có con lại khó. Ông trời đã thử thách họ đến thế mà vẫn chưa đủ hay sao. Nhân hậu nhũn nhặn đã mấy ai bằng, vậy mà họ đã phai mấy phen đem nhau xuống bệnh viện Từ Dũ nhờ cậy bà đốc Nga, bà đốc Phượng, mới sinh nổi vài mọt con, mà xem

chúng việc nuôi nấng chúng cũng sẽ còn vất vả. Thời thì trời cho sao xin nhận vậy.

Mỗi lần đi đâu về là vợ chồng xúm vào ôm lấy những đứa con, vợ chuyển tay chồng, chồng chuyển tay vợ, sung sướng muốn khóc. Đạo này anh giám đốc thỉnh thoảng lại có cái thú cho thằng con leo lên xe tới cơ quan chào các cô các chú, bày cho nó một cái bàn học trò bên cạnh bàn mình, thằng con ngồi đấy mà vẽ nguyệt ch nguyệt con nai con hươu, còn mình thì ký các văn bản, các dự án đắp đập xây kè, đào hồ đào sông, trồng rừng trồng bông, trồng lúa. Chợt nghe có tiếng chuông điện thoại là thằng bé kêu văng lên bố ơi, điện thoại, có ai nói chuyện. Chính nó cũng đang nói chuyện, bản thân sự có mặt của nó trên cõi đời này cũng đã là một câu chuyện, chớ than phận khó ai ơi, còn da lông mọc, còn chồi nở hoa. Một lần Bính đã trở lại thăm vùng căn cứ cũ, anh đã gặp lại nhiều bà con trong buôn ấy, đã ngủ một đêm ở cái nhà Rông mà có đạo anh từng nằm đó vất vả sống dở chết dở với những cơn sốt rét. Và hôm ấy Bính đã tự nói với mình, thế là ta đã trọn một đời gắn bó với nơi này, mỗi ngày ta sống với nó là một ngày nhiều nếm trái, có khi phải cố mà sống, phải bỏ qua nhiều chuyện để mà sống, đến lúc vừa hiểu được nó thì tóc trên đầu điểm bạc. Như là số phận vậy, hạnh

phúc mà ta tìm thấy ở nơi này có lẽ không gì khác hơn là ta đã biết yêu thương nó.

Tháng Bảy chớm thu nắng gió tràn ngập miền cao nguyên. Vùng hồ Lắc dấu tích muôn đời của núi lửa giờ đang nằm yên ả như một mảnh gương soi bóng những tầng mây trắng, in bóng đàn nhạn núi đang bay về.

Chiếc xe con đưa chúng tôi đi vào thác Drai sák, có nghĩa là thác khói. Ngồi ở ghế trên, ngang với chỗ người lái xe là bố con anh Bính, là anh Bính và cháu Hòa Long, còn ở ghế sau, bác Đắc ngồi giữa tôi và anh Nhị.

Nghe nói bên trên dãy núi xa kia có một khu rừng bằng phẳng, từ những thảm rêu dày dăm lên hàng ngàn những cây trăm tuổi nhưng cây nào cũng chỉ ngập ngang vai người, lính ta quen gọi nơi ấy là rừng lùn. Bá hương, thông ngàn, cẩm lai, táu mật,... đủ cả. Trên đó gió táp dữ dội và rất lạnh.

Thác khói Drai sák kia rồi, nó hiện ra đột ngột giữa một vùng trời đất mênh mang như sương như gió lại như mưa. Dòng nước từ trong núi ào ào đổ xuống chia thành nhiều nhánh tràn ra phủ kín vách đá. Chân thác là một cánh đồng đá lô xô, nước sôi sục, nước len lỏi toả thành trăm ngả như trăm con rồng vật mình uốn lượn và tung bọt trắng xóa. Một bản giao hưởng lớn

vang động. Lắng nghe thật lâu ta còn có thể nhận thấy hòa lẫn trong tiếng nước vẫn đang có tiếng sợi dây xích vàng đeo dưới chân con voi trắng thần thoại rê quét trên đá leng keng. Những bước đi của nó thậm thình giũ nhịp, làm bè trầm cho khúc tự sự của đất đai.

Người ta kê trong màn nước mờ mờ sương khói kia vẫn đang lưu giữ hình bóng voi trắng. Từ trong đó, trong thăm sâu tinh thần Việt vẫn đang có nó, vẹn nguyên và vĩnh hằng.

Người ta kể sau màn sương khói kia vẫn đang lưu giữ bóng dáng những người con trai, con gái đẹp như sông núi, nụ cười của các anh các chị trẻ mãi tuổi hai mươi.

ÔNG GIÀ NGỒI DỊCH ĐĂM SĂN

Tây Nguyên không phải là vùng đất mới, rất cổ sơ và nguyên sinh, từ trong lịch sử của nó đã mang sẵn tố chất bi hùng và mãnh liệt. Ở phần cuối khan Đăm Săn có một lời kể vừa mộc mạc, lại vừa hào sảng: *Chàng đóng một cái khố Giarai gấp bó mũi, mặc một cái áo tết đầy nút đồng, thân hình chàng trông thật vạm vỡ. Mắt chàng găm găm như mắt trâu đực. Tiếng nói thì oang oang như sấm giật sét găm... Rồi ở công làng ông Ay Adie lại trông cho chàng những ngai của lòng dũng cam. Ở rào làng, ông Ay Du lại trông cho chàng những ngai của sức mạnh, xung quanh người chàng các ông còn nuôi những ngai của quạ và diều hâu. Dãy Đăm Săn đã biết biến thành quạ con để bay qua các đỉnh núi. Đăm Săn đã biết biến thành những*

điều hầu con dê bay trên các đôi tranh, chẳng ke nào đánh chàng mà thắng được.

Qua những dòng su thi truyền đời này đời khác người ta tìm thấy những phẩm chất hết sức thuần phác của một vùng người vùng đất, của một vùng lịch sử đã được hình thành với đầy đủ sức mạnh để đi tới, bất chấp mọi thử thách.

Nơi ấy là một tập hợp phong phú, quần tụ nhiều dân tộc anh em, mặc dù có sự phát triển không đồng đều, có dân tộc còn non yếu như vừa từ thời nguyên thủy bước ra, lại có những dân tộc đã đạt đến một trình độ cao, từng trải và bản lĩnh. Trong khi người Êđê đã có họ, có tên, có văn tự, văn học nghệ thuật thì người Stiêng, người Mnông vẫn đang tù mù.

Nhưng người Mnông lại có cụ Điều Câu. Cụ Điều là một trong những người đóng vai trò chủ yếu làm ra nhiều bộ sách quý đã được xuất bản tại Hà Nội mấy thập kỷ vừa qua: *Truyện cổ Mnông*, *Thơ nói văn Mnông*, *Cây nêu thần* và đặc biệt là bộ *Dại sự thi Mnông* chưa kịp ghi ra giấy, nó vẫn đang nằm im trong hai mươi hộp băng ghi âm, mỗi băng dài chín mươi phút. Cụ Điều Câu bây giờ đã già quá mất rồi, nói đại đến lúc ông cụ mà nằm xuống thì mới lòi thôi to. Là vì sẽ có thể dẫn đến một tình hình tất cả chỉ còn biết đứng mà nhìn cái kho tàng đồ sộ kia nằm bất động không biết đến bao

giờ mới mọc cánh bay ra khỏi những hộp băng hiện đại. Đây là ông lão có đôi tai thần, cái lưỡi khôn ngoan và một trí tuệ hiếm thấy. Ông cụ chính là đại biểu của văn hóa Tây Nguyên, một người rất giàu có mà cũng hết sức hào phóng. Không ít người đã nhờ sự giúp đỡ của ông cụ trong quá trình đi sưu tầm văn học dân gian mà hóa nên có công trình và thành đạt. Gặp được cụ họ mừng rỡ như kẻ chết đuối vớ được cọc, bởi ông cụ chính là một thực thể văn hóa sống động, là bộ Bách khoa toàn thư, là cuốn từ điển của nhiều ngôn ngữ. Đến một vùng đất, vùng người xa lạ mà tiếng tăm lại không thềm biết thì tức là đã sa vào cái lưới của ông trời giăng mắc, không gặp được những người như ông cụ mách lối chỉ đường cho, đứng ra làm thông ngôn cho thì sự bế tắc thật khó tránh khỏi.

Vài năm trước tôi vừa từ Tây Nguyên bay ra là đã vội vàng tìm đến thăm ngay cụ giáo Thấu. Biết ngoài Hà Nội giờ đang có cụ giáo Thấu cũng là nhờ ở sự gợi ý của cụ Điều Câu. Hai cụ là bạn cố tri, họ chơi với nhau đã nhiều năm, tự bao giờ thì cũng chẳng rõ, nhưng hẳn là phải lâu rồi. Cứ xem cung cách hai cụ nhắc đến nhau mà hiểu vậy. Những người già mang nhiều bí ẩn mà kẻ hậu sinh rất khó lường, sự hấp dẫn của họ còn là ở đó.

Vừa hay, lúc tôi tới thì cũng là lúc cụ giáo đang

ngồi tiếp chuyện một nhà nghiên cứu người Pháp. Ông này từ Paris cất công qua đây cũng là để tìm hiểu nền văn hóa Tây Nguyên.

Thưa cụ, người Pháp hỏi, tôi đọc Đăm Săn thấy có nói đến loài cây "Ktung, Ktang", xin hỏi cụ cây ấy là cây thế nào, nó thuộc họ gì? Cụ Thấu cười rất tươi. Vậy là ông đã đọc kỹ lắm đó. Một câu hỏi thật thú vị. Loài này đã bị hủy diệt từ lâu rồi, mất giống rồi. Một cụ già bao tôi nó là cây họ bắp, ngày xưa mọc rất nhiều trong rừng sâu. Tới mùa, quả bắp rơi đầu xuôi, dòn cá Bong Klong đua nhau nhảy lên đóp ăn tùm tùm trên mặt nước. Ktung, Ktang được gọi theo hình những trái quả. Cùng với cây thì giống cá Bong Klong nay cũng mất rồi.

Người khách Pháp lại hỏi tiếp: Liệu đã có dịp nào cụ và Le'on Sabatier gặp nhau để nói chuyện về Đăm Săn? Tôi muốn cụ kể cho tôi biết thêm việc ông ấy đã học tiếng Êđê như thế nào. Cụ Thấu trả lời: Tôi không có may mắn được gặp Le'on Sabatier lần nào, chỉ nghe nói lại, tôi lên Đắc Lắc vào cuối năm 1937, lúc ấy L. Sabatier đã rời Đắc Lắc được mười năm rồi. Ông ấy đến Đắc Lắc năm mới hai mươi sáu tuổi, ra đi là ba mươi tám tuổi. "Lúy" bị cách chức điểu về nước bởi mắc tội xúi giục dân Thượng tranh giữ đất đai. Đó là một trí thức có nhiều hoài bão và theo tôi ông ta cũng là một nghệ sĩ. Mà nghệ sĩ thì rất khó làm quan

cai trị. Ông ta quên mất một điều ở Đông Dương ngày ấy, khi muốn bổ nhiệm một viên Toàn quyền thì Bộ thuộc địa bên Paris vẫn phải trao đổi trước với nhà băng Đông Dương chứ không thể tùy ý được. Vẫn còn có những ông chủ đứng sau những ông chủ là thế. Do quá yêu Tây Nguyên mà Le'on Sabatier đã quên khuấy mất mục đích đến đây của người Pháp. Tôi nghe nói khi về nước ông ấy đã sống ở quê nhà, miền Provance, ông ấy là một người sống nghèo và yêu núi, như thế lại hay. Thoạt đầu lên Đắc Lắc ông ấy làm Đại lý Ban Mê Thuột, vài năm sau chính thức được bổ nhiệm Công sứ. Hôm rời Đắc Lắc, ông ấy chỉ mang theo một trái bầu khô và một cây nỏ gỗ mun quà của mấy ông già trong buôn gửi tặng. Theo tôi biết thì ông ấy học tiếng Êđê qua hai anh em Y Dút và Y Út, sau đó lại cùng họ mấy mò tìm ra chữ viết cho người Êđê. Năm 1933 tại Paris, L.Sabatier công bố lần thứ hai bản dịch khan Đăm Săn của mình, lần này có kèm thêm cả bản tiếng Êđê được sưu tầm khá công phu. Lần công bố thứ nhất là vào năm 1927. Ông hãy tới Viện Đông Bắc Cô tìm nó theo ký hiệu này: B.E.F.E.O, TXXXIII, 1934, Hanoi. Cụ Thấu vừa nói vừa rút bút ra ghi số ký hiệu thư mục đó vào một tờ giấy rồi ân cần đưa cho ông bạn Pháp. Ít thấy ai ở vào tuổi sắp chín mươi mà trí nhớ vẫn sáng suốt làm vậy.

Theo cụ Thấu thì người Pháp đặt chân lên Tây Nguyên từ những năm cuối thế kỷ mười chín, họ chọn ngay Đắc Lắc để lập Trung tâm hành chính. Ban đầu đặt nhiệm sở trong bản Đôn về sau thấy không thuận lợi mới chuyển về Ban Mê Thuột. Tù trưởng Ban Mê Thuột bấy giờ là A Ma Thuột, một nhân vật hùng danh, trong nhà có hàng trăm nô lệ, hàng chục voi, cồng chiêng trăm cái, vì mâu thuẫn với các tù trưởng lân bang, để gây thêm thanh thế cho mình mà ông ta quyết định hợp tác chặt chẽ với quân Pháp. Trong lúc tù trưởng Ma Trang Long đứng dậy rút gươm chém đứt đầu viên quan hai Hanrimete ở một bữa tiệc thì A Ma Thuột lại dẫn quân Pháp đi lùng bắt Ma Trang Long, có ngờ đâu làm như thế tức là đã tự chôn sống mình. Qua một thế kỷ với nhiều bài học cay đắng, nay nếu có dịp đến đó vẫn nên tìm tới đúng một lúc ở khu nhà xưa của A Ma Thuột, giờ là buôn Côsia, mộ ông ta vẫn còn, gần khu đất của Công ty Cấp thoát nước. Một cái nhà gỗ rất dài, dài như tiếng chiêng, dài như tiếng khóc. Buôn Côsia nay đã nằm gọn trong lòng thành phố, thuộc phường Từ An. Trong ngôi nhà tù trưởng, cái trống da voi vẫn còn nhưng một mặt đã bục, tang trống cũng đã nát, mái nhà không lợp cỏ nữa mà thay bằng tôn, giường chân dê, ghế Kpan dài ba chục mét vẫn còn nguyên vì được đeo từ những cây gỗ quý, chỉ có mặt

tiền của khu nhà là đang bị thu hẹp dần, bởi thẳng cháu đích tôn lâu lâu lại xấn một lô bán cho thiên hạ lấy tiền uống rượu. Thỉnh thoảng nó còn dắt cả gái Sài Gòn, gái Quảng Ngãi, gái Hải Phòng về nhà suốt đêm tiệc tùng lu bù tít và cả lũ cùng hát rống lên những câu đại để, *Lý cả phê Ban Mê, ôi lý cả phê Ban Mê ở ở ừ ừ ...*

Cụ Thấu kê trong mấy ông Công sứ Pháp đã từng thụ chức ở Đắc Lắc thì không thấy ông nào lại lạ lùng như ông Le'on Sabatier. Đây đúng là một trường hợp hiếm hoi, tương như ông ta từ trên trời lạc xuống chứ không phải là một quan chức được đào tạo từ tể trong Trường hành chính cao cấp Paris. Trước ngày quay về Sài Gòn đi xuống tàu, L. Sabatier đã tổ chức một đêm hội đốt lửa đêm trầu ăn thề với nhau, nhất quyết không chịu lùi bước, nhất quyết giữ lấy đất đai không cho ai khai thác. Ông ta ngồi giữa đám dân chúng và các tù trưởng, hát và uống rượu cùng họ. L. Sabatier là người rất coi trọng vai trò tù trưởng. Chả rõ nếu còn tiếp tục ở lại thì ông ta sẽ đi đến đâu, rất có thể sẽ cưới một cô gái Êđê làm vợ, mà phải là một cô vừa đẹp, vừa múa giỏi hát hay. Điều đó là không khó vì các cô gái Tây Nguyên nhìn chung rất nhiều cô đẹp, nét đẹp của thần Siva, mê hoặc và bùng nổ say đắm, một vị thần mang sức mạnh hủy diệt và sáng tạo. Về sau này nhằm ổn định tình hình Tây Nguyên theo những nguyên tắc của

người Pháp, Thống sứ Trung kỳ là Piere Perguine đã phai cho làm *Thống tư về chính sách dân tộc Tây Nguyên*, trong đó nhiều quan niệm của L.Sabatier trước đây đã được ông ta cân nhắc kỹ và có những điểm được lấy dùng làm cơ sở.

Cụ giáo Thấu là người am hiểu Tây Nguyên như một trí thức đã có một đời gắn bó với nó. Cụ vốn là người Huế nhưng được sinh ở Thanh Hóa, khi lớn lên lúc học ở Thanh lúc học trong Huế. Tính tình phóng khoáng ưa bay nhảy hoạt động, cụ sớm tham gia phong trào Hướng đạo sinh. Năm 1936, cụ Thấu từ Huế ngồi tàu hỏa ra Hà Nội xin vào học trường Thăng Long, sau một năm thi đỗ Segondaire lại chào Hà Nội về Huế kịp thi vào trường Sư phạm. Cụ học lớp cấp tốc một năm, học xong được điều lên Ban Mê Thuột. Và thế là thành gắn bó lâu dài với nơi này, quần áo trắng, mũ trắng, giày tất trắng, thanh xuân và nghị lực thầy Thấu mau chóng hòa nhập vào cuộc sống trên miền đất lạ. Thuở ấy Ban Mê Thuột còn rất thưa thớt vắng vẻ, chỉ có chừng dăm ba phố đi bộ vài phút là hết thị xã. Phố xá lèo tèo với mấy cửa hàng, cửa hiệu chưa tới đã đóng cửa, mặt trời cao nguyên cũng quen ngủ sớm và dậy sớm. Dăm bảy anh Tây thực dân, Tây đồn điền và bóng vài ba cô đầm, vợ con họ thỉnh thoảng mới gặp ở đâu đó, trong một bữa tiệc nhà nào đó. Một ông thầy trẻ

chơi đùa với đàn trò trẻ trong khu vườn rộng như một cánh rừng. Lúc đó ở đây chưa có điện, chưa có nước máy, báo chí trong nước thì tuần này đọc của tuần trước, riêng báo Pháp và Quang Đông thì tháng này đọc của tháng trước.

Tây Nguyên có khoang gần hai chục dân tộc, tại Đắc Lắc ông Thầu chọn tiếng Êđê làm tiếng phải học. Rồi kháng chiến bùng nổ ông tham gia chiến đấu tại đó, sau Hiệp định Genève năm 1954 ông tập kết ra Bắc, công tác ở Ban thống nhất Trung ương, bắt đầu học lại tiếng Êđê để bắt tay vào nghiên cứu văn hóa Tây Nguyên một cách hệ thống, bài bản. Năm 1963, tập Trường ca Tây Nguyên gồm sáu thiên của tác giả Ngọc Anh ra đời, ông đọc và thấy đây là một công trình tuy có nhiều cố gắng nhưng do việc sưu tầm gặp nhiều khó khăn nên bản dịch thiếu độ tin cậy, đôi chỗ đã mắc nhược điểm nhại Tây Nguyên. Nhược điểm này thường vẫn hay gặp trong các tác phẩm văn học viết về đề tài miền núi đạo ấy.

Trường ca Đăm Săn hay khan Đăm Săn là một bộ sử thi truyền miệng lớn của dân tộc Êđê, được nhiều người quan tâm nên đã có nhiều bản dịch ra đời. Được phát hiện vào năm 1924, đến năm 1927 nó đã có mặt ở Paris cùng với lời giới thiệu trang trọng của L.Sabatier. Năm 1957 tại Hà Nội, Trường ca Đăm Săn đã được nhà

nghiên cứu Đào Tử Chí giới thiệu dịch ra tiếng Việt. Ông Chí là một người am hiểu Tây Nguyên đã từng sống ở Tây Nguyên từ 1941. Ngoài ra còn có những dị bản gốc Êđê, như bản của Y Vông Mono, một cán bộ miền Nam ra Bắc tập kết, đây là bản có độ tin cậy, chính ông Y Ngông Niêdam cũng cho là như vậy. Ngoài ra còn có một bản nữa của Y Dung, một bản nữa của Y Bí Alêô.

Đáng bản vẫn là bản tiếng Pháp của L.Sabatier và bản tiếng Việt của Đào Tử Chí. Bản tiếng Pháp ở cả hai lần in vẫn có những sai lầm đáng tiếc, đến bản tiếng Việt do căn cứ quá nhiều vào bản tiếng Pháp mà lần ấy lại được nhân lên, nên càng đáng tiếc hơn. Việc phấn đấu để có một bản dịch mới hoàn chỉnh được đặt ra như một yêu cầu không thể bỏ qua. Cũng như nhiều người vừa kể trên, thầy giáo Thấu sớm được làm quen với một cộng đồng người Thượng mà cách đó chưa lâu vẫn còn rất xa lạ với ông. Qua anh em bầu bạn, nhất là qua mối quan hệ ngày càng thân thiết với bà con trong các buôn làng, dần dà trong lòng chàng trai nhạy cảm kia đã manh nha se bện, đã khơi dậy một tình yêu và sự say mê trước những vẻ đẹp mới mẻ, trước các giá trị của một nền văn hóa đầy hấp dẫn.

Hình như ở anh ta lúc ấy đang chịu ảnh hưởng của cả tư tưởng bác ái trong cách mạng Pháp 1789 và

tư tương đồng bào của Không Mạnh. Người đầu tiên dùng hai chữ đồng bào để xác định quyền con người chính là Không Phu Tử. Bằng cách nhìn vu khoát của một nhà hiền triết phương Đông ông đã làm sáng tỏ một sự thật: Con người đang sống trong một cái bọc lớn đó là vũ trụ. Trời là cha nó, trời đã sinh ra nó. Đất là mẹ nó, đất đã chở che nuôi dưỡng nó. Và như thế, thiên hạ tất cả đều là anh em. *Thiên phú địa tài, tứ hai giai huynh đệ.*

Một cái bọc mang trăm trứng, một trái bầu chứa trăm giống nòi, hàng ngàn đời nay lênh đênh trên biển truyền thuyết, đã chuyên tài đến cho mai sau những lời nhắn nhủ cảm động về cái tình cái lý của kiếp người. Từ cái bọc đó, không phải chỉ một vài cộng đồng nào đó bước ra mà là cả nhân loại cùng bước ra.

Về sau này mỗi lần nhớ lại, cụ vẫn nói mình phải biết ơn rất nhiều những năm tháng ấy, những con người nơi ấy, chính nó đã làm cho cuộc đời mình đậm đà thêm rất nhiều. Cụ Thấu mê khan, kẻ cả khan Đăm Săn và khan Đăm Kteh Mlan. Mong ước suốt đời của cụ là sẽ có một ngày chính cụ dịch được một bản khan toàn bích để nó có mặt trong tủ sách chung của đại gia đình các dân tộc anh em một cách xứng đáng như nó cần phải được thế. Cụ xem đây là trách nhiệm của bản thân mình. Lại thêm có cụ bà Nguyễn Thị Chinh gốc

người làng hoa Ngọc Hà, thương chồng thương con nhất mực, là người bạn đời luôn luôn biết trân trọng và biết tạo ra những thuận lợi để chồng mình có thể làm xong cái việc mà ông ấy đã khát khao. Khi cụ ông nghỉ hưu là lúc lũ trẻ trong nhà lần lượt rủ nhau ra ở riêng. Chúng nó có cuộc đời của chúng nó, ông cụ nói vậy. Giờ cũng là lúc cụ bà đã có nhiều duyên phận để ghé một vai giúp cho ông chồng, một người tính tình hết sức kỳ khôi, đầu óc mơ mộng lãng mạn, trong đời mấy bận đã dưng dưng bỏ đi xa chẳng còn biết vợ con ở nhà sống chết ra sao.

O Hơ nhi, ơ Hơ hhi đừng mong đợi tôi làm gì nhé. O Nuê, ơ Nuê, Nuê lại đi đâu nữa thế? Tôi đi làm gì ư, tôi nghe danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi. Đông, Tây đâu đâu cũng nói Nữ thần Mặt Trời là cô gái xinh đẹp, đôi bắp chân nàng tròn trặn, váy nàng mặc tuyết vời là đẹp. Vì vậy các cô đừng mong đợi tôi làm gì. Mười ngày tôi sẽ ngu lại, sáu đêm tôi sẽ nằm lại dọc đường. Tôi sẽ đi hết tháng, hết năm.

Cụ Thấu đã ngồi dịch những trang ấy bằng hồn của người và hồn của sông núi Tây Nguyên. Một năm trước ngày Cách mạng tháng Tám do tình hình chiến tranh thế giới, cụ Thấu tạm xa Đắc Lắc tìm về Thanh, rồi từ Thanh cụ lại mò ra Hà Nội. Cũng là đã đến năm đến tháng, lần ấy cụ gặp được cụ bà, con gái một vị bác sĩ thú y, thế là họ nên vợ nên chồng. Cũng chẳng khác

nào câu khan Đăm Săn, *Tôi sẽ đi hết tháng hết năm*. Sau tháng Giêng 1946, tại Thanh Hóa cụ được Việt Minh điều trở lại Đắc Lắc. Lần này lên đó là để phụ trách Đội cụu binh sĩ dân tộc yêu nước gồm trên bảy chục người. Đơn vị này được thành lập theo sáng kiến của đồng chí Võ Nguyên Giáp nhân một chuyến vào thăm chiến trường Nam Trung bộ. Ít lâu sau cụ nhận lệnh dẫn cả đội hành quân ra Truồi thuộc vùng Nam Thừa Thiên để trực tiếp nghe tướng Nguyễn Sơn lên lớp về công tác binh vận và dân vận, những kinh nghiệm xây dựng cơ sở kháng chiến trong các buôn làng. Lớp học kéo dài một tháng rồi đơn vị được chia thành nhiều phân đội nhỏ, luồn sâu vào các vùng rừng núi khắp ba tỉnh cao nguyên làm nhiệm vụ hoạt động độc lập. Trong số đó nổi lên có Y Blôc Êban, Y Don tức Minh Sơn, Y Tlam tức Sĩ Lâm, Ksor Ní, Rơ Chăm Yon và Kpa Thiên... Ngày cụ Thấu mới lên trên này, trừ hai ông Y Ngông Niêkdam và Y Nuê là đã lớn và được gửi xuống học ở trường Y sĩ Đông Dương dưới Quy Nhơn, còn tất cả chỉ mới mười mười hai tuổi, hầu như đều là học trò của cụ. Trong số đó không ít người về sau đã ngã xuống ngoài mặt trận trong những tư thế tuyệt vời anh dũng. Có cậu lúc còn là học trò thì đốt đặc cán táu, nhiều lần phải ăn đòn bằng một cái thước gỗ lim của cụ, nhưng ra đời thì lại xuất sắc không chê vào đâu được. Chẳng

hạn như Kpa Thiên, cậu ta đã tổ chức đánh phục kích một trận lớn ở Buôn Hồ, cả một trung đội Pháp quăng súng chạy, thằng nọ công thằng kia, nhiều đứa kêu rống lên như bò rừng, *oi Kpa Thiên. Kpa Thiên!* Có mấy cậu về sau thành tướng lĩnh chỉ huy cả những mặt trận lớn, đánh đông dẹp bắc đi khắp Đông Dương, có cậu là Chủ tịch tỉnh, có cậu thành bác sĩ Bệnh viện trưởng, lại có cậu khi đi tập kết dắt thằng con trường theo, nay thằng bé thành Bí thư Gia Lai. Hay nhất là đã có cậu trở thành nhạc sĩ phụ trách cả một đoàn văn công, nó hay hát bài *Đấy bắt khuất Tây Nguyên* cao cao..

Đó chính là những chàng Đăm Săn, là những người anh hùng rất tài năng, chính họ đã góp phần không nhỏ cùng đất nước làm nên một bộ sử thi của thời đại Hồ Chí Minh.

Sáng nay cụ Thấu ngồi tại phòng làm việc của mình, trên gác hai một ngôi nhà xinh xắn, sát tường nhà thờ Nam Đồng, khuất trong một ngõ nhỏ. Lắng nghe tiếng chuông nhà thờ ngân nga lòng cụ thanh thản lạ thường. Chợt nhớ đã là chủ nhật, cụ vội quay máy gọi cho vợ chồng thằng cả đang ở dưới Ngã Tư Vọng, bảo chúng mang lũ trẻ về chơi. Rồi cụ ngó ra ngoài cửa tìm cụ bà: “Bà nó có đấy không, bảo vợ chồng thằng Việt đi chợ chuẩn bị bữa trưa cho tươm tươm một chút, tôi vừa nhắn vợ chồng thằng Nam rồi”.

Nam là con đầu của hai cụ, anh làm việc ở Viện Nghiên cứu chiến lược - Bộ Công nghiệp, còn Việt là con thứ, kỹ sư, đang làm việc ở Công ty Cổ phần nổi hơi. Vẫn chưa thôi, cụ lại cầm máy gọi tiếp cho cô út đang theo chồng về sống ở Bình Định, cô Hoa, giờ là Phó Giám đốc Sở Công nghiệp trong đó. “Bố mẹ khỏe không ạ, chúng con trong này vẫn bình thường”. “Tao không nói chuyện khỏe yếu lúc này, ngoài này tất cả *hiêng*”. “Vậy bố định nói với chúng con chuyện gì ạ?” “Dạo này chị được ghé dít vào cái ghế lãnh đạo nên bắt đầu thích vận vẹo nhân dân chúng tôi rồi đấy, tự nhiên thấy vui thì tao gọi thôi, cũng chả có chuyện gì”. Cô gái hiếu tính khí cha mình, cô bắt đầu cười rữ trong máy. “Con đoán ra rồi, bố lại sắp dẫn mẹ con vào Đắc Lắc tìm vốn cô dân tộc chứ gì. Cứ đi cho khỏe bố ạ, người ta ở đòi cái lãi nhất là đi được nhiều, thôi con chào bố”. Nó đã đặt máy. Thế mà tiếng cười của con bé vẫn đang reo trong tai ông cụ. Cụ Thấu toan ngồi vào bàn thì có tiếng kẹt cửa, cụ bà đang nhòm vào, chắc là bà ấy xem mình có còn ngồi ở đây nữa hay không chứ gì, bà cứ yên tâm đi, Thấu này vẫn còn tiếp tục ngồi, nó còn ngồi đây lâu. Rồi cụ thông thả ngậm một điếu thuốc hăng Thăng Long, cánh gà các cụ vẫn trung thành với gu Thăng Long, cũng ngon chán, lại rẻ. Cụ bật diêm, từ từ nhà cho làn khói bay nhẹ lên trần. Hôm nay mà Thấu

này còn chưa được vui thì hồi còn là hôm nào đây. Cụ nhìn ra ngoài cửa sổ, mưa bụi đang làm mờ mịt một vùng thành phố. Đầu óc lại chợt muốn quay về với những ngày đã xa, cụ lại nghĩ đến họ, những học trò, những đồng chí của cụ. Tất cả đều được cụ điểm danh, từng khuôn mặt đều được cụ gọi về. Thấu này vẫn đang sống xứng đáng với các bạn, Thấu này vẫn đang làm việc và nó đang bước đến gần, nó đã sờ thấy kết quả của công việc.

Cụ Nguyễn Hữu Thấu đang lắng lặng ngắm mình bước tới cái đích diệu kỳ sau trên ba mươi năm ròng rã không được phép chán nản. Giờ đây, chỉ mình cụ hiểu ra niềm hạnh phúc của sự sáng tạo trên đời này là thế nào. Vâng, nó cũng gian đơn thôi, nhưng chỉ những ai đã từng sáng tạo mới có thể hiểu được. Cái hơn người, cái khác người cũng chỉ là ở chỗ ấy.

Như đề thu vào mình cho bằng hết nội lực, cụ dụi luôn điều thuốc, rồi vợ vội bút viết những dòng sau cùng cho tập bản thảo đã hoàn tất, nói như cụ là đã có thể hài lòng. Sách được chia làm ba phần, phần tiếng Êđê, phần tiếng Việt và phần từ vựng Êđê - Việt. Cụ quyết định cho in lần này cả khan Đăm Săn và khan Đăm Kteh Mlan vào chung một cụm vì nó là hai khan anh em. Sau tất cả cụ trịnh trọng đặt bút viết lời giới thiệu cho cuốn sách bằng những dòng cũng rất trịnh

trọng: Rất mong công trình này sẽ được các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp tiếp tục nghiên cứu và tiếp tục chỉnh lý với lý do đơn giản là một công trình nổi tiếng như *Iliat và Ôđixê* ra đời vào thế kỷ thứ tư trước công nguyên nhưng cho đến thế kỷ thứ tám vẫn thấy cần phải chỉnh lý.

Cụ không quên ghi vào phần khan Đăm Săn tên người dịch tiếng Pháp L. Sabatier, 1933. Và tên người đã dịch tiếng Việt: Đào Tử Chí, 1959-1977. Còn cụ là người hiệu đính, chú thích và dịch thuật 1988. Ở phần khan Đăm Kteh Mlan cụ để tên người khan lên trước tên mình: Y Yung Adrông 1965. Cụ là người sưu tầm, chỉnh lý dịch thuật.

Cụ Thấu thấy chỉ có thể yên tâm dừng bút sau khi đã bày tỏ được lòng biết ơn của mình đối với đông đảo các cộng tác viên, là những người làm khan Đăm Săn từ những năm 1923 - 1924 đã cùng thảo luận và đặt ra những vấn đề cần giải quyết. Cụ cảm ơn lớp cán bộ Êđê trẻ sau này đã đóng góp những hiểu biết để làm tài liệu tham khảo. Cụ cũng muốn cảm ơn một số tác giả Pháp đã cho nhiều chỉ dẫn có tác dụng làm sáng tỏ nội dung và sau cùng không thể không nói đến nhiệt tình ủng hộ của Viện dân tộc học, của đông đảo các bạn đồng nghiệp đặc biệt là quỹ Ford Foundation đã tạo điều kiện để có thể xuất bản cuốn sách một cách tốt nhất.

Công phu, rèn luyện và chu đáo, biết tôn trọng những người đi trước, đó là điều làm nên niềm tin cậy cũng như sự quý trọng của mọi bạn đọc. Cụ giáo Nguyễn Hữu Thấu, một người cầm bút, luôn luôn tự nhắc nhở mình như thế và cụ đã làm được như thế. Trong đời cụ, áo vai chân đất, kê từ năm hai mươi ba tuổi đến năm tám mươi chín tuổi, đã từng đi đi về về với mảnh đất Tây Nguyên cả trăm lần, cha lẫn đi nào cụ có máy ảnh, máy quay phim hoặc máy ghi âm như nhiều người khác trang bị đầy mình cho mỗi chuyến đi của họ. Nhưng những gì cụ Nguyễn Hữu Thấu đã gặt hái được, hay nói đúng hơn, những gì mà cụ đã kịp để lại cho chúng ta lại là những thành tựu mang giá trị rất bền vững.

CÁT NÓNG

An tượng đầu tiên đến với tôi có lẽ là cát ở vùng này. Cát dâng lóa mắt. Núi cát, đồng cát, sông cát và biển cát. Từ muôn năm nay cát đã bò vòng vo trên mặt đất, chúng từ biển lùa vào hay từ núi trôi ra?

Ở đây, một cọng cỏ, một con giun đều khó sống, nhánh khoai nhánh lúa vươn lên càng lấm nhọc nhằn. Nhưng nếu nói từ muôn năm nay cát đã cưu mang đùm bọc con người thì cũng đúng. Làm hầm nằm dưới cát là mát nhất, còn dễ chịu hơn so với điều hòa nhiệt độ. Lại yên tâm lắm vì chỉ một cơn gió đủ xóa đi mọi dấu vết bên trên nóc hầm. Mặc cho bom đạn tha hồ cày xới, cát vẫn cứ trơ ra, cát không bao giờ chết, nó chỉ biết nóng lên và nguội đi. Đã nhiều phen máu người loang

đào trên cát, thắm vào lòng cát. Cát nhà dựng cửa, yêu thương nhau trên cát, khi nhắm mắt lại vùi nhau vào cát, mọi kỷ niệm vui buồn đều có cát tham dự.

Vậy đó, cát nổi lên thành cồn và cát thắm sâu im lặng. Miền Trung là một bản giao hưởng cát. Quảng Nam - Đà Nẵng là một chương trầm hùng của bản giao hưởng đó.

Núi cao bão lớn và biển mặn sóng dữ, phải chăng đó chính là nét đặc trưng của nơi này. Con người của vùng đất này, cũng không thể mềm yếu một khi quanh nó là cát nóng, là sóng gió.

Những con số nơi đây cũng có sức lay động mạnh tới lòng người không kém gì cát trắng. Chẳng hạn như con số ba ngàn bà mẹ được phong Mẹ Việt Nam Anh hùng lần đầu và hai ngàn bà vừa được phong lần sau. Việc này nếu được làm sớm hơn thì chắc chắn phải có vài vạn bà được phong; và như thế, trên thực tế cùng với các bà sẽ có vài vạn người cha anh hùng, vài mươi vạn người con anh hùng, những đóng góp hy sinh sẽ là không thể kể xiết.

Ở một xã nọ dưới mạn biển, hồi chiến tranh được gọi là "vùng lõm", căn cứ địa kiên cường nằm trong vòng vây của địch, "vùng lõm" đó có sáu ngàn dân, sau mấy chục năm chiến đấu chết mất hai ngàn dân, có hai ngàn hộ thì chín trăm hộ thuộc diện gia đình thương binh liệt sĩ.

Nhưng cho đến nay nơi ấy vẫn cứ còn là cồn cát nóng, cuộc sống gay go tới mức Ngân hàng Nông nghiệp huyện mang tiền tới từng nhà bảo cho vay mà không ai dám vay. Vay để làm gì, để đút luôn vào mồm là không dám, rồi biết ăn nói ra sao với bà con xung quanh, với Đảng và Chính phủ. Thấy nhiều nơi đào ao nuôi tôm sú, nuôi cua cá cũng thềm lằm, nhưng muốn thế phải có mương dẫn nước, rồi phải có điện để bơm nước vào mương. Người dân chất phác quá. Ở đâu cũng thấy vậy, càng hẻo lánh, càng cách mạng càng vậy. Họ không dám liều lĩnh, không quen lừa lọc, không phải phường ăn lường đẽo quýt xưa nay. Việc dưỡng sức dân tưởng hơn bao giờ hết đang được đặt ra như một việc sống còn.

Vậy sao việc này vẫn đang nan giải làm vậy. Sao ngành điện cứ ngồi đấy mà mặc cả với dân, chúng tôi ngân ấy phần trăm, các ông các bà ngân ấy phần trăm, có thể thì cầu giao mới đóng được.

Đường dây 500 kilôvôn xây dựng cho đến nay nhìn chung là tốt, cũng có một vài sự cố nhưng không đáng kể, nhiều mối lo âu cùng thời gian đang vợi dần, tuy nhiên, việc đưa điện xuống cho dân dùng vẫn có nhiều chỗ vướng mắc thì phải.

Ôi chao, đã nói đến nguyên tắc thì có biết bao nhiêu là nguyên tắc, bao nhiêu là lý sự, nghe cứ rối

tinh rồi mù, mà đều có lý cả. Có một nguyên tắc còn cao hơn mọi nguyên tắc, đấy là kiếp sống của đồng bào mình, của giống nòi mình. Giải pháp sẽ được tìm thấy từ đấy, lối ra cho mọi sự bế tắc cũng là từ đấy. Vẫn phải phòng có lúc lại co chân chạy vào núi, lẫn vào cát, ẩn ẩn hiện hiện trên quê nhà. Thì đã có cả một thế kỷ như thế rồi. Được mùa chó phụ ngô khoai, có những việc không thể bàn đến lơ lã. Nghe nói đã có một chiến lược của Nhà nước đầu tư cho miền núi và miền Trung và cũng sắp có một ngân hàng riêng cho người nghèo. Vậy thì còn gì bằng. Với những người nghèo thì phải nể, phải biết hàm ơn chứ không thể bỏ mặc, càng không được bào nạo mãi. Đấy là làm theo “cái kế sâu rễ bền gốc” mà người xưa đã dặn lại, nghĩ cho kỹ thì có đi đâu mà thiệt.

Con mưa đầu hạ ập xuống thành Đà Nẵng đúng vào hôm tôi đặt chân xuống đây. Đường phố với những khối bê tông năm mươi tầng hết thấy đều ngույն mát khi có mưa. Đám trẻ đi học về hò reo trong mưa.

Anh Lân nhìn anh Được, rồi họ cùng phóng tầm mắt nhìn qua bán đảo Sơn Trà, nhìn ra phía cửa sông Hàn. Một vùng trời mù mịt tối trong màn mưa vẫn vũ, vậy mà khuôn mặt các anh lại đang tươi tỉnh hẳn ra. Là vì tuy ngồi đây mà lòng dạ họ đều đang để cả ở ngoài đồng, trong rú. Hạng hán đã mấy tháng nay. Lo là

phải. Mùa màng thất bát là đói tuốt lượt, mà khi đã đói thì còn nói gì nữa. Cho nên gặp được mưa thuận gió hòa, ai cũng rất nhạy cảm trước thời tiết. Vốn đều từ lam lũ ra đi, từ lam lũ mà được học hành gây dựng thành người, do vậy chả ai quên được cảnh nghèo, đều biết cay đắng cho cảnh nghèo. Tôi thấy các anh bàn, ngày mai là 19 tháng 5, sinh nhật Bác Hồ lần thứ 105, anh Được sẽ ở nhà lo làm lễ kỷ niệm cùng các ngành các giới trong tỉnh, anh Lân tìm đường qua Lào, bàn hướng làm ăn lâu dài với bạn. Phải tính xa hơn nữa, đi xa hơn nữa và quả tim phải đập mạnh hơn nữa. Trước mắt là một công cuộc mở rừng, mở biển.

Quả là tiềm năng thì to lớn, nhưng sẽ không ít khó nhọc. Còn có khó nhọc nào bằng khó nhọc này, thời chiến đã vậy, thời bình vẫn vậy.

Anh Lân đứng dậy cười, buông một câu lơ lửng, "Ngôn dị hành nan". Nói bao giờ cũng dễ hơn làm. Nhưng đòi hỏi của hôm nay là làm, là sẵn sàng vượt lên mọi thách thức chắc chắn sẽ phải có. Mà làm như thế nào đây, không biết hành động thì lại hổng hựt, lại lơ cơ lơ vận mất. Sau tất cả vẫn là một tinh thần trách nhiệm cao trước đất nước.

Tôi được mời về làm khách của các anh các chị ngành du lịch trong những ngày ở Quảng - Đà. Bảo là để thăm thú cảnh lạ người lạ cũng được, mà bảo là để

hiếu biết thêm một vùng đất, vùng người từ lâu đã thành thân thuộc trong tâm trí mình cũng phải.

Hình như sẽ có rất nhiều bất ngờ sắp đến với tôi. Chả thế mà anh Phúc, Giám đốc Sở du lịch đã nói một cách đầy bí hiểm và không kém phần hồi hộp, du lịch chính là một thể mạnh trong những thể mạnh của tỉnh này, nếu biết khai thác và đầu tư vốn liếng ngay từ bây giờ. Nó là ngành công nghiệp không khói. Có ai ngờ ở nhiều nước người ta đã nâng được lãi suất của du lịch lên cao hơn cả việc khai thác dầu lửa. Nghe ông Giám đốc nói thế đã đủ mê rồi. Một vùng non nước kỳ vĩ, đang mở ra trước mắt tôi chứ đâu phải chỉ có những cồn cát khô cằn và bóng rầy. Một chuyến công tác mà cũng lại là một chuyến du lịch, thật hiếm có trong đời. Quảng Nam hay cãi, người xứ Quảng trung thực tới mức có lúc thành ương ngạnh nhưng lại rất quý khách quý người, cái lạ có lẽ là ở chỗ ấy. Tính hấp dẫn ở đây trước hết là người chứ chưa phải là ở cảnh. Tôi lại thích bắt đầu từ người, đến đâu tôi cũng chỉ muốn được gặp người, bàn chuyện về người, những kiếp người, còn như phong cảnh cho dù có mới lạ đến mấy thì cũng vậy vầy thôi, nó là chuyện chóng nhớ chóng quên. Vậy là tôi đã có một chương trình du lịch theo cái cách thức tự mình vạch ra. Thôi để dành lần sau ta đi Trà Kiệu, đi Mỹ Sơn, lần sau đến những danh lam thắng cảnh,

còn ngày mai sẽ theo chú Nhân, cán bộ tổ chức của sở tìm lên Tiên Phước, vào xã Tiên Cảnh thăm quê hương cụ Huỳnh Thúc Kháng, rồi sau đó tạt xuống Núi Thành, nơi đã xảy ra cuộc đụng độ lần đầu tiên giữa quân ta và quân Mỹ vào năm 1965. Rồi còn phải tranh thủ gặp một số người quen, chẳng hạn như mấy thầy giáo cũ, mấy bà chị người Kinh Bắc vào làm dâu trong này. Nghe nói chỉ riêng một vùng ấy đã có ba trăm bà theo chồng về đây sinh cơ lập nghiệp, con cháu đông đàn cũng là một ví dụ lịch sử thú vị đấy chứ.

Ngôi nhà cụ Huỳnh nằm ở thế Khai môn kiến sơn. Mở cửa ra là nhìn thấy núi rồi. Một dãy núi chạy vòng vây lấy cái thung lũng, trong đó có làng Tiên Cảnh. Một con đường nhỏ được trải nhựa qua cổng nhà cụ. Xuống xe là bước ngay vào vườn nhà. Thấy có khách, người cháu gọi cụ Huỳnh là bác ruột từ nhà bên vội chạy sang. Ông cụ thân sinh ra anh là em cụ Huỳnh, năm nay đã ngoài tám mươi, rất tiếc hôm chúng tôi tới nhà thì cụ lại đi thăm người cháu ở xã bên. Chúng tôi xếp hàng ngang thắp hương viếng cụ Huỳnh. Rồi đi lang thang nhìn ngó chỗ này chỗ khác trong ba gian nhà gạch vắng vẻ đó.

Đây là khung kính bên trong có lồng mảnh bằng Tiến sĩ đệ tam giáp từ thời vua Khải Định. Cụ Huỳnh đậu tiến sĩ năm 1904, năm Giáp Thìn, năm đó cụ tròn

hai mươi tám tuổi. Tấm ảnh cụ chụp hồi làm báo *Tiếng dân* ngoài Huế nom quắc thước, cái cằm rộng rãi vênh ra, đôi mắt sáng nhìn thẳng, nom hao hao như ảnh cụ Ngô Tất Tố. Các cụ thuở đó có nét gì rất giống nhau, thì cũng là một “tuýp” ấy cả. Lại chợt nghĩ tới tấm ảnh chụp Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hồi mới ra mắt quốc dân đồng bào. Trong tấm ảnh đó cụ Huỳnh đóng áo the khăn xếp, dáng đứng ngay đơ, cứng như một cành khô, nhưng là một cành lim, cành táu. Năm ấy cụ đã gần bảy mươi là người già nhất có mặt ở đó. Cụ làm Bộ trưởng Bộ nội vụ, mấy tháng Bác Hồ đi Pháp điều đình, cụ Huỳnh được chỉ định giữ quyền Chủ tịch nước. Cụ đã kịp ra những quyết định chính xác, mạnh mẽ và đầy tinh thần trách nhiệm trong việc ổn định trật tự, giữ vững chính quyền cách mạng giữa buổi thù trong giặc ngoài. Một người không đảng phái, chỉ bằng lòng yêu nước, được dân tin cậy cũng đã có thể có đầy đủ sự cương quyết làm nổi những công việc hết sức lớn lao, chèo chống vượt qua những thử thách ngặt nghèo. Trong một khung kính rộng treo ở vách tường có chép lời Hồ Chủ tịch, trích từ Công điện của Chính phủ gửi từ Việt Bắc vào khi cụ Huỳnh mất. Cụ mất ở Quảng Ngãi ngày 21 tháng 4 năm 1947. Bức Công điện gửi đi ngày 29 tháng 4 cùng năm.

... “Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm xiêu lòng. Nghèo khổ không làm nản chí. Oai vũ không làm sòn gan. Cả đời cụ không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập”.

Mấy ai khi qua đời đã được cụ Hồ dành cho những lời cao cả đến thế. Thật quả là không thể có lời nào đẹp hơn khi bàn đến một con người. Qua đây ta hiểu cụ Hồ đã đau đớn biết nhường nào khi cụ Huỳnh mất đi.

Cuối năm 1945, cụ Hồ viết thư vào mời cụ Huỳnh ra Hà Nội giúp nước. Cụ Huỳnh còn lưỡng lự mãi đã đi đâu. Lại phải viết một lá thư thứ hai, trước khi ký có chưa thêm hai chữ “điệt tôn”, tức là muốn xưng hô với cụ Huỳnh thật khiêm nhường, rồi cử một cán bộ cao cấp của Đảng mang thư vào Tiên Cảnh đưa tận tay cụ Huỳnh. Đến thế thì không thể chậm trễ được nữa rồi.

Cụ Huỳnh dặn con cháu lúc sắp lên đường, ta hãy cứ ra gặp mặt trò chuyện với cụ Hồ xem thử thế nào, cũng có thể ngày một ngày hai lại trở về. Ra tới Hà Nội, hai cụ gặp nhau, hiểu thấu lòng nhau, thế là cụ Huỳnh cho người cháu đi theo quay về, báo cho bà con họ mạc biết là cụ ở lại giúp cụ Hồ một tay, không biết là bao giờ mới về. Cụ Huỳnh có hai bà, bà cả người trong làng, không sinh nở lần nào, nhưng hiểu để tấn tảo thờ phụng bố mẹ chồng hết lòng. Bà hai gốc Huế, sinh

được hai mụn con gái. Vậy là cụ Huỳnh không có con trai nối dõi tông đường. Đẻ ra một anh con trai mà nhỏ nó không ra một thằng đàn ông, không đáng mặt làm người để thiên hạ trông vào thì thà đừng đẻ. Có nhẽ cụ đã nghĩ vậy nên khi ông thấy địa lý người Tàu qua nhà khuyên cụ nên chuyển ngôi mộ cụ Huỳnh Tuấn thân sinh của cụ đi chỗ khác thì cụ sẽ có con trai, nhưng cụ Huỳnh tặc lưỡi không nghe. Mộ cụ thân sinh vì thế mà đến nay vẫn đặt nguyên ở vườn nhà. Một ngôi mộ đã thành lâu đời, rêu phong sương kính. Đồng chí bí thư Huyện ủy nói với chúng tôi là mộ cụ Huỳnh đã được các đồng chí trong Quảng Ngãi xây cất đẹp đẽ, nay mai huyện sẽ tổ chức xây cất lại ngôi mộ cụ Huỳnh Tuấn cho khang trang, sợ không thì nom có phần hoang phế quá chẳng. Tôi nói theo tôi thì chả cần thiết phải xây lại, phần mộ để trong vườn với thời gian càng ngày trông càng khiêm cung mà vẫn đầy vẻ trang nghiêm. Trang nghiêm một cách giản dị, không cầu kỳ. Đúng như phẩm hạnh gia phong của những người đàn ông họ Huỳnh mà thiên hạ đều biết.

Chỉ vài bước chân nữa sẽ tới vùng Trà My, căn cứ kháng chiến những năm chống Pháp và chống Mỹ. Suốt hai cuộc chiến tranh vừa qua tỉnh ủy và khu ủy đều đóng ở quanh đây. Hồi quân Mỹ kéo sang, lập căn cứ chính dưới Chu Lai, sáng cho máy bay trực thăng

đổ quân chốt trên đỉnh mây quá núi trước mặt, tôi sắp lại cho máy bay lên bốc quân về. Bộ đội mình nhiều hôm vẫn cứ nằm ngủ yên trong mấy gian nhà này. Những năm ấy từ khắp cả nước, những người con trai con gái đều đã từng có mặt quân nhau với giặc trên một dải đất hẹp mà ác liệt này. Trận đánh Núi Thành cuối 1965 là trận đánh mở màn, có ý nghĩa thăm dò đối phương. Vì là trận đầu nên phải quyết tâm đánh thắng, sự chuẩn bị bởi thế cũng phải công phu và chắc chắn. Tiểu đội trưởng xuống làm chiến sỹ, trung đội trưởng xuống làm tiểu đội trưởng, đại đội phụ trách trung đội, tiểu đoàn trực tiếp phụ trách đại đội. Đánh chớp nhoáng, tiêu diệt gọn và rút thật nhanh. Lúc đánh thì thắng, hy sinh không đáng kể, nhưng tổn thất nhiều là ở trên đường ra. Pháo binh của Mỹ phản ứng nhạy và chuẩn xác khủng khiếp.

Tôi trông lên dãy núi kia, cũng như tôi đã trông vào những cồn cát ở ven biển, tự hỏi nếu như những năm tháng ấy mình được đưa vào mặt trận này thì liệu mình có nhấc nổi chân lên mà theo kịp đồng đội lấy vài ba tháng, vài ba năm hay không. Đừng có nói khoác, không dễ dàng gì đâu. Tôi chợt nhớ tới những Anh Đức, Quang Sáng, Phan Tứ, Nguyễn Ngọc, Nam Hà, Dương Thị Xuân Quý, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Ngọc Tấn, Nguyễn Trí Huân, Thanh

Quế, Thái Bá Lợi, Vũ Thị Hồng... và biết bao nhiêu các anh các chị khác nữa trong đội ngũ văn học nghệ thuật. Lúc tiễn nhau đi thì thăm thiết nồng nhiệt, cái phần họ phải nếm trải sau đó thì có mấy ai hiểu cho hết.

Sau trận đánh đầu tiên của Không quân ta trên bầu trời Thanh Hóa, biên đội lái đã lập công được Bác gọi lên khen ngợi. Trong biên đội đó có hai anh người ở quê Bác, còn anh Lan và anh Quỳnh người Quảng Nam. Khi biết hai anh quê trong này Bác đã ngồi lặng đi, rồi Người nói, lúc phải gánh nặng thì cái vai đau trước, quê hương các cháu đang chịu nhiều gian nan. Bác cũng trầm ngâm nhắc tới cốt cách cao quý của cụ Huỳnh, trong lòng Người hình như lúc nào cũng mang bóng hình ông nghề miễn Trung cứng cỏi đó.

Đến cuối năm ấy, 1965, chúng tôi mới được biết là đã có mười bảy vạn quân Mỹ đổ ạt nhảy vào cửa biển Đà Nẵng, còn hôm Bác nhắc tới cụ Huỳnh, nhắc tới quê hương các anh thì điều đó mới chỉ đang còn là những khả năng, cuộc chiến phát triển theo một chiều hướng xấu, tới một chỗ ngoặt mà sự diễn biến phức tạp của nó có thể dẫn đến những tình thế rất khó lường. Ở tầm chiến lược thì phải biết lường tính, đấy chính là sự chịu trách nhiệm trước lịch sử như người ta vẫn thường hay nói. Chúng ta hiểu vì sao trong những ngày ấy Bác rất kiệm lời.

Cái hôm Bác ngồi với các anh nét mặt Bác vui là thế, vậy mà trong đáy lòng lại là cả một đại dương sôi động, là những câu hỏi khó khăn không dễ trả lời được ngay. Nó chính là sự lường tính xa xăm và âm thầm.

Cách mạng nhiều khi không chỉ là sự bùng bùng những quyết tâm, những hăng hái đầy nhiệt huyết, với những người thừa hành thì hình như thế là đủ rồi, còn với những người ở một tầm phải đối mặt với lịch sử, tạo dựng lịch sử, thì quả là chưa đủ. Có lẽ cách mạng cũng còn là những u uẩn lo âu, là sự mềm mỏng lịch duyệt và sau hết cách mạng phải là trí lự xuất chúng. Vào khoảng giữa năm 1946, trong không khí căm uất chủ nghĩa thực dân ngùn ngụt bốc lên, có cán bộ cao cấp của ta đã viết một bài báo bằng một cách nghi khẳng khái vô chừng, "còn nhân nhượng nữa là phản bội, còn tiếp tục lùi nữa là bán nước"! Bác Hồ từ Paris về đã đặt tay lên ngực mình, nơi quả tim đang thổn thức đập và Người đã phải róm nước mắt nói "Hồ Chí Minh không bao giờ bán nước!".

Yêu nước là rất quý nhưng lại còn phải biết yêu nước. Biết yêu nước là rất khó. Đối với những người như cụ Hồ, như cụ Huỳnh, những người giàu lòng yêu thương và đầy từng trái, hẳn là nhiều khi đã phải khóc thầm. Khóc vì tình cảnh dân tộc đau đớn quá, khóc vì dân trí còn thấp quá, anh em con cháu tuy dũng khí

nhiều nhưng quả là kinh nghiệm chiến trường và chính trường đều chưa thể nói là đã từng trải, già dặn.

Tôi tạm biệt ngôi nhà đơn sơ và khu vườn tỉnh mịch trong núi vào lúc trời đã sẫm tối để về huyện Núi Thành. Ánh lửa bập bùng trong bếp nhà ai. Một đêm thanh vắng giữa một vùng đất bình yên.

Chú lái xe với tay điều chỉnh volume, tiếng ai đó ầm ập và tha thiết đang nói qua làn sóng phát thanh: “Hồ Chủ tịch từng nói, độc lập và tự do cho cả dân tộc mà không có tự do cho mỗi người thì độc lập và tự do để làm gì”... Tôi hỏi:

- Ai đang nói thế?

- Anh Được, Chủ tịch tỉnh đấy. Đài phát thanh của thành phố đang tường thuật cuộc mít tinh sáng nay.

Tôi trầm nghĩ, đúng thế thật, một nền tự do chân chính tất phải giành được sự tự do cho mỗi con người... Chừng nào chưa đảm bảo được quyền sống của mỗi người sao cho yên ổn thì thật khó có thể nói đã có một thể chế thật sự tốt đẹp và vững bền. Một sự phấn đấu còn lắm gian nan, còn lắm thách thức, chẳng dễ dàng chút nào. Mà đó lại là mong muốn sau cùng của một cuộc cách mạng.

Chợt nhớ câu thơ của cụ Tản Đà: “Ta còn bóng nỏ nào đi, ta đi bóng có ở chi côi này?”. Không, thưa các cụ, với những người như chúng con, với đông đàn

cháu con nước Việt, bất luận tình hình là thế nào, bóng các cụ, bóng anh em đồng chí vẫn đang lung linh lấp lánh trong mỗi ngày sống. Đó chính là niềm an ủi và nâng đỡ, là những đòi hỏi khe khắt với những ai đang sống, những ai đang được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất này.

Cái nắng ở đây mới dễ sợ làm sao. Vừa sáng ra đã thấy đây là một chú nhật không nên ló ra ngoài phố mà làm gì, hay nhất là cứ nằm dài trong căn buồng đang có cỗ máy điều hòa chạy ù ù như cối xay lúa này. Vậy mà không yên. Chuông điện thoại ở đầu giường bắt tôi choàng dậy. Tiếng cô Thu rồi. Bà giám đốc khách sạn Thái Bình Dương, gọi theo tiếng Anh là Pacific hotel. Bà chủ nhà hiếu khách của tôi đây.

- Tôi nghe.

- Mời anh xuống nhà có khách đến thăm ạ.

Tôi mặc vội áo quần, ra thang máy. Hóa ra là anh Quỳ, anh Huynh và anh Trân. Những người quen cũ của tôi, nhiều năm chúng tôi đã sống bên cạnh nhau trong chiến tranh.

Chúng tôi kéo nhau lên tầng thượng. Tóc anh Huynh đã bạc phơ, tóc anh Quý đang điểm bạc, còn anh Trân thì vẫn cứ cao lớn trẻ trai như ngày nào. Cô Thu ra hiệu cho người phục vụ lại gần.

- Cậu thích ăn gì thì cứ gọi thoải mái nhé. - Anh

Quỳ nói. - Lâu ngày không gặp nhau rồi, vào đây cậu là khách của bọn này.

- Mỗi người một con cua rang muối, thế là sang lắm rồi.

- Thì cua. Bia hay rượu?

- Các anh cho uống bia, rượu nặng lắm.

- Tùy cậu mà. Nhưng chi cua thôi à, gọi thêm thứ gì nữa chứ nhì.

- Thế đủ rồi. Ai thấy còn đói thì gọi thêm sau.

Bà giám đốc khách sạn quay đi giấu một nụ cười mím. Khách phải gió, thuốc lá không hút nhưng lại hút thuốc Lào, bày bữa cả một căn phòng hạng nhất, rồi bây giờ người ta mang tiến tới thết tiệc thì lại chỉ gọi mỗi người một con cua mặn. “Sếp Quỳ” đến chứ có phải chuyện bốn. Anh Quỳ giờ đang là Giám đốc sân bay Đà Nẵng, bọn trẻ gặp anh ở đâu cũng niềm nở “chào sếp”. Mắt chúng sáng lên những ao ước, giá mà được sếp nhận cho vào làm nhân viên trong sân bay thì đúng là phúc to bằng cái đình. Anh Quỳ đầu tiên thấy lạ tai, lữ ranh con giờ kỳ quặc thật, ai cũng sếp tuốt, anh gật đầu chào lại chúng mà cũng chẳng nhớ được chúng là con cái nhà ai.

Vậy là đã có ba chục năm tôi mới gặp lại anh Quỳ. Ngày ấy tôi được cử xuống một một trung đoàn bay lấy tài liệu viết bài. Sáng sáng theo các anh ra sân bay để

trực chiến, chiều chiều lại theo các anh về chỗ ngủ. Cùng ngồi một xe, cùng hút thuốc lá và chuyện trò, nhưng ăn thì ăn riêng. Tôi ăn khẩu phần “đại táo”, cơm rau muống bí đỏ, còn các anh thì ăn như ăn cỗ, không ăn thế thì bay làm sao được. Một lần anh Quỳ lẳng lẳng gấp vào bát tôi miếng gan rô to. Tôi cũng lẳng lẳng gấp trả lại bát anh. Đến chiều lúc đã lên xe anh vỗ vai hỏi tôi:

- Chú định ở đến hôm nào?

- Tôi ở đây chờ các anh bắn rơi địch mới được về, về là phải mang bài về.

Trưa hôm sau, qua nhiều lần cất cánh vờn địch chán rồi, các anh được lệnh xông vào công kích. Đánh như trâu húc mả, địch bay từng đàn, bị tấn công bất ngờ chúng bỏ chạy tán loạn. Chúng kêu lên báo động cho nhau “Mích, Mích, có Mích”! Biên đội các anh hôm đó hạ hai máy bay F4H. Anh Lan là biên đội trưởng, bay khóa đuôi, nhưng vì ham đánh quá nên chưa về tới sân bay thì kim đồng hồ chỉ hết xăng. Anh liều đổ xuống một bãi đay ven sông Đuống. Trận đánh ngày hôm sau cũng vậy, bắn rơi địch rồi anh Hanh phải liều hạ cánh xuống một vạt sắn, trước khi chạm đất vẫn kịp lướt bụng máy bay vào một rừng tre làm cả một bờ tre gãy tước như bị xé nát. Chính là nhờ có đay và tre mà các anh đã sống sót. Trong lịch sử không quân thế giới, chả thấy ở đâu có sự đánh đắm oái oăm như thế.

Cũng từ hai anh Lan và Quỳ mà tôi biết Quảng Nam là ra làm sao. Ở đó có sông Thu Bồn, có dâu xanh bạt ngàn, có điệu hò xứ Quảng, có sóng biển bạc dẫu. Chả thấy anh nào nhắc tới những cồn cát khô khốc, những nổi truân chuyên truyền từ đời này qua đời khác. Cái đau cái nhớ nén cất vào bên trong, không dễ bộc bạch ra với ai. Dạo đó tôi đã thấy các anh chiến đấu vì quê hương như thế nào. Mấy năm sau hỏi thăm biết hai anh đều đã thành cán bộ chỉ huy, nhưng một số anh thì đã hy sinh. Rất nhiều chàng trai mạnh mẽ con em miền Nam đã ngã xuống trong lúc bay lên bảo vệ bầu trời Hà Nội. Mà anh nào nom cũng điển trai lắm, gan góc lắm.

Những năm đó anh Trân là một sỹ quan còn rất trẻ, anh thường dẫn một đội kịch không chuyên của đơn vị đi tham dự các hội diễn, vở kịch đoạt giải nhất của các anh là vở *Chim chèo bẻo* do Lưu Quang Vũ viết. Sau này Vũ trở thành một kịch tác gia nổi tiếng tả xung hữu đột, điều đó thì ai cũng đã biết, nhưng vở kịch đầu tay của Vũ kể chuyện Không quân ta chiến đấu thì chắc chắn anh Trân là người biết rõ hơn ai hết, vì anh vừa là bạn lại vừa là cán bộ phụ trách trực tiếp của Vũ.

Còn cô Thu dạo ấy đang là một cô bé con học ở trường Nguyễn Công Trứ, từ căn hộ của gia đình cô chu cần đi vài bước là tới đê sông Hồng. Cô Thu chạy nhảy

trong sân trường với một cái quần lụa đen vừa may đã ngắn cũn ngắn cốn vì mau lớn quá. Túi áo của cô nhét đủ các loại tem phiếu, từ phiếu thịt phiếu đường cho đến dầu tây nước mắm. Bố cô đã quay về quê hương trong một chuyến đi giữ kín, cô phải giúp mẹ quán xuyến mọi việc bếp núc. Cô sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, học xong đại học ở đó, rồi mãi đến khi về quê mới lấy chồng. Có lẽ phải có đến vài ba anh con trai Hà Nội bây giờ vẫn còn đang ngơ ngẩn mỗi khi chợt nhớ tới cô. Đẹp người, đẹp nết, có người nhớ thương thì cũng phải thôi.

Người sau cùng tôi muốn nhắc tới trong buổi gặp lại này là anh Huynh. Tôi không rõ trước lúc nghỉ hưu anh có được phong tướng hay không. Nhưng nghĩ kỹ thì thấy việc ấy nào có nghĩa lý gì. Ngày đó anh Huynh phụ trách công tác cán bộ của quân chủng, anh là người có học, tính nết cẩn trọng nhả nhận lắm. Ra Bắc tập kết, anh Huynh để lại ở quê nhà người vợ trẻ và một đứa con trai. Những ngày chủ nhật, trong cơ quan người thì tranh thủ về thăm gia đình, người thì mò đến đám này đám nọ “tìm hiểu”, nghĩa là đi kiếm vợ. Riêng anh đã luống tuổi, cũng chả biết đi đâu nên hằng hái tâng gia lắm. Anh lừa bọn lính trẻ chúng tôi ra những ruộng rau, đưa nhố cỏ, đưa tưới phân, riêng tôi anh còn cử làm những việc nặng nũa, anh nói: “Đụng chân đụng tay đi, ngồi lì đọc sách mãi khéo hỏng mắt”.

Hòng hay không hòng chưa biết, nhưng tôi sợ đến chủ nhật lắm. Cũng như tôi sợ anh Huynh lắm. Anh rất hiền và tốt bụng, điều đó tôi biết chứ, nhưng tôi sợ anh vì tôi vốn là thằng lười, vậy mà anh thì lại chỉ thích tăng gia là nghĩa làm sao.

Mấy năm sau anh được chọn đi làm Tùy viên quân sự bên Ba Lan. Ở bên đó năm năm, cho đến ngày quê hương giải phóng thì cũng vừa hết nhiệm kỳ công tác. Anh về còn kịp gặp lại vợ con, vợ chồng già mà thương nhau vô kể, thương như là để bù lại cho hai chục năm xa cách vậy. Được đúng một năm, ai ngờ chị bệnh nặng, lúc sắp qua đời chị nắm tay anh, anh nắm tay chị, vợ chồng chỉ biết nhìn nhau mà nghẹn ngào không nói ra lời. Đây là lần duy nhất trong đời một người như anh Huynh đã phải khóc. Bây giờ anh đang trong cảnh gà trống nuôi con. Thằng con đã khôn lớn, vào làm nhân viên trạm xăng dầu cho cho chú Trăn và chú Quý trong sân bay, đời sống cũng khá. Tôi hỏi đùa xem dạo này anh còn ham trồng rau nữa không. Anh cười nhớ lại chuyện ngày xưa, bảo cũng là do nhớ vợ nhớ con không nguôi được mà hóa nên sự hăng hái đó. Giờ thì khác rồi, anh đã là một ông lính già bình tĩnh và ung dung lắm. Anh thích trồng hoa, chơi chim. Anh thích nghe sơn ca hát. Trong các loài chim, anh cam đoan chỉ có sơn ca là tuyệt vời. Anh hẹn tôi lần sau vào

đến nhà anh chơi, phải ở lại lâu lâu một chút, nhà anh giờ ở cạnh nhà chú Quý. Tôi vâng. Nhất định tôi sẽ còn trở lại với các anh.

Anh mong sẽ có dịp dẫn tôi sang chơi bên bán đảo Sơn Trà. Nom xa vậy chứ bên đó rộng lắm. Rộng đủ cho một thành phố tương lai dựng lên. Ba bề là biển cả, bãi tắm đẹp, có thể mở nhiều cảng cho tàu lớn ra vào, nơi ấy mới đúng là trên bến dưới thuyền. Rồi tôi sẽ được tới thăm hai ngôi mộ của người Âu đã nằm lại trong một cuộc đánh chiếm của họ vào đất này ở thế kỷ trước. Lại có cả mộ mấy nhà buôn người Nhật. Và nghe sơn ca hát nữa chứ. Con sơn ca nhà ngọc giữa thình không, đi qua mấy sườn núi vẫn còn nghe thấy tiếng ngọc đổ xuống từ ngang trời. Anh bảo: Chú hãy viết giùm tôi những cảm giác lạ lùng tựa như mình cũng đang sắp bay lên, mình biết thế mà không nói ra được.

Vào hôm tôi rời Đà Nẵng có con tàu Macobolor đưa trên sáu trăm người nước ngoài cập bến sông Hàn. Họ sẽ là khách của thành phố này một ngày, sau khi đã lênh đêngh qua mười lăm nước. Tính từ đầu năm đã có hai mươi nhăm con tàu từ các nước tới thăm mảnh đất này rồi.

Anh Phúc vui ra mặt, trời nóng như đổ lửa mà anh vận comple, mang cravate, trịnh trọng ôm hoa, cùng nhiều cán bộ và nhân dân thành phố ra cảng đón

khách quý. Anh còn thảo sẵn một bài diễn văn ngắn viết bằng tiếng Anh để chào mừng những người bạn đã có lòng tới thăm quê hương mình. Anh nói đây là trách nhiệm mang tính truyền thống dân tộc và cũng là bốn phận của một Giám đốc du lịch. Từ nay đến cuối năm theo kế hoạch, Đà Nẵng sẽ còn đón hai mươi chuyến tàu như vậy nữa. Một thành phố đang khởi sắc, vui dần lên trong thời kỳ mở cửa, có nhiều khách tới thì việc làm ăn cũng sẽ phồn thịnh, đất lành chim đậu mà. Ở trên tàu có đủ bể bơi, sân ten-nít và có cả một nhà hát. Phúc rủ tôi cùng ra đó với anh. Nhưng tôi ngại vì quần áo mình lấm lem quá, biết đi chuyến này là sẽ phải leo núi, lội cát, do vậy mà đã kịp ra phố Hàng Dầu sắm một đôi dép nhựa tái sinh. Guốc dép thế này mà đến một nơi sang trọng là đâu có được. Tôi nằm trong buồng đợi Phúc. Anh hẹn sẽ mang xe tới đưa tiễn tôi ra sân bay.

Ngang trưa Phúc tới. Một chiếc xe Toyota màu đen bóng loáng ghé sát cửa khách sạn. Tôi ôm cặp bước lên xe ngồi với Phúc trong khi mấy cô nhân viên mở cốp bỏ vào đó một gói quà gửi về cho các cháu nhà tôi. Thật chu đáo quá.

Mùa hạ trời miền Trung xanh thật là xanh. Và nắng dữ, cát nóng. Nhưng người thì hình như lại rất dịu dàng. Máy bay chỉ bay có một giờ năm phút là từ

Hà Nội vào tới đây, vậy mà phải có hai chục năm tôi mới tới được vùng đất này, mới tới thăm được nhà cụ Huỳnh, mới gặp lại được các anh các chị. Và nhìn vào những trảng cát nóng kia chợt nhận ra ý nghĩa sâu sắc của mấy từ “khúc ruột miền Trung”.

Chào sông Hàn. Chào Sơn Trà. Chào những người anh em với những khuôn mặt thân thuộc, những khuôn mặt mới mẻ, những người tôi đã từng gặp, những người tôi mới chỉ được biết trong chuyến đi này. Tất cả với tôi, người và đất ở đây đều gần gũi làm sao. Hôm nay nó còn là Quảng - Đà, sắp tới lại sẽ là Quảng Nam và Đà Nẵng. Nhưng đâu sao nó cũng vẫn cứ là nó, người vẫn là người ấy, đất vẫn là đất ấy, vẫn biển, vẫn sông vẫn núi và vẫn những cồn cát ướp hóa ấy. Sau một chuyến đi không dài qua miền này, tôi đã tin là sẽ đến một ngày không xa, sẽ có một ngày không xa, miền đất nghèo này sẽ có nhiều đổi thay, có nhiều mở mang đáng kính nể. Người xứ Quảng sẽ làm nổi việc đó. Nhất định phải thế vì nó là Đà Nẵng, nó là Quảng Nam.

TRỜI ĐIỆN BIÊN MÂY TRẮNG

Lần này Hội Nhạc ra quân sớm, cuộc đổ bộ của các Anh xuống Điện Biên thật hùng hậu, có tất cả mười hai người, Sài Gòn ra một lúc bảy người. Toàn những nhân vật cự phách tên tuổi lẫy lừng, dẫn đầu là hai ông Hồng Đăng và Tôn Thất Lập, trẻ nhất là Từ Huy và Nguyễn Văn Hiên, già nhất là hai ông Phan Huỳnh Điểu và Huy Du. Đi chuyến này về là qua Tết Giáp Thân, tôi được biết anh em trong Sài Gòn sẽ tổ chức mừng thọ cho ông Phan Huỳnh Điểu bước sang tuổi tám mươi. Vậy là ông Phan còn hơn ông Huy Du vài tuổi.

Thời gian không nhiều, đoàn dành ngày đầu để viếng nghĩa trang, thăm đồi A1, thăm hầm Đờ Cát, sau đó vào Mường Phăng. Hôm sau đến thăm Ủy ban tỉnh,

Ủy ban thành phố, buổi tối có liên hoan lửa trại với bà con bản Ten. Đây là một buổi giao lưu nhiều ấn tượng. Chủ khách đều hát và cầm tay nhau nhảy múa. Có anh cán bộ văn hóa huyện cầm micrô hát đầy tự tin, giọng vang lẫm. Lại hát đúng vào hai bài của nhạc sĩ già cho nên các ông xúc động muốn chảy nước mắt. Đẹp không thể tả nổi là các cô gái bản Ten, váy Thái lộng lẫy, nom cô nào cũng như thể tiên sa xuống trần. Tôi nghiệm ra là các nhạc sĩ họ có ma lực riêng không ai bì được, giữa đám đông chỉ vừa nhìn thấy, vừa nghe thấy, thế là tất cả đã reo lên, đã ùa tới đẩy tin cậy và quý mến. Nghĩ bụng từ nay khôn thì cứ bám các ông ấy mà đi. Khi chủ khách được giới thiệu để làm quen với nhau, nhạc sĩ Văn Dung có nhã ý nói tôi là nhà văn Đỗ Chu đến hai ba lần mà xem chừng mọi người vẫn thờ ơ thế nào ấy, có một anh bắt tay tôi rất chặt, nói là đã đọc tiểu thuyết của tôi, cuốn *Bão biển*. Tôi không dám nhận xằng nên nói đấy là tiểu thuyết của ông Chu Văn. Lại còn một cô nữa cũng đẹp lẫm, lúc ăn cơm từ mâm bên cạnh cầm bát rượu sang bắt tôi phải uống một nửa bát, hứa uống xong sẽ bàn với tôi một chuyện rất hay. Tôi hỏi chuyện gì, cô ấy nói cô ấy là cô giáo, đã đọc nhiều sách của tôi, rất may mắn hôm nay được gặp tác giả. Tôi không uống được rượu, nhưng vui thế này thì phải uống thôi. Tôi nhắm mắt uống liền. Lúc đón lấy nửa bát rượu còn

lại, cô dịu dàng cười: “Mai em mời anh tới trường em nói chuyện, em cho trường nghỉ một buổi, chẳng mấy khi anh lên trên này. Em là hiệu trưởng đã có mười năm giảng dạy văn học”. Cô ấy vươn cái cổ rất thon thả lên, uống cạn, rất ân cần cô đưa tay bắt tay tôi, gật đầu chào: “Sáng mai em cho người đến đón anh, tạm biệt nhà văn Chu Lai nhé”. Tôi thấy tủi thân quá, mới nghĩ, không khéo lần này về cũng phải chịu khó quay ra học lấy vài nốt nhạc thử sức xem sao. Nhưng lại nghĩ, ở đời, không phải thấy người ta ăn khoai cũng vác mai đi đào.

Tôi được xếp ngủ chung một buồng với anh Huy Du. Lúc sắp tắt đèn thì anh Văn Dung lại hiện ra ở khung cửa sổ, nhân danh người tổ chức chuyến đi này, anh kể ơn với tôi : “Hôm qua ở Mường Phăng cậu đã được chụp ảnh với anh Phan Huỳnh Điểu trước hăm Đại tướng rồi, giờ tôi xếp cậu ngủ với anh Huy Du, cũng là một nhạc sĩ lớn, chỉ nhắc cậu trong khi ngủ vẫn phải có ý quan tâm đến người già, thấy ông ấy ngáy đều đều thì yên tâm, thấy không ngáy thì phải bò dậy lay nhẹ xem sao”. Tôi vâng, rồi trùm chăn kín mặt.

Lần này tôi lên Điện Biên vì hai nhẽ, một là trong đời tôi nếu chưa được một lần đặt chân lên mảnh đất lịch sử này thì khéo chết cũng chưa yên, từ tấm bé tôi đã mong có một lần được đến đây để lòng thành thấp

một nén hương viếng các liệt sĩ. Hai là việc đi lại đâu có dễ gì, còn nơi ăn chốn ngủ nữa, khó khăn lắm, cho nên khi biết các nhạc sĩ được ông Tổng Giám đốc Hàng không Quốc gia Việt Nam đích danh mời lên đây thì tôi vội vàng bám theo ngay. Tiền không một đồng trong túi, quần áo phong phanh, đến cái khăn mặt cũng không mang theo. Người ta còn dám chết cả ngàn cả vạn ở chốn này thì mình lo gì.

Chúng tôi làm những vị khách đầu tiên mở màn cho hàng trăm chuyến khách mà Hàng không sắp mời. Qua Tết sẽ là một chiến dịch hành hương về Điện Biên.

Anh Huy Du đang ngáy đều đều bỗng im bặt. Tôi vội lật chăn ngồi dậy, khê hỏi:

- Anh Huy Du thức hay ngủ ?

- Mình ngủ. Chu vẫn chưa ngủ cơ à, thế thì mình cũng thức luôn.

Hai anh em bật đèn cho sáng trưng lên rồi ngồi hút thuốc. Anh than vãn chuyện lúc sắp lên xe chị Nhung vợ anh còn chạy theo bắt phải ôm cái áo khoác, lên trên ấy là rét phải biết, vậy mà Điện Biên lại ấm, thế mới dờ. Gần tám mươi rồi, ôm cái áo nặng như cái cùm, đi một bước oán vợ một bước. Tôi bảo vẫn còn là rất may, mới chỉ phải ôm theo cái áo chứ cái bà la sát ấy mà nổi máu đòi đi theo chuyến này thì đó mới thật là một cái họa.

Anh Huy Du cười rất hiền, nhìn ra ngoài cửa rất lâu, nghĩ vẩn vơ rất lâu. Ngoài trời sương mù u uẩn, sương mù đặc như khói súng.

“Mình không được lên đánh Điện Biên, lúc đó mình đang ở đoàn Đồng Bằng, ở lại cầm chân địch. Sau hòa bình thì qua Trung Quốc học, cùng đi một chuyến với Hoàng Vân. Hoàng Vân và Đỗ Nhuận mới là dân đánh Điện Biên, từ đây bước ra là đã có *Hò kéo pháo, Trên đồi Him Lam, Hành quân xa, Giải phóng Điện Biên*. Đúng là một thời kỳ trường thành toàn diện, nhờ có hào khí Điện Biên mà âm nhạc và nghệ thuật nói chung lớn lên nhiều lắm. Đó là thời kỳ đất nước đã tìm được tổng lực, nhìn vào đâu cũng đầy hứng khởi, ngay trong quan hệ quốc tế cũng vậy. Lịch sử ngoại giao của nước nhà, nói riêng với Trung Quốc thì cả ngàn năm cho đến khi ấy mới là một thời kỳ có thể được xem là quan hệ hai nước đã đạt đến một tầm mẫu mực nhất. Rất trong sáng, rất bình đẳng và trung thực. Cho nên khi ra nước ngoài cũng không lấy gì làm lạ, đi đến đâu cũng thấy người ta vẫy cờ đỏ sao vàng và hô *Việt Nam - Hồ Chí Minh*.

Mười năm sau Điện Biên mình mới ngồi viết *Bé Văn Đàn sống mãi*, đây là muốn mang ngọn lửa Điện Biên, thắp sáng ngọn lửa Điện Biên để bước vào những trận đánh sắp tới. Quân đội lại ra trận, lại lên đường

và Điện Biên vẫn đang vẫy gọi chúng ta ở phía trước, chưa bao giờ Điện Biên nằm ở phía sau, chưa bao giờ Điện Biên là quá khứ. Mình hé cho Chu biết, cho đến hôm nay mình mới có dịp tới nơi này, nhưng có sao đâu, cái tinh thần Điện Biên phải được hiểu rộng hơn là một trận đánh, một chiến dịch. Tầm vóc của nó vượt ra khỏi khuôn khổ đó rất nhiều, ý nghĩa của nó cũng lớn lao hơn thế rất nhiều, sức vang vọng, sức thúc đẩy, sức chuyển động của nó là rất mạnh và rất xa. Tài tình, thần tình là Điện Biên. Cái đêm quân ta rút qua gầm cầu vượt sông Hồng, cái đêm Hà Nội cháy ngập trời bọn mình kéo lên Trung Hà, cứ hẹn với nhau sẽ có một ngày trở lại, nhưng kỳ thực có thằng nào đã mừng tượng nổi sự trở về nó ra làm sao. Không ai ngờ được, muốn trở về còn phải kéo nhau lên làm một trận thừa chết thiếu sống ở cánh đồng này. Rất nhiều bạn bè của mình đã nằm lại đây, trong đoàn quân kéo về Thủ đô không có chúng nó. Mình đã ôm mặt khóc mặc dù vẫn biết nếu không thế thì cũng chẳng có ngày về như đã hẹn... Theo thiện ý của mình và có lẽ cũng là của mọi người kể cả những người đã ra đi từ ngày ấy, cách tổ chức kỷ niệm Điện Biên tốt nhất chưa phải là chiêm ngưỡng mít tinh, mà phải là một cuộc vận động thật sự trong toàn Đảng, toàn dân, phải làm thế nào để bật dậy, để đất nước một lần nữa tìm được tổng lực, không tìm

lại được tổng lực thì có đến mười Điện Biên cũng xin vái các ông. Cái cần nhất để làm nổi việc ấy là phải nhiều dũng cảm, nhiều trung thực và phải có một tầm nhìn rất chiến lược”.

Hóa ra để xứng đáng với Điện Biên, để xứng đáng với những người đã nằm xuống cho chúng ta có ngày hôm nay lại là một việc không dễ dàng, nó là một thách thức của lịch sử.

Cái năm đầu tiên miền Bắc bước vào chiến tranh phá hoại, có lần tôi nhận nhiệm vụ ngồi lên một chiếc xe “Gát” kéo khẩu pháo 37 ly của tiểu đội Tô Vĩnh Diện, tay ôm một cái hộp gỗ bên trong là tấm áo trấn thủ của Tô Vĩnh Diện đi xuống gửi ở chùa Láng. Khẩu pháo được đẩy vào nằm dưới mái tam quan, còn cái hộp gỗ thì mang vào đưa tận tay sư cụ trong chùa. Sư cụ trong chùa là một sư bà. Vừa trông thấy tôi bà đã mỉm cười : “Nhanh thế, vừa ban sáng có ông chỉ huy tới nói nhờ nhà chùa, thế mà chiều đã cho cậu mang đến rồi. Dem đây cho tôi xem”.

Bà mở hộp gỗ ra, cầm chiếc áo trấn thủ rách bươm lên tay ngắm nghía một lát rồi kéo tôi lại gần, ướm thử nó vào ngực tôi. Bà khen “vừa vặn, chắc là ông ấy cũng gày gầy nhang nhác như cậu”.

Tính đến nay đã là bốn chục năm rồi, tôi cũng chẳng rõ khẩu pháo ấy, chiếc áo ấy giờ đang nằm ở nhà

bào tàng nào, chỉ nghĩ nếu hôm nay ướm thử một lần nữa chiếc áo ấy vào tôi thì liệu nó có vừa vặn được nữa hay không. Cái áo vẫn là cái áo năm xưa, nhưng người thì e rằng đã khác đi nhiều, sức vóc mà teo tóp đi ắt là phải rộng, còn nếu béo phình ra ắt phải chật. Đằng nào cũng là không còn vừa được nữa.

*

Ngày Hăng Hàng không Quốc gia Việt Nam quyết định thay cái nhãn con cò bằng bông sen đã có người lấy làm tiếc, bảo cò đẹp chứ sao, con cò bay là bay la, rất đậm đà màu sắc dân tộc, lại có người muốn bênh nên cãi, làm ăn kinh tế là phải xem trọng thương hiệu, trọng thương hiệu là phải biết tìm cái nhãn hiệu sao cho thật thích đáng. Con cò tương vậy chứ cũng vẫn là lặn lội lam lũ, làm ăn mà thế hỏi bao giờ mới ngẩng mặt lên được. Phàm đã bay lên trời cần nhất là phải bảo đảm an toàn, còn có gì bình yên hơn là nơi Đức Phật tọa thiền, Ngài đã tọa trên một tòa sen, Ngài ngồi lên một đài sen mà vượt sông Hằng, bay qua ba vạn sáu ngàn thế giới trong chớp mắt cũng chỉ bằng một đài sen. Cho nên anh nào có sáng kiến chọn hoa sen làm nhãn cho hàng không ta là rất chuẩn, đây là trong tĩnh có động trong động có tĩnh vậy.

Dạo ấy tôi đang khểnh ở nhà, bụng nghĩ chi có thằng này biết là ai đã có sáng kiến ấy và cũng biết là vì sao rồi.

Là ai thì có thể nói luôn, người thay con cò bằng hoa sen ắt phải là ông Tổng Giám đốc Hãng Hàng không, là ông Nguyễn Xuân Hiến. Còn như vì sao chọn hoa sen thì đấy lại là một câu chuyện dài.

Mùa hạ năm ấy nước nhà đã thống nhất được vài năm, Sài Gòn đã rất vui, nhưng ở biên giới Tây Nam thì chưa ổn, bên kia biên giới trên đất bạn Campuchia lại càng chưa ổn, bên ấy đang là chiến tranh thật sự, đám Pôn Pốt hoành hành rất dữ. Một tối tôi ngồi nói chuyện với Nguyễn Xuân Hiến trong căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, lúc đó anh đang làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn vận tải 918. Đâu đường bằng bên kia là hòa bình, còn đâu bên này lại là báo động cấp một, là sẵn sàng cất cánh, có lệnh là đi bất kể đêm ngày. Lúc đi chở súng chở đạn, chở gạo chở mắm, chở thư từ chở thuốc men quần áo tăng vông, lúc về thì chi chở thương binh liệt sĩ.

Hôm tôi đến Hiến cũng vừa bay từ mặt trận về. Nom anh buồn rười rượi, chập tối anh cho chú liên lạc tìm tôi, nói là đến uống trà. Anh cho biết có một chiếc trực thăng vừa bị bắn rơi, cả tổ bay bị Pôn Pốt bắt sống, chúng trói mỗi anh bằng một sợi dây thừng rồi kéo họ

qua một đầm lầy ven Biển Hồ. Thoạt đầu anh em mình còn cố chạy, ai cũng ngoái cổ ngẩng mặt lên cao mà gọi, sau thì nằm sấp cá xuống bùn, chúng cứ kéo họ như thế cho đến ngang trưa. Ngồi trên máy bay nhìn xuống Hiền uất muốn tức thở, anh quát một cậu trong tổ lái tìm cho anh khẩu súng máy, nhưng anh quên chiếc máy bay anh đang ngồi là một chiếc vận tải thuần túy, bắn làm sao được. Anh đành lệnh cho tổ lái bay thêm một vòng nữa sau đó lấy độ cao trở về căn cứ. Nơi ấy sen súng mới nhiều làm sao, chúng mọc bát ngát khắp cánh đồng, đang là mùa hoa, sen nở trắng hồng, còn súng thì tím đỏ, đỏ như máu như lửa.

Giọng Hiền trầm sâu, ồ ồ trong cổ, anh thùng thảng vừa kể vừa hút thuốc. Mấy lần giục chú liên lạc súc âm pha trà, “làm thêm ấm nữa mày, cho thật đặc vào”.

Đó là một đêm không ngủ. Tang tảng sáng ngoài khung cửa hiện ra một sĩ quan dáng tầm thước, khỏe, nụ cười chất phác rất dễ gần, khăn mặt bông vắt vai. Chúng tôi mời anh vào uống nước. Hiền cho biết đây là đồng chí Chủ nhiệm bay Trung đoàn. Ông có biết là ai đây không, anh hỏi lại tôi rồi không đợi tôi trả lời anh bảo, đây là người ném trái bom kết thúc cuộc chiến vừa qua đây, Nguyễn Thành Trung của chúng ta đây. Sáng nay anh ấy có nhiệm vụ đưa một chuyến vận tải chở ba trăm đờ ong ra Bắc, ngoài ấy đang mùa hoa nhãn.

Chúng tôi bắt đầu tập làm ăn, năm ngoái cũng đã cho thuê cho một Công ty ong, dọc đường bấy ong chui ra khỏi tổ, cả mấy tay trong tổ lái đều sung vù cả mặt.

Chúng mình ước ao sớm được tham gia xây dựng ngành Hàng không dân dụng, chúng ta nhất định phải có một nền hàng không ngang tầm với các nước trong khu vực. Những cánh bay hiện đại, có mang hình những bông sen xòe sáu cánh, ông báo đã Việt Nam chưa nào.

Tôi lặng im lắng nghe, vừa nghe vừa ngắm khuôn mặt anh. Một khuôn mặt thanh tú, còn mang đôi nét học trò, nhưng thoáng một chút lì lợm trong ánh mắt, trong cách hắng giọng. Tôi nghĩ, tay này không biết khóc, người này không ai dọa nổi.

Mười năm về trước tôi đã có một lần giáp mặt Hiền, giáp mặt mà vẫn không có dịp chuyện trò với nhau.

Đó là một sớm tinh mơ tôi còn đang nửa tỉnh nửa mê thì có người dựng dậy: “Đi ngay, lên ngay Hòa Lạc. Quân ta vừa lắp ráp xong một chiếc máy bay, hôm nay được lệnh cho bay thử. Cậu phải lên trên ấy để chứng kiến, bao giờ viết, viết thế nào thì chưa bàn, làm văn làm báo mà bạ trông thấy gì cũng tương bừa ra giấy là có ngày đi tù cả lũ”.

Một mệnh lệnh hơi lạ lùng, mà chuyến bay này nghe cũng lạ lùng. Chúng tôi ngồi chật cứng trong một

chiếc xe đất vuông, tham mưu có, chính trị có, kỹ thuật hậu cần đều thấy có, chuyện trò rôm rả, hào hứng như chính mình sắp được lên trời.

Chiếc máy bay vừa được lắp nằm đợi mọi người ở đầu đường băng dã chiến - một dải đất sét nện bên trên trải ghi mắt cáo. Tất cả được lệnh xếp hàng đứng ở phía đuôi máy bay. Một chốc thì có xe đưa hai chiến sĩ lái tới, cả hai đều gọn gàng trong trang phục bay. Họ chạy đến chào và bắt tay mấy ông chỉ huy, sau đó leo nhanh lên buồng lái. Lệnh xuất phát. Tiếng động cơ vang lừng, cánh quạt quay tít. Bụi cát quất vào mặt chúng tôi như có bão, chỉ một loáng không còn nhận ra ai. Chiếc máy bay lao thẳng về phía trước rồi bất thần khựng lại, rồi bất thần lại nhẩy bổng lên như con ngựa hoang, sau đó thì rất buồng bình, như muốn quay đầu lại, chúng tôi không còn nghe thấy tiếng động cơ nữa. Hóa ra việc bay thử là một quá trình, hôm ấy mới chỉ là chuyến đầu tiên, rồi về sau, đến một ngày nọ, chiếc máy bay ấy cũng đã cất nổi mình lên không trung, làm một vòng lượn tuyệt đẹp và khi tiếp đất tuy vẫn còn có sự nhẩy lổm cổm nhưng cũng đủ để chúng tôi thở phào nhẹ nhõm.

Chuyến bay thử được xem là thành công. Nhóm kỹ sư và thợ máy được khen là dám nghĩ dám làm, có ý chí tấn công. Hai phi công trẻ được khen là dũng

cảm, có quyết tâm cao. Còn chiếc máy bay thử nghiệm được đặt tên là “Liên lạc I”, sự kiện này đã được ghi vào cuốn sử nội bộ, có lệnh giữ bí mật không tuyên truyền, mãi đến năm ngoái tôi mới nghe nói đã được phép cho công khai. Một trong hai người lái chuyến bay thử hôm ấy là Nguyễn Xuân Hiến.

Hiến là con trai của một kỹ sư công chính thời thuộc Pháp, ông cụ tham gia hoạt động cách mạng từ thời tiền khởi nghĩa, chín năm kháng chiến anh theo gia đình tản cư ra ngoài vùng tự do, đang là sinh viên năm thứ hai khoa Sinh, Đại học tổng hợp thì nhập ngũ, được cử đi học lái ở Liên Xô...

Trên đường về tôi ghé mắt nhòm vào cuốn sổ tay ghi chép của anh trợ lý tổ chức mà biết thế. Bụng nghĩ, thằng này sinh 1946, vậy là nó nằm trong một cái thúng để mẹ nó gánh vào Thanh Hóa, năm ấy nó mới lên một, là dân Hà Nội gốc thuộc dòng dõi trí thức, ăn rau má, ăn khoai lang, khoai môn từ thuở lọt lòng, vậy mà vẫn cứ cao lớn, dũng mãnh là nghĩa làm sao. Đêm 19 tháng 12 năm 1946 là một đêm cả đất nước lên đường làm cuộc trường chinh không phải chỉ dài mười năm mà dài suốt ba chục năm. Không phải chúng ta chỉ đến Điện Biên mà sau đó chúng ta còn phải đi tiếp để đến tết Mậu Thân 1968, đến Quảng Trị mùa hạ 1972, đến Tây Nguyên và đến Sài Gòn tháng

từ 1975. Tất cả đều đã được chuẩn bị một cách công phu, thâm lặng và thiên tài từ cái đêm ngút trời lửa cháy đỏ. Hàng ngàn, hàng vạn đứa trẻ ngồi trong những cái thúng theo gia đình chạy ra khỏi các cổng làng, các cửa ô để đi tới những vùng rừng thiêng nước độc, sốt rét và đói, sẽ có một ngày khoác chiếc áo trấn thủ của cha anh nằm lại ở Điện Biên, bước vào những trận đánh trên thực tế còn dữ dội, khốc liệt hơn cả trăm lần Điện Biên. Đó là sự nổi giận lớn của cả một dân tộc đồng lòng đứng dậy đòi tự do độc lập, kiên quyết không chấp nhận thói kiêu ngạo vô lối, cũng như sự nhần tâm hết sức lạ lùng khiến ta không thể mơ hồ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Đòi người nghĩ cũng lạ, ông Hiền khi vào trường Đại học là chắc mười mươi mình sẽ làm khoa học, nào ngờ có một ngày phải đâm đầu lao vào lửa trên đôi cánh máy bay. Càng không dám nghĩ mình sẽ còn có ngày hôm nay, làm Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia, cái chức ấy bảo quan trọng cũng phải mà bảo chưa mấy quan trọng cũng phải. Bảo sướng cũng đúng mà bảo khổ cũng đâu có quá. Theo tôi là rất vất vả, rất hệ trọng. Nghiên cứu khoa học vốn là mơ ước

từ nhỏ của ông, nhưng đòi không chiều ông, đòi không chiều ai cả. Cũng như cái thân tôi vậy, ở cái tuổi lên chín lên mười đã toan lấy vợ, tôi mê cô bé bên nhà hàng xóm với một tình cảm tương không gì gỡ ra nổi, chỉ chực lớn lên là cưới nhau. Suốt ngày tôi quần quanh bên cô bé, được nó sai dắt trâu. Mỗi khi con trâu đang đi bỗng nhiên đứng lại, cô bé bậm môi quất roi vào mông nó mà nó vẫn cứ ì ra đấy thì cô liền kêu lên “sắp ị rồi, sắp ị rồi”, vậy là tôi lập tức chạy bổ về nhà tìm cái gơ tre. Hai đứa húng cái gơ vào đít con trâu, rồi xách đồng phân ra đồng bón vào những gốc bầu, gốc mướp. Đây là ước mơ một đời của tôi, tôi chỉ có mỗi một mong ước ấy, suốt đời được thế, được giữ một chân theo em ra đồng bốc phân trâu bón vào những gốc bầu gốc mướp, vậy mà cũng không xong. Loạn ly bèo dạt mây trôi làm mỗi đứa một ngả, xa nhau là xa cả một đời, lấy vợ là lấy một người lạ hoặc ngoài thiên hạ, rồi cũng phải sinh con đẻ cái với người ta chứ còn biết xoay xở thế nào.

Một lần tôi mò về thăm quê, tìm đến nhà, biết vợ chồng cô nay đã thành ông thành bà, nội ngoại gần hai chục đứa cháu, năm sáu mặt con. Vậy mà cái thằng tôi thì vẫn cứ là một anh chàng đầu không mũ nón, guốc dép lộn xộn, trong lòng nghĩ ngợi rất những chuyện viễn vông.

Tôi cứ suy tôi ra mà hiểu được nỗi lòng ông Nguyễn Xuân Hiến, ông đâu có phải là người ham muốn công danh địa vị, lớn lên cầm súng đi đánh giặc, gặp việc gì thì làm việc ấy, đã đứng vào một đội ngũ, làm một người lính cấp trên gọi là phải kêu to lên “Có”, không bao giờ được quên hai tiếng “Sẵn sàng”. Những việc to tát ở trên cao lại là việc của lãnh đạo, của những người chỉ huy, chỉ huy ở cấp thấp có việc của cấp thấp, cấp cao có việc của cấp cao, Trung ương Chính phủ có việc của Trung ương Chính phủ, phải nghĩ như thế để có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tôi tin, tôi đặt niềm tin vào sự rành mạch của lịch sử, nó biết giao khoán và cũng biết tính sổ, chẳng ai qua nổi. Chỉ có nhân dân là bao giờ cũng hào phóng nhận một trả mười, trả trăm trả nghìn. Có những việc tương nhân, tương chi để mua vui như là việc các nhạc sĩ làm bài hát chẳng hạn. Đây là người đòi có khi nghĩ vậy. Ông Hiến không nghĩ thế, ông thấy trong toàn bộ cuộc sống rộng lớn và phức tạp không thể xem việc nào là việc nhẹ nhàng, càng không có việc nào là việc tầm thường. Người xưa nói, *thóc gạo làm nên sự no ấm, âm nhạc làm nên sự hoàn mỹ*. Một trong những thành tựu đáng ghi nhận nhất của thời đại chúng ta chính là âm nhạc cách mạng, nếu kỹ tính thì những bài hát hay chỉ có thể đếm được trên đầu ngón tay. Bài hát thì nhiều lắm, ít nhiều đều có đóng góp

cho cuộc sống nhưng những bài hát hay thì bao giờ cũng hiếm và vì thế mà người ta cứ phải chờ đợi. Rồi lại còn phải biết hát nữa, không phải cứ có giọng hát hay là đã hát nổi. Thỉnh thoảng trong lúc vui lúc buồn bằng cái giọng ồm ồm khê khê của mình, ông cũng vẫn một mình khe khẽ gọi sông Lô, sông Thao, nhớ đến Văn Cao, Đỗ Nhuận và bằng một tình yêu từ thuở nhỏ, giờ đây ông vẫn biết quý trọng các văn nghệ sĩ. Đây cũng chính là lý do ông Hiến đã quyết định mời đoàn nhạc sĩ mở đầu chiến dịch của ngành Hàng không phục vụ cho năm Điện Biên.

Buổi đón đoàn nhạc sĩ trở về, ông Hiến mở tiệc đứng ở ngay sân bay Nội Bài. Cũng là để chia tay nhau kịp về ăn Tết. Cầm chén rượu, ông Tổng Giám đốc cứ đi đi lại lại, đứng trước người này một chút, đứng trước người kia một lúc, mãi cũng chẳng nói được câu nào. Không thấy có diễn văn, không thấy có đáp từ, cũng không một yêu cầu, không một lời hứa. Đây mới đúng là thân tình, là đã hiểu nhau lắm, là ai làm việc ấy, không cần nhiều lời, mọi việc rồi sẽ tốt đẹp, cũng như năm mới sắp đến phải là một năm tốt đẹp. Lại cũng như hôm ra máy bay ông Huy Du vẫn ôm khư khư cái áo khoác mấy hôm nay ông không có dịp sử dụng. Ông đứng tách ra một chỗ gần cửa sổ, nhìn vào khoảng không thăm thăm những mây là mây, những

nắng là nắng. Ông ghé vào tai tôi nói nhỏ, không có mây ở đâu đẹp bằng mây trên trời Điện Biên, cậu có thấy thế không. Trời Điện Biên thì làm sao, tôi hỏi lại. Trời Điện Biên mây trắng, tôi đã từng viết thế, *trời Điện Biên mây trắng, gió lưng đèo chiến thắng...* Cậu cứ đợi đấy, mình định lần này về phải tiếp tục viết nữa, cái vùng trời đất ấy mới bao la làm sao, gọi nhớ làm sao.

Còn tôi, tôi đang nhìn, đang tìm cái đám mây trắng mà Huy Du đã nhắc đến. Nó ở cuối trời hay ở ngay trên đầu, có lẽ đúng như anh nói, mây trắng bay theo gió triển miên. Năm Hiến chuyển ra nhận công tác ở khu vực này, anh chưa làm Tổng Giám đốc Hãng Hàng không mà thay anh Thường làm Giám đốc sân bay Nội Bài, kiêm Tổng Giám đốc các sân bay phía Bắc. Lúc bấy giờ nhà cửa, kho bãi, đường sá còn đang rất tạm bợ, là một khu doanh trại quân sự vừa từ chiến tranh bước ra. Mười mấy năm gần bó ở chốn này, Hiến đã cùng đồng đội, anh em vượt lên từng bước, cựa mình đứng dậy để đến hôm nay nơi này thành một sân cảng ngang tầm khu vực như các anh từng mơ ước. Nó đã đẹp lên nhiều, sầm uất lên nhiều. Và bản thân các anh cũng đã vững vàng hơn nhiều sau một quá trình tự đào tạo để theo kịp bước đi chung của đất nước trong thời kỳ mới. Tóc Hiến giờ đã bạc nhiều, thay ông trong vị trí phụ trách ở cụm cảng này giờ là anh Tiêu,

một cán bộ tham mưu của Quân chủng hải chiến tranh. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, cấp trên trực tiếp của Hiến hôm nào là ông Nhị, nay là ông Sâm, cả hai đều là anh hùng không quân, là những đồng chí của Hiến. Và có lẽ cũng chẳng còn lâu nữa, vài ba năm tới sẽ đến một ngày ông Hiến cũng lại như những người đã đi trước, ngồi vào bàn làm cái công việc bàn giao sứ mệnh của mình cho người kế nhiệm. Và chắc hẳn họ cũng sẽ lại như ông rất xứng đáng trong cương vị mới. Điều đó đã trở thành một truyền thống rồi. Vậy thì phải nói như thế nào đây về mỗi người trong chúng ta, là tài giỏi hay chỉ là rất bình thường, bao là tài giỏi cũng được mà bảo bình thường cũng được. Nên khiêm tốn mới phải. Mỗi người chúng ta đều có thể là một ví dụ đẹp trong một đội ngũ rất đẹp. Mỗi ngày chúng ta đang sống là một ngày đầy ý nghĩa trong một cuộc đời rất dài ý nghĩa. Chúng ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân phục vụ, mong sao đó không phải là một lời thể của miệng. Những năm khó khăn tôi đã có dịp ở trong làng Thái Phù, nằm ở xóm Bắc Hạ, ở đầu Đông đầu Tây sân bay này cùng các anh, rất nhiều các anh, hồi bấy giờ chúng ta còn nghèo đói lắm, cả quân và dân đều nghèo đói. Cùng với sự khang trang của khu cảng Hàng không Nội Bài, giờ đây các làng mạc trong vùng đi bên ngoài nom vào đã thấy giàu có lên nhiều. Tôi

được biết các anh cũng đã làm cả mấy nghìn ngôi nhà tình nghĩa, nhưng tôi sợ ở những thôn xóm xa hơn một chút tình hình vẫn còn đang rất khốn khó, Sóc Sơn vẫn đang là một món nợ của ngành Hàng không nói riêng và của Hà Nội nói chung. Về một phương diện nào đó mà nói, chúng ta đã giải phóng Hà Nội từ nửa thế kỷ nay rồi nhưng chưa hẳn đã vào được Hà Nội. Mấy hôm trước khi cùng các anh lên Điện Biên, lúc máy bay lấy đà cất cánh, tôi nhìn đăm đăm qua khung cửa, trưa nay lúc trở về, máy bay hãm đà hạ cánh, tôi lại đăm đăm nhìn qua khung cửa. Tôi nhớ ở sau mé đối đẳng kia, trong một xóm nhỏ vẫn đang có một người chị năm nay đã ngoài bảy chục tuổi đời rồi. Chồng chị là liệt sĩ nằm lại trên Điện Biên, đứa con trai duy nhất hy sinh ở Quảng Trị. Bây giờ chị không sống với chúng ta hỏi còn sống với ai. Cứ đợi đến tối mà nhìn sẽ rõ, nhà chị là một ngọn đèn dầu thấp thoáng hiện ra trong đêm dưới cánh bay của chúng ta.

QUÊ NGOẠI

Cách đây vài tháng tôi có may mắn được đưa nhà Văn Nguyễn Khải về thăm phủ Thuận Thành. Hai anh em ngồi một lúc trong chùa Bút Tháp rồi nhào qua chùa Dâu, qua đền thờ Sĩ Nhiếp *Nam giao học tổ*. Khi xe ngang qua chợ Sùi thì chỉ kịp nhìn vào cổng làng Phú Thị quê cụ Cao Bá Quát. Ngày cụ bị khép án chu di tam tộc, đã có cả thầy 141 người nơi này phải mang gông một lần.

Giá mà còn thời gian tôi sẽ dẫn anh xuống Gia Bình thăm đền thờ cụ Lê Văn Thịnh *Nam quốc khai khoa đệ nhất nhân*, một học giả, một nhà ngoại giao, một vị tể tướng nhiều công khai mở trong buổi đầu dựng nước, bỗng chốc bị vu cho là toan hóa hổ vồ vua. Rồi

nếu chịu khó đi thêm mấy bước chân nữa xuống mạn Lang Tài, ta sẽ gặp đến thờ một anh hùng thời Thục An Dương Vương, đó là tướng quân Cao Lỗ, người cuối đời cũng gặp nhiều oan khiên.

Nhà văn trầm ngâm, chỉ một dải đất hẹp mà đã thấy lắm danh nhân, thắng cảnh và cũng không ít vui buồn.

Nhưng hôm ấy tôi vội, anh Khải càng vội, thành thử chuyến đi đành gác lại giữa chừng. Cũng mới chỉ là cưỡi ngựa xem hoa mà thôi. Lịch sử nơi này, cũng như những gì đang chuyển động đổi mới ở nơi này mách bảo chúng tôi rằng cần phải biết dành nhiều thời gian cho nó, phải đến với nó không thể chỉ bằng một vài chuyến đi vội vàng.

Trước khi trở về thị xã, tôi dẫn anh Khải đến nhà một người bạn thân, gửi anh nghỉ lại đó. Sáng mai anh còn phải xuống Liễu Ngạn thắp hương nhà thờ cụ Nguyễn Gia Thiều. Hóa ra anh Khải là cháu nhiều đời của cụ Quận công.

Có một ông thầy tử vi trong Sài Gòn đã nói với anh từ đầu năm rằng anh tuổi Canh Ngọ, gặp năm Nhâm Ngọ là rất dễ về với tổ tiên. Lời quyết đoán ấy khiến anh đâm bốn chồn, hình như anh ít nhiều đã tin, do vậy mới gọi điện ra cho tôi hẹn thu xếp để cùng về đây.

Là để anh có một lần được tạ lỗi với người xưa. Anh tự nhận mình là đứa cháu bất hiếu, bảy mươi ba tuổi mới quay về nhận họ mạc và thấp hương vái cụ tổ.

Với anh, điều đó lại càng là một lỗi lớn bởi vì anh là người đã có diễm phúc cầm bút theo nghiệp văn chương, cái nghiệp cụ tổ từng lựa chọn và đã để lại dấu ấn vàng son trong lịch sử văn học nước nhà.

Dẫu sao như thế vẫn là còn kịp, chưa bao giờ muộn. Cụ tổ anh sinh ra trong phủ chúa, lớn lên làm quan võ tại triều, rồi mau chóng ngán ngẫm cáo quan về sống ẩn dật, sớm chiều niệm kinh phật, làm thơ vịnh cây hành cây mũa trước sân, miên man nghĩ về kiếp người, về cõi đời, về bao la vũ trụ. “Con quay búng sẵn trên trời, mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”. Một người như cụ ắt phải rất rộng lượng, không dễ trách cứ một ai, huống hồ đây lại là người cháu theo đuổi nghiệp văn, tuy nó chưa kịp về thăm nơi cụ yên nghỉ nhưng thực không lúc nào là không canh cánh trong lòng một lời hẹn ước nhất định phải có một lần tìm về để bày tỏ sự kính trọng trước một con người rất đáng kính trọng.

Đẹp hơn nữa, đây lại là một người cháu biết noi gương cha ông, dốc sức học hỏi, dùi mài kinh sử, cho dù tài năng có thể chưa bằng ai, nhưng đúng là nó đã dám bỏ cả một đời ra để lăn lộn, đánh vật với trang

viết, trong một niềm khát khao chân thành được dâng hiến, mong có ích cho đời.

Người như vậy đã đủ để được xem là một người hiền, một nhân cách không hổ thẹn. Con người ta sống trong trời đất là ngổn ngang những khôn dại đúng sai, là hết đứng dậy lại vấp ngã, lẫn lộn những kiêu hãnh và tầm thường, đầu óc lúc quang lúc tối, khi nó mở ra thì khôn ngoan vượt cả Khổng Minh, Hàn Tín, mà khi nó đóng lại thì mờ mịt yếu đuối như con vò ngoài sông vào lúc chiều tà. Sự hơn kém nhau có lẽ chỉ là ở chỗ người ấy có chịu nhớ hay đã không chịu nhớ mình là ai, mình từ đâu đến và mình đang đi về đâu. Cái đúng cái sai quả là chưa mấy can hệ, cái khôn cái dại cái được cái mất cũng nào có gì đáng bàn, bất quá chỉ là những cái để đám người đang tất tưởi ngoài đường kia quan tâm. Với người cầm bút thì không thể chỉ có thể, tầm tư tưởng phải dám vượt qua những gì thuộc tầng hình nhi hạ để bước vào miền hình nhi thượng, ở đó làm gì còn có đúng sai khôn dại nữa, ở đó chỉ còn có những gì thuộc về cái đẹp thuần khiết, nó nhẹ tênh, như mờ như tỏ xa xăm và bay lượn. Cái ngày nhà văn Nguyễn Khải tìm về với cụ tổ nhà anh mang một dấu hiệu nhuộm màu tâm linh. Đó là một cuộc đối thoại ngầm của hai người có nhân, có trí, có dũng ở hai thời đại cách nhau đã trên ba trăm năm. Cái khó trong lúc

chuyện trò giữa hai người là ở chỗ vẫn chưa hiểu hết về nhau, có lẽ vậy. Người nay thì khiêm cung nhìn lên người xưa, sẵn sàng say mê và bái phục trước những giá trị đạo đức và tư tưởng lẫm liệt của tổ tiên, nhưng chắc gì người xưa đã cảm thông hết được với những nông nổi của người nay.

Cánh đồng mùa thu đang gặt hái, bờ đê bụi cuốn như công trường, những phố xá nhà ống nom ngó ngóng đua nhau mọc dọc đường đi, người người mà la mà lếch, và những cái gọi là khu công nghiệp từ đâu bỗng lạnh lùng hiện ra với cái vẻ lạ lẫm rất đáng e ngại. Anh Khai vút cái túi xách rồi buông mình ngồi bệt xuống nền cây cầu đá trong chùa Bút Tháp. Thoáng một chút mệt mỏi của người già. Chả ai tránh nổi tuổi già. Nhưng người già lại có cái đẹp của người già, đó là cái đẹp của sự từng trải, cái đẹp ngấm ngội của người đã đi quá đủ, đọc quá đủ và làm cũng đã quá đủ.

Anh là người suốt đời khe khắt đòi hỏi ở bản thân, trong cách sống cũng như trong cách viết. Với tư cách một người cầm bút tham chính, sẵn sàng lao vào can thiệp, thúc đẩy cuộc sống đi tới, anh cũng đã dám công khai đòi hỏi ở mọi người, đòi hỏi một cách đầy tin cậy, nhiều khi tưởng không còn biết nể nang. Điều đó đã thành một định hướng cho sáng tác, thành phong cách một nhà văn. Anh chưa bao giờ dám nghĩ mình là số

một, nhưng ở anh vẫn có thừa sự tự trọng và một tinh thần phụ trách trước cuộc sống với không biết bao nhiêu là hình thái phức tạp và lớn lao của nó. Suốt nửa thế kỷ qua, anh là một nhà văn làm việc không mệt mỏi, những trang văn của anh luôn luôn mới mẻ bởi vì nó gắn bó thường nhật với hiện thực đang không ngừng vận động trên đất nước. Nó là minh chứng xác thực nhất để ta nhìn rõ tác giả là một người hành động, một người khát khao đổi mới, sẵn sàng dấn thân tung hoành cho một sự nghiệp lớn.

Những trang văn của anh có sức tỏa sáng, anh là một tiếng nói có trọng lượng trên văn đàn.

Tôi cũng rất tiếc là chưa kịp đưa anh Nguyễn Khải về bên kia sông Đuống. Nói bên kia sông Đuống là nói tới miền đất phủ Từ Sơn, một vùng đồng bằng có chen mấy dãy núi thấp khiến dáng dấp trung du của nó càng có duyên. Còn như bên kia sông Đuống của nhà thơ Hoàng Cầm thì ngược lại, nó chính là vùng đất Thuận Thành mà giờ đây anh đang có mặt. Khi ông Hoàng Cầm viết bài thơ nổi tiếng ấy, ông đã đứng từ bờ bên kia mà nhìn sang bên này.

Phủ Từ là quê ngoại của tôi. Ở nơi ấy có cụ Nguyễn Huy Tường, có cụ Ngô Tất Tố văn chương lẫy lừng. Đặc biệt là cụ Tố với những bài báo điều tra về đời sống nông thôn Việt Nam trước cách mạng thì thật

là một người uyên thâm hiếm thấy. Rồi lại còn có ông Nguyễn Dịch Dũng nữa, với ông Dũng vẫn là người, người sao vẫn vậy, giản dị, chân thật và hết sức cương trực. Ông là người sống trong sạch và văn chương của ông cũng không thể khác, trong trẻo như một nguồn nước sạch nơi quê nhà. Nhắc tới ông Dũng tự khắc phải nhớ đến ông Kim Lân. Hai ông là người cùng làng, là bạn thân của nhau từ nhỏ, nhiều năm trong kháng chiến và trong hòa bình họ lại là người cùng một cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam. Người đọc thường khen truyện ngắn Kim Lân, nhất là những truyện ông viết về làng Phù Lưu của mình. Nhưng tôi biết ông không phải chỉ có thế, ông còn có một truyện thiếu nhi rất tuyệt vời. Đó là một thiên truyện vừa, kể về một chàng hiệp sĩ gỗ. Chàng hiệp sĩ gỗ này, ngày ngày được người ta nhốt trong một cái tủ kính mang ra đường, mùa may làm trò cho lũ trẻ xem. Trong đám trẻ thường xúm xít dán mắt vào tủ kính có một con bé rất xinh xắn và nhân hậu, nó mê hiệp sĩ gỗ lắm, bảo là con bé đã phải lòng hiệp sĩ gỗ cũng được. Một đêm hiệp sĩ gỗ đang thiêu thiêu ngủ thì mụ phù thủy hiện ra. Mụ phù thủy đánh thức chàng dậy, nó mặc cả luôn như thế này: Nếu chàng muốn nhảy khỏi tủ kính ra ngoài đời để trở thành một hiệp sĩ thật, thành một dũng sĩ bằng xương bằng thịt, có gươm có giáo để có thể giúp đời thì mụ ta

cũng có đủ phép thần thông giúp chàng, nhưng với một điều kiện, chỉ một điều kiện thôi, khi đã thành người rồi, thì việc trước tiên chàng phải làm là dùng gương của mình đâm chết cô bé nọ, rồi lấy bằng được quả tim của cô mang về cho mẹ ta. Hiệp sĩ gỗ nghĩ ngợi một lúc thì lắc đầu từ chối, ta không làm nổi việc ấy, ta thà suốt đời làm hiệp sĩ gỗ mua vui cho lũ trẻ, còn hơn là đi giết một người ta yêu để được làm người. Đại để câu chuyện là như vậy, nhưng với một tác phẩm đã gọi là rất hay thì khó kể lại, tốt hơn hết là hãy tìm nó mà đọc. Hình như nhà văn Kim Lân vừa cho Nhà xuất bản Kim Đồng tái bản tập sách nhỏ đó.

Bây giờ tôi xin kể về một đồng đất rất vớ vẩn mà cũng rất lạ lùng. Nó nằm ở ven quốc lộ Một, chỗ đầu bắc của phố phủ Từ Sơn, mỗi lần có dịp qua đó tôi đều bắt chước khách bộ hành ném thêm vào đấy một cục đất nho nhỏ.

Người đời quen gọi nó là má ông Đống, hoặc gọi nó là má thằng ăn mày. Lâu lâu thấy má thằng ăn mày nổi lên cao quá, chị em công nhân bảo dưỡng đường lại phải gọi nhau bỏ sức ra xúc nó vớt xuống mấy cái ao, cái chuôm gần đấy. Nhưng rồi rất lặng lẽ, má thằng ăn mày chẳng mấy lúc lại nổi cao lên, nó không chịu mất đi, và nó có tự bao giờ chẳng rõ, chỉ biết là trước khi có ta đã có nó rồi.

Những người đóng vai trò chủ yếu trong việc bồi đắp cho má thẳng ăn mày chính là mấy bà quen chạy chợ ở quanh vùng. Chợ Phú là một nơi tấp nập kẻ mua người bán, một tuần họp ba phiên. Còn gọi là chợ Giầu. Giầu ở đây là giầu cau. Đến chợ ai chả mong gặp sự hòa thuận vui vẻ, ai chả ngại gặp phải sự lừa lọc hay ế ẩm thua lỗ. Và thế là mọi người, không rõ từ đâu mà ai cũng đặt lòng tin vào sự phù hộ của thẳng ăn mày đã chết thiêng từ bao giờ bao giờ. Người ta cảm thấy có sự may mắn nếu mỗi lần đi chợ nhặt một hòn đất, một hòn gạch, hòn đá ném lên cái má ấy.

Có một lần, nhà văn Nguyễn Hồng trên đường về Bắc Giang đã dừng xe đạp bên má thẳng ăn mày. Ông vừa vuốt râu túm tóc cười vừa hỏi tôi, anh hãy nói cho tôi biết đồng má này giống cái gì ở trên đời. Tôi còn đang lúng túng chưa hiểu nên trả lời ra sao thì ông đã nói luôn, nó chính là đời thẳng nhà văn chúng ta đấy. Đời thẳng nhà văn là do bởi quê hương xứ sở đắp nên, là bởi ông trời ông ấy phù chú, cho nên nó suốt đời mang nợ, trả được gánh nợ đó đâu có dễ, và chỉ có thể trả bằng tác phẩm mà thôi. Nhưng một khi, ai đã trả xong gánh nợ đó thì người ấy sẽ là bất diệt.

Cứ theo ý tứ ông cụ mà ngẫm thì không phải chỉ có các nhà văn mà còn có nhiều người khác nữa, nhiều nhiều lắm, họ cũng có thể trở thành bất tử. Tôi xin lấy

một ví dụ, cuộc đời và sự nghiệp của ông Trần Đức Thảo, một thạc sĩ triết học đã từng sống cùng thời với chúng ta. Ông Thảo quê gốc làng Song Tháp, xã Châu Khê, phủ Từ Sơn. Xuất thân là con trai thứ trong một gia đình có cụ thân sinh làm viên chức bưu điện, ở quê quen gọi là ông Hàn Tiến. Con sông đào Ngũ Huyện Khê chảy quanh làng. Nằm ngay trước cổng làng bên một cây đa lớn là chiếc cầu nhỏ có trụ bằng gạch, cũng là do gia đình ông bỏ tiền ra xây tặng làng. Ông Thảo không sinh ở làng mà sinh ở Thái Bình, lớn lên ở phố Hàng Đường, là học sinh trường Lycée Albert Sarraut hết bậc tú tài thì được gửi qua Pháp vào học ở một trường nổi tiếng có truyền thống, Ecole Normale Supérieure, làm thạc sĩ cũng ở trường này. Về nước lúc thì ông làm giáo sư, lúc thì cặm cụi dịch sách, nhưng việc được xem là cốt yếu cho cả một đời là việc viết sách. Viết một cuốn sách.

Mùa hạ 1997 tôi có dịp qua Mỹ, một người quen đã đưa cho tôi xem cuốn sách của ông Thảo vừa được dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh. Đó là cuốn *Nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ*. Sách in cùng một lúc ở cả hai nơi, London và New York. Mà cũng chỉ in có năm trăm cuốn thôi. Hỏi vì sao in ít vậy, được cho biết là vấn đề mà ông Thảo đề cập đến cả thế giới lúc này cũng chỉ có chừng vài trăm người đang quan tâm, mà cũng không phải mọi

người đều đã có thể hiểu hết những gì ông Thảo bàn ở đây. Số sách in ra một nửa là dành cho người đặt trước, còn lại đưa vào giữ trong các thư viện lớn. Cuốn sách này được ông bỏ nhiều công sức nhất, xem như một công trình có ý nghĩa tập đại thành. Ông cặm cụi viết trong nhiều năm trên một căn gác hẹp đơn sơ, có thể nói là nó đã được viết ra trong nghèo túng, cô đơn và rất khó khăn. Ông Thảo quen nghĩ và viết bằng tiếng Pháp, khi viết xong sách được gửi qua Pháp và nó cũng có một số phận lênh đênh như người đã làm ra nó.

Sinh thời Jean Paul Sartre, một triết gia lớn của Pháp đã từng có lời đánh giá: “Trần Đức Thảo ở trong số những người hiếm có, luôn luôn tìm tòi khám phá ở chỗ giáp ranh giữa chân lý và phi lý”.

Còn ông Thảo thì đã có lời đánh giá về ông Jean Paul Sartre như sau: “Ông Jean Paul Sartre là một triết gia đặt ra những vấn đề đáng bàn”.

Mấy năm về trước tại Paris, vào những giây phút cuối của cuộc đời, giây phút hấp hối, khuôn mặt ông bỗng bừng sáng và nửa tỉnh nửa mơ ông đã nói ra một ý tưởng thật tốt lành về cái đẹp: “... Ý thức trong lời kêu gọi chính nó đặt ra sự đòi hỏi... Cái đẹp trong sự hoàn thiện những quá trình nghiệm sinh...”.

Đây là cách ra đi của một nhà tư tưởng. Chỉ có thể nói là hết sức cao quý.

Bình tro hài cốt ông Thảo được gửi về nước, đặt tại Nhà tang lễ thành phố trên đường Phùng Hưng.

Trước lễ viếng, tôi đã cùng người anh họ của ông là đại tá Trần Bình Dân tìm tới ôm bình tro đó trong tay rồi thắp một nén nhang tưởng niệm. Tôi nhớ lại ngày gặp ông lần đầu trong căn gác của ngôi nhà tập thể khu Kim Liên. Lúc đó ông đang bận bịu với việc dịch những tác phẩm của Hêghen ra tiếng Việt.

Rồi tôi lại thấy như ông vẫn đang đứng lơ ngơ ở một góc đường Bà Triệu, vào một buổi trưa nào đó thời chiến tranh, trước một cửa hàng bán bánh mỳ không thu tem phiếu. Khi chiếc xe tải chở bánh tới, mấy bà mậu dịch viên chạy bổ ra, việc đầu tiên là họ nhìn quanh tìm ông Thảo cái đã. “Nào bác, xúm vào giúp chúng cháu một tay rồi chúng cháu sẽ ưu tiên bán cho bác trước, khỏi phải xếp hàng”.

Ông Thảo gật đầu cười với họ, rồi cùng họ khênh những sọt bánh vào trong nhà trước những đôi mắt kinh ngạc lấy làm khó hiểu của dòng người đang rồng rắn bám nhau đợi mua bánh.

Làng Song Tháp có hai thôn, Tháp ngoài và Tháp trong. Ông Thảo người Tháp ngoài. Trên cổng làng Tháp ngoài có bốn chữ *Xuất nhập tương phản*. Nôm na nghĩa là nơi này khi ra khi vào đều phải nhìn mặt nhau. Cổng làng Tháp trong có ba chữ *Thủ chư dự*. Nôm na nghĩa là nơi này

khi đi, khi về hầy ngẩng cao đầu vui vẻ. Mấy chữ này lấy từ quẻ Dự trong Kinh Dịch là một quẻ tốt lành.

Ngày còn nhỏ tôi được mẹ dắt về bên ngoại, lúc qua cổng làng rồi mẹ trò tay báo đây là nhà ông Thảo. Tôi nghển cổ nhìn qua bờ duối, nhìn theo ngón tay bà đang chỉ, nhìn mãi vẫn chẳng thấy có ngôi nhà nào. Chỉ thấy trong đó có một cây táo đại đang xòa cành xuống một đồng rom khô, giữa một khu vườn buồn vắng.

Một con đường mờ, hẹp và chênh vênh nằm giữa một bên là cái đúng, một bên là cái sai, đó là con đường trí tuệ mà ông đã đi trọn một đời. Con đường ấy như một sợi chỉ dài, đầu sợi chỉ đã được buộc vào gốc cây táo trong mảnh vườn kia.

Về cuộc đời ông Trần Đức Thảo, nếu cần viết một cuốn sử biên niên thì còn phải viết rất nhiều mới đủ, đặc biệt là những năm tháng sau này khi ông về sống ở Hà Nội. Vừa qua ông đã vinh dự được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh. Đây là sự ghi nhận công khai về một nhân cách, về một tài năng đã có nhiều đóng góp cho đất nước, còn như giải thưởng thì thật tiếc lúc đó ông không còn nữa, một thân một mình làm gì có vợ con, họ mạc cũng đã người còn kẻ mất, thành thử cũng chỉ là để biết vậy.

Những cuộc đời như rượu tắm để lâu, dành cho con cháu đến sau. Đó thực là vô giá với những ai biết

cảm nhận giá trị của nó. Mà cứ gì phải cao xa cho cam, người bình thường vẫn hoàn toàn có thể cảm nhận được, ai chả có quyền nhấp một chén rượu quý trong đời. Có điều, để làm được thế hình như có một đòi hỏi đơn giản nhưng không dễ gì, trước hết là phải có tâm và phải có học hành. Các thiên tài đều xa lạ với những người ít học và ít tâm. Cho nên các thiên tài đều cô đơn. Đó là một sự thật. Ở vùng ấy bây giờ tôi biết có nhiều người thuộc lớp con cháu ông Tháo, họ sống dung dị không đua giàu sang, sống như những trí thức ở mọi thời, mềm mại khiêm ái, là vô danh mà vẫn được làng xóm nể trọng, trước hết là ở những đóng góp của họ vào cuộc sống chung, sau nữa là ở cách sống. Trong số đó tôi biết kỹ hai người, nhớ tới quê ngoại là lập tức nhớ tới hai người ấy.

Một người là thầy giáo, Hiệu trưởng một trường cấp III, tên ông là Đỗ Đình Chất và người kia là một kỹ sư cầu tên ông là Ngô Ngọc Quân, cả hai ông đều không họ hàng ruột thịt gì với ông Tháo, bất quá chỉ là người làng. Và cả hai ông đều đã được gửi sang du học bên Trung Quốc. Tôi để ý thấy những người học ở Trung Quốc về phần lớn đều thô mộc, kỹ càng và nắm chắc chắn những điều đã được học. Cái đáng yêu ở họ là ít âm ỉ, đến đâu con trong nhà cũng ngoan, các cháu đều học hành làm lụng chăm chỉ từ tẻ.

Ông Chất là người suốt đời đi xe đạp cà tàng, dáng ông thấp nhỏ ẩn hiện vòng vo trên con đê quai ngoài đồng. Vậy mà có năm khi cần phải chọn một đại biểu ngành giáo dục trong tỉnh đi dự Đại hội Đảng toàn quốc, cân nhắc mãi người ta vẫn thấy chọn ông là đúng hơn cả. Lại đến một lần cần phải giới thiệu một cán bộ tiêu biểu ngành giáo dục tham gia Quốc hội, cũng vẫn là ông Chất, tất nhiên là ông trúng cử với số phiếu cao, đó là những lá phiếu mang sự tin cậy thành thật của bà con quê hương.

Vợ ông là bà giáo Chi, bà giáo trường làng. Mỗi lần thoáng thấy bóng mẹ tôi bà đều mau mắn: *Cô Hạt đã về*. Chi mới chột nghe thấy tiếng tôi là bà đã gọi: *Chú Bình về đấy à*. Nửa như hỏi nửa như chào, thế là chào hỏi. Những năm bà Chi về làm dâu làng này là những năm nhiều ngọt ngào và thân ái. Vốn là một cô gái Hà Thành, người phố Mã Mây, thoát kỳ thủy về vùng này là để làm cô giáo, định vài năm sẽ tính chuyện xin chuyển về gần nhà. Thế rồi hai người ấy gặp nhau, lần đầu ngò lời tình ý với nhau là ở mảnh sân giếng trong trường vào một buổi sớm đi rửa mặt, lúc bấy giờ cả hai còn đang cùng dạy bên Đình Bảng. Vợ chồng nhà giáo có mấy đôi là không túng thiếu, suốt mấy chục năm trời họ phải tựa vai vào nhau mới gánh nổi ba đứa con ăn học nên người. Cô gái út vừa học hết phổ thông là

làm đơn xin nhập ngũ, rồi hy sinh ở mặt trận Cao Bằng. Lại đến gần đây bà giáo cũng ra đi bởi chứng cao huyết áp, hai mẹ con đều chọn một cách ra đi nhanh như những cơn gió. Ngẫm mới thấy đời những người đàn bà luôn luôn là một câu hỏi lớn, một sự thật lớn và mất họ là một mất mát lớn. Tầm thường cũng là họ, mà vĩ đại cũng chỉ có họ. Ông Chất bước vào tuổi bảy mươi bằng những bước đi đễnh đoãng buồn như thể một người chóng mặt, nom vào đâu cũng thấy trống trải. Nói đời người nhàn là chuyện không có. Đời người giống như cây mận trở hoa trắng ngát bên vách đá dựng đứng trước biển. Ngày lại ngày cây mận cắm sâu rễ bám chặt lấy vách đá, nó hút dần từng chút muối biển để sống. Có người thợ khéo chặt lấy một nhánh rễ mận mang về đẽo gọt thành chiếc tàu thuốc, rồi chiếc tàu ấy một lần rơi vào tay ta. Đêm đông thức dậy nhồi một mối thuốc vào tàu, xòe một que diêm, lắng nghe làn khói thơm ngào ngạt trong bóng tối, ngấm nhìn ngọn lửa lập lòe sưởi ấm nơi bàn tay và chợt hỏi nó là thứ gỗ gì vậy, vì sao nó không sợ lửa.

Chính là nhờ có muối mặn đã nuôi thứ gỗ ấy. Vị mặn chát của năm tháng đã thấm vào cây mận ấy khiến nó có những phẩm chất mà không một thứ cây nào có nổi. Thuở còn để chòm, ông Chất được cha đưa đến nhà một thầy đồ để học chữ nho, buổi đầu tiên thầy đồ

lần lượt hỏi tên từng trò, đến ông, thầy nghe rồi âm lương lự: *Nhà đặt tên con là Tạo. nay thầy cho con một cái tên khác, con phải là Chắt.*

Giờ thì ông Chắt đã hiểu ra cái ý sâu xa của thầy đồ, trước tiên phải có chất đă, phải có sự chuẩn bị chu đáo đă, sau đó mới có thể bàn đến tạo dựng.

Còn ông kỹ sư cầu, lớn lên qua nước ngoài học tập, ở nhà ông anh ruột bị địch giết ngay giữa làng, thành liệt sĩ, mấy năm sau thì đến lượt ông bố là cán bộ Liên Việt bị bắn oan trong cái cách, sắp chết còn nhóm dậy hô *Hồ Chủ tịch muôn năm*. Sau năm, sáu năm xa nhà lúc trở về trong lòng nặng trĩu những vui buồn, ông Quản trải qua một thời gian dài cứ bị quăng quật hết nơi này sang nơi khác trong Bộ Giao thông. Việc kết nạp Đảng tạm gác lại đă, cũng không ai nói lý do là vì sao. Khi chiến tranh phá hoại lan ra khu IV ông Quản được điều ngay vào trong đó, lăn lộn hết quăng đường này đến quăng đường kia, đến lúc bắt tay vào xây dựng cầu Thăng Long mới được gọi ra Hà Nội. Các chuyên gia nước ngoài đều quý trọng, anh em đồng nghiệp tin yêu, kiên trì sống, kiên trì phấn đấu không một lời thắc mắc. Sớm sớm ông xách một chiếc túi vải bạc théch trong tay cuốc bộ ra ngã tư gần nhà đợi xe của công ty xích đến đón đi làm. Trong cái túi đó là mấy chiếc bút vẽ kỹ thuật, vài quyển sổ ghi

chép, một bao kính và một bao thuốc lá Trường Sơn nhàu nát với một chiếc bật lửa có lò xo lâu lâu lại thấy mở ra thay đá hoặc tẩm thêm xăng. Vợ ông là một người đàn bà nổi tiếng nóng nảy, ông chống hiên lạnh dầm tỉnh bao nhiêu thì bà vợ đáo để bấy nhiêu. Một hôm đợi cho chống đã lên công trường bà mới quyết định phóng xe đạp tìm đến Thành ủy Hà Nội xin gặp lãnh đạo. Nghe qua câu chuyện, người ta liền chỉ cho bà tìm sang Ban tổ chức. Bà kêu lên sao lại có một người tha thiết với Đảng đến khốn khổ như ông chống tôi; tôi bảo với ông ấy thôi không cần phải vào Đảng làm gì, những người cùng đi học lớp cảm tình lần đầu với ông nay đã thành ông nọ bà kia cá rồi, vậy mà ông vẫn chỉ là một ông kỹ sư quên việc gì cũng được gọi đến, có lớp cảm tình nào cũng gọi đi nhưng rồi vẫn chẳng đi đến đâu. Vậy mà ông ấy vẫn cứ bỏ ngoài tai, vẫn từ tốn như không, chẳng nề hà bất cứ một việc gì cấp trên yêu cầu, người như thế mà Đảng còn không tin thì thử hỏi liệu định tin ai.

Tường là ăn nói chẳng đâu vào đâu vậy mà lại hóa có hiệu quả. Mấy hôm sau, Thành ủy cho người lên làm việc cụ thể với Đảng bộ cầu Thăng Long, rồi trường hợp ông Quán được đưa ra hỏi ý kiến quần chúng, quần chúng nói ông ấy không vào Đảng thì còn ai đáng vào nữa. Ông Quán thành Đảng viên, vào Đảng rồi vẫn

thế thôi, vẫn chỉ là một người cặm cùi với công việc làm cầu. Cái cầu ở làng do các cụ nhà ông Thảo bỏ tiền xây cất nay thành quá hẹp, quá cũ, đã đến lúc phải bỏ. Địa phương nghĩ đến việc phải cho người đi tìm ông Quán, bàn với ông Quán. Và như thế, một cái cầu xà bằng xi măng cốt sắt đã được bắc qua con ngòi trước cổng làng. Nghề giáo và nghề làm cầu của ông Chắt và ông Quán đều là những nghề khó và lớn. Đánh giá những ông thầy là nhìn vào những học trò của họ, còn đánh giá những người làm cầu là nhìn vào những cái cầu mà họ đã làm. Nhìn vào những cái cầu là nhìn vào đâu, phải biết nhìn vào các vòm cầu, những khoảng giãn cách giữa hai mố cầu, khẩu độ của nó càng lớn thì cái cầu càng là một công trình hiện đại. Lịch sử xây cầu là lịch sử nhích thêm từng phân cho những cái vòm cầu. Đó là những bước đi khó nhọc mang những tiến bộ của cả loài người. Ai hấp tấp, ai nóng vội không nên chọn nghề làm cầu. Năm thông cái cầu sông Hồng trên Yên Bái, ông Quán được mời lên dự, khi về ông kể chuyện: Giữa một rừng trống dong cò mớ có hai cụ già, một cụ ông và một cụ bà, cầm tay nhau sụt sùi khóc. Hai cụ mang lòng yêu nhau từ thuở mới mười lăm mười bảy nhưng cả hai gia đình đều không bằng lòng cho cưới chỉ vì ngại đường xá xa xôi cách trở. Một người bên này sông, một người bên kia sông mắt

thường trông thấy nhà nhau mà hóa xa xôi, là suốt một đời chỉ còn biết đứng nhìn ngóng bóng hình người thương chiều chiều xuống bến sông giặt giũ, tắm tấp.

Chuyện người làm cầu, chuyện người dạy học cũng đâu có khác là bao chuyện người viết sách. Nổi tiếng như ông Thảo cũng vẫn có điểm giống như những người ở quê nhà. Cả ba người ấy đều đã lựa chọn những công việc thế mà giống nhau, và đều đã theo đuổi đến cùng, đó là những công việc đón người qua sông, dẫn dắt con người vượt sông mê bể khổ.

Quê ngoại là một miền lúc nào cũng như xa lại như gần. Một màn sương mờ tỏ choàng nhẹ lên, phủ mờ lên những kỷ niệm yêu dấu.

SÂN TRƯỚC MỘT NHÀNH MAI

Hình như khi về già người ta đều muốn lui vào, cho nên nhà ông lang Bách mới nằm trong một ngõ nhỏ của phố Tràng Tiền, ông Hoàng Cẩm lại ở trong một cái hẻm khác trên đường Lý Quốc Sư, còn ông Kim Lân là xóm Hà Hồi. Đều quanh quần gần Hồ Gươm, rất trung tâm mà lại vẫn khuất nẻo, khuất mà lại không vắng, thế mới khéo. Muốn vào thăm các ông chỉ mất vài mươi bước chân nhưng phải chịu khó một chút, phải dấn lên lỏi giữa dây thừng mừng quang gánh, giữa những vòng vây của muôn tiếng ồn ào của kẻ mua người bán, rồi mùi hành mùi tỏi, mùi mắm mùi ớt của một đời thường ngàn năm nay vẫn vậy, người người chen lấn xô đẩy nhau, dẫm đạp lên nhau, lựa nhau trông nhau mà sống.

Ông Hoàng Cầm vừa bỏ ở bệnh viện ra là lập tức vội lấy cây bút. Tết nhất đang gọi cửa mỗi nhà, đang gọi cửa ông, phải tranh thủ nhặt lấy vài triệu để ra Giêng còn có cái mà tiêu pha. Không phải viết vài ba bài mà mười bài trở lên, thơ có, hồi ức có, chuyện vui chuyện buồn cũng có. Cả nước giờ đang có gần năm trăm tờ báo, rất rộng đất dụng võ, tha hồ mà vẫy vùng, báo nào cũng quyết ra số đặc biệt, đều mong ông góp một tiếng nói, chuông điện thoại reo ran cả căn gác nhỏ nhà ông suốt từ sớm đến nửa đêm, đấy là tiếng chuông thúc nợ từ Nam chí Bắc gọi đến. Một khi đã định viết thì ông có thiếu gì cái để viết, chỉ vài năm nữa là qua tuổi tám mươi, cũng không còn ít ỏi gì nữa, mà lại chìm nổi nhiều bề, lúc sống chẳng ai mong gặp những rủi ro cay đắng, nhưng khi đã về già nhìn lại thì lại thấy chính nhờ nó mà mình trở nên từng trải. Những trang viết của những người từng trải đọc chẳng thấy khó nhọc gì, vậy mà không dễ có, nó chứa chất nhiều u uẩn, nhiều nỗi niềm xa xăm, nó chính là lẽ đời được chắt lọc từ trong gan ruột họ.

Bởi thế sau một năm bươn chải, được mấy ngày xuân thư thả người ta mới có dịp cầm lên tay tờ báo Tết. Ai nấy đều có ý ngóng gặp ông nhà thơ mình hằng ngưỡng mộ xem thử năm nay ông muốn nhấn nhủ mình điều gì và cũng là để yên lòng rằng ông vẫn còn đang lặn lội quả cảm cùng sống với mình.

Ông Hoàng Cầm dáng lòng không thư sinh, môi đỏ tóc trắng, mặt trắng, nụ cười nhút nhát rung rinh và ánh mắt đào sắc như sắp lên đồng. Một giọng ngâm trầm âm mê man “Sông Đuống trôi đi một dòng lấp lánh, nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ”. Đời ông hóa ra cũng chỉ quanh quẩn cùng con sông đào ấy, vùng quê ấy, mấy chị mấy em ấy, vậy mà cũng đủ để ca hát suốt một đời dài. Ông là một nhà thơ thiên bẩm, như sinh ra là để làm thơ. Thơ ca với ông là một đam mê không dứt nổi, nó chính là định mệnh. Hạnh phúc và khổ đau trong đời ông là đều từ thơ mà ra. Ngoài thơ, ông chẳng biết làm gì cho ra hồn mặc dù đã có lúc ông làm đến chức tiểu đoàn trưởng trong quân đội. Trước Cách mạng ông đã từng cả gan thi vào văn phòng Phủ toàn quyền Đông Dương và đã trúng tuyển, được lựa chọn để làm tham làm phán gì đó, nhưng rồi chẳng bao lâu ông cũng tự bỏ mà đi diễn kịch, đi theo mấy bà Kiều Loan, Kiều Trinh thì đúng hơn.

Tết này ông lại sắp có một mối tình nữa. Mối tình thứ một trăm. Lại sắp sửa có một bà lặn vào lòng ông trong một kiếp phù sinh. Nom ông linh hoạt lắm, ông lúng túng trao cho chàng họa sĩ trẻ cùng quê mà ông tin cậy một phong bì rất lớn, còn lớn hơn bất kỳ một bộ hồ sơ chuyên án nào. Trong đó là đủ cả, một lá thư tỏ tình, có thể hiểu là một huyết lệ thư, kèm theo là một xấp thơ

mới làm, tự tay ông chép với một nét bút tài hoa hiếm thấy. Chỉ có thi hào Gốt-tơ sống lại mới cảm thông nổi với nỗi lòng ông lúc này. Ai đó vô tình thờ dài ôi dào, có mà độc chứng! Ông liến quắc mắt ngạc nhiên thực sự, rồi ông dần giọng, có gì mà ôi dào, làm sao không thể? Ai dám định tuổi cho tình yêu, phạm đã là một nhà thơ thì còn thơ là còn phải yêu, còn phải mang lòng thương nhớ một ai đó. Lòng ham sống, lòng thêm yêu trong ông là cả một sức mạnh quật khởi, là không bao giờ mệt mỏi chán nản. Nào có tội tình gì ở đây, nếu không muốn nói đây cũng là một vẻ đẹp. Ông Hoàng Cầm không chịu biết đến tuổi tác, bất chấp tháng ngày, bất chấp mọi đúng sai khôn dại của người đời, ông cứ sống như ông đã sống, rất sinh động và rất đáng yêu.

Nội nhật đêm nay, cùng lắm là sáng mai lá thư nặng trĩu của ông sẽ được chuyển đến một căn gác quanh hiu trong thành phố. Giữa cái thành phố mênh mang phập phù gió bắc này sẽ có một người đàn bà đốt cháy ngọn lửa lòng lên để sưởi ấm cho lòng một thi sĩ.

Thành thử kinh đô càng trẻ đẹp, Rập rờn tóc trắng tập hồi xuân. Tình mơ nhịp trống rung vương phù, Quận chúa rời cung rung ngực trần.

Năm cuối của thế kỷ này được cả nhân loại nhất trí xem là năm của người già, với ông cũng sẽ là một năm hỗn thơ ngào ngạt sắc hương, ở vào cái độ đã

có thể xem là thân nhân mà tâm cũng nhân. Cũng phải đến cái tuổi ngót bát tuần ông mới tìm được chữ nhân ấy, từ vi của ông nó vất vả lắm, Không kiếp, Đào hoa, Phục binh, Hóa kỵ chen chúc trong mệnh, hiền hậu là thế cũng cứ phải vài ba lần vào khênh trong Hòa Lò. Nằm trong ấy, ông trằn trằn nhìn lên trần nhà mà nghĩ vẩn vơ suốt ngày. Có chú công an lấy làm quái lạ, một hôm nhìn vào hỏi, ông nghĩ gì mà nghĩ góm thế. Ông thông thả ngồi dậy nói rằng chẳng nghĩ gì cả, đây là mình nhớ lại xem mình đã có bao nhiêu mối tình trong đời, bà nào đã mất, bà nào vẫn đang sống. Rồi ông quen mồm mời cậu ta vào nhà chơi nói chuyện cho vui. Nó cười rất hiền. Cũng là người cả, cho dù có gan đồng tim sắt gặp người như thế cũng phải mềm lòng. Rồi một hôm nó vừa mở khóa vừa gọi rồi lên, ra đi, ông được về rồi, làm thơ nhiều vào cho chúng cháu đọc ông nhé. Đây cũng là vì tuy cung mệnh kém nhưng may mắn cung phúc đức của ông vẫn có Thiên quan, Thiên phúc kéo lại. Cho nên ở đời với ai cũng thế, sợ nhất là các bà, sau đến mấy anh công an, nhưng ông Hoàng Cầm lại được cả hai loại người ấy thương yêu, ông quanh quẩn buồn vui cùng họ cả một đời không chán, không ngại, giống như anh chàng con rể ông Tạ Duy Hiền tối tối vẫn quen nằm với hổ vậy. Bắc Ninh quê ông lắm người tài, mặc cho thiên hạ

đánh giá thế nào là tùy, với người Bắc Ninh thì chỉ có hai người được xem là tài nhất, là niềm tự hào nhất của họ, một là ông Hoàng Cầm, hai là nhạc sĩ Hồ Bắc người làng Phù Lưu, phủ Từ Sơn. Nhạc sĩ Hồ Bắc ít tuổi hơn, xem ông Hoàng Cầm là bậc anh, họ cũng quý nhau lắm. Hồ Bắc đã từng phổ nhạc bài thơ *Bên kia sông Đuống* trong lúc còn đang học dở ban tú tài. Rồi anh cũng có cả *Làng tôi*. *Làng tôi* của Văn Cao hay một cách, của Hồ Bắc lại hay một cách. Đến sau này khi anh có hợp xướng *Ca ngợi Tổ quốc* và *Tổ quốc yêu thương* thì thôi rồi, nam nữ thanh thiếu niên khắp tỉnh đều hát. Những đêm thơ nhạc của thầy trò mấy trường trung học trong tỉnh là để trình bày thơ nhạc của hai ông Hoàng Cầm, Hồ Bắc, từ mấy chục năm nay vẫn vậy. Sống để được quê nhà yêu quý như hai ông thật hiếm thấy. Phương Tây có câu “Không ai hiền thánh nổi ở quê hương mình” đấy là nói đến cái khó khăn của mấy anh thánh chẳng ra thánh, thằng chả ra thằng, chứ với những người thực tài, thực tâm thì chưa hẳn đã vậy. Quê hương là rất khe khắt nhưng cũng rất rộng lòng, là không nhắm lẫn vào đâu được.

Hoàng Cầm, Hồ Bắc là ngọn gió lành, là hồn cốt của xứ Kinh Bắc, là sự hoành tráng sang trọng, là âm vang của miền đất ngàn năm văn vật. Sau những đêm thơ nhạc của hai ông, đứng pấp bên cánh gà sân

khẩu đã có nhiều con trai con gái khóc vì quá xúc động và hạnh phúc.

*

Còn với ông Kim Lân, một người làm văn xuôi, thứ văn xuôi thô nháp không tô điểm thì tình thế lại có phần khác hơn. Hầu như ông ngồi suốt ngày ở nhà, vào mấy tháng cuối năm sức khỏe của ông muốn xuống. Nhiều năm trước ông bỗng thích chơi cây thể, được xem là người có con mắt sành đời, nhiều lần được mời tham gia chấm giải trong các cuộc thi cấp thành phố. Rồi hàng xóm nhà ông đua nhau coi nói lên tăng, mảnh sân bày cây của ông vốn chỉ bằng một manh chiếu thành ra hết nắng, đành phải đem cho những chậu cây. Ngồi buồn ông lại thấy phải chơi chim cánh. Ông vốn giao du rộng, được bạn bè yêu quý, cho nên khi thấy ông quay sang chơi chim thì nhiều người cũng tập tễnh đua theo, phòng khách nhà ông cũng chẳng rộng rãi hơn mảnh sân bao nhiêu, ấy vậy mà lúc nào cũng thấy có tiếng người rôm rả. Lơ lửng trên đầu là đủ loại lồng chim. Có chú chích choè than mau miệng, hễ thấy khách là cất tiếng chào "chú tiểu tu cầu học". Lại có cô chào mào đánh đá đáp lời "váy cô thì cô cời". Dễ thương nhất vẫn là tiếng gù nghe gần gần xa xa của con

chim gáy thỏ đồng. Nó gọi cho ông nhớ đến những mùa gặt, nhớ đến một thuở ông đã từng viết *Làng, Vợ nhặt, Con chó xấu xí...* Đó là cái thuở một đi không trở lại, nhưng cũng đã là rất may mắn cho những ai có được nó lấy một lần trong đời. Đạo ấy ông viết sao dễ dàng quá, hồn nhiên quá, say quá, viết mà thấy tin, thấy thích, thấy cảm động trước những gì mình đã viết ra. Giờ thì ông hóa lười mất rồi, nghĩ đến chuyện cầm bút mà ngại. Đã mấy lần ông thể là sẽ viết câu chuyện *Làng đời*, chuyện một thằng cầm điếu lạng lẽ yêu, lạng lẽ chăm sóc thầy mẹ. Ngày đời tiền nó chẳng hay biết gì hết, nó đâu có nghe loa nghe đài, xóm làng cũng chẳng bảo gì nó, vậy là gói tiền nó dành dụm cả đời để lo nuôi dưỡng thầy mẹ lúc già và để cưới vợ hóa thành gói giấy lộn, nó bất thần gào lên, phát cuồng chạy qua những ngọn đồi. Ông kể khúc triết, mạch lạc, có hình có khối, có đối thoại, có ngôn ngữ riêng, nhưng ông đã không viết nó ra, không bao giờ nữa thì phải. Vừa rồi ông đã trịnh trọng hứa với một anh Tổng biên tập là ông sẽ viết cho tờ báo Tết của anh ta một bài kể lại chuyện ông và ông Nam Cao được cử vào địch hậu tuyên truyền cho chính sách thuế nông nghiệp. Năm ấy là 1951, hai nhà văn chia tay nhau ở bến Bình Ca, ông về Bắc Ninh còn Nam Cao thì về Hà Nam. Đêm theo anh em du kích vượt sông Cầu, ở chỗ gần bốt

Cung Kiệm, ông cũng đã bò, đã vấp, đã chạy trên những cánh đồng cày vỡ, dưới ánh sáng lò mờ của đèn dù mà bọn địch bắn lên. Mấy tháng sau trở lại Việt Bắc, về tới cơ quan văn nghệ kháng chiến ông mới hay tin Nam Cao đã hy sinh. Nhiều lần nhắc đến Nam Cao ông thường buồn buồn nói, tuy chỉ kém Nam Cao có hai tuổi nhưng ông không bao giờ dám nghĩ mình là bạn, ông ấy là một người anh, là một nhà văn lớn, chơi với các ông Tường, ông Hoài, ngữ mình so làm sao được. Sự thực, dù Kim Lân viết không nhiều nhận gì, nhưng cứ nghĩ về nhau như thế thấy họ đã đủ là bạn của nhau rồi. Năm ngoái người ta đã tổ chức một buổi gọi hồn Nam Cao, có cả ông Tố Hữu và ông Tô Hoài ngồi dự. Cô đồng mới ngoài hai chục tuổi, còn trẻ măng, nghe nói đang nổi tiếng lắm, cô vừa lên Việt Bắc giúp các ông cựu chiến binh tìm một lúc được gần ba chục mộ liệt sĩ ở đèo Bông Lau.

Khi hồn Nam Cao hiện về nhập vào cô đồng, ai nấy đều hồi hộp nín thở. Nhưng suốt buổi chỉ thấy hồn quay sang chuyện trò với một Kim Lân mà thôi. Hỏi hôm ở bến Bình Ca, anh có còn nhớ lúc bước chân xuống thuyền anh đã đeo trên vai cái gì không. Hồn mau mắn trả lời ngay là có mang một cây ghi-ta. Trời đất ơi Nam Cao có bao giờ dám đeo đàn, ông ấy là người rất dễ xấu hổ, rất dễ ngượng ngùng, bảo Kim

Lân hay ai cơ thì có thể, trong Hội Nhà văn không thiếu người có gan đeo đàn ôm nhị, nhưng Nam Cao thì không bao giờ. Ông ấy thì có mà ném mẹ nó xuống sông Lô! Hôm ấy, quàng trên vai mỗi người là một ruột tượng gạo, có vậy thôi. Tài liệu, bản thảo để lại tất, tay không xuống đò.

Chắc lâu ngày rồi nên hỗn nhớ lắm, hoặc là hỗn đoán mò, hỗn nghe loáng thoáng tên mình là Cao, cái tên cũng quen quen, chợt nghĩ có thể là một ông nhạc sĩ chẳng, nhạc sĩ tất nhiên đi đâu cũng phụng phùng một cây đàn.

Giáp Tết rồi, các báo sắp lên khuôn cả rồi. Anh Tổng biên tập tờ báo nọ hẳn vẫn đang đòi bài viết của Kim Lân, thôi thì chả kịp số Tết vẫn còn số Xuân, miễn là ông có dành cho mình lấy một bài. Hội Nhà văn liệu có tìm ra thứ thuốc gì hiệu nghiệm để ông chịu ngồi vào bàn thì chắc chắn bạn đọc gần xa sẽ đều rất cảm ơn, vì người ấy không viết thì thôi chứ một khi đã viết hẳn sẽ có những trang kỹ lưỡng và không thể nào nhạt được. Ông Kim Lân là một sự bí hiểm chẳng khác nào những chiếc lọ cổ được ông bày la liệt trong căn phòng khách chật chội của ông vậy. Những cái lọ gồm Phù Lãng, Lò Chum, Hòa Bình, cái cao cái thấp, cái to cái nhỏ, mỗi cái một màu men, một dáng, nhưng tất cả đều có chung một vẻ quê mùa. Một vẻ gì dễ để ta cảm thấy

gần gũi, nhớ đến gốc gác xa xưa, nhớ đến người thân nơi quê nhà lam lũ, nghĩ đến những lầm than mà dân tộc đã nếm trải, và nhớ đến, và nâng niu những nét tài hoa không thua kém một ai của ông cha mình. Đó là những cái lọ biết im lặng và cũng biết nói.

Ông bảo muốn đánh giá nổi một cái lọ cũng cần phải hiểu biết nhiều, mớ mẫm nhiều. Tiêu chuẩn chung là nhất dáng nhì men, thứ ba là nguyên, thứ tư là hiếm. Cái gì đã không hiếm thì cũng không quý. Đứng về kỹ thuật mà nhìn nhận một cái lọ thì lại phải theo một tiêu chuẩn khác, nhất xương nhì da thứ ba đến lửa. Lửa phải hoàn nguyên mới ra được những men quý như men ngọc hoặc men thủy hồng. Một cái lọ có men chìm mờ sẽ hơn hẳn những đồ bóng loáng phủ quang. Có lẽ thuật xem người cũng vậy mà xem văn cũng vậy, xem tranh cũng vậy. Là cái lọ đất nung tương tầm thường mà thực quý, thực sang, trong khi màu mè xanh đỏ lại chúng tỏ nhà quê. Nó là chuyện đời vậy. Xương ở đây là đất, còn men được gọi là da. Những cái lọ nằm lẫn lóc ngoài chợ, hay trong xó bếp nhà nông ở một làng nào đó, bỗng đến một ngày được ông Kim Lân đặt tay vào, được mắt ông nhìn tới, thế là lên ngôi, thành một giá trị vĩnh hằng không ai chối cãi. Ông quả là một người sành chơi, sành yêu.

Tết năm ngoái thấy ông chọn chơi một cảnh đào

phai cắm trong một cái lọ mộc, còn năm nay ông lại đổi ý thêm chơi chữ thảo để trong khung kính. Ông nào có biết chữ nho, nhưng lắm lúc ông cảm thấy nom vào chữ còn thích hơn nom vào tranh. Vậy có khó gì, ông chỉ cần mò lên thăm ông bạn cố tri đang ngồi bốc thuốc trên Tràng Tiễn là sẽ có ngay. Ở Hà thành giờ người viết chữ thảo đẹp cứ hiếm dần, có nhẽ chỉ còn hai người là đáng kể, đó là ông Hòa và ông Bách. Chữ ông Hòa giàu khí phách, thần thái uyển chuyển, còn chữ ông Bách thì dung dị văn nhân. Ông Hòa ở xa, mãi dưới Mơ, ông Bách ở gần, đi mấy bước là đến, vậy thì hà có gì mà không đến ông Bách. Cái chữ Hán được viết thảo dù không đọc nổi vẫn đủ thấy đẹp, trong khi cái chữ quốc ngữ bây giờ cũng đang được nhiều người đem viết thảo, nom chẳng còn ra làm sao. Thôi thì tùy, tìm tòi vốn là quyền của thiên hạ, còn có thấy thuận mắt hay không cũng lại là quyền của thiên hạ.

*

Ông Kim Lân đến nhà ông Bách vào một buổi tối. Lúc bấy giờ ông Bách đang ngồi xếp bằng trên phản xem mạch kê đơn cho một cháu bé chừng sáu bảy tuổi. Thằng bé thoạt trông đã thấy khẳng khiu, cái đầu thì to mà chân tay lại như mấy cái que. Nó là tiên thiên bất

túc, bởi bầm tổ của cha mẹ đều bị thương tổn. Hiện thời nó chẳng khác nào một hạt thóc lép, tuy có hình hài thật nhưng vẫn cần phải có thời gian để tìm cách nâng sức nó lên từ từ mới mong giữ được.

Cha mẹ thằng bé chấp tay cung kính, thưa với cụ chúng con xây dựng với nhau từ ở trong rừng, con là bộ đội còn nhà con là nữ thanh niên xung phong, cả hai đứa đều đã từng sốt rét, lại nhiễm chất độc hóa học.

Thế là phải rồi, hoàn cảnh ấy tất bầm tổ anh chị đều suy tổn, cần phải bình tâm để tính kế thuốc thang lâu dài cho cháu, tôi tin nó sẽ khoẻ lên. Những việc to tát như việc dân việc nước cũng phải nghĩ thế cả.

Ông Bách gọi người con trai ở trên gác xuống nhận đơn mang vào trong nhà bốc thuốc cho đứa bé. Khi cái gia đình long đong kia đã nhận thuốc ra về rồi, ông Bách mới chạy đến hàn huyên cùng bạn.

Ông muốn treo chữ năm nay chữ gì, được thôi, tôi sẽ tìm một bài thơ cổ viết tặng ông. Đêm nay tợp xong một hùm rượu là tôi phóng bút liền. Phép cầm bút là phải liền một mạch, gọi là nhất khí, là liên miên thảo, có một bài thơ xem chừng hợp với cảnh ông, để tôi đọc thử xem ông có bằng lòng không. Tôi muốn viết tặng ông bài *Tầm ẩn gia bất ngộ*:

Tùng hạ vấn đồng tử, Ngôn sư thái được khí, Chi tại thử sơn trung. Vân thâm bất tri xứ.

Tạm dịch là, hỏi trò dưới gốc tùng, rằng thấy đi hái thuốc, chỉ ở trong núi này, mây mù không thấy được. Đây là bài thơ *Tìm người ở ẩn mà không gặp* của Giả Đảo, một thi sĩ đời Đường, thuộc phái *Thôi Sao*.

Không dám, không dám, ông Kim Lân vừa nghe xong đã vội xua tay kêu lên như phải bóng. Tôi đâu có được như vậy, ông tìm cho mấy chữ nghe tầm tầm thôi, có thể tôi mới dám mang về. Ông tính, tôi ngần này tuổi đầu rồi mà vẫn nghịch, đóng phim đóng kịch chả nghịch thì là gì. Tôi là đứa nghịch từ nhỏ, mười một mười hai tuổi đã theo ông anh nhập vào đoàn người toàn là con nhang đệ tử đội bát hương tuốt lượt, chúng tôi đi trảy hội Kiếp Bạc, nơi thờ Đức Thánh Trần. Tôi theo họ đi bộ qua hết làng này tới xóm nọ, lúc lội suối lúc qua đèo, hai vai cắm chéo hai lá cờ thần, nghĩ mình cũng đang là con thần con thánh mất rồi.

Ấy đấy, ông Bách nói, vẫn vui vẫn nghịch mà lại vẫn cứ là ẩn mình. Có câu “tiểu ẩn ẩn cư lãng tẩu, đại ẩn ẩn cư triều thị”. Kẻ tầm thường ở ẩn nơi gò đồng, đại trượng phu ở ẩn giữa chợ giữa triều. Ông định mình thuộc loại nào trong đời thì bảo.

Tôi chẳng dám liệt mình vào đám người đó, tôi làm đếch gì phải dấu mình. Tôi cứ sống như tôi đang sống, giữa thanh thiên bạch nhật, thích thì làm, lười thì đừng làm, nào có ai bắt ai giục, mà bản thân mình thì

cũng có thêm khát nổi gì, như thế là thanh thản, là biết dừng. Tôi cũng chẳng cần một chữ tâm, một chữ nhẫn mà thiên hạ đang tìm như một cái “mốt” vậy. Ông cứ nghĩ kỹ đi đã, nhất định ông sẽ có mấy chữ thật hay tặng cho tôi năm nay, viết cho thật phóng túng tí mù vào nom mới hả.

Ông Bách cười lớn, hai mắt nhắm tít, rồi ông đứng dậy với chai rượu cúc trên tay xuống, tìm hai chiếc chén hạt mít, màu sứ cũng sáng ngà màu hạt mít luộc, thành chén dẹt, gọi là loại chén đông ấm, ông thông thả rót từng giọt rượu vào chén, mùi rượu đưa lên thoang thoang như mùa thu vẫn đang còn lưu luyến ở quanh họ.

Ông lang Bách quê Hải Dương, là con cháu của một dòng nho học, tuổi Ất Sửu, kém ông Kim Lân bốn tuổi. Lúc nhỏ tính nết ngờ nghệch, nhớ nhớ quên quên, vì thế mà được bà nội gọi là cu Tộ. Thăng cu Tộ biết thân nên chịu khó học hành, sớm biết làm thơ, làm câu đối, rồi dịch cả sách cổ. Nhớ đến bà nội thuở xưa mà tự chọn cho mình cái tên hiệu là Lỗ Công. Lỗ Công chẳng phải là một ông người nước Lỗ, hay là người họ Lỗ, Lỗ ở đây chỉ có nghĩa là một thằng đàn, một anh chàng ngẩn ngơ. Chữ Lỗ gồm có hai bộ, trên là bộ ngũ, dưới là bộ nhật, con cá lững lờ bơi trong nước, lững lờ bơi bên trên mặt trời, thế cũng đã đủ để phải hiểu là rất hấp lìm rồi.

Năm 1962, ông già đàn ấy được Sở Văn hóa Hà Nội

mời viết chữ cho Văn miếu Quốc tử giám nhân dịp họ trùng tu lại di tích này. Ba chữ “Văn miếu môn” trên cổng ra vào được trả mỗi chữ một đồng, hồi đó tiền còn có giá, ba đồng mang ra chợ là mua được sáu cân gà. Những chữ ở các cột trong cột ngoài vì nhỏ hơn nên mỗi chữ được tính một hào, cứ việc đếm chữ mà nhận tiền.

Hai chục năm sau, đến 1982, nhân kỷ niệm sáu trăm năm ngày sinh cụ Nguyễn Trãi, Viện Văn học có trách nhiệm phải lo bản thảo cho Nhà xuất bản Khoa học xã hội in lại hịch *Bình Ngô đại cáo*, có một giáo sư tìm đến nhờ ông chép lại cho phần chữ Hán để kịp đưa xuống nhà in làm kẽm. Công lương viết đủ 1361 chữ, được trả công đúng một trăm ngàn. Nghe một trăm ngàn tưởng to nhưng trên thực tế không còn mua nổi một cân gà nữa rồi. Giật mình vì thấy tiền mất giá ghê quá. Đạo ấy đã có câu “Năm tám mươi giá gạo tám mươi, dân xứ Nghệ mặt vàng như nghệ”. Lại có vế đối thế này: “Cái cút gì cũng phân, phân như cút”! Người thách đối tuyên bố ai đối chỉnh sẽ cho thưởng lớn, nhưng xem chừng muốn khó. Đã vài chục năm mà vẫn chưa thấy ông đồ nào đối nổi, thế là vẫn đang còn có một vế liệt chờ đợi các quái kiệt trong thiên hạ trở tài.

*

Lời cuối: Cái giá của đồng tiền một khác mà cái giá của con người ta lại là một khác. Đồng tiền ở chỗ này là đầu tiên nhưng đến một chỗ kia lại khó có thể là đầu tiên được nữa, thế mới là hợp lẽ. Đợi đến lúc nó sẽ là đầu tiên ở mọi việc, mọi chỗ, ấy sẽ là lúc hỏng bét, hỏng không cứu vãn nổi, là vì con người đã bị đồng tiền làm hư hỏng hết rồi. Đồng tiền mà ở vị trí làm đầy tớ thì nó sẽ là một đầy tớ tốt, nhưng để nó làm ông chủ còn mình chuyển xuống làm đầy tớ cho nó thì nó sẽ là một ông chủ rất tồi. Có lẽ cũng bởi đã nhìn ra cái sự thật cay đắng ấy mà giờ đây, sau không biết bao nhiêu là nghị quyết, chúng ta vẫn phải có một nghị quyết về tư tưởng - văn hóa. Muốn xây dựng một cái nhà là phải nhìn ra xung quanh, là phải nhìn xuống nhìn lên, chỉ cầm cúi nhìn vào hạ tầng cơ sở xem ra vẫn chưa đủ.

Chúng ta thường tự hào rằng dân tộc mình có một nền văn hiến lâu đời, nhưng nhiều năm tháng vừa qua chúng ta cũng lại đã từng có lúc bất chấp cả truyền thống nề nếp, bất chấp những giá trị thật sự là rất tốt đẹp. Một đám đông ăm ỉ sẽ chẳng đi đến đâu nếu trong đó không có những trí giả. Một người hay lo bằng kho người hay làm là thế. Cho nên một khi đã dám coi rẻ người hiền tài thì sự lú lẫn, sự hỗn loạn ắt sẽ là một thực trạng không sao tránh khỏi.

Mấy ông già vừa kể ở trên chưa phải là tiêu biểu gì

cho lắm, cũng chả chắc họ đã là những hiền tài xuất chúng gì, nhưng không ai dám bảo đấy không phải là những người đáng được kính ái. Những người như thế có nhiều, rất nhiều trong đời sống chúng ta hôm nay, họ đang đi lại ngoài đường phố đông đúc kia, họ đang lẫn giữa muôn người, cùng muôn người vui vẻ, lo âu và ngẫm nghĩ sự đời. Đám đông luôn luôn là một tập hợp kỳ vĩ, rộng lớn và giàu có khôn lường. Đó mới đích thị là cuộc sống nhân gian. Ta có thấy hay không thấy họ là còn tùy ở cách nhìn của mỗi người, nếu không thấy, không chịu thấy thì chính họ chưa mất gì, chỉ có ta là mất, ta làm cho chính mình trở nên buồn tẻ và nghèo khó, trước hết là một kẻ nghèo khó trên phương diện tinh thần.

Năm tháng vẫn đang đi đang đến, nhaoáng một cái đã thành người có tuổi, thế gian đang bày ra trước mắt ta ngồn ngộn biết bao nhiêu là tráo trở xằng cá, và phải nói thẳng là quá phiền toái. Thì ở đâu mà chẳng thế, bao giờ chả thế, thời nào mà chả có sự lẫn lộn những có lý và vô lý, những có thể và không thể. Lại càng thấy từ xa xưa các cụ nhà ta đã tìm ra một cách xem xét sự vật xoay vần thật tuyệt vời, “chớ nghĩ xuân tàn hoa rụng hết, đem qua sân trước một nhành mai”

Ung dung biết mấy, cứng cỏi và điềm tĩnh biết mấy.

LỜI MAI TRÒ CHUYỆN

Con người ta tưởng vậy chứ không dễ mỗi lúc đã gọi được ra cho đúng về nhau. Như anh Mai Ngữ đấy, nhà văn Mai Ngữ, quen biết nhau đã có trên bốn chục năm, vậy mà đến lúc muốn viết về anh lấy dăm ba trang thì thật khó. Không phải bởi anh nhạt, càng không phải vì chưa hiểu anh, vậy là làm sao, là thế nào?

Anh Mai Ngữ sinh 1928, năm Mậu Thìn, tuổi rồng rõ rồi còn gì. Trong mười hai con giáp, có nhẽ chỉ có con rồng được người đời kiêng nể nhất. Đến như các bậc đế vương còn tự ví mình là rồng thì chả còn gì phải bàn nữa. Nhưng cũng là rồng, có con lặn trên chín tầng mây, ẩn ẩn hiện hiện, lúc vẫy vùng ngoài bể Nam bể Bắc, lúc lặn sâu trong yên trong vực, đó là rồng vàng.

Lại có loài nằm khoanh trong chuôm trong ao, từ đầu đến đuôi đều trơn tuột, vây móng còn chẳng thấy nói gì đến bay lượn vẫy vùng, đích thị nó là rồng đất.

Rồng vàng xưa nay rất hiếm, tuy có quý thật nhưng không mấy ai muốn săn gần, sợ mang vạ vào thân, dân gian có câu vô phúc chạm phải vây rồng là thê!

Còn như rồng đất thì khác, không mấy ai bàn. Không cần phải bàn trước hết vì nó là rồng đất, là cũng thường thôi, đâu chả có. Có người còn bảo nó chính là con cá sấu, con khủng long thuở khai thiên lập địa, lại có người mím cười bảo nó chính là con rắn mối, con móc nhách bám đầy trên các tường nhà, người nào mắc chứng lao hạch cứ chịu khó nuốt chừng lấy vài chục con may ra khỏi.

Xem thế đủ biết rồng đất là thứ dễ gần, dễ hiểu, mà vẫn được người đời tôn lên thành linh vật. Trong đình chùa miếu mạo nơi làng xã các ông thợ mộc đục đẽo nó tràn lan trên các xà ngang xà dọc, các ông thợ ngỗ trộn đất sét với vôi cát giầy bàn mật mía, đắp nó ngồi trên trụ cổng, trên mái ngói, các ông thợ gốm nhào đất mang nung nó trong lò, đủ bảy ngày lòi ra gọi là rồng gốm. Trong cung cấm thì có sang hơn chút đình, nó được chạm trổ bằng đá, gọi là rồng đá. Nhưng dù bằng gì thì qui lại chúng vẫn cứ là rồng đất, đều từ thổ

mà ra, rồi có lúc lại sẽ hóa thổ. Cho nên mới nói rỗng đất lành, rỗng đất không độc không hại.

Có một lần vui chuyện tôi hỏi anh Mai Ngữ vậy anh xem mình là rỗng gì ở đời. Anh đưa mắt nhìn xéo sang tôi đầy khinh khi, rồi thủng thẳng nói, mình là thứ rỗng đất, kể gì. Liệu có phải vì vốn là một người khiêm nhường mà anh đã trả lời tôi như vậy không? Tôi cho là hôm ấy anh đã nói rất thành thật, anh thành thật với cả bản thân mình vì anh vốn biết mình, tin ở mình.

Chưa bao giờ tôi thấy anh Mai Ngữ nói to hay nói dài. Trong cuộc họp hoặc ở chỗ trà thuốc dấm ba anh em, anh đều vẫn chỉ có một giọng ấy, nói nhát gừng, nhiều khi lừng khà lừng khùng nghe rất khó chịu. Chùng mực, vừa phải, buồn buồn, quanh năm rầu rầu cả nghĩ đó là anh.

Sống giữa một tập thể toàn những người xuất chúng, tài năng tiếng tăm trùm thiên hạ, Mai Ngữ lúc nào cũng chỉ là một người bình thường. Dù là một người bình thường thì anh vẫn có sự tinh táo lịch lãm của riêng mình, và anh tự hiểu từ rất sớm mình chưa bao giờ là một người quan trọng. Mà anh cũng chẳng dám có mong ước được là một người như thế. Anh bình thản sống, nhả nhận sống và dẻo dai sống, sống như hết thầy mọi người đã sống trong nhiều năm tháng qua.

Mai Ngữ nhập ngũ đầu 1947, vào trung đoàn 42,

đại đoàn 320, gọi là đại đoàn Đồng Bằng. Vào Đảng 1950, suốt đời làm một Đảng viên tốt nhưng chưa một lần có vinh dự tham gia cấp ủy, ngay chức tổ trưởng tổ Đảng cũng không đến lượt. Tới 1952, có báo *Chiến sĩ khu 3* anh được điều lên làm báo, sang 1954 được điều về báo *Quân đội Nhân dân*. 1956 sau khi dự trại viết toàn quân chuyển sang Tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Đến dịp phong quân hàm anh cũng có tên trong danh sách, là thượng úy, chưa kịp đeo quân hàm thì lại chuyển ngành ra phòng biên kịch Xưởng phim tổng hợp Trung ương, đó là năm 1959, dạo đó cả nước cũng chỉ mới có một xưởng phim ấy mà thôi. Ở đó được vài ba năm, lại chuyển về giữ chân biên tập viên Nhà xuất bản Văn học, ngày ngày ngồi ngấp giữa những chồng bản thảo, bên cạnh là các ông Hà Minh Tuân, Bùi Hiến, Kim Lân, Quang Dũng, Nguyễn Thế Phương...

Đến 1966, do yêu cầu trước tình hình mới, Mai Ngữ một lần nữa lại được gọi vào quân đội, làm biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, nhận lương chuyên viên, nghĩa là không cần đeo quân hàm.

Tôi gặp anh Mai Ngữ lần đầu là vào cuối 1963, trong một cuộc gặp mặt cuối năm với các bạn viết do Tạp chí tổ chức. Anh Mai Ngữ và tôi đều được mời tới đó. Giữa đám đông quân hàm quân hiệu lấp lánh có một ông nom già chẳng ra già mà trẻ cũng không ra trẻ,

ông ta khoác một chiếc áo bông xanh nom càng lụ khụ, lại thêm mùi dầu cù là từ chiếc áo ấy tỏa ra dữ dội khiến tôi không thể không chào anh. Hình như anh đã biết tôi là ai rồi cho nên vừa bắt tay tôi anh vừa tự giới thiệu: “Mình là Mai Ngữ”.

Ồi giời, anh Mai Ngữ. Tác giả *Tiếng bom Ngô Mây*, tác giả *Câu chuyện quê hương*, tác giả *Đất nước*. *Tiếng bom Ngô Mây* là một truyện vừa viết về anh hùng liệt sĩ Ngô Mây, người đã ôm bom lao vào quân thù trong một trận đánh phục kích ở Nam Trung bộ. *Câu chuyện quê hương* là kịch bản văn học của một bộ phim truyện dài khoảng sáu cuốn, đây là chuyện kể bằng hình ảnh cuộc sống nông thôn miền Bắc trong công cuộc hợp tác hóa. Điểm lạ trong kịch bản này là ở chỗ tuy là một phim truyện nhưng lại không hề có nhân vật chính, tất cả đều là nhân vật phụ. Có thể nói luôn đây là một kiểu tìm tòi ít thành công của tác giả và do đó bộ phim đã bị chết yểu ngay sau khi nó ra đời. Ấu đó cũng là số phận chung của các bộ phim truyện của nước ta.

Đúng ra mà nói thì *Đất nước* mới là tập truyện vững vàng của Mai Ngữ. Đến *Đất nước*, Mai Ngữ đã khẳng định được vị trí của mình trong nền văn học nước nhà. Có hai truyện in trong tập ấy đã có thể được xem là đạt tới mực chuẩn trong bút pháp Mai Ngữ, đó là truyện *Đất nước* và truyện *Nhàn*.

Về sau này, đến những năm 90 của thế kỷ vừa qua, đứng trước những đổi thay lớn của đất nước cũng như của cả nhân loại, với sự nhạy cảm đặc biệt của mình, Mai Ngũ đã viết một loạt bài in thành hai tập *Chuyện thật như đùa* và *Chuyện đùa như thật*. Thêm một lần nữa, cùng với *Đất nước*, Mai Ngũ đã mang đến cho người đọc những trang văn được viết bằng một tình yêu và một tinh thần trách nhiệm lớn. Đó là những trang văn khiến người đọc cười trong nước mắt trước những hiện trạng xã hội đang diễn ra quanh ta, đó là những trang văn mang sức mạnh cảnh báo, mang tính dự báo cao, những trang văn rất chân thật và rất giàu tinh thần xây dựng, khiến mỗi chúng ta càng thêm tin yêu anh, và càng trân trọng những sáng tạo mà anh đã mang đến cho văn học.

Cũng như trong cuộc sống thường nhật, Mai Ngũ đã đi giữa những cơn giông bão của lịch sử bằng những bước đi bền bỉ ý chí, chân cứng đá mềm. Trong công việc của một nhà văn, Mai Ngũ cũng đã lần lượt vượt lên không biết bao nhiêu thử thách, anh đã kịp để lại cho chúng ta những ấn tượng mạnh, những kỷ niệm mạnh, nhiều cảm động về một cây bút văn xuôi khiêm nhường mà lại từng trải, cốt cách.

Có một đạo chúng ta thường dễ xúc động trước những thành tựu đầu tiên, những công trình đầu tiên,

những đứa con đầu tiên của nền công nghiệp non trẻ của cách mạng. Chẳng hạn nhà máy phân đạm đầu tiên, đập thủy điện đầu tiên, chuyển tàu đầu tiên rời cảng, mẻ than đầu tiên ra lò, rồi khu gang thép đầu tiên với mẻ thép đầu tiên... vân vân và vân vân. Bản thân tôi mỗi lần nghe thấy thế cũng hừng hực khuỷu chân múa tay như thẳng sắp lên đồng. Anh Khải cúi trần chấp tay sau đít đi lại trong căn phòng chật hẹp của mình mà trầm ngâm nghĩ ngợi như một nhà minh triết, anh Châu thổi khói thuốc缭绕 lên trời mù mịt. Chỉ có anh Ngữ và anh Nguyễn Thành Long là im lặng ngồi co ro mỗi người một góc, không dám tham gia ý kiến vì thấy không khí có phần nóng bỏng quá.

Rồi chờ đến một lúc thấy tình hình như đã mệm xuống, anh Long nói, bước vào học làm công nghiệp mới thấy có một nước Nhật là rất hiếm, không dễ mấy ai đã có đầy đủ bản lĩnh khôn ngoan như dân tộc đó. Anh Ngữ nói, làm gì thì làm, đã là chuyện kinh tế tất phải xem có lãi hay không. Làm ăn mà bất chấp lỗ lãi trước sau cũng thành trò cười, kết cục sẽ là một đồng rác thải công nghiệp vĩ đại, và các dòng sông chắc chắn sẽ ngộ bản ngộ độc mà chết dần chết mòn mất thôi. Tôi nhớ đó là những mùa đông đã rất xa. Hà Nội vắng. Thành phố phấp phồng trong báo động, bom nổ lúc như sấm, như sét, lúc lùm bùm như ai gõ trống ngũ

liên. Những chao đèn treo lơ lửng ở các ngã ba, ngã tư đường bỗng tự dưng bật sáng vào giữa trưa nhưng suốt đêm lại tối om om. Tôi yêu cái ngôi nhà Tạt chí ở đường Lý Nam Đế và ngôi nhà có mảnh sân nhỏ trong ngõ Dã Tượng mà gia đình anh Long đang sống. Đó là những nơi tôi thường lui tới để nghe hóng những câu chuyện của các anh và tôi hiểu nó chính là những buổi lên lớp cực kỳ tuyệt vời mà mình may mắn có được. Đối với tôi, cùng với trụ sở Hội Nhà văn thì những nơi ấy chính là những địa chỉ mang ý nghĩa lịch sử trong đời mình. Nói đến những địa chỉ ấy đã có nghĩa là phải có các anh, rất nhiều các anh, nếu không có các anh thì nó có là cái quái gì. Trong rất nhiều các anh, chắc chắn với tôi phải có anh Mai Ngữ.

Lại một hôm tôi hỏi anh Nguyễn Minh Châu, vậy chứ cái ông Mai Ngữ nhà mình quê quán ở đâu, nom âm thầm nhút nhát thế chắc phải là con cái một ông hương sư ở một nẻo tí hút nào đó.

Anh Châu mở choàng mắt nhìn tôi một lúc lâu, rồi anh cười phá lên, cười và ho sặc sụa, ho không nói được. Lát sau anh giảng giải cho tôi nghe ngọn ngành về anh Ngữ.

Xấp chúng mình ở đây có vài ba anh kịp học tới thành chung, còn thì đều nhì nhằng “cua suýt”. Anh Chính Hữu đã có tú tài toàn phần, anh Từ Bích Hoàng

còn trên nữa, đã từng là sinh viên trường thuốc. Mai Ngũ thì thế nào, Mai Ngũ cũng đã qua phần một tú tài, tiếng Pháp không buồn nói đây thôi chứ ở đây anh ấy là người có nhiều sách Pháp nhất. Sức khoẻ anh Ngũ không tốt lắm, chân có tật bẩm sinh, khó đi xa, cho nên anh ấy về đây ngồi biên tập là gánh một công việc trong nhà giúp cho chúng mình rộng chân rộng tay mà tung tẩy đến các mặt trận.

Ngũ chịu đọc, am tường nhiều mặt, làm biên tập rất vững. Còn như anh ấy quê đâu, từ đâu ra thì tiện thể mình cũng nói riêng để ông biết. Cụ nội ông nội anh ấy đều làm quan, cụ ngoại ông ngoại đều làm quan. Các cụ đều là những người đỗ đạt, đều làm quan tới chức Tổng đốc. Và đều được nhà vua ban hàm Thái tử Thiếu bảo Đông các Đại học sĩ. Tính ngược về trước nữa lại càng lắm phẩm tước lắm khoa bảng. Ông nội là cụ Mai Trung Cát Tổng đốc Hải Dương chán lại sang Tổng đốc Bắc Ninh. Ông ngoại là cụ Nguyễn Khắc Vỹ, người gốc Hưng Yên, Tổng đốc Hà Nội thay cụ Hoàng Diệu, còn cụ ngoại nguyên là Tuần phủ châu Điện Biên thời Tự Đức, sau đó vào làm Bố chánh Sài Gòn - Gia Định. Các cụ đều đã được quê hương đưa vào danh sách danh nhân. Đến thời ông cụ thân sinh ra anh Mai Ngũ thì cùng với sự sa sút của nho giáo nói chung, các gia đình quan lại An Nam mỗi nhà sa sút một cách.

Ông cụ tuy cũng có học nhưng không thi cử gì nữa, lui về điền viên vui thú, kín cổng cao tường, thấp hương cúng giỗ, ra vào với vài ba bà vợ. Anh em nội ngoại võ ra tứ tung, người thành điền chủ, người đi du học, người thành công chức tầm tầm. Nhiều người qua Paris làm ăn, có nhà cửa bên đó, họa sĩ Mai Trung Thứ chính là chú ruột anh Ngữ. Tình cảnh này ông Nguyễn Bính lúc còn trẻ đã choảng mấy câu rất vui: *Mực tàu giấy bản là thôi, Nước non không chọn những người áo xanh, Vỡ duyên búi tóc củ hành, Trường thi Nam Định hóa thành trường bay!* Nói tóm lại một câu, Mai Ngữ là một cậu ấm. Trông bộ dạng còm rom thế mà góm, ăn mặc thì xuềnh xoàng như thằng ăn mày, lúc nào cũng bước thấp bước cao như đứa không nhà không cửa, nhưng hỏi ra mới rõ nhà nó là tòa ngang dãy dọc, xưa kia ở đường Nguyễn Thái Học, ở đường Tràng Thi đều có cả. Thằng ấy thuê bé đi học là có xe nhà đưa đón, tao với mày gặp ở ngoài đường chớ có gọi, vô phúc thằng xe nhà cậu nó cho mấy cái đá đít thì hết viết văn. Rồi anh Châu lại nhìn tôi mà buồn cười.

Tôi ngồi ngẩn tò te nhìn anh rồi cũng cười. Anh Châu bảo, thằng ấy lười bỏ mẹ, nó mà chịu khó ngồi viết tiểu thuyết hay hồi ký nhì, cứ lấy chuyện nhà mình ra mà viết thì Tào Tuyết Cần có sống lại cũng phải xem nó là bậc sư phụ.

Mấy hôm trước, nghĩa là thượng tuần tháng sáu, tôi đến thăm anh Mai Ngữ ở khu tập thể phố Ông Ích Khiêm. Anh Ngữ nằm bất động trên giường, chân tay chỉ còn là những cái que, bác sĩ Viện 108 nói xương cốt của anh đã mục hết rồi, xương người ta về già đều thế cả, gọi là bệnh loãng xương. Chỉ có hai con mắt là vẫn còn sáng, vẫn còn đầy đủ tinh thần, giọng nói vẫn trong mặc dù nghe đã run rẩy. Tôi thấy chỗ đầu giường có để một số tạp chí *Văn học nước ngoài* mới ra, hỏi ai đọc cho anh nghe, anh nói là vợ đọc chứ còn ai vào đây.

Tôi chợt nghĩ, hóa ra suốt một đời anh Mai Ngữ gần như cũng chỉ quần quanh ở Hà Nội và mấy tỉnh đồng bằng sông Hồng là chính. Trong đời anh ngoài vài chuyến vào các tỉnh phía Nam thì chuyến đi xa nhất là cùng ông Kim Lân qua thăm Liên Xô hai tuần lễ. Nhưng chuyến đi đáng kể nhất của anh có lẽ lại là chuyến sang công tác Campuchia năm 1980, một chuyến đi gặt hái được nhiều kết quả, anh viết xong tiểu thuyết *Trong tay Angka* in ở Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân và được nước bạn trao tặng Huy chương Hữu nghị. Đến lúc nghỉ hưu là vừa tròn bảy mươi tuổi, năm chục năm sống quần quanh ở Tổng cục Chính trị, từ thời còn ông Nguyễn Chí Thanh, ra về với bậc lương ngang một đại tá nhưng không hiểu vì sao lại không được tính thâm niên ba mươi hai năm kể từ lúc có

quyết định trở lại quân đội. Việc này từ các đồng chí lãnh đạo cho đến anh em trong cơ quan đều lắc đầu lấy làm tiếc. Năm mươi năm ấy không thể nói là ít tình nghĩa lưu luyến nhưng vấn đề nguyên tắc thủ tục giấy tờ ở nước ta chỗ nào cũng còn lằng lộn thôi. Đời như đùa như thật, thì chính anh từng nói thế. Riêng anh Mai Ngữ chỉ im lặng cười.

Cũng dễ hiểu thôi, anh là một con rỗng cơ mà. Con rỗng đất cũng rất có thể còn là một con rỗng ẩn. Cũng bình thường thôi, cũng xoàng xoàng vậy thôi, lam lũ mà sống vậy thôi, nhưng nó vẫn cứ là rỗng, là không thể tầm thường, là sống trọn một đời giản dị và luôn luôn biết giữ gìn, để không ai có thể khinh vào đâu được.

Đời anh Mai Ngữ là sự vượt lên trên chính mình, tìm lấy cho mình bước đi đường hoàng giữa nhân dân. Số phận một người chính là tính cách của người đó cộng với hoàn cảnh thời cuộc. Một cái tên người rất có thể đã mang trong nó nhiều tiên nghiệm. Khen cho các cụ nhà anh đã khéo chọn cho thằng cháu một cái tên vào ngày anh ra đời. Mai Ngữ là lời một cây mai. Là mai cốt cách tuyết tinh thần. Là gian nan mà cũng là kiêu hãnh. Hai mươi tuổi dám ra đi, từ chối sự nhàn tản đầy quần quanh bế tắc để tìm đến với một cuộc lên đường hùng vĩ của cả dân tộc. Một cuộc lên đường

không mấy dễ dàng chóng vánh, với một tương lai cơ chừng rất mong manh. Đó là một cuộc lựa chọn chỉ một lần trong đời, không bàn hơn thiệt được thua. Đó là phẩm chất đáng quý ở những người trọng danh dự, ở tất cả các anh, một thế hệ rường cột của thời đại mới đang đến. Sau mọi gian lao, cái mầm sống gan góc của một dòng tộc nhiều truyền thống đã trở thành một cây mai già biết thì thầm trò chuyện bằng những lời có mang buồn vui của những năm tháng giấu ý vị mà nó đã trải qua. *Lão phở y nhiên tài vẫn cúc, sóc phong vô thức đổ cỏ mai.* Vườn xưa lác đác dăm ba bông cúc cuối mùa, cơn gió lạnh xiết thổi ấy là đánh thức cây mai già bừng dậy. Một người vợ trẻ vẻ đẹp và đảm đang, một đứa con trai vẻ đẹp và hiếu thảo, cô con gái út dịu dàng và thông minh, đó chính là quà tặng lớn nhất mà cuộc đời công bằng sau tất cả đã mang đến cho anh.

MIỀN SÁNG TẠO CỦA MỖI NHÀ VĂN

Vào cuối đời của Nguyễn Minh Châu, ta thấy anh thường lặng lẽ mò vào Quảng Trị, chuyển lên núi, chuyển xuống biển. Có chuyển vài ba tháng, có chuyển dài cả nửa năm. Đi dễ dàng, đi hồi hả, cảm cố mà đi. Cũng có thể hiểu đó là những chuyến trở về của anh, về với một vùng đất vùng người mà anh gắn bó nhất, anh đã tìm thấy chính mình từ nơi ấy. Với anh, đó là một nơi có sức vậy gọi những sáng tạo.

Nhiều lúc ngồi giữa Hà Nội rồi mà mắt nhìn vẫn cứ thàng thốt thế nào, đầu óc cũng vẫn ngơ ngẩn, nghi viển vòng đầu đầu. Chuyện trò cùng bạn bè chi câu trước câu sau là đã muốn mang những chuyện Quảng Trị ra kể. Thời chiến nơi ấy khổ đã đành, hòa bình rồi

vẫn thấy rất khổ là khổ. Khổ nhất trần gian này không khéo chỉ có Quảng Trị mà thôi. Hạnh phúc với con người nơi ấy xem chừng chỉ là một khái niệm xa xỉ. Bây giờ người người ra Bắc vào Nam đều quen cười máy bay, cùng lắm thì ngồi tàu ngồi xe, có qua đó cũng ít muốn dừng lại lâu một chút, hay là người ta đã quên cái chỗ hôm qua vừa chôn bạn bè đồng chí rồi.

Ai đó nghe anh nói thì vỗ đùi cười lớn, thằng này đúng là bị ma ám, nghe có tờ báo đã kể ở trong ấy đêm đêm vẫn có hồn ma nhóm dậy đồng ca bài *Anh vẫn hành quân*. Có mà ăn phải bùa phải bả của con bé nào cũng nên, trai Quảng Trị ngậm ngải tìm trầm, gái Quảng Trị ngậm ngải chà trai, liệu hồn đấy, sa vào cái lưới ấy thì tha hồ mà vẫy vùng.

Nguyễn Minh Châu vẫn bỏ ngoài tai tất cả. Anh ngẩn cổ lên như vừa chợt nghe thấy một tiếng ai đang thì thầm, rồi anh nhìn mấy người đang ngồi xung quanh, nở một nụ cười buồn bã. Không ai có cái cười vô duyên hơn anh được. Rồi bằng một giọng nặng nề khê khê của người vùng biển Quỳnh Lưu, anh bắt đầu độc thoại.

“Mỗi thằng nhà văn đều phải có một miền quê của mình. Nơi ấy chưa chắc đã là quê cha đất tổ, cũng chả phải là chỗ nó đã sinh ra. Nhưng trong đời nó, nơi ấy không bao giờ quên nổi, nơi ấy ngày đêm cứ trần

trở cựa quậy trong lòng. Đây là thánh địa mà nó đã gửi gắm hồn mình, nơi để những nhân vật máu thịt của nó đi về, nói năng, yêu thương, thù hận, làm lụng, chiến đấu, mưu mẹo xảo quyệt và chân thành xóc nổi, cao cả và thấp hèn, sạch sẽ và bẩn thỉu, thành công và thất bại, những ông tướng và những thằng hề, những người mẹ hiền hậu, rộng lớn như đất đai và những đứa con hư đốn, những tên trộm cướp, tất cả đều bước ra, đều được bày cả lên trang sách của nó. Với riêng tôi, có lẽ nơi đó phải là Quảng Trị, tôi tìm thấy từ nơi ấy, tôi nghe thấy, cảm thấy từ nơi ấy tất thảy những gì đang diễn ra, sắp diễn ra trên cõi trần này, chẳng còn bao lâu nữa đâu”.

Không khí chung bỗng trở nên trang nghiêm từ lúc nào. Những người ồn ào nhất cũng biết im lặng. Hãy cứ ngồi yên đấy mà đợi, thằng này sẽ nói những điều mà nó rút từ gan ruột, rồi cái phần sâu thẳm của nó sẽ hiện ra, những tư tưởng văn học, những nghĩ ngợi về nghề nghiệp, về sứ mệnh của một nhà văn đích thực cũng sẽ được phô bày một cách thẳng thắn nhất. Không thể xem thường, không thể đùa bời vì nó đang thiên khai, đang phát sáng.

Nhưng đúng lúc ấy thì Nguyễn Minh Châu lại im bật. Anh quay sang hút thuốc Lào, lát sau anh bật cười, một nụ cười nom phảng phất vô chừng.

“Này, các ông cứ nhìn ra những rừng sấu ngoài kia, vào một chiều đông khi nó trút lá, những đám lá bay la tả xuống mặt đường, cứ ngỡ như đây là muôn ngàn lá thư của những người chết từ trên trời ném gửi đến cho chúng ta. Phải biết đọc những lá thư đó xem họ muốn nhắn nhủ những gì... Vậy chúng ta đang ở vào nền văn minh nào chứ? Xin thưa đây là một nền văn minh rơm rạ, hết sức rơm rạ, liệu có phai vậy không”.

*

Vào một ngày oi bức tôi từ Bắc Ninh cất công ra Hà Nội, là để rủ Trịnh Đình Khôi cùng vào Quân y Viện 108 thăm anh Châu đang nằm trong đó. Thoáng thấy bóng chúng tôi anh đã cười, vẫn một nụ cười ấy.

- Chu đấy à. Ông Khôi.

Anh cất tiếng chào mà mắt vẫn nhìn nghiêng nơi khác. Người sắp bỏ ta mà đi đều thế, ngại nhìn lên. Anh gầy sọp, ngực lép, tiếng nói vốn đã khô, đã rè, nay càng khô càng rè hơn.

- Mình vẫn dùng cả thuốc Tây lẫn thuốc ta.

- Em biết rồi. Thuốc lá của ông thầy ở một ngôi chùa trong Nam.

- Thuốc ấy đấy.

- Em vừa đọc xong mấy cái anh viết gần đây.

- Thích cái nào?

- Cái nào cũng hay: *Khách ở quê ra, Cò lau, Chiếc thuyền ngoài xa*.

- Mình đang viết một cái nữa, về phiên chợ Giát quê mình.

- Em đợi. Anh còn viết tiếp về Quảng Trị chứ đã thôi sao được.

Anh khẽ gật đầu. Rồi anh lấy hơi để nói.

- Nhưng gì chưa viết kịp sẽ là phần việc của các ông.

Chúng tôi không dám nán lại lâu hơn vì e anh mệt. Rồi thế là người ấy đã làm một cuộc ra đi mãi mãi. Liệu có phải anh đã để lại cho chúng ta cái phần việc mà anh đang còn làm dở dang? Tôi nghĩ là không. Với tất cả những gì anh đã viết ra, Nguyễn Minh Châu trong tư cách một người đi tiên phong đã hoàn tất trách nhiệm vẻ vang của mình. Cái mà anh chưa kịp làm chính là phần việc của những người đến sau.

Vẫn còn nguyên một vùng đất ấy, một vùng người ấy, vẫn còn nguyên một Quảng Trị chứa chất trong lòng nó biết bao nhiêu là huyền bí và hiện thực. Đó là một miền quê sáng tạo của không phải riêng một mình Nguyễn Minh Châu, chính anh đã từng dặn dò lại như thế.

Tôi đã vẽ Nguyễn Minh Châu. Một bức sơn dầu khô rỗng. Anh ngồi bệt trên cồn cát, hai tay sục trong

cát, áo trấn thủ của người chiến sĩ Vệ quốc đoàn năm xưa và với một nụ cười buồn buồn. Sau lưng anh là những vạt lau trắng, lấp ló xác một chiếc xe tăng cháy, xa nữa là những con sóng biển cồn cào, có bóng một con thuyền lênh đênh.

Gần đây tôi thỉnh thoảng vẫn bắt gặp đâu đó những trang viết về Quảng Trị, khi thì là một bài thơ, khi thì là một truyện ngắn, có khi là một tiểu thuyết. Bao giờ tôi cũng đọc ngay và bao giờ cũng hồi hộp như mấy chục năm về trước mỗi buổi sáng thường đọc bản tin chiến sự nói về tình hình Thành cổ vậy. Đã thấy có một Bảo Ninh, một Cao Hạnh, một Trần Thu Hà. Rất đáng để vui mừng và hy vọng. *Tờ Cửa Việt* thực đúng là một chiếc cầu nối đẹp giữa Quảng Trị với Hà Nội và cả nước.

Nhưng cũng vẫn phải nói, đề tài Quảng Trị, vấn đề Quảng Trị, thực sự là một cái chuông cái khánh không dễ gì đánh lên đã thành tiếng được. Hãy cứ ghé vai thử coi, nó là cả một gánh nặng dành cho những ai có sức vóc. Nó chính là cái phần việc của những ai đã có đầy đủ sự chuẩn bị, nghĩa là phải có văn đức lớn.

Văn đức là những gì, thì hãy cứ thấp hương mà hỏi Nguyễn Minh Châu. Hình như nó là tất cả, trí tuệ, tài năng và tâm huyết.

MỘT NGƯỜI VẼ TIỀN

Tường đã vẽ ra tiền thì không thể nghèo, nói nghèo ai tin, vậy mà thực là nghèo, nghèo phơi ra, không giấu nổi. Căn buồng không chắc đã đủ mười mét vuông, lại còn méo nữa. Nó vốn là góc khuất của tầng trệt một ngôi nhà cổ trên đường Nguyễn Thái Học, bên số lẻ. Một cái giường rộng nằm chênh hênh, đầu giường là bàn thờ có treo ảnh cha mẹ và ảnh vợ, đều lồng khung kính cẩn thận. Mấy chiếc ghế nhựa thấp đút trong gầm giường, có khách thì lôi ra ngồi. Khách ngồi bên mép giường, chủ nửa nằm nửa ngồi trên giường giữa một đồng chăn màn và những chồng sách báo, bảng vẽ, giấy vẽ, bút chì, than phấn. Nó là một cái ổ lộn xộn. Nhưng không ai nữ trách, xin đừng trách, là

bởi chú nhà ốm đã dăm năm nay, bị tắc động mạch chi, hai chân đang teo dần, chỉ còn như hai cái que, nói chung là tránh đi lại hoàn toàn, cũng ngại cả việc vào bệnh viện. Năm ngoái tưởng đã chào bạn bè anh em đi Thanh Tróc, vậy mà lại qua được, lại chuyện trò cười nói, hóm hỉnh và trẻ trung, kể cũng kiên cường thật. Hai vợ chồng chọn căn buồng âm thấp này làm chỗ chung sống từ lúc cả hai đều còn rất son rồi. Rồi sinh hai tiểu thư, nuôi họ ăn học khôn lớn, lên xe hoa. Một lũ cháu ngoại, toàn cháu trai lộc ngọc, nghịch như giặc, lâu lâu lại kéo xuống, đưa ngổی đưa đứng chật cứng căn buồng. Sau đó, bà ấy lâm bệnh qua đời, tất cả đều diễn ra nguyên ở một chỗ này, nhanh thật, đã có gần nửa thế kỷ trôi qua. Cầm tinh con lợn, tuổi Quý Hợi, Tết này vừa tám mươi tròn, không thể cãi là mình chưa già được. Đồ Phù ngày xưa đã viết tặng một người bạn là họa sĩ hai câu thơ: *Đan thanh bất tri lão tương chí, Phù quý ư ngô như phù vân*

Nghĩa là ham vẽ vời quên cả tuổi già đã đến, sự giàu sang với ta xem như chuyện phù vân. Câu thơ như đang vận vào cả những người hậu sinh. Thời nay vẫn có người như vậy, đang sống ở giữa Hà Nội này. Tên ông là Mai Văn Hiến, họa sĩ Mai Văn Hiến, bạn bè quý gọi thân thiết là anh Hiến.

Anh Hiến có nhiều bạn, đời anh lấy sự nhiều bạn

làm giàu. Già có, trẻ có, đủ các tầng lớp nghề nghiệp, nhiều người tiện qua thì tạt vào gặp nhau lấy một lát, nhìn thấy nhau một thoáng, có người từ mấy chục năm nay lặn mất tăm, không rõ còn sống hay đã mất, cũng chẳng hiểu gia cảnh giờ ra sao, vậy mà giờ bỗng đột ngột hiện ra, đứng chắn ngay cửa ra vào, lù lù như một đồng rạ, hỏi anh có nhận ra ai không. Mất một phút lục tìm trong kho ký niệm, mất một phút vận hành bộ nhớ, rồi đưa một ngón tay chỉ lên trần nhà, gọi đúng tên bạn. Còn khá, còn minh mẫn chán, chân tay có thể già nhưng nếu còn cái não là còn sống tốt, là vẫn làm người như thường. Bạn khen anh như vậy. Nhà bạn ở tít bên Thổ Khôi hay Bát Tràng gì đó, bạn đạp xe ngược gió bắc trên con đê sông Hồng nay đã thành đường phố, nhà tầng mọc lên nhấp nhô, phần lớn là nhà nghỉ, cửa đóng im im, nom rất bí hiểm. Nhà nào cũng có treo biển để tên, cái là Hoa Hồng, Bông Sen, cái là Hoa Mua, Hoa Sim, cái là Chiêu Tím, Đêm Sương... Những chữ nghĩa mập mờ khơi gợi, nghe nửa bẩn nửa sạch, nửa tin cậy nửa rất đáng nghi ngờ, giống như những ông bà trẻ buổi trưa từ các nhiệm sở gọi nhau đi ăn cơm bụi xong là dắt nhau qua đó.

Bạn anh trạc tuổi với anh, người cao ráo, tóc bạc phơ như cước, đôi mắt quắc thước. Đại đội trưởng xung kích đánh Him Lam. Suốt Thu Đông năm trước

đó thì đuổi địch ở bên Lào, đuổi suốt từ Thượng Lào qua Trung Lào xuống Hạ Lào. Thằng cứ chạy, thằng cứ đuổi. Vứt quần, vứt áo, quăng súng quăng xe mà chạy, vậy mà vẫn thấy cứ bị đuổi mãi, giặc chửi, cha mẹ tụi Việt Minh, đuổi đếch gì mà đuổi góm thế, đánh chác kiểu gì thế này. Đây là một cuộc truy kích mang tính chiến lược, một cuộc hành chiến, có hai mục đích, vừa để mở rộng vùng giải phóng vừa là muốn đánh lạc hướng tấn công chủ yếu. Sang mùa xuân thì họ lộn trở lại, bất ngờ bao vây Điện Biên Phủ. Bạn anh chỉ huy công việc đào hầm mở đường, giao thông hào chi chít như mạch máu, có động mạch chủ, động mạch phụ, có lối đi vào, lối đi ra. Anh Hiến cùng anh Nguyễn Bích và một vài người nữa được lệnh vẽ thật nhiều áp phích, kẻ thật nhiều khẩu hiệu, kêu gọi địch ra hàng. Vẽ càng to càng tốt, đêm đêm trình sát ta bò theo các giao thông hào mang tranh của các anh vào cắm sát các cứ điểm. Anh Hiến vẽ Tây rất sinh động và nhanh, mỗi thằng một dáng, thằng nào cũng râu ria xồm xoàm, mắt xanh mũi lõ. Trông thằng nào cũng nhang nhác anh, là vì anh giống Tây, anh có lai một chút. Đó là nhờ ở cái "gen" từ phía ngoại, chứ đằng nội anh là thuần Việt. Cha anh là một công chức quèn sở thú y cả đời chuyên chữa gà toi, trâu bò long móng. Nhưng tính nông, ông mang lòng yêu một cô gái lai, quyết lấy làm vợ. Một

lần vui chuyện có người hỏi, không gặp cách mạng, khéo anh Hiến cũng có một cô vợ đảm. Anh trả lời từng từng, có thể lắm, cũng rất hay chứ sao. Rồi anh trở tay lên gác, nơi có căn buồng họa sĩ Nguyễn Sáng đã từng sống suốt một thời.

Sáng đã yêu một cô đảm rất xinh, rất “em máp”, con gái một kỹ sư canh nông. Sắp làm đám cưới thì kháng chiến bùng nổ, Sáng đeo ba lô lên Việt Bắc, cô bé khóc ròng suốt nửa năm rồi theo cha về Paris. Sau chín năm kháng chiến, Sáng để lại cho đời một bức sơn mài mang tầm vóc cổ điển. Đó là bức *Kết nạp Đảng*. Hồi ấy Sáng cũng có lên Điện Biên, nhưng phải chờ đến gần mười năm sau mới có nổi một bức như thế. Một bức rất Điện Biên, một Điện Biên hoành tráng nhất. Đề tài lớn, chủ đề lớn là của những tài năng lớn. Tài hèn sức mỏng không kham nổi, đã không kham nổi thì dễ kêu là đề tài khô khan khó nhằn, dễ đổ tội cho đường lối lãnh đạo văn nghệ hạn chế sáng tạo.

Chi bằng mấy người chiến sĩ đứng dưới giao thông hào, bông băng quấn đầy mình, vách chiến hào phủ một lá cờ lớn, Sáng đã nói được đầy đủ một tinh thần Điện Biên, và còn nói rộng hơn, tinh thần của cả dân tộc, của thời đại. Đó chính là kết quả một cuộc tìm kiếm lâu dài và hết sức gian nan, hết sức dũng cảm. Bức tranh đó là một thành tựu trong những thành tựu

đứng ở hàng đầu, ở *chiếu một* của Mỹ thuật Việt Nam. Mỗi lần nhìn vào tác phẩm đó, chúng ta cảm thấy mạnh lên, không sợ hãi bất kỳ một trường phái nào.

Anh Hiến nói được thế về bạn bởi vì trước hết anh cũng là một tài năng cái đã, một trí thức cái đã. Người thiếu chân tài, hiểu biết chật chội thường khó mà trân trọng nổi các tài năng lớn hơn mình, dễ khó chịu trước những sáng tạo kỳ vĩ và độc đáo cùng thời với mình.

Anh Hiến kể Nguyễn Sáng cũng là người Mỹ Tho như anh, nhưng nhà nghèo lắm, sau khi tốt nghiệp trường Mỹ thuật Gia Định, Sáng thêm được ra Hà Nội học tiếp ở Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, tên tiếng Pháp viết là *L'Ecole Supérieure des Beaux arts* hoặc chỉ gọi là *Beaux Arts de l'Indochine*. Sáng phải lừa gia đình, một hôm dắt con bò ra đồng gặm cỏ, anh ấy tặc lưỡi tuồn luôn nó ra chợ bán lấy ít tiền rồi nhảy xe lừa làm một chuyến xuyên Việt. Anh thi đỗ, sắp tốt nghiệp thì gặp cách mạng, thế là làm người Hà Nội. Một chuyến xa nhà vài mươi năm, một chuyến ra đi không hẹn ngày về, trở thành niềm tự hào của cả đất nước, như thế cũng không thể gọi là một đứa con bất hiếu. Thuở ấy trường Mỹ thuật Đông Dương, cái Trung tâm Yết Kiêu ấy là một khu vực còn rất nhiều chuyện đáng ghi lại, vai trò của các giáo sư họa sĩ Pháp là rất lớn, những nỗ lực học hỏi, phấn đấu của các trí thức trẻ Việt Nam

là rất phi thường, đó chính là nền móng đáng tin cậy cho Mỹ thuật hiện đại của chúng ta. Nhìn lại thấy cách dạy, cách học ngày ấy cũng khác với bây giờ nhiều lắm, chả rõ cách nào đã có lý hơn cách nào, cứ để hạ hồi phân giải. Sau hòa bình lập lại vài năm có một ông họa sĩ nước ngoài sang Yết Kiêu làm chuyên gia, lệnh trên là nhất nhất phải nghe theo ông thầy đó. Sáng đang tham gia giảng dạy ở đây, ông cảm thấy chưa ổn, thấy chối, muốn nổi cái tính bướng vốn có từ nhỏ, nó vẫn nằm nguyên ở trong tâm khảm ông. Sáng bèn mời vị chuyên gia kia lại chơi nhà mình, anh mời khách xem một bức anh vừa vẽ, vẽ rất thực, rất cơ bản, vẽ kỹ từng chi tiết, một bút pháp đạt đến bậc thầy về ánh sáng, về bố cục, về hình họa, về màu. Ông thầy khen nức nở và lấy làm tâm đắc. Rồi Sáng lại lẳng lặng mở tiếp bức thứ hai, một bức sơn mài ú bằng mấy mảnh bao tải xếp tựa vào tường. Trong bức đó Sáng vẽ một thiếu nữ Hà Nội áo dài đỏ đang ngồi, vây xung quanh cô gái là bốn con hồ vòn: hồ trắng, hồ đen, hồ xám, hồ vàng. Một bức tranh độc nhất vô nhị, vẽ bằng một bút pháp rất Sáng, chỉ riêng của mình Sáng và anh ấy nói với người bạn kia bằng tiếng Pháp: Bức kia tưởng vậy chứ thực ra thì tôi vẽ được mà anh và mọi người cũng đều vẽ được, còn bức này thì khác, chỉ có tôi mới vẽ được, và tôi chính là tác giả của nó.

Mấy năm sau, khi Hà Nội bước vào cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, bức tranh ấy được gửi sang Thụy Điển, làm quà của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi tặng Thủ tướng Ô-lốp Pan-mơ. Anh Hiến lúc đó đang là ủy viên thường vụ phụ trách công tác đối ngoại của Hội Mỹ thuật, phải tự tay lo việc đóng gói chuyên chở, còn Sáng thì ngồi lừ lừ ở một góc nhà với một chai rượu Vân nẫu từ sẵn. Anh ấy đã khóc, khóc lặng lẽ, khóc trong niềm kiêu hãnh, trong hạnh phúc của một kẻ cô đơn sáng tạo.

Tôi ao ước có lúc được xem một bộ phim truyện dựng lại cuộc đời Nguyễn Sáng. Nay các ông, nhân nói về phim tôi muốn hỏi, liệu còn khó khăn ở những chỗ nào mà các nhà điện ảnh tài ba của chúng ta loay hoay mãi vẫn không có nổi một bộ phim truyện cho ra trò một chút. Tôi biết có người đã biện hộ rằng sở dĩ chưa làm nổi những bộ phim lịch sử nói về đời Lý, đời Trần là do đến một con ngựa cho ra ngựa chúng ta cũng thiếu. Hay nhì, nhưng lịch sử dân tộc chúng ta đâu có phải được bắt đầu từ mấy con ngựa. Nói thực, tôi chỉ mới thấy khâm phục những người ôm máy đi làm những thước phim thời sự tài liệu mà thôi, những thước phim tài liệu thời sự của ta có sức lay động mạnh. Phim truyện thì có khác, khác nhiều. Diễn viên nữ nói chung là xinh, nhưng thường hay bị lột quần xé áo, mà lại hay ngất nữa, Nam

bộ gọi là té xỉu. Hãy xem đây chỉ là ý kiến của một khán giả không sành lắm về nghệ thuật thứ bảy, chưa nắm được những đặc trưng của nó là như thế nào.

Có một người thường năng đến thăm anh Hiến, được VTV3 có nhã ý làm một cuốn phim giới thiệu về mình cũng phải cố gắng mời bằng được anh Hiến ngồi với mình. Người ấy là họa sĩ Văn Đa. Anh Văn Đa kém anh Hiến gần chục tuổi, họ vốn là hai họa sĩ quân đội. Khi anh Đa tốt nghiệp trường Mỹ thuật Yết Kiêu khóa I thời ta thì về phòng văn nghệ quân đội, kiêm công việc trình bày minh họa tạp chí *Văn nghệ Quân đội* thay cho anh Hiến chuyển ra Hội Mỹ thuật Việt Nam. Lúc anh Hiến đã là họa sĩ của báo *Vệ quốc quân*, tiền thân của báo *Quân đội nhân dân* thì anh Văn Đa còn đang là một họa sĩ dưới đơn vị *Tây Tiến*. Anh là người có họ hàng bên ngoại với họa sĩ nổi tiếng Bùi Xuân Phái, được ông Phái rất quý, nhưng người thầy đầu tiên đưa anh vào hội họa lại là nhà thơ Quang Dũng. Nhiều năm đầu kháng chiến họ đã cùng chung sống bên nhau ở một mặt trận. Còn nhớ có một đêm đang ngủ say, anh bị Quang Dũng đánh thức dậy. Trước mặt anh, trên vách nửa nhà sàn là bức tranh Quang Dũng vừa vẽ xong, một cô gái Thái tươi tắn được vẽ bằng thuốc nước. Nhà thơ kiêm họa sĩ ấy từ từ hạ tấm thân đồ sộ cao tám thước của mình, quỳ xuống, thấp một nén

hương làm lễ tạ người đẹp. Quang Dũng tự học vẽ cũng như anh đã ngân nga làm ra bài hát *Ba Vì mờ cao* rồi nhờ Huy Du ghi ra thành nốt nhạc giúp mình vậy. Đó là những năm tháng khó quên. Sương giăng mờ tỏ trên những rặng đào phai, những nếp nhà, những lối mòn vào bản, những góc rừng ngập cỏ hoang, những đoàn quân thấp thoáng, chú ngựa trắng bên sườn núi đỏ, đàn em bông đu nhau đứng trên thềm, đứng bên bờ dậu một vườn rau, tất cả những năm tháng ấy về sau đều được cây cọ tài hoa nhiều tình của Văn Đa chuyển lên mặt vải. Đó là những tác phẩm mang dấu ấn của cả một thời và cũng không ít sự sang trọng. Nó khiến ta băng khuâng như mỗi lần đọc lại những câu thơ Quang Dũng *Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói, Mai Châu mùa em thơm nếp xôi ...*

Anh Văn Đa thông báo hai anh em sắp được nhận Giải thưởng Nhà nước. Quang Dũng cũng được truy tặng lần này. Anh Hiến cười: "Tốt, với người đang ốm như bọn mình lại càng thiết thực, một đồng lúc này cũng quý". Rồi Văn Đa than thở, cánh ta nhận Huân chương Độc lập sớm nên không có tiền, từ năm nay anh nào nhận thì cơ quan sẽ cho vài triệu. Anh Hiến lại cười: "Ăn cỗ mà đi trước là thiệt".

Ngày cướp chính quyền, anh Văn Đa ôm súng trường đứng gác ở cổng trại Bảo an binh trên phố Hàng

Bài, còn anh Hiến được gọi đi vẽ tiền cách mạng. Anh được một cán bộ dẫn đến gặp người lãnh đạo tổ chức Văn hóa cứu quốc lúc đó đang đóng trụ sở tại nhà in Tau Pin, về sau này cái nhà in đó biến thành Cửa hàng bách hóa số 5 đường Lê Duẩn, đêm đêm là chỗ mấy anh thợ tẩm quất trái chiếu ra hè gõ tanh tách lên lưng khách qua đường. Bây giờ chỗ ấy đã có một siêu thị mọc cao ngất. Rồi anh Hiến được dẫn lên gặp ông Phạm Văn Đồng lúc đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính lâm thời. Công việc đòi hỏi tuyệt đối bí mật. Muốn làm cách mạng là phải biết giữ bí mật. Cách mạng đã có chính quyền thì đương nhiên phải có quân đội, phải có tiền của mình. Bài học vỡ lòng về cách mạng của anh Hiến chỉ có vậy. Đó là những đồng tiền đầu tiên của chế độ mới. Cụ Nguyễn Đỗ Cung vẽ tờ 1 đồng. Ông Nguyễn Văn Khanh vẽ tờ 20 đồng. Ông Nguyễn Huyền vẽ tờ con trâu xanh 100 đồng. Anh Hiến vẽ tờ 5 đồng. Gọi là mệnh giá năm đồng. Đồng tiền có hai mặt, mặt trước anh vẽ hình Bác Hồ, mặt sau có hình người thợ đưa búa lên nên xuống cái đe. Trước đó anh đã phải cất công tìm xuống một phân xưởng ngүй trong nhà ga Hàng Cỏ để ký họa những người thợ đang lao động. Đó cũng có thể xem là chuyến đi lấy tài liệu, chuyến đi thâm nhập thực tế đầu tiên của anh, một họa sĩ quyết toàn tâm toàn ý đi với cách mạng.

Một đêm, tại căn nhà số 6 phố Lê Lai, anh đang ngồi hí hoáy vẽ thì nghe sát vách bên kia hình như có tiếng nói âm ẩm nghe quen lắm. Anh Hiến tò mò ghé mắt nhìn qua một khung cửa tràn ngập ánh sáng, và trước mắt anh hiện ra một cảnh tượng rất ít người có may mắn được thấy. Trên một chiếc bàn lim lớn đặt giữa nhà là một đồng vàng. Ngồi ở một bên bàn là ông Đồng. Người đối diện là ông Trịnh Văn Bính khi đó là Thứ trưởng Tài chính. Ông Đồng dùng một cái cân tiểu li lúi húi cân vàng, ông Bính lúi húi ghi từng mục vào sổ. Đó là vàng của Tuần lễ vàng mà nhân dân cả nước vừa mới đóng góp được.

Nhân đây cũng xin kể, vào Tuần lễ vàng năm ấy nhà văn Võ Quảng đã cùng vài chiến sĩ tự vệ Đà Nẵng áp tải một chuyến xe chở vàng của nhân dân trong đó quyền góp gửi ra Chính phủ, họ đã đi suốt ba ngày đêm gần như không dám nghỉ dọc đường. Võ Quảng khi đó hai mươi sáu tuổi, là Chủ tịch lâm thời Chính quyền cách mạng thành phố Đà Nẵng. Đó là chuyến ra Hà Nội đầu tiên của ông, chuyến ra lần sau là đi tập kết. Lần này ông ra cùng vợ và các con, mấy chục năm nay cũng đã kịp thành người Hà Nội, giờ đang sống trong một căn hộ trên gác ba phố Hàng Chuối.

Khi Nhà xuất bản Kim Đồng thành lập, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc, kịp cho ra mắt bạn đọc tập

truyện *Quê nội* đắm thắm tình người tình đất. Đó là tập văn xuôi tuyệt vời, đưa tên tuổi ông lên hàng đầu đội ngũ các nhà văn viết truyện thiếu nhi ở ta.

Năm tháng qua đi, mỗi ngày sống của dân tộc hôm nay đều đã đầy ắp những kỷ niệm đẹp. Sáng sáng xé một tờ lịch, không mấy tờ là không thấy có nhắc đến một kỷ niệm nào đó, nhưng kỷ niệm về Tuần lễ vàng vẫn là một trong những kỷ niệm đẹp nhất. Đó là một ngày rất hiếm có, nếu không muốn nói là nó chỉ đến có một lần.

Có người về sau này đã nói với anh Hiến, giá mà biết các cụ đã chi vào việc gì đầu tiên bằng số vàng ngày ấy thì mới thật là tuyệt. Anh Hiến trả lời dễ dàng, biết chứ, biết rõ là đằng khác. Mấy năm sau trên đường công tác, ở Việt Bắc, tình cờ gặp lại đồng chí Phạm Văn Đồng, tôi đã mạnh dạn hỏi việc ấy. Đồng chí Thủ tướng cho biết, số vàng đầu tiên của Tuần lễ vàng được mang ra để đổi lấy ba chục thuyền muối. Cụ Nguyễn Lương Bằng chịu trách nhiệm mang vàng xuống Thái Bình lấy muối, rồi lại chịu trách nhiệm chuyển muối từ dưới đó lên Tuyên Quang. Hôm cậu ngồi vẽ tiến ở chỗ mình là hôm bọn mình cân vàng giao cho cụ Bằng, trước sự chứng giám của Bác và cụ Huỳnh. Cuộc kháng chiến của chúng ta đã được chuẩn bị từ rất sớm, ngay từ buổi đầu, khi Cách mạng tháng Tám vừa thành công, có

Tuần lễ vàng là bởi thế. Lễ mở đầu Tuần lễ vàng tổ chức tại sân Bắc Bộ phủ, có cả ngàn người hưởng ứng, mình định đứng ra đọc lời kêu gọi nhưng Bác ngăn lại bảo không được, chú chưa nói được, việc này phải đề Bác thưa với đồng bào. Hôm ấy, Ban tổ chức đã kê một cái bàn lớn để Bác đứng lên đọc lời kêu gọi toàn quốc.

Nghĩ lại mới thấy không có dân mấy nơi lại long đong như dân nước ta. Chiến tranh liên miên, lại lắm bận đôi tiền. Gần như trước mỗi lần ấy anh Hiến đều được gọi đi về tiền mới. Anh lặng lẽ lên khu Gang thép Thái Nguyên vẽ ống khói lò cao, ra Hòn Gai vẽ cần cầu xúc than và tờ bạc nào anh cũng vẽ hình cụ Hồ. Cùng làm việc ấy còn có rất nhiều họa sĩ khác trong đó có cả Nguyễn Sáng.

Có một người lại còn năng đến với anh Hiến hơn cả anh Văn Đa, đấy là chị Toàn. Chị Toàn chừng đã bước qua tuổi năm mươi, tóc đã có nhiều sợi bạc, người điềm tĩnh, kín đáo, đoan trang. Chị hay cười tùm, chẳng mấy khi nói gì. Chị thường mang đến một chút hoa quả làm quà, để anh Hiến đỡ xót ruột, chỉ ăn bánh mỳ chấm muối vùng tức là sẽ thiếu rau, người ta ốm vì thiếu rau chứ không phải vì thiếu thịt cá. Đó là bài học rút ra từ sau chuyến vượt Đại Tây Dương của Kha Luân Bố. Mỗi khi có ai đến chơi, anh Hiến lại chỉ sang chị Toàn mà giới thiệu, làm quen với nhau đi, đây là

người mẫu của mình. Quả là anh vẫn thường ngồi tựa lưng vào thành giường hí hoáy vẽ chị vào một cuốn sổ tay bằng vài nét thanh thoát như đã thuộc lòng. Chị Toàn lúi húi lúc thì bỏ táo, lúc thì pha trà, mặc kệ ông ấy, cứ xem như là ông ấy đang nghịch. Ngồi lúc lâu chị lại chào anh, chào mọi người, xin phép về. Người già, mấy ai đã không có con, có cháu. Nào có ai thiếu một hậu phương, một chỗ đi về của riêng mình. Nhưng vẫn cứ phải có một nơi để mà đến thăm hỏi, để mà dành những chăm nom kín đáo cho nhau, vậy thôi. Thế là thế nào nê, đã gọi là một mối tình được chưa. Việc này thì anh Hiến không bao giờ nói ra, chị Toàn lại càng không bao giờ. Tuổi già có những bí mật riêng của họ, càng già, càng từng trải, càng lắm bí mật. Chỉ có điều nó là những gì, ra làm sao, có những bí mật thật sự đáng xấu hổ cho con cháu, lại có những bí mật càng tìm hiểu càng thấy hay. Những bí mật của anh Hiến nếu được biết chỉ càng thấy là vui mừng. Những chuyện đó tùy thuộc ở cách sống mỗi người, hóa ra không phải chỉ có cách mạng mới có những bí mật.

Hôm Nhà nước long trọng tổ chức trao giải thưởng, anh Văn Đa phóng một chiếc xe Peugeot lọc cọc đến rú, nhưng anh Hiến nói đã cử đệ nhất thư của mình đến nhận thay. Anh ngồi nhà vẽ chị Toàn, sớm đó chị ngồi vá cho anh chỗ vai áo bị rách.

Con chị nó ra nhận giải thưởng là phải rồi, không giỏi giang bằng con em nhưng nhân hậu dễ thương, cả hai đứa đều vừa giống mẹ lại vừa có dáng của bà nội. Nét đầm phảng phất trong ánh mắt nụ cười, được Việt Nam hoá qua vài thế hệ nom thật mê hồn. Như tất cả các họa sĩ ở mọi thời, anh Hiến rất thích vẽ phụ nữ, anh trân trọng và anh thuộc từng đường cong tuyệt mỹ trên thân thể mà tạo hoá đã ban cho họ.

Trong số những bức tranh mà anh được trao tặng giải thưởng lần này có bức *Gặp nhau* vẽ sau khi anh từ mặt trận Điện Biên trở về. Bức bột màu không lớn, nhưng nét vẽ phóng khoáng, cảnh rừng núi trải rộng và sâu, bên con đường đất, có hai người đang vui sướng gặp nhau, họ đứng đó, họ đang cùng ra mặt trận, người lính trẻ mang súng, cô gái đặt tay lên đòn gánh. Họ là một cặp vợ chồng hay là một đôi tình nhân lâu ngày gặp lại, cứ để cho người xem mặc sức phỏng đoán. Chỉ biết là cô gái ấy rất duyên dáng, mặn mà, cô hiện ra như một cô Tấm giữa cánh trời đất vào độ xuân sang, với những mảng màu xanh lục pha nâu vàng xiết bao thân thiết.

MỘT CON NGƯỜI ĐÃ RA ĐI

Tôi không phải nhạc sĩ, không nhà thơ, chẳng họa sĩ, vậy mà tôi lại rất yêu ông. Yêu thầm. Tôi thấy ở ông có vô khối cái mà tôi không bao giờ có.

Một người viết văn xuôi thường hay lúng túng và vụng về trước các thi sĩ, nhất là thi sĩ ấy lại là người nói năng thủng thẳng, nói năng quá ôn tồn, vừa nói vừa ngẫm như ông.

Nhớ lần đầu tiên tôi được bám áo họa sĩ Dương Bích Liên đến căn gác nhỏ của gia đình ông cuối phố Yết Kiêu. Quả tim hay buồn của tôi vốn đập uể oải mà tối đó nó nhảy lên dữ lắm. Nào có phải tôi là người quen bền lễn cho cam. Nghiêm chỉnh mà nói không khéo mình còn là thằng bé tính nết có phần nhăng nhố

là chẳng khác. Vậy thì có gì để phai hồi hộp nhỉ? Hồi hộp là bởi vì tuy đã ngoài hai chục tuổi, đã có mấy tuổi quân mà vẫn chưa biết hát cho trọn một bài hát nào. Có thiếu gì bài hát hay trên đời này, ấy vậy mà bài nào cũng chỉ ư ừ vài ba câu, trừ bài *Quốc ca*. Bài ấy thì thuộc, mà lại thích. Vậy là sắp được gặp tác giả *Quốc ca*, bài Quốc ca đầu tiên của đất nước, lần đầu tiên dân tộc đã đứng dậy cùng hát bài đó trong cuộc trường chinh giành độc lập và tự do. Sôi sục và hào hứng lắm chứ, ý nghĩa to lớn lắm chứ.

Còn một lẽ nữa khiến tôi hồi hộp, tôi rời làng quê ở bên kia sông Cầu sang sống ở thị xã Bắc Ninh từ năm lên mười. Tôi thường hay mò ra cái thư viện ở đầu thị xã lúc đó còn là mấy gian nhà lá gổ. Tại đấy tôi đã thuộc những câu thơ của Văn Cao: “Sinh tôi ra đã có Hải Phòng, đầu nhà mới trồng cây mận”. Chỉ thấy là hay quá. “Đêm đêm cầu nguyện bên đèn, chưa thấy ngày mai hừng sáng, chỉ thấy những xác thiêu thân, chết trên mặt bìa những cuốn sách kinh, những pho tượng không bao giờ nói, hai con mắt nhìn an ủi”...

Người như ông ấy là hiếm lắm, tài năng đã là hiếm mà cái tình với dân với nước, với cách mạng cũng là hiếm. Cứ nghe những bài hát, đọc những vần thơ cũng đủ biết.

Đêm ấy Hà Nội yên tĩnh và rất rét. Anh Liên mặc

áo vét quần khăn len, tôi đánh một đôi giày lính lộp cộp và mang áo trấn thủ. Dọc các phố thơm mùi hoa sữa, quanh bờ hồ Thiền Quang lá vàng xào xạc. Đoàn quân ba lô trên vai thấp thoáng đi trên đường, bóng họ lướt lên vội vã. Có một bà mẹ vai mang tay nải lẹo đeo bước theo tiền chân một người con. Anh Liên khê kéo tay tôi dừng lại. Đoàn quân rất dài, họ đi xuống hướng Giáp Bát. Rồi anh bình luận: “Hà Nội đấy. Hồi Điện Biên cũng đã có một lớp như thế, trở về rất ít. Dạo đó anh Hiến và anh Bích đã vẽ một tấm pa-nô gọi địch ra hàng đặt sát vào hàng rào bàn Kéo”. Cái Huy hiệu kỷ niệm chiến thắng Điện Biên cũng là của họ vẽ. Anh không được lên Điện Biên phải ở lại trực cơ quan, ở nhà vẽ một bức Bác với chiến sĩ trẻ bằng chì.

Hà Nội vào đông, gió toi bời. Phải đến mùa hạ năm sau, 1967, quả bom đầu tiên mới ném xuống phố Huế, còn lúc đó chiến tranh mới chỉ ầm ì dọc miền Trung, nhất là ở Vĩnh Linh và Quảng Bình, nơi người Mỹ gọi là vùng *cán xoong*.

Tôi theo anh Liên leo qua một cái cầu thang quần tròn, không cao lắm. Vòm cửa rộng tỏa đầy ánh sáng. Vừa bước vào nhà anh đã chỉ vào tôi và nói to :

- Thằng này vừa có một tập truyện ngắn, tôi vẽ bìa cho nó đầy các ông các bà nhé.

- Ai vậy, trẻ gớm nhỉ.

- Đỗ Chu.

- À, mình có đọc ở đâu đó rồi, dân Kinh Bắc, nghe nói thế. Bên ấy rượu ngon lắm, mình rất thích rượu Đình Bảng.

Rồi người đó đưa tay ra bắt tay tôi. Một bàn tay mềm mại với những ngón dài. Đây chính là Văn Cao. Ngồi cạnh ông tất nhiên là bà Băng, người vợ quyết liệt, đầy tinh thần chiến đấu của ông, suốt đời bà đã lo toan tận tụy cho chồng cho con. Cạnh bà Băng là bà Quách Thị Hồ. Bà Băng những năm ấy còn đang trẻ trung, cười nói tươi sáng lắm. Còn bà Hồ thì tóc đã bạc trắng nhưng giọng nói vẫn trong vắt và đôi mắt long lanh tinh tường. Vóc dáng bà Hồ có phần cao lớn hơn so với sự thanh mảnh của bà Băng. Ngồi đối diện với họ, phía bên này là một ông già trông buồn bã, rất ít lời, thỉnh thoảng lại máy máy đôi môi thì thầm với mình. Tôi chợt nhớ tới chân dung của Đốt-xtôi-ép-xki. Vâng, có một đôi nét phảng phất. Đây là Bùi Xuân Phái. Ngồi cạnh ông Phái là một người đàn ông bộ dạng nom cũng không vừa, rất hay cười gằn và thoáng mỉa mai. Đó là Đặng Đình Hưng. Tôi toát cả mồ hôi mỗi khi anh Liên giới thiệu đến tên tuổi mỗi người. Họ là những danh sĩ Bắc Hà đúng với nghĩa của từ đó.

Tôi để ý thấy các họa sĩ thường gọi nhau, thường nhắc tới nhau cũng như nhắc tới các bạn hữu bằng một

cái tên cọc lốc, đôi khi vui lên họ còn gọi nhau là thằng.

Mới nghe chồn chợn, mà sợ lắm. Khác hẳn với các nhà văn nhà thơ, ưa nhau hay không ưa mặc dầu, nhưng chúng tôi thường không dám xách mé như vậy. Bác Hoan, bác Hồng, bác Kim Lân, bác Tô Hoài, anh Thi, anh Chế, anh Khải, anh Châu... Đảng này thì không thể, cứ tên cúng cơm mà phang. Thằng Sáng dạo này đang làm sơn dầu lớn lắm, nó vẽ thiếu nữ Hà Nội. Thằng Phái thì vẫn cứ Phố Phái. Cũng một cách như thế, họ nói thằng Tường chết sớm thật tiếc, thằng Thi đang đi bộ đội, thằng Hồng vẫn nằm bẹp ở Yên Thế.

Thì đã sao, nghe mãi quen tai lại vẫn nhận ra sau những lời ấy có đầy đủ sự thân mật và quý mến. Cái tình bằng hữu anh em giữa họ với nhau đã có từ lâu - mình là một thằng nhóc con làm sao hiểu được. Chỉ biết là họ rất nể trọng nhau. Mà không giả dối khôn khéo một chút nào mới hay chứ.

Đêm ấy lần đầu tiên tôi đưa hai tay đón một chén rượu cuốc lùi mà ông Văn Cao đưa cho. Nom ông vẫn đang rất nhanh nhẹn. Rồi ông đọc một bài thơ ngắn ông mới làm, bằng một giọng khàn khàn: "Có lúc, một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ. Có lúc, ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt. Có lúc, nước mắt không chảy ra ngoài được".

Nâng chén rượu chưa nhấp lên ngang mặt, ông

nhìn đắm đắm vào bức tranh đang vẽ do đặt trên nắp đàn dương cầm ở góc phòng. Ông Phái thung thảng nói:

- Màu áo chàm được lắm, con ngựa cũng đẹp.

- Không phải đẹp mà nên nói là nó xinh. Thấy không, ngựa đực đấy chứ, vậy mà nó xinh và đáng yêu như một cô gái. Mai tao sẽ làm xong bức này.

- Thêm một nhát vàng chanh vào chỗ cái mũ mèo kia là “phanh” được rồi.

Anh Liên nói. Ông Văn Cao gật gù tán thưởng. Rồi sau đó là bà Hồ hát ả đào. Bà cầm hai chiếc đĩa gõ vào nhau lấy nhịp. Giọng bà mới sang làm sao. Chẳng trách cụ Nguyễn đã xem bà như một người bạn tri âm tri kỷ.

Tôi làm sao hiểu hết được cái hay trong giọng hát của bà, chưa bao giờ tôi được gặp bà, lại càng chưa bao giờ được biết tới hát ả đào là gì. Đã bảo mình hoàn toàn là một thằng bé nhà quê, một chú lính lạc vào đây. Nhưng tôi biết bà đang hát bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị.

“Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách, quạnh hơi thu lau lách đìu hiu. Cũng một lúa bên trời lặn đặng”.

Nhiều năm sau, tôi vẫn thường lui tới thăm ông. Chiến tranh lan rộng ra khắp nước, ai cũng bận bịu thêm nhiều, nhưng hễ có dịp qua căn gác nọ là tôi lại tranh thủ tạt lên ngồi với ông chốc lát trao đổi chuyện trò với ông. Ông vẫn thung thảng thế, nhưng thật nhân

hậu và chân thành. Có lần gặp bà Băng ở ngoài đường, bà kêu lên: “Chú có vào với ông ấy trong Việt - Xô thì vào, ồm nặng đấy!” Tôi vào thăm ông ngay, nắm đôi bàn tay gầy nhom của ông bụng nghĩ không rõ ông còn quay về nhà với vợ con và anh em nữa hay thôi.

Vậy mà ông vẫn trở về như thường. Ông vẫn sống dai dẳng, âm thầm và ngoan cường. Giai đoạn ấy ông vẽ sơn dầu là chính. Vẽ đến đâu được người ta rước hết đến đấy. Thế mới có đủ tiền mà sống, mà nuôi nổi một đồng con khôn lớn. Có bức giờ vẫn đang bày trong Bảo tàng Mỹ thuật, có bức đang nằm trong nhà ai đó quanh Hà Nội, có bức đã bay ra nước ngoài. Chỉ trừ có một bức ông vẽ bà Băng mặc áo dài tím cánh sen rất nhả là không chịu bán đi, cho dù đã có rất nhiều người nài nỉ đòi mua. Xem thế đủ biết ông yêu quý và trọng người bạn đời của mình như thế nào.

Vài năm trước báo *Văn nghệ* có tổ chức mừng thọ ông bảy mươi tuổi, nhân dịp đó nhà sưu tầm tranh Tô Ninh đã cho tòa soạn mượn về một số tranh và minh họa của Văn Cao. Nhờ đó mà tôi được gặp lại bức tranh *Con ngựa trắng* và *Anh trai Mèo* ngày nào ông đã vẽ. Tôi chợt thấy một dáng hồng phảng phất trên bờm ngựa và trên chiếc mũ của chàng trai. Hóa ra ông đã phết một nhát vàng như anh Dương Bích Liên khuyên ngày đó. Thế mới hiểu cá tính sáng tạo của nghệ sĩ là thế

nào, nó thật sự là rất khó bảo. Riêng tôi may mắn được ông quý mến dành thời gian làm bìa cho vài cuốn. Bìa nào cũng thấy vừa ý. Cầm cuốn sách của mình viết lên tay vừa vui lại vừa buồn bởi thấy bìa thì đẹp mà lõi thì còn nhạt nhẽo quá. Cái tên Văn của ông ghi ở cuối sách như muốn nhắc nhở tôi cần phải có nhiều cố gắng hơn mới ổn. Gần đây, giáp Tết âm lịch, tôi cùng một anh bạn là kỹ sư nuôi tằm từ khu tập thể Nam Đồng cuộc bộ lên phố thăm ông. Cũng lại là một đêm trời tối và có gió lạnh. Hai anh em bước lên những bậc thang trước căn gác ở đường Yết Kiêu mà chỉ lo ông đi vắng.

May thay ông vẫn đang còn ngồi đó, trong một cái ghế mây có tấm chăn lót ổ.

Ông rót rượu ra mời chúng tôi. Nhà ông lúc nào chả có rượu, mấy năm gần đây lại càng nhiều, những chai rượu Tây rượu Tàu xếp cả dãy trên giá.

Biết anh bạn tôi vừa từ bên quê sang chơi, lại vốn xuất thân là học sinh trung học thời kháng chiến lần thứ nhất, sau đó có những năm phục vụ trong quân đội, có đọc chút ít thơ ông, rất yêu những bài hát của ông, Văn Cao cảm động lắm. Ông nói, đây là tôi viết cho các anh, cho nhân dân đồng bào tôi. Ông báo tin Tết trước cụ Mười có đến căn gác xoàng xĩnh này thăm gia đình chúng tôi, sau đó các đồng chí đã cho thêm một căn hộ đằng phố Đội Cấn, đưa bớt đám con cháu

xuống đó ở, do vậy mà nhà trên này có rộng rãi hơn. “Minh đã sống trong căn buồng này suốt bốn chục năm, vui buồn cùng nó, vì vậy chẳng muốn rời đi đâu. Đất này xem ra thế mà được”.

Nói là rộng rãi nhưng căn phòng trước kia được chia làm hai thì giờ đây lại hóa thành ba. Ngăn trong cùng, sau một bức vách mỏng giờ là chỗ ở của vợ chồng cậu út, cũng đã trở thành một họa sĩ, và vợ chồng cậu họa sĩ nhiều triển vọng ấy lại vừa sinh một đứa con trai khá khinh.

Bà Bằng vui vẻ khoe cô con gái rượu của mình đã tốt nghiệp khoa dương cầm ở nhạc viện Trai-cốp-xki bên Nga và cũng đã xây dựng gia đình. Vợ chồng nó báo tin sắp bay về ăn Tết với bố mẹ.

Bà vừa nói vừa đặt một đĩa bột mới quấy xong xuống trước mặt chồng, giục ông ăn kéo nguội. Nhưng ông chưa chịu ăn cho, ông đang ham chuyện khiến bà phải gắt lên như ra lệnh. Bà ri tai tôi đừng để ông uống nhiều, cũng là muốn đe cả tôi.

- Thăng Bằng nhà này cũng có tập tọe in một tập thơ, lúc nào cậu thử đọc xem sao.

- Nó có mang xuống nhà tặng tôi rồi. Thơ nó có nhiều tìm tòi. Khá lắm đấy.

- Ờ, ờ, rất có thể...

Ông lại nâng chén rượu lên, nhìn xa xăm. Lát sau

ông khoe với chúng tôi là cụ Hồng y giáo chủ mời đây đã cho người cầm thiệp đến mời ông tới nhà thờ lớn trò chuyện và ăn cơm. Tôi nói đây là cụ Tụng, nhiều năm trước cụ đã từng trông nom giáo phận Bắc Ninh, tôi đã có một vài lần được ngồi hầu chuyện cụ, cũng thấy là một cụ già mầu mực và mẫn tiệp lắm.

Khuya rồi. Ông đưa cánh tay gầy gò lên rút hai tập sách trên giá để xuống bàn. Đó là thơ của ông vừa được Nhà xuất bản Văn học làm tuyển.

Ông cầm bút để tặng cho người bạn tôi. “Đề nhớ một lần gặp nhau”. Còn cuốn cho tôi thì ông để : “Mến tặng Đỗ Chu nhiều năm đã nhiều kỷ niệm. Ngày 28/1/1995”. Chữ ký ngay ngắn mà vẫn rất phóng khoáng. Cái dấu “á” kéo thật dài bên trên hai chữ Văn Cao viết hoa gợi một vành trăng khuyết.

Chúng tôi đứng dậy cảm ơn ông, chúc ông một năm nhiều sức khỏe. Vẫn ngồi nguyên trong ghế, ông hỏi đùa tôi:

- Liệu mình có nhìn thấy thế kỷ 21 không?
- Thấy chứ. Ông phải sống với chúng tôi thêm mười năm nữa rồi có đi hãy đi.

Ông cười hiền từ, giơ tay lên tạm biệt.

Suốt mấy tuần lễ tôi nằm bẹp ở nhà chẳng đi đến đâu vì đau nặng. Hôm nay cháu Hoài - con trai tôi ở đâu phóng xe về buồn rầu báo tin :

- Bác Văn Cao vừa mất rồi bố ạ.

- Cái gì?

- Bác Văn Cao mất. Cả thành phố đều biết rồi.

Tôi nhảy quàng lên cơ quan, vẫn chưa muốn tin chuyện ấy là thật. Nhưng ở cơ quan đã thấy các anh Nguyễn Khoa Điểm, Hữu Thịnh và Nguyễn Trí Huân đang ngồi bàn việc tổ chức lễ tang ngày mai.

Đêm về lọ mọ ngồi viết, vừa viết vừa bồi hồi. Vậy là ông ấy đã đi rồi. Với một người như Văn Cao thì phải nói về sự ra đi ấy như thế nào cho xứng đáng?

Chà có gì xứng đáng hơn bằng một đời gián dị, một con người đã ra đi.

Không phải ai đang sống đều có thể dễ dàng được gọi là người. Với những người có cách nghĩ đơn giản thì sự ra đi của họ đồng nghĩa với từ chết. Với những ai đã gắn bó vui buồn của mình với vui buồn của dân tộc, với sự còn mất của dân tộc thì sự ra đi của họ không có nghĩa là chết, và đấy chính là mực chuẩn chính xác nhất để ta mang ướm vào nhân cách của mỗi người khi họ nhắm mắt, khi chính ta nhắm mắt.

Làm người là hữu thân hữu khổ, hữu hình, hữu hoại. Vậy thì sướng hay khổ chưa phải là lẽ lớn, được hay mất cũng chưa lớn, sống hay chết cũng chưa phải là chuyện gì quá ghê gớm. Những toan tính tâm thường, những mưu sự xoàng xĩnh chẳng qua cũng chỉ

là vợ bèo gạt tép, nào có cao giá nổi gì. Văn Cao vụng dại và xin chấp tay chịu thua, ông không có sự chuẩn bị để làm những việc ấy, ngay từ lúc sinh ra bên cây mận trắng đầu nhà. Ông sinh ra là đề hát giữa nhân dân mình và cùng nhân dân vật vờ đứng dậy giành lấy quyền làm người.

Mà cũng lạ, ông ra đi đúng một thời điểm hết sức trọng đại, một thời điểm có ý nghĩa mở đầu cho một vận hội mới của dân tộc. Tương như đã có thể nói một cục diện mới đang mở ra trước mắt chúng ta. Chúng ta lên đường suốt nửa thế kỷ vừa qua cũng chỉ là đến được cái đích hôm nay. Một Việt Nam có chỗ đứng bình đẳng trước nhân loại. Sự thật, phải cảm khẫu sung lên mà hát *Đoàn quân Việt Nam đi* là một chuyện vận bất đắc dĩ, cái chúng ta mong muốn ngay từ buổi dựng nước vẫn là sự chung sống hòa bình, là được hát *Toàn dân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc...*

Chính ông Văn Cao cũng mong mỏi sớm tới một ngày như thế, ông có thể nhắm mắt bước vào cõi thiên thai, đi vào tuổi mơ...

Vào lúc một giờ đêm, theo đồng hồ Hà Nội, khi tôi sắp kết thúc bài viết gọi là đề tưởng nhớ Văn Cao, thì tại Oa-sinh-ton, tổng thống Bin Clin-ton đã ra tuyên bố chính thức, nước Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường và đầy đủ với Việt Nam.

Có nghĩa là đã đến lúc nước siêu cường cuối cùng trên thế giới bắt đầu công nhận chủ quyền của Việt Nam. Đây là một sự kiện rất đáng vui mừng. Đây cũng là thành quả tốt đẹp và xứng đáng mà dân tộc đã gặt hái được sau nửa thế kỷ quật cường với không biết bao nhiêu hy sinh mất mát và hoàn toàn có quyền kiêu hãnh.

Ông đã như tất cả mọi người, chỉ có điều đáng nói ở đây là ông đã đi vào lúc dân tộc của ông vừa lội qua những chặng đường nhiều tủi nhục và đau thương nhất để bước lên một bờ vui. Đây là tất cả những gì mà ta có thể nói về sự ra đi này.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁI ĐẸP

Nói đến Thái Bá Vân là nói đến một nhân cách. Ở anh bao giờ cũng u ẩn một tình yêu thuần khiết trung thực với nghệ thuật và với cuộc đời. Trước hết anh đến với đời trong tư cách một chiến sĩ lặn lội tìm kiếm và kiên trì bảo vệ cái đẹp. Một chặng đường dài nhiều hứng khởi say đắm nhưng cũng không thiếu cay đắng và cô đơn. Anh nói, với một trí thức thì sự cô đơn phải được xem như một định mệnh, một vinh dự. Vừa mới tháng trước, mấy anh em chúng tôi còn gọi điện xuống nhà anh dưới Thanh Xuân Bắc hẹn với anh hôm sau sẽ gặp nhau ở chỗ nhóm các nhà điêu khắc trẻ để vừa bù khú, vừa bàn thêm về cái phác thảo mà họ đang chuẩn bị cho Đài tưởng niệm các chiến sĩ yêu nước và

cách mạng đã từng bị giam cầm ở nhà tù Hỏa Lò. Anh Vân hỏi lại tôi qua máy: “Có Kim Lân, có Mai Văn Hiến, có Hồ Ngọc Đại, có Văn Đa, có Trần Lưu Hậu, có Khúc Quốc Ân và Lê Liên, toàn là chỗ anh em, hay lắm, thế nào mình cũng tới. Đỗ Chu đã đọc bài *Tượng đài nghệ thuật ở Việt Nam*, những lối đi mới của mình chưa. Theo mình hoành tráng không có nghĩa là đồ sộ ồn ào, một câu “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” cũng đã đủ là một tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Ở ta cho đến hôm nay, theo mình, tượng ngoài trời đẹp nhất, thành công nhất vẫn là tượng Thủ khoa Huân của anh Nguyễn Hải dựng ở đồng bằng Nam bộ. Đó là một tìm tòi đến độ của Nguyễn Hải sau bốn mươi năm vật lộn. Vấn đề không gian cho tượng ngoài trời là cả một thử thách khốc liệt. Nhà thơ Nguyễn Duy rất nhạy cảm và tinh tế trong quan niệm về không gian hội họa. Thế mới lạ. Mà anh ta cũng quyết đoán lắm. Cái chày cái cối giã cua, cái chổi quét nhà, cái niêu cái vại đặt bên những bức ảnh lộng lẫy mang về từ các thành phố bên Anh, Pháp, vậy mà sao lại vẫn thấy có một nhịp điệu, mới mẻ mà không nghịch mắt, không kệch cỡm, rất nhiều lay động đột ngột. Với tượng đài nay mai dựng tại Hỏa Lò, Ân và Liên cần phải biết khoét sâu vào đá, mỗi nhát đục phải mang được cái đau, cái uất hận của cả một dân tộc trong cuộc chiến đấu giành tự do. Mình

hình dung những hốc đá đen ở đó thật ám ảnh và bi hùng. Làm được thế sẽ là một thành tựu, một đóng góp mới cho nền mỹ thuật chúng ta. Có lẽ cuối thế kỷ chúng ta mới rõ sự khoe khoang tàn bạo và quái đản của đời sống. Và với nghệ thuật thì nó lại là cái đau đớn lẫm liệt”...

Tôi thấy anh gần lên trong máy, rồi im lặng rất lâu ở đầu bên kia. Tôi không gác máy, vẫn cứ muốn nghe anh nói nữa, nhưng cũng không dám giục. Nào ngờ đấy lại là cuộc đối thoại sau cùng của hai anh em. Sáng hôm sau, tất cả chúng tôi tề tựu đông đủ, chỉ riêng anh là vắng mặt, anh nhắn lên là bị mệt. Anh giấu bạn bè, giấu cả vợ con trong nhà, một mình chịu đựng, một mình chống trả với thần chết, rất gan góc, cái gan góc của một người rõ mệnh mình nhưng hoàn toàn không muốn chết, rất yêu quý và trọng thị cuộc sống. Mấy hôm rồi, nằm trong Quân y viện 103 nom anh khô đét, sắp tới lúc trút hơi thở tàn rồi mà đôi mắt vẫn sáng quắc tinh tường, cái nhìn bùng cháy nội lực, có sức đặt vào chúng ta một câu hỏi nghiêm trang và nặng ấn tượng. Sự ra đi này của anh là một thiệt thòi lớn không chỉ của riêng giới nghệ sĩ tạo hình, nó là sự trống trải với cả Hà Nội, với nhiều trí thức ở nhiều lĩnh vực. Thái Bá Vân là một người thầy đã từng giảng dạy lịch sử nghệ thuật ở nhiều trường Đại học trong nước và nước

ngoài, là một nhà nghiên cứu và phê bình nghệ thuật mà tên tuổi đã bay ra ngoài cõi. Với riêng tôi, xin được nói anh Vân còn là một nhà văn. Một nhà văn không viết dài, không viết nhiều, nhưng đã để lại nhiều.

Ba năm trước, Viện Mỹ thuật Việt Nam đã cho ra mắt bạn đọc cuốn *Thái Bá Vân vẫn tiếp xúc với nghệ thuật*, cuốn sách chưa đầy năm trăm trang, trình bày trân trọng nhưng số lượng in thì quá ít, chỉ vài trăm bản. Xưa nay vẫn thế, cái gì quý thường hiếm. Cuốn sách được chia làm năm phần, như một cơ sở vững vàng cho một công trình nghiên cứu nghệ thuật lớn, bao quát toàn bộ lịch sử mỹ thuật hiện đại thế giới và nước nhà. Chỉ bằng cuốn sách này Thái Bá Vân đã hiện ra trước cuộc đời một cách xứng đáng. Đó là một khuôn mặt tinh thần lấp lánh ánh sáng trí tuệ, một cốt cách văn hóa đáng tin cậy, và một trữ lượng thông tin quý, không thừa cũng không thiếu hụt.

Hãy nghe anh nói về Nguyễn Sáng: “Có ba ý nghĩa dính kết vào nhau và đọng lại suốt đời Nguyễn Sáng. Một là nghệ thuật, hai là Hà Nội, ba là coi đời mình như con ong. Mang nhu cầu nghệ thuật và sáng tạo như một bản năng sống. Nhận Hà Nội là chiếc nôi văn hóa của cả dân tộc như một sự thật lịch sử. Và có nguyện vọng làm con ong chỉ biết lao động quên mình, tìm những loài hoa quý hút nhụy để làm mật ngọt cho

đời. Nguyễn Sáng tự giác ngộ cuộc đời mình như thế”.

Và anh bàn về Bùi Xuân Phái: “Những nhà tranh vách đất, những đứa trẻ bế em, những con bò kéo xe trên ngõ xóm gập ghềnh, những gốc cây chứa đầy cô tích của Bùi Xuân Phái đều có chung một thế giới nhân văn với phố cổ Hà Nội. Một thế giới tiềm thức và kỷ niệm, nhưng đồng thời chúng lại là hiện tại, những nét khắc khoải ăn sâu vào tâm thức Việt Nam. Làng quê Bắc kỳ còn vọng nhiều tiếng trống chèo trong loạt tranh vẽ sân khấu rập rình nhịp điệu và màu sắc tươi vui. Ở đây ông hóm hỉnh và duyên dáng lạ thường”.

Thái Bá Vân là một người kính già yêu trẻ. Anh hồi hộp theo dõi từng bước đi của anh em họa sĩ trong Nam, ngoài Bắc và xiết bao cảm động trước những thành công của họ. Thái Bá Vân bao giờ cũng rành mạch, thẳng thắn, công bằng và đầy tự tin. Với thời gian, những điều anh thăng thốt phát biểu về nghệ thuật thường đều đúng cả. Trên báo *Văn nghệ* đã có lần anh viết: “Tôi sợ nhất những bức tranh lịch thiệp, nó sang trọng và mỹ miều, cái gì cũng phô bày đủ, nhưng nó rộng không như những lời sẵn đón khéo mồm khéo miệng, nói theo thông tin học thì độ dư thừa ở đây là quá nhiều”.

Năm 1983, trong cuộc gặp gỡ tại triển lãm tranh của các họa sĩ trẻ thành phố Hồ Chí Minh, anh đã trả

lời cuộc phỏng vấn của họa sĩ Đinh Cường, khi anh Cường hỏi anh có suy nghĩ gì về con đường đi của họa sĩ trẻ:

“Ngoài lòng yêu con người, quê hương và dân tộc một cách thiết tha và chính nghĩa, tôi nghĩ đó là con đường say mê và kiên nhẫn trau dồi học vấn nghệ thuật ở trình độ đúc kết tiên tiến nhất của nhân loại tiến bộ. Cái mâu thuẫn giữa nền văn minh máy móc và nhân phẩm con người trong sự mất đi cái tươi mát hồn nhiên của nghệ thuật mà ta thường nghe nhắc tới, theo tôi là một kết luận dựa trên thực tế tàn nhẫn của phương Tây. Ở nước ta trên con đường xây dựng xã hội, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mà ta đang thèm khát và theo đuổi sẽ xảy ra trong những ứng xử nhân văn khác. Bởi vậy tôi không tin nó sẽ mâu thuẫn hoặc gây khó khăn cho sáng tạo nghệ thuật. Mặt khác, ta cũng cần phải dè chừng những thiên lệch (đã có) khi đề cao quá mức nghệ thuật dân gian và lối hoài cổ, mãi mãi xúc cảm mỹ thuật như những người nông dân làm ruộng xưa kia. Tôi nghĩ con đường của ta là phấn đấu để xây dựng một nền nghệ thuật bác học Việt Nam”.

Ở một lúc khác, lại trên tuần báo *Văn nghệ*, trước sự đông đúc đáng ngờ của đám đông họa sĩ, giữa những tìm tòi có phần rối loạn và không mấy sang trọng của họ trong cái sự được gọi là sáng tác, Thái Bá

Vân đã lên tiếng: “Chúng ta đang phải trả lời một câu hỏi nghiêm khắc của hiện tại: Có hay không một nền mỹ thuật mới Việt Nam, có hay không một truyền thống Hà Nội hội họa?”. Đúng là như thế, những trào lưu cuộn lên như gió bão từ những *chợ tranh, rừng tượng* để đến một nền nghệ thuật có đầy đủ tư cách là một chuyện còn dài dài. Giờ đây Thái Bá Vân không còn nữa, sự ra đi nào mà chẳng gây nên những đau buồn cho người ở lại. Một Hà Nội hội họa, một Hà Nội văn hóa bỗng chốc trở nên trống vắng khi người ấy qua đời. Ổ lạ nhỉ, anh có gì xa khác với chúng ta đâu, một chiếc mũ lá cũ kỹ, một chòm râu đen, một đôi mắt tròn xoe buồn buồn và một giọng trầm trầm kín đáo, giản dị thế mà xiết bao tôn quý.

PHẪNG PHÁT HƠI MAY

Vậy mà đã tròn một năm kể từ ngày nhà văn Nguyễn Đình Thi qua đời. Giờ đây mỗi chúng ta vẫn như đang còn thấy bóng dáng anh quần quanh đâu đó. Phảng phất trong hơi may, phảng phất trong mưa bụi, trong hoa cỏ giêng hai quê nhà vẫn như có hồn anh. Nhớ mấy câu thơ anh để lại sau cùng, “Cây lá rào rào phấp phới, tôi đi trong đêm nay, hồn tôi bay lượn, trái tim không ngừng khê đập đập”. Vẫn nụ cười ấy anh đang chuyện trò cùng ta, vẫn ánh mắt ấy anh đang nhìn về Hà Nội với xiết bao nhân ái, xiết bao hồn hậu khiêm cung.

Anh là người vốn ít lý sự, hà tiện rao giảng, rất ngại kể về bản thân cũng như ngại kể về những người

cùng thời với mình. Người ta thấy anh ngày càng thu mình kín đáo, ngày càng nhiều im lặng, mà ai chả rõ anh là một người sớm trải, sớm biết nhiều.

Hai mươi hai tuổi đứng lên điều hành phiên họp thứ Nhất của Quốc hội đầu tiên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trân trọng giới thiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, tóm tắt ý kiến của cụ Chủ tịch... Một tuổi hai mươi dễ có mấy ai. Tuổi hai mươi của một thế hệ ngực trần ôm súng chạy lên đón nhận ngọn gió tự do, tuổi hai mươi của một thế hệ làm tướng và làm thơ, đánh giặc và hát *Tiến quân ca*, dám chết cho nền độc lập dân tộc. Sẽ còn lâu chúng ta hôm nay mới có thể hiểu hết lẽ sống của họ, những người đã có mặt trong buổi đầu dựng nước.

Nhiều năm ta ở bên anh, anh như cái bóng nhà nhận che chở mà chẳng hề làm cóm một ai. Đẹp trong sống, đẹp trong sự sáng tạo, Nguyễn Đình Thi luôn luôn đứng trong số không nhiều những nhà văn ra đi mà vẫn còn để lại mãi mãi tận đáy lòng đông đảo người đọc, tận đáy lòng đồng nghiệp anh em những ấn tượng khó phai lạt, khiến ta như có đôi phần bùi ngùi ghen tị.

Không hề quá chút nào khi cụ lang Bách, một người Nho học của Hà Nội, một hôm đã chọn mấy chữ của Phạm Quý Thích đề viết tặng cho anh Thi lúc anh còn sống, chữ rằng *Tài tình thiên có lực!*

Sớm hôm qua Hội Nhà văn đã cử một đoàn xuống nghĩa trang Mai Dịch viếng anh nhân ngày giỗ đầu. Tôi đã thấy cỏ xanh phủ khắp mồ anh. Nhà thơ Hữu Thỉnh đứng im hồi lâu trong mưa, tay cầm ô che cho nắm hương thơm cắm trên mồ anh bùng cháy. Đó là một cử chỉ văn hóa, nghiêng mình trước một giá trị văn hóa. Là cách khu xử, cách sống không thể khác, đã có từ mấy ngàn năm nay của những ai còn muốn xứng đáng để người đời gọi mình là kẻ sĩ.

Có một lời dặn dành cho những ai đến sau, để mọi người tự chiêm nghiệm mà biết dè chừng trước những đại đột, trước những kiêu ngạo rất tội nghiệp thường dễ có, lời dặn ấy là của Không Tử “Ngồi vào chỗ của người xưa thì dễ mà làm được như người xưa thì khó lắm thay!”.

Những năm vừa qua, tôi có may mắn đôi lần được ngồi nghe anh Nguyễn Đình Thi nhỏ nhẹ chuyện trò, cũng như tôi đã có may mắn đôi lần được ngồi nghe anh Tố Hữu nhỏ nhẹ chuyện trò. Bất chợt, tôi bỗng nhận ra cả hai người ấy đều đã gặp nhau trong một môi quan tâm có ý nghĩa rất chủ yếu, đó là lớp trẻ, là các cây bút trẻ. Đặt rất nhiều kỳ vọng, rất nhiều tin cậy, và cũng rất nhiều băn khoăn, rất nhiều đòi hỏi gắt gao, là vì họ là kế cận, là những tác gia ngày mai sẽ đóng vai trò quyết định làm nên diện mạo tương lai của nền

văn học nước nhà. Không thể xem đây là một gánh vác nhẹ nhàng được. Và càng không thể đùa bỡn buông tuồng trong công việc đó được.

Vẫn biết cả hai ông đều là những người giỏi rồi, nhưng tôi vẫn không khỏi kinh ngạc trước kiến văn uyên bác, trước những am tường và sự nhạy cảm đặc biệt của cả hai ông trong lúc nhận định về tình hình văn nghệ nói chung.

Cả hai ông đều rất coi trọng sứ mệnh cá nhân của mỗi nhà văn, nhưng cống hiến bằng tác phẩm cụ thể của họ và mơ ước cuối đời của hai ông là, giá mà có được một đội ngũ chuyên nghiệp tinh và mạnh.

Khi không ít người trong chúng ta đã quá vui mừng trước một thực trạng, số lượng in ấn thơ văn ngày càng rầm rộ, rồi sức thu hút tập hợp của các Hội chuyên ngành ngày càng mãnh liệt, thì hai ông lại nhu có sự phân vân, có một thoáng e ngại thì phải.

Đã đành là phải vui rồi, có thể vui đến trào nước mắt ấy chứ. Làm sao không vui trong khi con cháu của đám đông hôm qua ngập ngựa trong bãi lầy nô lệ, mà nay bước lên trong khát vọng được sáng tạo, nhận ra cái quyền sáng tạo của mình bấy nay đã bị cướp mất. Đó chính là một sự phát triển mang tính đột biến cảm động của đời sống cách mạng. Nhưng nếu như trước tình hình ấy, bằng sự trải nghiệm, bằng bề dày văn hóa

của mình, hai ông vẫn cứ thấy phải băn khoăn, cứ phải có đôi phần e ngại thì đấy lại là vì những gì khác có thể chỉ các ông mới lường tới được. Có lẽ các ông đã nhìn ra ngoài cánh đồng xa kia có lan, cỏ chi có ngày sẽ bị những cỏ gà, cỏ bông trùm lấp tràn ngập. Còn gì đẹp hơn cỏ lan cỏ chi, nhưng cũng còn gì mong manh yếu đuối bằng chúng trên cái thế gian quá nhiều dữ dằn, độc ác này.

Tôi tìm thấy ở cả hai ông sự trân trọng cái đẹp một cách đầy lương thiện và cũng rất hồn nhiên.

Hai ông cũng thường hay bàn đến con đường sáng tạo nghệ thuật như bất kỳ ai trong chúng ta. Nhiều ý tưởng đúng nhưng phải nói thật là cũng ít có gì mới trong đó. Sáng tạo là một con đường dài, dài đến bao nhiêu là do cái tài cái đức có đến bao nhiêu. Quy luật đào thải nghiệt ngã diễn ra thường xuyên, họa may ra ở cuối con đường xa lắc xa lơ kia còn lại được dăm ba bóng. Lịch sử chỉ có thói quen chào đón những người như thế, đó cũng là sự công bằng vốn có của nó, cho nên có một người Pháp đã nói lịch sử văn học chính là lịch sử của những cái đỉnh.

Bất luận tình huống nào cũng phải cố gắng để nền văn nghệ giữ được chút tính hàn lâm quý báu từng có của nó. Ngàn năm qua, các cụ ta đã để lại cho con cháu một nền văn học mang bản lĩnh đó. Đó là

niềm kiêu hãnh của một nhân dân tuy nghèo khó nhưng chưa bao giờ chịu thấp hèn. Đó là tinh thần rất cơ bản không phải chỉ khuôn hẹp trong khu vực văn học nghệ thuật mà thôi. Nó chính là cốt lõi của cái mà giờ đây ta đang nói đến nhiều, đậm đà bản sắc dân tộc. Thế nào là bản sắc dân tộc? Câu hỏi ấy tưởng dễ mà thật rất khó gọi ra cho đúng. Có thể xem nó tựa như những đài sen trong sớm mai chẳng. Rất tự trọng, rất sang trọng - một tác phẩm văn học đúng nghĩa cũng rất gần với một đài sen. Một con người cũng vậy, đó là những phẩm chất lớn, mảnh mai mà kiêu kỳ, nó nhắc nhở, nó nhẹ nhàng dạy cho con người ta việc đầu tiên là phải biết xấu hổ.

Quay về với tình hình văn nghệ, vậy thì phải làm sao đây? Có lẽ đã đến lúc phải nghĩ đến việc xây dựng củng cố một đội ngũ chuyên nghiệp. Tính chuyên nghiệp cao chính là điều kiện cần thiết phải có, để nền văn nghệ nước nhà bước ra khỏi tình trạng què mùa rất khó bàn mực chuẩn, hay nói khác đi là một đẳng cấp còn mang rất rõ tính khu vực.

Sẽ là một sự cay đắng khi trong nền văn nghệ ta lâu nay đang còn thiếu vắng, rất thiếu vắng những tác giả lớn, những nhà cầm đầu, những ngọn núi cao nhiều sức tỏa sáng, nhiều sức hấp dẫn vẫy gọi.

Tôi nhắc lại chuyện này là để muốn nói, lẽ thường

niệm anh Thi hôm nay không phải chỉ là tưởng niệm một nhà văn lớn mà còn là tưởng niệm một cán bộ Đảng nòng cốt, từng hết lòng tận tụy góp phần gây dựng, đặt nền móng cho nền văn nghệ mới.

Mấy tháng nay, cả nước đang mở hội hành quân trở lại Điện Biên. Trong niềm vui rạo rực khi nghĩ về chiến công năm xưa và trong nỗi lo âu thắc thóm trước những ngổn ngang việc nước của những năm tháng hết sức phức tạp này, chúng ta ngồi lại đây cùng nhau thắp hương tưởng niệm một nhà thơ chiến sĩ, một nhà thơ với tấm lòng yêu thương đất nước Việt Nam không bao giờ vơi cạn, đó là Nguyễn Đình Thi. Tôi hình dung ra anh Thi đang lấm láp bùn đất đứng dưới một chiến hào cùng các anh lính xung kích, giống như trong bức sơn mài tuyệt vời mà họa sĩ Nguyễn Sáng đã để lại cho chúng ta. Giống như bức sơn dầu mà họa sĩ Tô Ngọc Vân khi ngã xuống vẫn còn đang ấp ủ chưa kịp đưa nó lên toan. Và anh Thi đứng đó đọc bài thơ *Hoa nghệ*, một bài thơ hay trong những bài thơ hay của anh: *Sớm nay giữa Điện Biên dữ dội, Những chiến hào bỗng thấy mùa xuân. Ô lạ, khắp mặt đồi đen trụi, Hoa nghệ xôn xao nở tím hồng. Anh ngắt đóa hoa đồng tui nhỏ, Dành cho em ở cuối trời xa. Em ạ, dù trong cơn bão lửa, Tình yêu không ngừng vẫn nở hoa.*

Đây đâu phải là một bài thơ tình. Nếu chỉ thế thì thật nhạt. Đây là cách nghĩ, cách sống trong một thời

nhiều tao loạn, lăm thác ghềnh và không ít những hiểm nghèo rình rập.

Nhớ đến Nguyễn Đình Thi, không hiểu sao tôi thường thấy lòng mình trở nên thanh thản và ấm áp.

Kể ra trong một kiếp người không lấy gì làm dài, nếu mà ông giới cho gặp lấy được dăm ba người như anh thì cũng đã đủ là một an ủi lớn. Cứ mỗi năm lại thấy quanh mình vắng đi một vài người thân thiết, rồi trông vào gương thấy tóc mình cũng đã bạc trắng cả, lòng không khỏi cô quạnh. Lại càng thấy phải biết yêu quý, lại càng thấy phải biết nhường nhịn và có lẽ cũng sắp phải học lấy sự lặng lẽ lịch lãm của anh.

HOA TRƯỚC THÊM VẤN

1

Dòng chảy của một con sông mẹ. Trong quá trình đi tới nó đã diễn ra nhiều hình thế, đôi khi phức tạp. Lúc thì thắt mình lại làm nên ghềnh thác, lúc mở lòng ra đón nhận phụ lưu, sau nhiều uốn lượn nó tỏa nhánh gặp biển. Nơi ấy là cửa sông mệnh mang bờ bãi, rất dễ ngã ngàng, dễ bị ngợp khi muốn nhận hưởng. Dầu sao, hướng của dòng sông cũng vẫn cứ có, nó đã được chuẩn bị như một tất yếu, ngay từ ban đầu, theo hình tượng của đất đai.

Châu thổ sông Hồng là gốc của sự hình thành lịch sử Việt Nam. Nhìn chung, lịch sử của một dân tộc quả thật cũng chỉ là lịch sử văn hóa của dân tộc ấy mà thôi.

Một vùng đất hàng năm có hai mùa gió, gió từ lục địa thổi ra và từ biển thổi vào. Chính là nhờ chế độ gió mùa mà đất đai phì nhiêu, cây cỏ tươi tốt, cùng nằm trên một vĩ độ với Xa-ha-ra mà nó không hề bị sa mạc hóa. Ngay từ buổi bình minh của dân tộc, văn hóa Việt Nam, rất dễ hiểu, cũng đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của hai nền văn hóa lớn, lâu đời, đấy là nền văn hóa Ấn Độ và nền văn hóa Trung Hoa. Đặc biệt là văn hóa Trung Hoa. Dưới cái bóng rợp và hùng vĩ của nó, văn hóa Việt đã không bị chết còm, đấy là cả một vấn đề rất lớn, rất kỳ lạ, lịch sử còn phải dày công đào bới câu trả lời. Con người Việt Nam cần cù, chịu khó học hỏi và biết học hỏi, sớm có tinh thần tự chủ, có ý thức xây đắp cho dân tộc mình một nền văn hóa mang bản sắc riêng, đó là một điều kiện hết sức quyết định để những ảnh hưởng kia hóa thành tích cực, thành yếu tố kích thích những năng động sáng tạo nhuần nhị, rất Việt Nam. Có thể nói ở đây mọi ảnh hưởng từ bên ngoài vào với thời gian đều bị Việt Nam hóa. Do vậy mà trải qua nhiều chìm nổi, nhiều văng vặc, dân tộc chúng ta vẫn tồn tại và không ngừng trưởng thành. Đất đai có lúc mất, có lúc chia năm sẻ bảy, giống nòi nhiều khi lâm vào cảnh sẽ đàn tan ghé,

nhưng sau tất cả, lại vẫn quần tụ, vẫn non sông một dải nối liền. Những năm sắp tới đây vẫn càng khó, nhiều lo âu, cũng không ai dám bảo đã yên bình thanh thản, phận nước chưa bao giờ dễ dàng. Chỉ những đám tầm thường mới vội vã bằng lòng và kiêu ngạo xằng. Tôi muốn nói chúng ta phải nhìn rõ phận mình, phải biết chăm lo cho dân trí nước mình và phải biết kính trọng nhân loại nói chung. Sự khiêm cung ở đây không khi nào thừa. Cứu cánh của dân tộc chính là văn hóa. Không bao giờ để mất văn hóa của mình. Nó là cái phao tuyệt vời để giữa biết bao bể dâu, dân tộc đã không bị chìm ngập. Nó là tín hiệu tập hợp, là hồn cốt Việt Nam. Mất nó là mất hết, là dân tộc bị xóa tên khỏi cộng đồng nhân loại, là lâm vào cảnh bị diệt chủng tinh thần.

Do vậy mà văn hóa vốn là vẻ đẹp, là sự tỏa sáng của con người, là cái có ý nghĩa cao quý nhất để người ta thường mang ra đối đãi nhau. Ấy vậy mà nó, từ bản chất, vẫn phải có sức đề kháng, sức tự vệ, tự trọng, cái mà giờ đây chúng ta hay nói, phải biết giữ gìn bản sắc dân tộc. Một nền văn hóa càng có bản sắc riêng thì càng đến được với nhân loại rộng lớn, sức mạnh tồn tại của nó càng lớn, sức thu nhận cái mới, sức vận động sáng tạo càng lớn. Ở đây, cách nhìn nhận giữa cái bảo thủ và cái đổi mới như thế có gì mâu thuẫn nhau là một cách nhìn vội vã, nếu không muốn nói là quá đơn giản. Sự

thật, một khi đã thành mực thước văn hóa thì nó chẳng bao giờ cũ nữa. Nền văn hóa của chúng ta đã có sức sống mấy nghìn năm, tất nhiên phải có những tiêu chuẩn bền vững của nó. Như mọi thực thể sống, trong quá trình tồn tại và phát triển nó luôn luôn mang sẵn một thứ gen di truyền không dễ bị phá vỡ. Chân lý là rất dễ hiểu, sự đổi mới để phồn thịnh là sự đổi mới tốt đẹp, là bao giờ cũng cần thiết, là không gì ngăn cản được, còn sự đổi mới để có thể mất gốc, có thể đánh mất bản thân mình là đồng nghĩa với hỗn loạn, đổ đốn. Cái đó, vô hình trung đã trở thành bạn đồng hành của những mưu toan thôn tính văn hóa. Nếu thế, nó không thể không vấp phải sức phản kháng mang tính tự vệ có sẵn trong đời sống dân tộc. Thực trạng văn hóa của chúng ta những ngày này đang có nhiều biểu hiện rất đáng báo động, chung quy nó là sự suy thoái nhân phẩm, là dấu hiệu hốt hoảng trong đời sống tinh thần, và cái ác đang có cơ được o bế, nó tìm thấy những điều kiện để lên men.

Ai như Các Mác đã từng nói: "Tôi ngờ rằng con quỷ ngu dốt đã sinh ra mọi bi kịch". Ai như Đốt-xtôi-ép-xki đã từng nói: "Hình như cái đẹp sẽ cứu rỗi con người". Cái đẹp ở đây xét tới cùng nó phải có nguồn gốc là văn hóa. Là lẽ từ bi của Phật, là lòng bác ái của Chúa Giê-su, là nhân-lễ-nghĩa-trí-tín của Khổng Tử, là

tinh thần nhân đạo của chủ nghĩa xã hội, niềm khao khát của nhiều người trên khắp hành tinh.

Đọc hành trình của mình, trong dân tộc chúng ta thời buổi nào cũng nảy sinh ra những người hiền tài. Họ là tai mắt tinh tường, là sự lường tính khôn ngoan, là óc thông minh mẫn tiệp, là trái tim thồn thức tình yêu thương con người và xứ sở, là những ngọn lửa có sức tỏa sáng, có sức lay động thức tỉnh cả đám đông chuyển mình rũ áo ngẩng cao đầu làm người. Người xưa gọi họ là Hiền. Không có văn hiền thì làm sao có văn hóa. Tầm vóc hiền tài càng lớn thì nền văn hóa chung càng rực rỡ. Đó chính là nhân nào quả ấy. Những chuyện hôm nay chúng ta đang bàn luận không nằm ngoài điều đó. Vậy chứ khuôn mặt những hiền tài giờ đây lấp ló nơi nao, nhân cách thực ra sao, liệu có đúng là những giá trị vững vàng để nhân dân tì vịn, liệu đã xứng đáng là những kẻ đủ sức kham nổi cái công việc nặng nhọc, ấy là việc lấy cắp lửa của trời mang xuống cho con người. Đức cao nhất của họ là lẫm liệt dâng hiến cho sự nghiệp tự giải phóng của đồng bào mình và phần thưởng duy nhất mà họ nhận là lòng biết ơn khôn cùng của dân tộc. Có một hằng số tư tưởng kể từ Trần Hưng Đạo qua Nguyễn Trãi tới Nguyễn Bình Khiêm và Hồ Chí Minh, sự nghiệp của các vĩ nhân đó cho ta một khái luận chắc chắn về lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Với sự công bằng lịch sử, mỗi khi nhìn lại quá khứ là một lần thêm kiêu hãnh trước tên tuổi những danh nhân văn hóa nước nhà. Họ mãi mãi là những ngôi sao chỉ đường cho con cháu giữa những tháng năm mịt mù giông bão, giữa cuộc đời nhiều yêu dấu mà cũng lắm góm ghê.

Và bên cạnh những tên tuổi thân thiết ấy, ta cũng không thể quên một Ma-ha-kỳ-vực, một Chi-cương-lương, những nhà sư đầu tiên của miền Tây Trúc đã đặt chân lên xứ này truyền kinh. Cũng không thể quên một ông Thái thú Giao Châu, Sĩ - nhiếp đã đứng ra mở trường dạy dân ta chữ Hán. Cũng chớ quên các nhà truyền giáo Dòng Tên từ phương Tây tới đất ta đã có công La-tinh hoá tiếng Việt, cùng cha ông chúng ta tìm ra một thứ chữ tuyệt vời mà giờ đây được xem là quốc ngữ. Đây là cuộc gặp gỡ bởi ông Giời. Là Chúa đã cho họ đến và các vua Hùng đã bảo ta hãy đến cùng họ. Đó là Francisco de Pina và các giáo sĩ khác như Gaspar de Amaral, Amonio Barbosa và Alexandre de Rhodes cùng rất nhiều người Việt Nam, người Bồ Đào Nha, người Pháp đã dành nhiều trí tuệ và công sức để làm nên thành tựu lịch sử hết sức lớn lao này. Đây là một sự kiện có vai trò đặc biệt quan trọng, tạo nên một bước đột phá, một bước ngoặt có tính quyết định trong hướng phát triển của đời sống văn hóa người Việt. Nó

không thể là công việc của một người nào, cũng không thể là công việc của một lúc. Công việc kỳ diệu này đã diễn ra ròn rã suốt từ thế kỷ XVII đến nay mới có thể được xem là tạm ổn. Nói rõ ra lòng biết ơn đó cũng là một đòi hỏi nghiêm trang của văn hóa và điều đó chi có nghĩa là, con người Việt Nam xưa nay vốn vẫn biết trọng sự thủy chung. Dân ta có câu, “Không thấy đồ mày làm nên” là vậy.

Nhưng nói đi cũng phải nói lại, giữa những xô đẩy của lịch sử, bằng nghị lực phi thường người Việt vẫn không ngừng vươn dậy tạo dựng cho mình một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Rất lâu trước khi gặp gỡ văn hóa phương Tây, để có tới gần hai ngàn năm chữ Hán đã giữ vai trò quan trọng không thể thiếu trong đời sống dân tộc ta. Nó đã được Việt hóa trong cách đọc, gọi là đọc theo âm Hán - Việt, tuy nhiên, cho dù có cách đọc riêng thì chữ Hán vẫn cứ là chữ Hán. Cứ phải từ tám nét vạch đơn giản để đi đến hai trăm mười bốn bộ cơ bản, xem là hai trăm mười bốn chữ cái cũng được. Vẫn một cách viết ấy, mẫu tự ấy và ngữ nghĩa ấy. Sự thật đó cũng là một may mắn lớn, cho nên nếu ta để mai một mất cái duyên nợ với chữ Hán - Việt, nhìn về lâu dài sẽ là một thiệt thòi không nhỏ cho chính bản thân mình. Tôi tin rằng trước sau gì rồi cũng sẽ đến lúc phải trở lại vấn đề này một cách thông thả và xác đáng.

2

Rất nhiều nhà văn có uy tín của Hội đã tham gia đọc tác phẩm của các cây bút trẻ do Hội Văn học Nghệ thuật các địa phương gửi về. Không bỏ sót một tác phẩm nào. Đọc để cùng nhận định, cùng đánh giá cho đúng tình hình sáng tác cũng như thực lực của đội ngũ kế cận đang hình thành trong cuộc sống rộng lớn.

Vào mấy ngày cuối tháng 8 năm 2001, khi hơn một trăm sáu mươi người thay mặt cho lực lượng viết trẻ cả nước đổ bộ về trụ sở Hội Nhà văn để tham dự Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ 6, thì

cũng là lúc Nhà xuất bản Hội Nhà văn vừa kịp cho ra mắt bạn đọc hai tuyển tập văn và thơ mà họ là những tác giả.

Một số truyện ngắn và thơ mà Ban biên tập Tạp chí *Nhà văn* đã lựa chọn để giới thiệu trong số ra tháng này có thể xem là cử chỉ chúc mừng nồng nhiệt sớm nhất của các nhà văn đi trước dành cho các anh các chị, những người bạn đồng nghiệp đầy sức mới, đã bước lên văn đàn.

Đây là cuộc hội ngộ đầu thế kỷ. Bất kỳ ai có suy nghĩ sâu sắc về sự trường tồn không bao giờ nguội lạnh của nền văn học dân tộc đều hiểu, cuộc tập hợp lần này là sự kiện mang một ý nghĩa hệ trọng trong đời sống văn học đương đại. Và cũng bởi thế mà nó đã nhận được nhiều quan tâm và trân trọng của không chỉ các nhà văn ở mọi thế hệ. Hà Nội đang chào đón họ, năm nay mùa thu Hà Nội có thêm một vẻ đẹp văn hóa.

Trước hết, diễn đàn hội nghị này sẽ là diễn đàn của các nhà văn trẻ. Trong một bầu không khí tin cậy, các anh các chị sẽ có dịp bày tỏ những suy tư và khát vọng sáng tạo của mình, các anh các chị sẽ thẳng thắn trao đổi với nhau cũng như sẽ thẳng thắn trao đổi với nhiều nhà văn có tên tuổi, cùng rất nhiều đại diện báo chí truyền thông và cùng nhiều cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, xung quanh một chủ đề lớn, luôn luôn

bức xúc và khó nhọc đối với mỗi người cầm bút, đó là làm thế nào để có thêm nhiều tác phẩm xứng đáng với nhân dân, với tổ quốc mình. Những trang sách có chất lượng tư tưởng và nghệ thuật cao, những trang sách có cánh bay tới tận xa và còn đậu mãi trong lòng người. Cái gì đã đến được với dân tộc mình thì nó cũng sẽ đến được với nhân loại. Hình như hơn lúc nào hết, bạn đọc đang trông đợi nhiều những tác phẩm có tính nhân văn sâu sắc, những trang văn giàu có vẻ đẹp con người.

Trong đời sống văn học hôm nay của chúng ta đang thấy một hiện tượng đáng hoảng sợ là có nhiều sách dờ, có quá nhiều ấn phẩm không bao giờ thành tác phẩm. Và rồi từ đó, có quá nhiều người viết văn có mặt ở khắp nơi, từ ngoài chợ búa cho đến những chốn tường chừng trang nghiêm và hàn lâm nhất. Dem tặng nhau một tập sách nghe chừng rất dễ dàng, nhưng nếu muốn dem tặng nhau chỉ một truyện ngắn, một bài thơ thật hay thì hình như khó, khó lắm. Sự cầu thả trong sống và viết, lòng thèm khát những tầm thường danh lợi không thể cho tầm mắt người ta vượt xa hơn góc buồng một nếp nhà hộp. Giữa những năm tháng nhiều thách thức cay đắng này chúng ta càng thấy biết ơn Quang Dũng, Hoàng Lộc, Hồng Nguyên, Trần Đăng, Thâm Tâm, Thôi Hữu, Nguyễn Mỹ và rất nhiều nhà văn đã nằm xuống dọc đường văn học. Đây là những

người thầy đầu tiên của chúng ta. Họ đều là những cây bút xuất chúng mà không cần đến nhiều tác phẩm. Những gì họ để lại cho mai sau đều là những viên đá tảng đặt nền móng cho cái lâu dài mà hôm nay chúng ta, những kẻ đến sau cần phải xúm vào xây cất lên bằng khối óc và bàn tay của những người thợ biết trọng danh dự.

Tháng trước anh Nguyễn Khắc Trường đã dú vào tay tôi truyện ngắn *Cái nhìn khắc khoai* của Nguyễn Ngọc Tư. Đọc rồi tôi đâm bâng khuâng. Mở lý lịch trích ngang gửi kèm trong túi hồ sơ thì được biết đây là một cây bút còn rất trẻ, chị sinh ra ở huyện Đầm Dơi, hiện đang công tác ở Tạp chí *Bán đảo Cà Mau*. Vắn tắt chỉ có thế. Cà Mau là một dải đất cuối trời, nơi ấy đồng chua nước mặn, người dân nơi ấy giờ đang ngày đêm lặn mình ra đồng để vật đất nuôi tôm trồng lúa, trong đầu họ là một câu hỏi khó trả lời, sống với lúa hay là sống với tôm, đằng nào sẽ no ấm đây. Chuyện đó có thể ai cũng biết, nhưng chắc chắn còn có một chuyện khác nữa không phải ai cũng biết. Đây là chuyện từ mảnh đất bùn lầy ấy, từ huyện Đầm Dơi đã xuất hiện một cây bút văn xuôi không phải nơi nào cũng có. Thấp thoáng sau một giọng văn thật mộc mạc, thật thông thả của Nguyễn Ngọc Tư là một nhân cách văn học vững vàng, tự tin và đậm thắm. Mới biết

nếu không yêu người, không nghĩ đến người khác thì rất khó có những trang văn quý.

Đời người như bóng câu qua cửa, tré đầy mà cũng già nhanh đấy. Như bất cứ một ngày hội nào, có thể những người đáng phải có mặt nhất hôm nay vẫn chưa thấy đến, nhưng cô Tấm vẫn đang còn ngồi nhà cặm cụi nhặt thóc. Không sao cả, cuộc sống với tất cả sự khắc nghiệt công bằng của nó mới thật sự là một tấm vải lọc nhiệm màu, cùng với thời gian chỉ còn đọng lại trên mặt nó những gấm hoa lấp lánh, đấy mới chính là những giá trị đích thực. Đấy mới chính là những hạt ngọc, tất nhiên đã là ngọc thì bao giờ cũng hiếm và do vậy bao giờ cũng quý. Nói như người xưa, nhân tài là nguyên khí đất nước. Trước mắt chúng tôi, trước mắt các anh các chị, trước mắt tất cả mọi người, hình như cái đích của sự sáng tạo vẫn đang còn ở rất xa. Chao ôi, cái con đường mà mỗi chúng ta đã lựa chọn sao mà dang dặc và nhiều trắc trở, biết vậy lại càng phải giục nhau trau dồi bản lĩnh để đi tới. Nếu cần phải nhấn chung theo lối nói điện tín thì tôi nói rằng, tôi luôn luôn đặt niềm tin vào các anh các chị.

Không có mấy tủ sách trong thành phố này lại ít sách như tủ sách nhà tôi. Cũng như không có nhiều chiếc ba lô lại quá nhẹ như chiếc ba lô mà tôi đang khoác trên vai để bước qua thế kỷ mới. Dầu sao thì tôi cũng đã kịp nhét vào đó một bản dịch những truyện ngắn của An-tôn Sê-khốp. Bản dịch của nhà văn tiến sĩ Phan Hồng Giang. Với người Việt Nam, từ lâu lắm rồi, Sê-khốp là một nhà văn nước ngoài đã trở thành thân thiết, thân thiết như Lỗ Tấn, như Tào Ngụ, như Vích-to Huy-gô, Ban-dắc, Mô-pát-xăng... và biết bao nhiêu đẳng bậc khác

nữa. Ở ta đã có không ít người bắt tay vào dịch Sê-khốp, trong số đó có cả nhà văn Nguyễn Tuân, ông đã dịch truyện ngắn ấy qua bản tiếng Pháp và trong đó ông đã gọi nàng Na-ta-sa là cô Na, một bản dịch được mọi người xem là trác tuyệt. Tuy nhiên, vẫn phải chờ đến Phan Hồng Giang, khi ấy chúng ta mới có một tuyển tập truyện ngắn Sê-khốp có thể xem là dày dặn.

Lúc mới ở Nga về, hình như Phan Hồng Giang vẫn chưa định chuyên tâm vào công việc dịch thuật, tôi thấy anh làm phê bình văn học nhiều hơn. Dạo đó tôi may mắn được anh để mắt tới, anh đã viết một bài rõ dài trên tạp chí nghiên cứu văn học bàn về những truyện ngắn đầu tay của tôi. Anh viết nồng nhiệt và quá quyết tới mức làm tôi phát hoảng, làm tôi đâm bối rối, nghĩ thầm không khéo chính ông này mới là một tài năng trẻ chứ không phải là mình. Với thời gian, tôi đã thấy là mình không lầm. Dần dần, Phan Hồng Giang vừa viết lại vừa dịch văn học Nga, cả cổ điển lẫn hiện đại. Cứ bảo nhà văn là phải đi nhiều, đi nhiều mà ít học thì cũng vớt, chưa chắc đã nên cơm cháo gì. Có nhiều cách đi, không thể nói Phan Hồng Giang là người ít đi được, nhưng chắc chắn cái mạnh của anh chính là ở sự học rộng. Học rộng tất cũng sẽ biết nhiều, trải nhiều. Cứ bằng cái vốn tiếng Việt của anh được dùng trong các bài nghiên cứu và dịch thuật là đủ thấy. Cùng với

rất nhiều dịch giả khác, công lớn của anh là đã chuyển tải, đã giúp chúng ta được gặp gỡ, được trò chuyện, được hiểu rõ một Sê-khốp bằng xương bằng thịt.

Lần ấy tôi ngồi tàu hỏa lặn lội tìm đến Y-an-ta, cách đây vừa tròn mười năm, đến đây một ngày để đứng dưới mái hiên ngôi nhà gỗ của An-tôn Sê-khốp, nơi ông đã sống những năm cuối của một cuộc đời không lấy gì làm dài và tôi bỗng thấy quen thuộc vô cùng những cơn gió ấm áp đang rì rào lùa qua những bụi bạch dương ngoài kia. Tôi bỗng thấy như đã từng gặp ở đâu một lần những bức tường đá trập trùng bên các sườn đồi kia, cũng như những cơn sóng Hắc Hải đang ào ạt đập vào những vách đá dưới kia. Tôi đã cảm thấy có một Sê-khốp đang có mặt ở đâu đây, rất gần, với nụ cười buồn buồn đầy trung hậu. Ông chính là nhân dân Nga, là nước Nga đấy. Và bất chợt, tôi thầm cảm ơn Phan Hồng Giang với những trang văn Sê-khốp mà anh đã dịch cho tôi được đọc. Một Sê-khốp đau đáu yêu thương giữ gìn cái đẹp, đầy lòng vị tha và không đội trời chung với những gì mà ông xem là xấu xa thấp hèn. Một Sê-khốp sống đắm mình trong một xã hội đầy sự lừa lọc dối giả, đầy những bon chen ti tiện nhưng tâm hồn vẫn cứ tỏa sáng như chẳng bao giờ chịu lấm bùn. Và ông nói với chúng ta, “nếu tính cách là do hoàn cảnh tạo ra thì cần phải làm cho hoàn cảnh trở nên nhân đạo hơn”.

Tất nhiên, cần phải hiểu đó là cả một cuộc chiến đấu có lúc âm thầm, có lúc bùng cháy, nhưng tựu trung là sẽ rất dai dẳng, rất dài. Từ những khao khát lớn, từ những tư tưởng lớn để đến hiện thực là cả một bể khổ, là còn không biết bao nhiêu khúc đoạn trường ba chìm bảy nổi. Hơn ai hết chính Sê-khốp đã nhìn thấy điều đó rõ ràng nhất cho nên ta thấy nhà văn những năm còn trẻ là một người dễ bấn gắt nổi giận bao nhiêu thì càng về sau càng trở nên nhũn nhặn, rộng lượng và trầm tĩnh bấy nhiêu. Chính sự sâu sắc đó đã làm nên nhân cách Sê-khốp và đưa ông lên vị trí một nhà văn đứng ở hàng đầu.

*

Hôm qua, suốt đêm, tôi lại thức trắng cùng Sê-khốp. Có một câu chuyện bắt tôi chạnh nhớ đến nước Nga, chạnh nhớ tới bạn bè người thân của tôi giờ này đang long đong vượt qua một mùa đông nhiều tuyết giá. Chập tối chúng tôi đã có một cuộc gặp mặt nho nhỏ ở nhà đôi vợ chồng trẻ Huấn Hà, gọi là để chào đón năm mới. Ngồi quanh bàn thấy có hai nhạc sĩ Huy Du, Hồ Bắc, cùng nhà văn Kim Lân, họa sĩ Văn Đa và mấy người bạn nữa. Chúng tôi uống rượu vang đỏ với cá hồi hun khói của biển Bắc. Câu chuyện dần dần

chuyển sang tâm tình từ lúc nào chẳng rõ. Anh Văn Đa kể chuyện về người anh ruột của mình. Lúc ở nhà đi học anh ấy tên là Văn Đình, đến lúc đi hoạt động đổi tên là Đặng Quý. Nếu bây giờ còn chắc anh Quý sẽ là một lão thành cách mạng, nhưng anh ấy lại hy sinh mất rồi, hy sinh ở mặt trận Trị Thiên, bên một sườn núi cách Huế chừng mười mười lăm cây số, năm 1972. Sau giải phóng miền Nam ít lâu có một đồng chí tìm đến tạp chí *Văn nghệ Quân đội* gặp Văn Đa, kể rằng, anh Quý đã hy sinh như một người anh hùng. Bị thương nặng, biết khó lòng qua khỏi, anh ấy nói với người thầy thuốc của đơn vị, “đừng tiêm nữa, chẳng lẽ nào mình cũng không sống nổi, để dành thuốc cho anh em”.

Mãi đến năm 1983, người chị dâu và đứa cháu Văn Đa mới hiện về. Tổng cục chính trị ưu tiên giải quyết cho một chuyến xe U-oát để đưa cả nhà vào thăm mộ anh Quý. Nói là cả nhà nhưng vẫn còn thiếu đứa con gái út không về được. Họ có hai mặt con với nhau, thằng cả tên là Nguyễn Văn Việt, còn có một tên nữa, cháu A-li-ô-sa, đứa sau là Nguyễn Thị Liên, cũng có một cái tên nữa, cháu Vê-ra. Chị dâu Văn Đa tên là Dôi-a. Anh Quý lấy vợ Nga, một cô gái vùng ngoại ô Mat-xcơ-va. Hai người mang lòng yêu nhau rồi có với nhau đứa con trai đầu lòng vào những năm anh Quý sang học trường quân sự bên đó. Về nước được vài năm, không hiểu sao

chuyện này đến tai Bác Hồ, anh Quý liền được lệnh quay lại Mat-xcơ-va làm đám cưới rồi đón vợ con về Hà Nội. Họ được xếp một căn hộ trong khu tập thể Nam Đồng. Chiều chiều người ta thấy cái cảnh một ông cán bộ vừa chạy vừa giữ một chiếc xe đạp Pha-vô-rít, ngồi trên xe là một bà đầm đạp bên này lại vẹo sang bên kia. Chị Dôi-a mặc quần đen áo cánh trắng, ngồi lẫn với các bà khác bên vòi nước, giặt giữ quần áo chăn màn, tập nói tiếng Việt, tập đi chợ nấu cơm như một người vợ bộ đội thực thụ. Rồi chị xin vào làm công nhân của nhà máy dệt Mừng Tám tháng Ba. Sáng đạp xe đến nhà máy mãi tận dưới Trưng Mai, tối mệt mới về. Bà cô anh Quý từ Canh Diễn ra giúp việc nhà cho các cháu khi họ sinh đứa thứ hai. Lắm lúc nghe đứa cháu dâu ăn nói ngô ngọng không hiểu bà chửi “tiên nhân thẳng dờ, vợ dâu không lấy lại đi rước về một đứa ảm ó như khi ăn gừng”. Chị Dôi-a hỏi chồng bằng tiếng Nga, “Cô dặn gì em?”. Anh Quý nói với vợ: “Cô khen em chịu khó, thương chồng thương con”. Nhưng thằng A-li-ô-sa lại rất sôi tiếng Việt, nó giải thích cho mẹ rằng bà bảo mẹ là con khi. Chị Dôi-a phá lên cười, cười chảy cả nước mắt, chị không giận bà cô chồng mà còn hẹn sẽ có ngày theo bà về thăm quê anh, theo bà ra đồng gặt hái. Đây với Canh Diễn đâu có xa, chị vốn cũng là một cô gái lớn lên ở ngoại thành. Sống như thế được hơn hai năm thì chiến tranh phá hoại

leo thang tới Hà Nội. Nhà máy Dệt được lệnh chuyển đi sơ tán, anh Quý nhận lệnh vào Tây Nguyên chiến đấu. Dôi-a dắt hai con về Mat-xơ-va. Năm ngoài chị mới được Bộ Quốc phòng ta giải quyết tiền tuất của anh như vợ một liệt sĩ, cán bộ đại sứ quán ta bên đó mang đến nhà, chị viết thư sang cho ông em chồng: “Văn Đa, chị và hai cháu đã khóc khi được thư bên nhà chồng không bao giờ quên chúng tôi, rất cảm ơn”. Mấy dòng thật vắn tắt, hơi chùng chằng là đằng khác, nhưng xúc động. Phải biết đọc những dòng chữ ấy bằng một cách không đơn giản, không thông thường cũng như phải biết đón nhận và đáp lại những tình cảm ấy một cách không bình thường, hay nói như Sê-khốp đã từng nói, cần phải biết ngàn lần trân trọng và tôn vinh cái đẹp của con người.

*

Một mùa xuân thật nhiều ý nghĩa đã đến. Cụ lang Bách vẫn sống trong một ngõ nhỏ giữa phố Tràng Tiền. Sau một trận ốm nặng, giờ cụ nhường cho cậu con trai lo việc bốc thuốc, để mặc cậu ta ngồi vào chỗ hôm qua của mình, lại ngồi y hệt dáng mình, bên một cái kỷ gỗ, cái kỷ ấy lại đặt trên một cái sập, đều rất lâu đời rồi. Tuổi già sức yếu thu mình ngồi trên căn gác nhỏ, lòng cụ lang không khỏi vương vấn lo âu, mình còn ngày

nào là gia cảnh còn tạm ổn định, cứ nề nếp cũ mà duy trì, mà chạy gần chạy cố lấy từng ngày, từng tháng, chạy qua một năm xem như đã là một thắng lợi lớn. Nhưng còn mai này, còn những năm tới thì sao đây. Ông ngồi đấy mà lắng nghe thằng con trai luận bàn với bằng hữu của nó, với khách khứa ra vào.

Nó nói liên thoảng như đũa thuộc bài làm ông đâm chột dạ. Nó tỏ ra mềm mại khôn khéo đáo để, vậy mà điều đó khiến ông đâm ngờ vực. Người xưa dạy, y nho lý số vẫn là cùng một mẹ, cái gốc vẫn là phải có đức lớn, có đầy rồi mới dám bàn đến tâm, đến trí, đến dũng, đến khiêm. Người đủ bản lĩnh để thiên hạ có thể tì vịn tin cậy thường là người phải có cái cốt kiêu, cái đáng nhiều khi lại rất thanh giản, mộc mạc, kẻ học đòi thích đua cái đáng kiêu, bất quá chỉ là con dê cùi tốt mã thôi. Nó cứ ngồi đấy mà bàn lổ mổ những nguyên tắc y lý, nào thuỷ hoả câu kiệt, nào tẩu hoả nhập ma, dẫn hoả quy nguyên, bổ trung ích khí, bất tử vi cơ... Nhưng đến khi vén tay bốc thuốc thì lù mù quờ quạng trước tủ thuốc, chẳng biết phải bắt đầu từ vị nào, lại chặc lưỡi, thôi thì hãy cứ hoài sơn cam thảo cái đã, chắc chắn nhất không gì bằng cho hoài sơn cam thảo.

Cụ lang thờ dài, mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh. Cũng buồn đấy nhưng cũng chưa làm sao, cụ lại lom khom bày giấy bày mực ra chiếu để làm vài chữ thảo.

Chữ cụ vẫn rất đẹp. Hình như bàn tay con người ta khi về già càng run rẩy thì nét chữ thảo lại càng bay lượn hơn. Tôi được biết gần đây có một vị giáo sư triết mỹ gì gì đó đã đến nhờ ông viết hộ mấy chữ, rồi mấy chữ ấy được mang về để gửi tặng một nhà lãnh đạo, nhà lãnh đạo thấy cần phải cần trọng với nhà trí thức nên mới cho người thân tín mang mấy chữ ấy xuống nhờ cụ Bách coi giùm, vậy là cụ Bách lại được đọc chữ cụ Bách. Cụ chỉ tùm tùm cười một mình, chả coi đấy là chuyện lạ. Muốn sao thì xuân đến là vui rồi, nhất là lại vào một mùa xuân mở đầu cho cả một nghìn năm mới, vì thế dòng lạc khoản để trong các liên năm nay dù của ai, cho ai cụ cũng đều có chưa một câu rất đặc biệt, “Hà Thành đệ tam thiên niên kỷ, nguyên niên, nguyên nguyệt, nguyên nhật”. Ngày đầu, tháng đầu, năm đầu của thiên niên kỷ thứ ba. Cụ lấy làm tâm đắc với cái thời gian này lắm.

Tôi thì tôi thấy cứ thông thả mà sống thêm ngẫm thêm. Loài người rồi ra còn lắm phát minh, còn có thêm nhiều tìm tòi thêm nhiều sáng tạo khó ngờ, trước mặt là một chân trời rộng mở, nhưng dù mới đến đâu thì cũng vẫn cứ có chỗ còn rất cũ, khó mà có thể hay ngay được. Trên con đường tiến hóa của mình, trong nghìn vạn tìm tòi sáng tạo cao cả, bỗng một hôm, con người không may đã phạm phải một sai lầm, một tội lỗi rất đáng hổ thẹn và rất khó sửa, đấy là đã tìm ra những khẩu súng

và những cái khóa. Có những khẩu súng và những cái khóa dễ nhìn thấy, lại có những khẩu súng và những cái khóa khó nhìn thấy. Chính vì thế mà nhà văn An-tôn Sê-khốp nhiều lần đã phải bùng mặt muốn khóc bởi con người, suốt một đời ông sống trong nỗi buồn vừa yêu thương lại vừa giận nó, nhiều lần ông đã gay gắt đòi hỏi ở nó, nhưng sau tất cả, ông vẫn thiết tha đặt niềm tin nơi nó. Ông là một nhà văn bậc thầy, thấu hiểu con người trong sự phức tạp nhiều chiều của nó và do đó, ông là một người biết khoan dung chờ đợi.

Đã một lần tôi tìm đến vùng biên Krưm đầy nắng gió, tìm đến ngôi nhà của ông, đứng dưới mái hiên và có lẽ, và chắc chắn tôi sẽ còn đứng mãi dưới mái hiên ngôi nhà gỗ tường như cô quạnh và buồn tẻ đó. Ôi, tôi đã yêu quý ông cũng như đã yêu quý Lỗ Tấn... Tôi vẫn hằng ao ước có một lần trong đời được tìm về cái Phủ Thiệu Hưng kia để thăm nhà ông, thắp một nén hương vái ông. Cả hai ông đều đã viết về đồng cỏ rất hay. Sê-khốp thì có *Thảo nguyên*, Lỗ Tấn thì có *Dã thảo*, hình như đó là hai truyện dài nhất của hai ông và nó lại nói cho chúng ta biết về hai ông nhiều nhất. Trước hết cả hai ông đều là những nhà dân chủ từ trong máu, suốt đời bằng ngòi bút không khoan nhượng, hai ông đã chiến đấu cho cái quyền con người cần phải được yêu quý và kính trọng.

Năm hai ngàn là một năm rất dài. Nó nhích từng bước chậm chạp và có phần nặng nhọc như chính cái thế kỷ mà nó là điểm chót.

Năm ngoái lữ lớn ở miền Trung, năm nay tới Nam bộ chịu trận. Suốt mấy tháng mùa hạ tôi đã đi ngang dọc trên vùng đất ấy, thấy đâu đâu cũng là làm ăn, bỗng sang thu dồn dập tin lũ, vườn tược nhà cửa chìm ngập, mức nước dâng cao trên cả mức những năm đáng ghi nhớ. Đất nước vài chục năm lại đây năm nào cũng vẫn là chỗ này ấm chỗ khác lạnh, người này no kẻ kia

đói. Cái chần đấp chung còn rất chật hẹp, sự ổn định xem chừng chưa bền vững, lòng người hình như đang còn nhiều pháp phóng.

Những năm chiến tranh khốc liệt là thế vậy mà khi tôi đọc những trang văn của nhà văn Anh Đức từ chiến trường gửi ra, những trang văn được viết trong bùn và máu, lại thấy lòng bồi hồi một cảm giác bình yên.

Lúc bấy giờ nào tôi đã biết Đồng Tháp là đâu, bung biển là đâu, vậy mà chỉ qua những trang văn vẫn hình dung nổi con đò đêm giáp ranh, và những bờ bãi, nắng gió mặn mòi, tất cả đều hiện lên mờ tỏ sau những đám khói đốt đồng. Một giọng văn không khoa trương, đều đều thủ thi, hết sức chừng mực. Một bút pháp giản dị và trong sáng, đạt đến mực chuẩn khiến ta chợt nhớ tới bút pháp của những bậc thầy. Nhà văn Lỗ Tấn có lần đã tả một chuyến đò chờ đám trẻ con đi coi hát ở làng bên. Chuyến đò lênh đênh trôi qua một đồng sen đang mùa hoa. Trong đêm vắng lũ trẻ vừa chuyện trò uể oải vừa rấm rứt nhai những hạt đỗ rang thơm phức. Không nhìn rõ mặt nhau nhưng vẫn nghe được hơi ấm bàn tay nhau khi dúm cho nhau nhúm hạt cất trong túi áo. Và tiếng mái chèo khuấy nước, tiếng lá sột soạt, sang tới bờ bên kia thì trời vừa sáng, canh hát cũng hết, thuyền quay mũi, lũ trẻ đưa thức đưa ngủ gà ngủ vịt.

Đó là một đêm trên quê hương Lỗ Tấn. Đó là đám khói đốt đồng trên quê hương Anh Đức. Là những kỷ niệm được cất kỹ trong hành trang mà mỗi chúng ta mang theo sang thế kỷ mới. Nó đã bước ra khỏi những trang văn, nhập vào cuộc đời, ám ảnh nhiều số phận, khiến ta bỗng chợt nhớ đến khi nghe tin làng mạc trong đó đang chìm dưới lũ. Những liên tưởng ngoài đời và những liên tưởng trong văn học, đến một lúc, không còn biết đâu là thực đâu là hư. Với những tài năng sáng tạo, các nhân vật của họ, những trang văn của họ, sớm muộn đều sẽ có giấy thông hành vào đời. Nó sẽ đi lại tứ tung ngoài đời, ngang nhiên cùng sống với đời. Một anh Chí Phèo, một ông Xuân tóc đỏ, ta có thể gặp trong những trang văn mà cũng rất hay gặp ở ngoài đời.

*

Thời gian là gì vậy, nó là thứ không nhìn thấy nhưng lại có thể đo đếm, có thể cam nhận, và nó rất nặng. Nó băng khuâng có lý và vô lý như những câu hát, *ngõ nho phố nho nhà tôi ở đó, cây cơm nguội vàng cây hàng lá đỏ, nằm kề bên nhau phố xưa nhà cô*. sẽ có một ngày từng con đường nhỏ trả lời cho tôi. Vào lúc chuyển giao giữa hai thế kỷ, trong sự trang nghiêm của thời khắc, tôi không thể không nhắc đến Trịnh Công Sơn.

Vâng, anh ấy là một nhạc sĩ lớn, nhưng với tôi, anh ấy còn là một nhà thơ lớn nữa. Với đôi cánh thi ca thiên tài của mình, anh Sơn như một con chim lạ từ khoảng sáng nhân văn, từ cõi nhân ái nào rất xa đã bay về nước non Việt Nam, nó kêu khắc khoai, nó kêu thôn thức, mùa lại mùa, nó hát lên những khúc thơ đau và thương về số phận trăm luân nhiều máu và nước mắt của dân tộc mình. Con chim thiêng Trịnh Công Sơn rồi sẽ đến một ngày phai bay trở về cõi thiêng của nó, nhưng chắc chắn nó vẫn còn để lại mãi mãi những giọt máu nóng ấm và thiết tha cho xứ sở quê nhà, những giọt máu hồng mà nó đã nhả ra ròng rã suốt mấy thập kỷ vừa qua. Tôi nghe thấy những mùa vui đang nảy mầm từ vùng đất mà con chim ấy nghiêng cánh bay qua. Ngày Sài Gòn vừa giải phóng, tôi từ sân bay Tân Sơn Nhất lưng thùng bước ra một thành phố xa lạ và tôi chợt nghĩ chừng nào chưa tìm gặp được anh Sơn thì cũng vẫn là chưa đến được Sài Gòn.

*

Sớm ấy nhà thơ Chế Lan Viên bước mau trên đường Bà Triệu, chân ông xò đôi giày da vừa cứng vừa nặng, một đôi giày lính trận mà tôi vừa mang đến tặng ông. Tôi hỏi ông, vậy giữa hai cách nói: “Đánh thắng

đế quốc Mỹ xâm lược” và “Đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược” thì nên nói thế nào cho đúng với cái gọi là tu từ học? Ông phẩy tay rất nhanh và bảo, nói sao cũng được, miễn là phải đánh, dám đánh.

Đột nhiên ông đứng khựng lại giữa đường như vừa chộp được một ý gì đó, rồi ông nhìn xoáy vào tôi hồi lâu khiến tôi đâm hoảng, không khéo ông này cho mình là một đứa nhát gan chẳng. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ cả người khi ông đặt tay lên vai tôi và đọc đùa mấy câu nói về cái nghèo mà Hà Nội đang nếm trải. Cái nghèo ngày đó phơi ra ở mọi nơi mọi chỗ, nghèo không thể nào giấu nổi, mà cũng không thấy cần phải giấu: “Dựng thuê áo đại cán, lộn cổ áo sơ mi, bơm mực bút chì bi, gia công qui gai xấp”. Toàn là những dòng chữ đang treo trước cửa nhà trong phố được ông ghép lại, đọc ngược đọc xuôi đều thành thơ. Đến một góc phố vắng gần hồ Gươm, gặp một quán nước trà ông liền kéo tôi ngồi xuống. Ông hỏi bà cụ trong quán sao chưa đi sơ tán, các nhà quanh đây đều đã khóa cửa đi cả rồi. Bà cụ trả lời không phải không muốn đi mà là không thể đi nổi. Là người nhà nước đi sơ tán dễ dàng hơn. Có lương, có sô gạo, có tem phiếu thực phẩm, ra khỏi các cửa ô là gặp những điểm bán, ở đâu cũng có cửa hàng sẵn sàng phục vụ. Nhà thơ vẫn lại luôn, nhân dân cũng có sô gạo, tem phiếu nhân dân. Bà cụ đáp, nhưng

biết kiếm đâu ra tiền, không có tiền thì mua bằng gì đây. Và lại tôi gần như không còn quê, đến tôi đã là năm sáu đời ở Hà Nội rồi. Hai thằng con, một thằng đang trong Nam, một thằng ở Hàm Rồng, nhà tôi mất từ năm chúng chi mới lằm chằm tập đi. Ông ấy là chiến sĩ cảm tử, hy sinh năm Tây cướp chợ Đồng Xuân.

Nhà thơ im lặng rất lâu, rồi ông kết luận, bà là nhân dân nhất trong mọi nhân dân. Một tháng sau tôi hay tin ông đã vào mặt trận Quảng Trị, từ trong đó ông gửi thơ ra đăng tải trên báo *Văn nghệ*: *Trái bàng đầu mùa sắp ngọt ngoài sân. Anh ra đi không cùng em ăn qua chín. Buổi anh về lá mùa thu đã tím. Ta đập quả bàng già hai đứa cắn vào nhân.*

Mấy năm gần đây tôi vẫn thường qua lại góc phố ngày đó. Cảnh cũ người xưa chẳng còn, phố xá thay đổi nhiều quá. Nơi bà cụ ngồi bán chè chén giờ đã biến thành một ngôi nhà cao ngất, tường gương choáng ngợp, ngoài cửa xe con cái nọ rúc đầu vào dit cái kia. Giá có muốn dừng chân để hỏi thăm cũng đâm rụt rè không dám. Nhà thơ nay đã khuất núi, nếu ông còn thì chắc chắn phải kéo tôi đến một chỗ khác xa hơn để mà có một chỗ ngồi. Ông là một người đặc biệt thẳng thắn, nhưng cũng như cái thằng tôi, ông cầm tinh con khi, mà người tuổi khi xem ra có mấy ai được nhân tâm. Tuổi Thân cá nghĩ, lằm sự tui thân. Tôi chẳng thể đoán

ra nổi giữa mung lung đèn nến, trong khung cảnh chen lẫn mặt người như lạ như quen, phảng phất thứ mùi quái đản như thể sắp bước vào một đêm hội hóa trang thế này thì liệu nhà thơ có đứng sững lại mà nhìn xoáy vào tôi một lần nữa.

Người ấy mà còn đến hôm nay chắc chắn vẫn sẽ có thơ hay, bởi lòng ông lúc nào cũng canh cánh những nỗi niềm. Ông là người chăm chỉ đẩy thơ lên một tầm uyên bác nhưng vẫn không xa lạ cầu kỳ, thơ ông vừa duy lý lại vừa nhạy cảm trước những vấn đề bức xúc đang đặt ra trong đời sống.

Nghe tưởng như ráo riết nhưng tự côi thắm sâu ông là nhà thơ có mang tâm Phật. Phật là lòng lành, là vị tha từ bi hỉ xả, nhưng Phật đâu có thiếu sự đáo dể.

Ông chả đã từng nói với ta đây ư, *Hoa trước thềm vẫn phải là hoa của Phật và Mỗi lần đau anh tìm đến hồ Tây. Chữa lành anh là hoa súng tím.*

*

Ở đời có hai hạng người. Có người lúc sống giàu có, nhưng đến khi nằm xuống hình như cái để lại không là bao, lại có người lúc sống vất vả, cái ăn cái mặc cũng khó, nhưng khi nằm xuống vẫn có thể để lại một cái gì đó đáng kể. Với những ai cầm bút thì chỉ

những trang văn là ở lại với đời. Nếu gọi nó là nghề thì liệu có nghề nào lắm chênh vênh như nghề này nữa không. Chênh vênh đấy mà cũng bền vững đấy. Chênh vênh như sự sống, bền lâu như sự sống. Bão nổi rồi bão lại tan, lũ lụt chán phai đến lúc khô hạn, khô hạn chán lại mưa dầm thối đất thối cát. Người lắm đận, đời lắm vận, chỉ có nhân dân là vẫn muôn năm. Nhân dân phải giữ gìn những trang văn gắn bó máu thịt với số phận của nó. Kể từ buổi bình minh của dân tộc, thời đại nào cũng có những trang văn kỳ thú có sức sống dai dẳng cùng thời gian. Mười thế kỷ vừa qua là mười thế kỷ dân tộc chúng ta bước vào chính sử. Suốt mười thế kỷ đó, một quốc gia Việt Nam đã được thế hệ này nối tiếp thế hệ khác không ngừng xây đắp một cách toàn diện. Nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc nói chung và nền văn học Việt Nam nói riêng cũng đã từng bước trưởng thành, trong đó có hai thế kỷ rất đáng kể, đó là thế kỷ XVIII và thế kỷ XX. Văn học của chúng ta ở hai thế kỷ này là rực rỡ, có nhiều tác giả và tác phẩm lớn. Đó là hai thế kỷ văn học góp phần đặt nền móng vững chãi để văn hóa dân tộc tiếp tục khẳng định mình trong nền văn hóa chung của khu vực cũng như của toàn nhân loại.

Thế kỷ XVIII có “Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn”. Nhưng Nguyễn Du cũng chỉ là một

đỉnh trong nhiều đỉnh. Cùng thời với ông còn phải kể đến Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều và Hồ Xuân Hương... Lại còn những danh nhân nhà Ngô Thì, bút lực của Ngô Gia văn phái là siêu phàm, sự đóng góp của họ cho văn học ở thế kỷ ấy, nhất là trong văn xuôi, là những đóng góp có ý nghĩa nền móng và hết sức sang trọng.

Sự lớn mạnh toàn diện của văn học nước nhà ở thế kỷ XX này là một bước phát triển mang tính đột biến. Sức sống vạm vỡ của nó, những đóng góp mới mẻ của nó vào đời sống sôi động của toàn dân tộc là rất đáng được ghi nhận. Một nền văn học trước sau luôn luôn gắn liền với vận mệnh chung của toàn dân tộc, đó chính là tư cách lớn của nó. Mặc dù cho đến lúc này vẫn còn hiếm những đỉnh cao với những tác phẩm đạt tới sự toàn bích, qui mô thật sự hoành tráng, nhưng chỉ cần nhìn vào những gì đã có cũng đủ thấy đây là một giai đoạn văn học đầy cốt cách và rất bản lĩnh.

Nó là thành tựu lớn của một sự nghiệp lớn. Một sự nghiệp mang ý nghĩa khai mở trên tiến trình lịch sử nước nhà. Trong sự chuyển mình dữ dội, nhiều gian nan của dân tộc ở thế kỷ này, văn học đã đảm đương phần việc của nó như một trọng trách.

Xưa nay, cầm bút viết văn vẫn là để giải bày tâm sự, để nói ra bằng chữ những rung động, những suy tư trước nhiều cảnh huống mà mình đã trải, đã cảm nhận. Điều ấy ai chả hiểu. Nhưng làm sao để có cái mà giải bày, đây mới là khó. Người ta gọi đó là vốn sống, vốn sống phải đầy ắp, phải rạo rức. Nhưng hình như vốn sống của một nhà văn không hẳn đã là vốn sống thông thường mà mọi người đều có thể có. Không ít những cái nhà văn viết ra khiến người đọc say mê, thấy y như chuyện đời mình được nhà văn viết hộ, nhưng

chính nhà văn thì lại chưa hề trải qua, nhà văn tình cờ gặp ở đâu đó, nghe thấy từ đâu đó, vậy thôi. Vậy mà khi đặt bút rõ ràng là chả ai muốn, rõ ràng là chuyện ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng, thế mà anh ta cứ một mình rưng rưng tự tin, cứ lặn vào bàn những chuyện thiên hạ, và tất cả bỗng hiển hiện lên như thật, có khi lại còn hơn cả thật. Nhà văn đã sống hộ người khác, anh ta đã nhập vai, đã lên đồng. Có được khả năng đó là bởi cõi lòng anh ta không nguội lạnh, hồn anh ta dễ rung, như sợi tơ đàn vậy. Nó cũng chính là dấu hiệu của tài năng.

Có cái để nói rồi vẫn chưa đủ, lại còn phải nói bằng một cách như thế nào nữa. Bằng một bút pháp, một nội lực ra sao là cả một khó khăn gấp bội. Cho nên khi bàn đến chân lý của sự sáng tạo, một nhà văn bậc thầy của văn học Pháp, Guy đơ Mô-pát-xăng, đã từng thốt lên, suy cho cùng thì văn học không phải là nói cái gì mà là nói như thế nào. Số phận con người, tình yêu, chiến tranh... từ hàng ngàn năm nay đã là những đề tài quá quen thuộc, thế mà nó đã và vẫn đang được tiếp tục cày xới, vấn đề là ở chỗ nó phải được chiêm nghiệm và phô bày trên các trang sách ra sao. Cần phải tìm cho mình một bút pháp trước đây chưa ai từng có. Nếu không thì viết làm gì. Không gì tầm thường nhàm chán hơn sự sao chép, sự bắt chước, cho dù việc đó được làm một cách

khôn khéo đến đâu. Ông trời không hề bắt con người ta phải biết nhai lại, chỗ này đặt ra cho ta một nguyên tắc nghiêm ngặt và dài lâu trong quá trình học hỏi những tác gia lớn. Các tác phẩm của họ có sức hấp dẫn và kích thích rất cao, do vậy khi đọc vừa phải biết đón nhận một cách thành thực nhưng vẫn không chịu để mất mình, không để mình bị lẫn khuất sau những cái bóng khổng lồ đó. Quá trình học tập và sáng tạo là quá trình tìm kiếm và nhận thức, ta khôn lớn dần dưới ánh sáng một cây đèn của riêng mình, ngọn đèn ấy được thắp lên lúc mờ lúc tỏ từ buổi nào trong đời chẳng rõ.

Nhớ có lần trong chiến tranh, khi gặp gỡ một số nhà văn trẻ, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói đại ý chuyện văn chương có chỗ giống như chuyện làm kẹo. Rất nhiều thứ kẹo, mỗi loại mang một hương vị riêng, nhưng phàm đã là kẹo thì đều phải ngọt, không ngọt không là kẹo, nhưng nếu chỉ có ngọt thôi thì đấy mới chỉ là đường. Cũng vậy, đã gọi là văn chương thì trước hết phải hay, không hay chưa thể xem là văn chương, và hay nhất là ở chỗ nó có văn chương. Chúng ta cần phải phấn đấu để đạt tới cái hay, rất hay, trong cái hay bao giờ cũng đã có chứa cả cái đúng, nhưng nếu chỉ mới đúng thì chưa chắc đã là hay được. Không nên chỉ dừng lại tranh luận sai và đúng, phải biết hướng tới chân, thiện, mỹ, nó chính là cốt lõi của văn chương.

Vậy thì thế nào là hay đây? Nhà văn Nguyễn Minh Châu hôm đó đã đáp lời Thủ tướng một cách giản dị quan niệm của mình, những trang sách hay là những trang sách khiến người ta đọc xong còn muốn đọc lại, nó thường làm cho người ta hoặc là muốn cười rũ ra hoặc là ứa nước mắt muốn khóc, hoặc nữa, nó có cái gì khiến người ta phải gấp sách lại băng khuâng ngẫm nghĩ.

Văn học là tiếng nói của cõi lòng tìm đến với cõi lòng, cho nên một khi đã dối giả, đã hời hợt, đã láu lỉnh uốn éo là rất khó nói chuyện. Nếu người cầm bút lại thiếu luôn cả dũng khí thì xem như những trang viết của anh ta chắc chắn sẽ là thứ vứt đi.

Để có những trang sách hay là cả một cuộc lên đường đầy gian nan, có khi vất vưởng suốt đời mà tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Người xưa xem văn là một thứ đạo cũng bởi lẽ đó. Đạo làm người, đạo trời đất, đạo văn chương.

Kìa cái đạo văn sao rộng lớn và mơ hồ làm vậy, thật chẳng giống một thứ đạo nào trên đời. Dễ dàng đấy mà cũng khó lắm đấy, vui vẻ đấy mà cũng đắng cay lắm đấy. Khi đến với nó chẳng ai chào mời, mà khi đi cũng chẳng ai níu giữ. Vào ra ở đây là chuyện tự nhiên, như thể bước vào một cái chợ rồi lại ra khỏi một cái chợ vậy chẳng? Có bậc chân tu, lại có kẻ tà đạo.

Thật giả nhiều lúc lẫn lộn, trang nghiêm lẫn cùng đùa cợt, nhẹ tênh tênh và sâu thăm thăm, cái bất thường hóa thành bất tử, cái kỳ công hóa thành bèo bọt. Anh khùng mà hóa người hiền, kẻ kiêu sa bỗng chốc thành thẹn thùng tội nghiệp. Vinh quang và khốn nhục, những thân cây và những thân tâm gửi, muôn đời và chốc lát... Tường chẳng hề khe khát, vậy mà sau rốt lại hóa ra chặt chẽ công bằng vô chùng.

Một cánh chim đang mất hút vào cõi hư không mà bóng dáng nó vẫn còn sống động mãi trong hồn người, hồn đất chốn này. Cái nó gửi lại chẳng phải là cái có thể cầm nắm được mà chính là hơi ấm tâm linh, là niềm an ủi dấn dò, là niềm kiêu hãnh dành cho bao người đã và sẽ đến làm người. Nó là những lời thì thầm yêu dấu là sự găm thét dữ dội, là những vui buồn lịch duyệt, những câu hát băng quơ trên cánh đồng đời. Là cái đẹp muôn thuở mà con người hoàn toàn có đầy đủ tư cách cất mình vươn tới. Lại nhớ mấy câu trong bài minh *Lậu Ốc Văn* của danh nhân Lưu Vũ Tích thời thịnh Đường: “Đài ngấn thượng giai lục, thảo sắc nhập liêm thanh, đàm tiểu hữu hồng nho, vãng lai vô bạch đỉnh”. Rêu xanh bám trên thềm, sắc cỏ hắt qua màn trúc, nhưng chuyện trò ở chốn này phải là những đại trí giả, những kẻ tầm thường đừng đến. Nghèo thế là cùng mà sang thế cũng là cùng.

Chưa một ai nói được một cách rành mạch cái hay cái đẹp của văn chương phải ra làm sao. Trong hội họa thì đã thấy có, chẳng hạn như danh họa kiêm lý luận gia đời Tống, Lưu Đạo Thuần từng khái quát qua mấy yêu cầu sau đây:

Cao sang trong vẻ thô lậu. Tài khéo trong sự vụng về. Khoẻ khoắn trong sự mềm mại tinh diệu. Trật tự trong sự hỗn độn. Kiệm màu mà đa sắc (*vô mạt cầu nhiêm*). Và phải có không gian có chiều sâu, có hình khối trên mặt phẳng.

Với tranh vẽ thế tướng đã là quá đủ, nhưng với văn chương thì hình như nói bao nhiêu cũng vẫn là không đủ.

Tóm lại là cần phải hay, rất hay. Nhưng bằng cách nào nhỉ? Vẫn một câu hỏi muôn thuở, vẫn mãi mãi là chuyện bóng chim tăm cá. Phải đi nhiều, học nhiều, từng trải nhiều? Có thể lắm. Tóc Nguyễn Du đã bạc trắng sau một đêm mất ngủ. Nguyễn Trãi đau đời thờ dài, “Hoa thời hay héo cỏ thời xanh”. Nhưng trong thiên hạ nào phải ai cũng giống ai. Lep Tôn-xtôi hầu như suốt đời chỉ quanh quẩn với quê nhà, còn Mác-xen-pơ-rút thì phải nằm trên giường từ nhỏ vì chứng bại liệt, vậy mà họ vẫn cứ là những nhà văn đứng ở hàng đầu nhân loại.

Vào mùa thu 1977, tôi có dịp đến Mat-xcơ-va tham dự cuộc gặp gỡ giữa các nhà văn trẻ các nước xã hội

chủ nghĩa. Đi cùng Anh Đức, Ngọc Tú và Thanh Nhân. Một hôm chị Dim-ma Di-mô-ni-na, cán bộ dịch thuật của Hội Nhà văn Liên Xô dẫn một nhà văn trẻ vùng Xanh Pê-téc-bua tới phòng tôi, nói là anh ấy muốn hỏi tôi vài chuyện mà các nhà văn trẻ Xô viết đều đang muốn rõ.

Ở Việt Nam các nhà văn trẻ có hay tranh luận về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa không, riêng anh thì sao? Tôi trả lời, có đấy, tôi thấy bàn nhiều lắm, với một nhiệt huyết sôi sục lắm. Chiến tranh bận bịu là thế nhưng vẫn cứ người sang bên này học thêm về những lý luận đó. Riêng tôi thì không mấy để ý, các phương pháp chưa phải là mục đích cuối cùng. Người đọc muốn chúng ta viết sao cho hay, hay là phải có nhiều người muốn đọc, càng hay càng phải có nhiều bạn đọc ở khắp mọi nơi. Hay là đồng nghĩa với cách mạng, chưa hay chưa là cách mạng.

Tại sao ở Việt Nam chưa có bao nhiêu thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội mà lại thiết tha với chủ nghĩa xã hội làm vậy? Tôi nói, khi nào anh có dịp sang Hà Nội, tôi sẽ dẫn anh đến thăm một người bạn của tôi. Anh ấy lập tức sẽ rút trong túi ra xin anh góp ý cho một ngôi nhà mà anh ấy sẽ xây trong tương lai. Cầu thang đặt ở góc này, phòng khách ở góc kia... Suốt mấy chục năm qua, đi đến đâu và gặp bất kỳ ai anh ấy cũng mở

bàn vẽ ngôi nhà ra để mà bàn. Nhiều người nhìn thấy anh mà sợ. Đêm thì anh ấy lui về nằm co trong góc cầu thang ọp ẹp của một chung cư. Anh ấy có quyền mơ ước không, tôi nghĩ là hoàn toàn có quyền, không sao cả. Với các nhà văn chúng ta cũng vậy thôi, hoàn toàn có quyền viết về những cái đã có, những cái sẽ có và cả những cái không bao giờ có. Cũng chẳng sao cả, miễn là phải viết cho hay, không hay không phải là hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Người bạn Xô viết cười hóm hỉnh, hẹn tôi mai qua bên anh ấy uống Vốt-ka.

Ấu ả có những trang văn hay như mỗi nhà văn hăng ao ước đang là chuyện còn phải bàn bạc dài dài, lại càng không phải muốn là được, nó là chuyện ông trời có cho hay không. Thì chả phải bản thân mỗi người cũng đều đang là trò chơi của tạo hóa đấy ư.

Hình như mỗi nhà văn chúng ta, ở mọi thế hệ đều đã cầm bút trong những điều kiện không mấy thuận lợi, rất nhiều người sống chật vật. Hoàn cảnh xã hội lại càng lắm bấp bênh. Bối cảnh lịch sử càng khòil bàn, lịch sử đã và đang nhiều xô đẩy, không ngừng mở ra những lớp lang sâu xa hiểm trở. Nếu cuộc đời mỗi nhà văn là một con thuyền trôi trên biển, thì đây là một vùng biển động, rất nhiều sóng gió, rất nhiều thử thách. Sự từng trải của mỗi người là rất đáng kể, ai dường như cũng đã có tên có tuổi, ấy vậy mà những trang sách thực

hay thì có lẽ vẫn còn ít, quá ít là đằng khác. Đội ngũ những người cầm bút thì đâu có thừa thớt gì cho cam. Chỗ nào cũng gặp, dạo này nhiều nhà văn nhà báo quá, rất là đông, như thế có nghĩa là thế nào? Là viết hay rất khó nhưng viết để kiếm miếng ăn là dễ, dễ hơn nhàn hơn các nghề khác nhiều lắm, các nghề khác cơ cực, còn nghề này xem chừng vừa đông dài thoải mái lại vừa có tiếng, có tiền chẳng? Nguyễn Bình Khiêm đã từng tùm tùm “Gang không mật mỡ kiến bò chi”.

Mở ra đọc lại những trang viết của các bậc thầy ở ta cũng như khắp đông tây kim cổ, thì thấy dù họ viết về mình hay viết về bất cứ chuyện gì đều rất gần với mọi người, ở mọi thời, ở mọi chỗ. Với những người viết xoàng thì lại khác, cái thực, cái gần với mình chưa chắc đã thực đã gần với thiên hạ, cái có ở chỗ này chưa chắc ở nơi khác đã có. Cho nên có nhiều chuyện ta bàn rất kỹ, rất thiết tha mà người đời đâu có thông cảm nổi. Đã không thông cảm nổi thì khó bắt người ta phải xúc động. Cứ như nghe người dưới nước nói, vậy mà bảo phải thấy hay là hay làm sao.

Mà cách nói, cách viết nghe chừng cũng cũ. Một dây chuyền công nghệ đã cũ thì sản phẩm rất khó bảo là mới, có mới cũng chỉ là ở cái hình thức lòe loẹt đấy thôi chứ phần chính yếu không tin nổi. Văn chương nếu chưa đẩy đến sự cao quý tốt đẹp thì mang tội với bạn

đọc, vì vô hình trung ta đã tạo ra một môi trường sinh thái tinh thần rất xấu. Gần đây người viết nhiều cho nên sách in ra cũng nhiều. Cơ chế thoáng, cách nhìn mở, làm ăn dễ dàng hơn, sống thoải mái xô bồ hơn, viết cũng vậy chẳng? Lẽ ra mỗi người viết càng phải tự đòi hỏi nghiêm khắc ở mình hơn nữa, viết khó nhọc kỹ lưỡng hơn nữa, chứ không nên sống tùy thời, ăn theo nói theo. Sống cho một lúc, viết một lúc thì không thể có những trang có sức sống lâu bền. Mà văn học đồng nghĩa với những gì được xem là lâu bền. Kỵ nhất là sự ăn xổi ở thì, quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật.

Đòi sống hôm nay đang đặt ra, mọc ra nhiều vấn đề quá lạ lùng, những vấn đề khiến những ai đang sống đều phải biết nhạy cảm. Là người cầm bút mà thờ ơ được sao. Sự rờ rẫm ma mụ là biểu hiện của những nhân cách ươn hèn, viết việc gì, bất quá cũng chỉ là một mớ chữ gà bới của đám học trò vô sư vô sách, không được dạy bảo đến nơi đến chốn. Lê Quý Đôn đã từng bàn đại ý, muốn thấy sự thịnh suy của một thời là nhìn vào ba điểm: Một là, quan lại có liêm chính hay không? Hai là, binh sĩ kỷ luật có nghiêm không? Ba là, chữ viết của học trò có ngay ngắn không? Kém điểm nào là đáng ngại ở điểm đó, phải chăm lo sửa chữa kịp thời, chấn chỉnh kịp thời, nếu muộn tất nguy. Mà điểm nào cũng quan hệ, không thể xem đâu là nhẹ đâu là trọng.

Thế nào là kịp thời, là phải nhìn ra nó từ lúc sắp có nó, đợi đến lúc có rồi mới thấy đã là muộn. Muộn là khó, giống như người gặp bệnh ung thư vậy.

Chuyện văn chương ở ta giờ đây nhìn chung là đáng lo ngại thật sự. Khỏi cần kể ra đây tên những cuốn sách dở dẩn đang được chuyển tay người đọc ngoài đời, nó là rẻ tiền và thấp kém đủ mọi phương diện. Trách nhiệm của các nhà văn trước thực trạng này ra sao? Không ai nghĩ rằng tất cả các nhà văn đều đã viết ra những cuốn sách tội lỗi đó, nhưng người ta vẫn có quyền trách một khi anh chưa có nổi những cuốn sách đủ sức hấp dẫn, đủ sức thu hút thật nhiều bạn đọc. Một khi đã có những tác phẩm như thế mà không được in ra vì một lý do cụ thể nào đó, ta có quyền đòi hỏi ở sự ủng hộ lập tức của Nhà nước.

Cuộc sống không bao giờ hết khó khăn, khó khăn chống lên khó khăn, thử thách chống lên thử thách, cho nên đời mới cần những nhân cách kẻ sĩ. Kết tinh cao nhất, tiêu biểu nhất của nhân cách đó ở ta có nhẽ không ai rõ bằng Nguyễn Trãi. Cái chết của ông là một tiếng kêu thét giữa đời thường, là tiếng sét đánh giữa trời đất bằng lặng, nó có ý nghĩa báo động cho dân tộc trước một tình thế chẳng lành.

Lầm lũi nào bằng nhưng cũng lắm liệt nào bằng Phan Huy Chú. Ông là nhà nho không một mảnh bằng,

có được đi thi đâu mà nói đỗ đạt, nhưng ông lại có *Lịch triều hiến chương loại chí* để dâng vua. Dâng vua là để pho sử nước ấy đến được dân chứ mong gì danh lợi. Một bộ quần the áo the, không mũ và không giày, một hộp bút lông vài thoi mực và dăm nén bạc vua ban, đấy là tất cả những gì ông được nhận lại trên phương diện vật chất.

Nhưng còn ở phương diện tinh thần thì khác, rất khác. Cái ông nhận lại từ nhân dân mình và cái ông đã mang đến cho nhân dân mình đều là hết sức to lớn và nó chính là vô giá.

Phái, cái viết ra không thể tầm thường, nó phải vươn tới một tầm cao của cái thiện, cái đẹp. Không dung mà người xưa đã gọi những cuốn sách quý là cảo thơm, là Vân Đài, “Vân Đài loại ngữ”, “Cảo thơm lần giờ trước đèn”... Không phải vô lý khi người xưa hằng mơ, tưởng rào quanh nhà là những cây mai già và trong nhà chứa ngàn cuốn sách quý. Đó chính là hiện thân của cái ta quen gọi là vinh hiển hoặc sự giàu sang, là cái mà con người sống ở thế gian này nên theo đuổi ao ước.

Chuyện chữ nghĩa tương vui mà lắm khi chết oan, chết oan nhiều. Ở ta rõ nhất là trường hợp Cao Bá Quát. Cụ Nguyễn Văn Siêu đã từng khóc ông: “Ai tai quán cổ tài danh, nan đệ nan huynh bán thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử. Dĩ hĩ đáo đầu sự thế, thử nhân thử ngộ, hồn trần lưu xứ diệc lưu phương”. Thôi cũng chẳng cần dịch

làm gì nữa, cứ đọc lên cũng đã đủ thấy ai oán lắm rồi.

Ông Quát từng là người học tài thi phận, trượt chán rồi mới đỗ cử nhân. Từng nằm trong ngục hai năm trời vì tội lấy muối đèn chữa một nét chữ trong một bài thi khá của thí sinh nào đó. Khi ra tù ông có mặt trong một sứ bộ đoàn qua Giang Lưu Ba. Từ ta qua Giang Lưu Ba thời đó là cả một quãng đường xa, trời khác, đất khác, người cảnh đều mới lạ quá thế. Thấp thoáng đã thấy bóng một bà gục đầu vào vai một người đàn ông mắt xanh mũi lõ mà thủ thi chuyện gì. Đây là một sự lạ đầu tiên đập vào mắt ông đồ áo the khăn xếp. Lúc bấy giờ người phương Tây cũng đã có mặt ở đó. Rồi làm thơ mà kêu lên: *Nhai văn nhai chữ buồn ta, Con giun còn biết đâu là cao siêu, Tân ba từ vượt con tàu, Mới hay vũ trụ một màu bao la, Giật mình tương lại quê nhà, Văn chương chữ nghĩa hóa ra trò cười.*

Cho đến lúc đó, theo thiên ý của tôi thì nhà Nguyễn đối xử với ông cũng chưa đến nỗi nào. Nếu như ông có cảm thấy bị vấp vì quá bức bối thì là bởi ở tâm trạng của chính bản thân ông trước thời cuộc.

Bắt đầu từ những như thế mà ông thay đổi cách cảm, cách nghĩ trong thơ ca. Rồi thơ ca vẫn thấy chưa đủ, ông thêm một cuộc biến đổi đất trời và cứ thế ông vác dao, vác bút lông không ngồi trên lưng một con ngựa gày rù rê mọi người đi làm một cuộc bể dâu cho hả.

Tôi lên phủ Quốc Oai, lội vào đồng Bương Cấn, lội ra sông Đáy, nhìn lên Ba Vì - Tân Viên, nhìn vào mấy hòn núi đá chơ vơ như mấy hòn non bộ trong phố Phủ, bụng nghĩ khéo kiến thức quân sự của ông cụ này không chắc đã bằng mấy anh xã đội bây giờ. Hình như vấn đề không phải là ở chỗ đó, cái mong muốn lớn nhất của ông lúc ấy chỉ là đi tìm cho mình một cái chết không nhục, thế là đủ. Tôi lại nghĩ hay là không có thực một cuộc khởi nghĩa Mĩ Lương với tấm vóc ồm ào như người ta đã bầm báo vào triều, mà án tích từng ghi, nào có thiếu gì sự ganh ghét đố kỵ thường vây hãm ông trong suốt mấy chục năm sống ở trên đời, và lại ông cũng đáo để lắm cơ. Ông là người thừa trí, thừa dũng và hết sức lãng mạn.

Ông gần với Lý Bạch hơn ai hết, thân thể của ông đã sáng tỏ cái điều mà hôm nay chúng ta đang bàn, đó là sự không thể tấm thường trong sống và viết. Ông chết chém, đầu bị mang bêu trên một cái cọc tre cắm ở một bãi đất hoang cạnh bờ hồ Gươm. Có lệnh chưa đủ trăm ngày cấm kẻ nào hạ xuống. Về sau cụ Siêu cùng các sĩ phu Bắc Hà trong khi tu tạo xây dựng quần thể đền Ngọc Sơn đã có nhĩa ý xây lên từ nơi ấy một cây bút bằng đá, các cụ đặt tên là Tháp Báo Thiên, một tháp bút chỉ thẳng lên trời xanh!

7

*Gánh vàng đi dò sông Ngô
Đêm nằm mơ tưởng đi mò sông Tương*

Suốt một đời tôi đi tìm sông Tương mà vẫn chưa gặp nó. Ở vùng chúng tôi có tổng Tiêu Giang, lại có xã Tương Giang. Ngờ rằng sông Tiêu Tương nằm quanh chỗ ấy. Sen súng um tùm ven bờ tre, trong ruộng lúa, ao chuôm, đầm lầy. Có thể đấy là dấu vết của dòng sông cổ tích chăng. Đám trẻ thì bảo chẳng có sông Tương, nó ở bên Tàu, người già thì kể có

sông Tương nhưng nó chỉ là một con ngòi nhỏ, hát mãi, kể mãi mà thành.

Nhiều năm tôi đi xa, nhưng đi xa mấy rồi có lúc cũng phải quay về, mỗi lần trở về là lại một lần qua nơi ấy, là lại phải bận tâm nghĩ tới một dòng sông nay đã biến mất ngay trước mắt mọi người, từ lúc nào không hay.

Hiện ở đó có làng Thiếu Hoa, quê mẹ của cụ Nguyễn Du. Bà là con gái yêu của một viên quan nhỏ, một viên thơ lại tâm thường, làm việc lâu năm trong phủ tể tướng Nguyễn Nhiễm. Năm bà về làm vợ bé của quan tể tướng là chưa đến hai mươi, ngày sinh Nguyễn Du cũng chưa qua tuổi ấy. Khi chồng mất đi bà dắt đưa con trai còn đang ở tuổi lên năm lên bảy tới gặp người anh cả của nó là tân tể tướng Nguyễn Khản mà nói, tôi đàn bà nông nổi, nay gặp cảnh góa bụa, em nó còn quá trẻ dại, xin nhờ cậy anh cả thay cha dạy dỗ em. Nguyễn Khản cười vang, dì yên lòng, trong nhà ta rồi ra chỉ có nó thôi đấy, tôi xem chỉ có chú ấy mới là người biết làm rạng danh cho dòng họ nhà mình. Nguyễn sống trong phủ tể tướng, ở phường Bích Câu, trông sang bên kia hồ Văn là cổng lớn Văn Miếu. Ông sớm được gửi vào học hành trong Quốc Tử Giám, tuổi thơ ông là những ngày tháng nhung lụa nhả nhạc tung bừng.

Nhưng những dòng chữ đầu tiên ông ngồi mài mực để tập tô đã là một câu có mang hàm ý nhắc nhở nghiêm khắc: *Trình môn tuyết lập đắc văn giáo đa thuật hĩ, Huyền chí đường cao thượng tại vinh cập kiến chi*. Có thằng bé đứng ngoài tuyết trước cửa Trình nghe dạy bảo học thuật, lại có người mẹ ngồi ở nhà mơn mõi ngóng trông con mình sớm nên người.

Lớn thêm vài tuổi nữa, Nguyễn đã phải khoanh tay đứng tựa cột mà đọc thuộc lòng sách Mạnh Tử: *Khi ông trời muốn trao trọng trách cho một ai thì trước hết sẽ làm cho khổ cái tâm, mệt cái chí, cùng túng cái thân người ấy, hễ làm gì cũng nghịch với ý muốn, như vậy là cốt để kích động cái tâm, kiên nhẫn cái tính, thêm ích cho những điều chưa hay làm được*.

Nguyễn vừa kịp trưởng thành thì dờ dang sự học, gia cảnh tan nát, loạn kiêu binh rồi khởi nghĩa Tây Sơn, đến triều chính ba trăm năm còn sụp đổ hướng hồ là mấy nhà quan. Ông bỗng hóa ra một anh chàng thất thế, sau một đêm thành kẻ cầu bơ cầu bất, nghèo túng và trốn lủi liên miên. Rồi lại sau một đêm đầu ông bạc trắng. Về sau, khi nhà Nguyễn đã bình được thiên hạ, ông có được vời ra làm cai bạ Quảng Bình rồi làm tả thị lang Bộ Lễ, mấy lần đi sứ Trung Quốc, nhưng tính nết vẫn thế, vẫn ậm ừ cả nghĩ, đầu óc đăm đăm những chuyện đầu đầu, làm quan mà không năng nổ chuyên

tâm thì đói rách là cái chắc. Đã có lúc ông phải bồng bế sáu bảy mặt con về tìm quê nội ở vùng Nghi Xuân, ngày ngày bám theo đám thợ săn vào núi kiếm ăn. Và ông đã ngẩng mặt lên trời mà than: *Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên*. Là miếng ăn không biết đùa với kẻ sĩ, nó là chuyện hiển nhiên. Từ bấy đến nay đã có trên hai thế kỷ cũng chưa xa xôi gì cho lắm, vậy mà đám con cháu của Nguyễn giờ không làm sao tìm được lấy một người, không ai biết ai lưu lạc nơi đâu, vẫn còn cả đấy nhưng đã lẫn lộn vào cỏ, vào đất, đã thành chúng sinh, thành thảo dân rồi.

Gần đây tôi cùng nhà thơ Nguyễn Hoa tìm về thấp hương cụ Nguyễn Khuyến ở Bình Lục. Bước qua cổng nhà cụ là lúc trời sắp tối, hàng xóm nhiều nhà đã lên đèn, bên một trụ cổng vẫn còn lưu giữ một câu ông cụ để lại, chữ nghĩa bị con cháu tô vẽ lộn xộn mất cả nhưng vẫn có thể hiểu được ý tứ: *Nơi này rồi Đạo sẽ qua đi, còn lại chỉ là những bụi gai mọc lòa xòa trên bậu tường đất*. Một dự cảm chính xác, một lo âu của người sắp đi xa và cũng có thể xem là một nỗi thất vọng.

Cũng vào thời ấy ở Hà Nam có một ông công sứ Pháp tuổi còn trẻ mà đã giỏi tiếng Việt, không chỉ giỏi tiếng Việt, ông ta còn đọc được cả văn bia chữ Hán, thơ văn chữ Hán. Vài năm một lần các quan chức Pháp sang cai trị ở ta đều phải dự một lần khảo hạch tiếng

Việt, ai qua được thì được đặc cách lên lương sớm. Cái mẹo này khuyến khích người ta chịu khó học, nhiều ông đâm thua thiệt nhưng lắm ông mừng vì lương có cơ lên vùn vụt. Như viên công sứ Hà Nam chẳng hạn. Nhưng giỏi quá dễ kiêu. Một hôm ông ta thờ dài bảo, không biết năm nay tìm ai để khảo giám tôi đây. Vừa hay đúng dịp có cụ Vũ Phạm Hàm từ bên Hải Dương thuyền chuyển về đất Hà Nam làm đốc học. Chuyện ấy đến tai ông cụ. Cuối năm ông cụ được mời đứng ra làm người hỏi thi tiếng Việt cho quan công sứ. Gặp nhau ông cụ chỉ nói, quan lớn là người nổi tiếng, khắp Bắc kỳ này ai chả biết học lực tiếng Việt của quan lớn, bây giờ tôi không đòi quan lớn phải dùng đến bút mực làm gì, chúng ta chỉ cần nói chuyện. Tôi sẽ hỏi quan lớn một câu ngắn, quan lớn cũng trả lời bằng một câu ngắn thế là đủ, mà tôi cấm quan lớn không được hỏi lại, hỏi lại là quan lớn trượt, quan lớn có bằng lòng không? Quan lớn nghe thế thì bằng lòng quá, ông già này xem ra rất biết điều. Ông già đông dạc hỏi, xin quan lớn cho biết trong tiếng Việt em gái mẹ gọi là gì? Thì trong tiếng Việt em gái mẹ gọi là dì. Ông công sứ trả lời tấp lự. Nhưng cũng vì là người giỏi tiếng Việt cho nên chỉ vừa thoáng thấy cụ Hàm cười là ông ta chợt vỡ lẽ, mình trượt mất rồi, ông già này bẫy mình mất rồi. Câu trả lời cũng có thể xem là một câu hỏi lạ. Về tới dinh, nhìn

thấy bà đầm thì ông hoảng thật sự, với ông miếng đòn này đâu có sá gì, nhưng với bà ấy thì lại là chuyện trời sắp sập, còn ghê gớm hơn cả một cuộc chiến tranh.

Bà công sứ vội vã tìm đến nhà riêng cụ đốc học. Đợi bà lau nước mắt kể lể xong ông cụ mới chậm rãi bảo, phải để ông nhà hòng thi tôi cũng lấy làm tiếc như bà, có một người Pháp yêu tiếng Việt như ông nhà sao tôi lại không quý. Bây giờ tôi ra cho bà một điều kiện nho nhỏ, bà làm được thì xem như ông nhà đồ. Tôi về đây nghe dân tình xì xào là mỗi lần ra chợ, qua dãy hàng bún mắm tôm bà đều bịt mũi nhăn mặt tỏ vẻ khó chịu, có phải vậy không? Vậy bà làm sao thì làm. Bà công sứ vui vẻ ra ngay chợ, vui vẻ sà vào hàng bún mắm tôm, chuyện trò rôm rả thân tình. Rồi bà yêu cầu ông chồng phải đến mời bằng được cụ đốc học tới thăm nhà mình một buổi. Ông cụ nhận lời. Vợ chồng công sứ hôm ấy mời ông cụ ở lại cùng họ dùng bữa trưa, chỉ có bún lá và mắm tôm. Suốt bữa bà đầm lấy làm sung sướng với món đặc sản đó. Năm ấy tai qua nạn khỏi, quan công sứ vẫn đồ, vẫn lên lương như thường. Chẳng qua cũng chỉ là sự nhắc nhở nhẹ nhàng vậy thôi. Xem thế đủ biết gặp những hoàn cảnh éo le nhất, cha ông ta vẫn tìm được những cách khu xử và giải quyết từng trải lịch lãm và rất nhiều lúc còn có thể pha đôi chút hóm hình đùa dai. Đó cũng là một bản lĩnh.

Cụ Vũ Phạm Hàm là bạn đồng khoa của cụ Nguyễn Thượng Hiền, một cụ là Thám hoa, một cụ là Bảng nhãn. Đạo còn ở bên Hải Dương cụ đã cho hai câu đối để trước đền Kiếp Bạc thờ Đức Thánh Trần. *Kiếp Bạc mỗi sơn giai kiếm khí, Lục Đầu vô thủy bất thung thanh.* Mỗi ngọn núi Kiếp Bạc vẫn như đang tỏa khí thiêng của kiếm quý, ngoài cửa Lục Đầu không ngọn sóng nào là không vang lên tiếng cộc đống. Đây là những cây cộc gỗ Bạch Đằng lịch sử.

Cụ Nguyễn Văn Siêu là một người Hà Nội. Cụ chỉ đỗ Phó bảng thời Minh Mệnh, là trên cử nhân dưới tiến sĩ, nhưng tài học thì ít ai bằng, thiên hạ xem cụ là thần, thần Siêu thánh Quát. Nhà cụ ở một phố cổ mang tên cụ, phố Nguyễn Siêu. Ngày trước gọi là phố Quan án sát Nguyễn Siêu. Cụ được vời vào cung giữ chức Thái bảo, làm thầy dạy của vua Thiệu Trị, về sau chuyển về làm Án sát Hưng Yên. Trước khi làm Án sát Hưng Yên cụ còn có mấy năm dừng chân làm Án sát Hà Tĩnh. Là nhà nho làm quan lớn, nhưng cũng còn là một nhà văn hóa lớn, sách để lại cho hậu sinh đầy ngập một kệ. Thơ văn của cụ thật giản dị cốt cách, vừa sâu sắc lại vừa phóng túng, hiện đại: *Già về xóm cỏ làm dân, về thì mong giữ tấm thân được nhàn. Việc đời nát ruột bầm gan, chi chưa nở bỏ mấy gian sách nhàn. Trời xanh đội đến bạc đầu, chân lùa gió bụi chẳng màu bùn nhơ. Gọi quan gọi lão cũng ở, đường xa một tấm thân giờ ta đi.*

Tôi thường hay tìm về nhà tổ của cụ ở làng Lú ngoại thành, chuyện trò cả buổi với anh Tự Huy là cháu đích tôn của cụ. Vườn tược quanh nhà con cháu bán bòn hết, phần mộ cụ ở mé ngoài làng vẫn còn nhưng nay đã nằm gọn trong địa phận một nhà máy, ngày giỗ tết con cháu phải xin phép mới được vào thắp hương. Thế nhưng trong ngôi nhà gỗ to đùng do vua Thiệu Trị ban tặng, bức tranh vẽ cụ vẫn đó, cụ ngồi tay cầm cuốn sách đọc dở dang, có chú hý đồng cầm quạt đứng ở mé sau. Trên cao là một bức đại tự với bốn chữ thếp vàng: *Giang Hán bình linh*. Kệ sách cổ thời gian đã làm cho nhàu nát bụi bặm ở sau hàng cột lim.

Một lần tình cờ giờ ra tôi đã tìm được bài thơ tuyệt vời của cụ, cứ theo lối nói của bây giờ thì đó chính là một áng văn đậm đà bản sắc dân tộc, tôi cũng xin chép nó ra đây: *Hà sự đồng ca hồ hai khoan, hồ hai sinh nhân hồ hai hoan... Sao cứ cùng nhau hát hồ hai khoan, từ sóng biển sinh ra nên vui cùng sóng biển chăng? Chuyển trước vừa thấy ra khơi nay lại vào ghềnh thác, tương kết hậu rồi chợt lại cất lên. Chị tre bến Đông, rồi bà lão bến Tây, giọng nam trầm hùng, giọng nữ lanh lút, những khúc ca nước Ngô nước Tần làm sao sánh kịp, những giai điệu phương Nam nhịp phách phương Nam, khiến ta nghe lòng vui cùng năm tháng, bạn hãy cùng ta cao hứng lên, sóng gió biển Đông không khi nào ngừng, lau sậy ven bờ vẫn ngoi*

tràn mặt nước, thì đừng làm nhảm mãi những khúc hể trừ ly tá. Nay, tại ta giờ chỉ còn nghe thấy hò hụi khoan, mắt ta giờ chỉ đắm đắm hương thuyền.

Chắc hẳn cụ Siêu đã viết bài này vào những năm làm quan trong Hà Tĩnh. Tôi tưởng chả nên bàn gì thêm nữa. Ông cụ đã nói cả rồi, mà nói hay lắm rồi.

Đêm đêm trước đèn mình thức với mình, tôi vẫn mừng lung đi tìm cái dòng Tương muôn thuở ấy. Tôi vẫn tin là đang có nó, nó vẫn đang chảy trong lòng đời sống dân tộc. Nó là dòng sông của thi ca, là tình yêu, là nguồn cảm hứng vô tận để chúng ta sống và sáng tạo, là nguồn sáng trí tuệ đáng tin cậy nhất trong sứ mệnh dẫn đường.

Trong chiến tranh, có một lần anh Vũ Cao, lúc đó đang là Tổng Biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, được bên Hội Nhà văn cử dẫn đầu một đoàn gồm năm, sáu vị sang thăm Liên Xô. Lúc về anh đứng ở hành lang Tạp chí chuyện trò với mấy người trong cơ quan.

Anh được bạn cho đi nhiều nơi không? Ô, đi không kịp thờ nữa. Mà này, ấn tượng nhất với mình là chuyến đến Tula. Phong cảnh thiên nhiên vùng đó nom nhang nhác như Phú Thọ vậy, gò đồng trập trùng nằm chen đồng ruộng. Thú nhất là ngồi chuyện

trò với ông Chủ tịch tỉnh. Ông này hỏi mình, bên các anh hiện có bao nhiêu nhà văn, mình trả lời ào có khoảng vài trăm. Ông ấy lấy làm buồn mà thờ dài, thế mới biết tỉnh chúng tôi thật kém cỏi, chỉ có mỗi một nhà văn, mai tôi sẽ dẫn các đồng chí tới thăm nhà ông ấy, Lép Tônxtôi ấy mà.

Anh Vũ Cao kể rồi cười lớn, vừa bỏ đi vừa cười. Cái hành lang ngôi nhà Tạp chí lát gỗ dài hun hút đầy ắp tiếng cười của anh, hết sức sáng khoái và ấm áp. Trong tiếng cười ấy ngoài sự vui vẻ hình như còn hàm một chút giễu cợt nào đó chẳng. Lại nhớ có một hôm, bên sân nhà 51 Trần Hưng Đạo có một anh to như hộ pháp ôm một tập thơ rất dày đến tìm Chế Lan Viên nhờ đọc và cho ý kiến. Anh Chế cầm tập thơ nhìn vào cái tên tác giả để ngoài bìa rồi hỏi, tên cậu là thế này? Dạ vâng, em là Nguyễn Tôn Anh. Anh Chế nói luôn, chắc Tôn Anh không bằng Lép Tônxtôi. Rồi anh Chế cười vang. Bây giờ lại đến lượt anh Cao nhắc đến tên ông nhà văn cỡ bự ấy mà cười. Có thể là anh đang tự trào, mà cũng có thể anh muốn nói với tất cả những người đang đứng quanh đó một cách nghĩ của mình về chuyện nhà văn. Chẳng hạn trong văn học số nhiều có thể chả là gì cả mà số một lại có thể là rất lớn.

Người ấy xuề xoà xong thôi, vóc dáng cao lớn, quần áo bộ đội lúc nào cũng xuềnh xoàng, chân tay thô

rộng, nhưng chỉ cần ngồi với anh hồi lâu là lại phai
hiếu đây là một người anh rộng lượng, từng trải và
không ít tinh tế. Làm người chỉ huy ở chỗ nào thì chưa
biết chứ làm người chỉ huy ở cái nhà số 4 này xem
chừng không thể nói là dễ được. Chỉ huy ai chứ chỉ huy
ông Nguyễn Khai, ông Nguyễn Minh Châu thì thà xin
làm lính cho họ còn hơn. Vậy mà ông Vũ Cao lâu nay
phải đứng ra làm lãnh đạo họ mới chết chứ.

Đứng về tác phẩm mà bàn thì những cái anh Vũ
Cao viết ra chưa đủ làm ai sợ, nhưng đã đủ để người
ta yêu. Nói đến anh là ai cũng nghĩ ngay đến bài thơ
Núi Đồi. Một bài thơ mộc mạc, thật thà, một câu
chuyện tình của người lính được kể bằng bút pháp
không lấy gì làm mới mẻ, càng không biết đến sự cầu
kỳ. Ấy thế mà lại xúc động. Ta nhận ra từ bài thơ ấy
không chỉ có những tiếc thương mà cao hơn, xa hơn
nó còn là lòng trân trọng biết ơn những người bạn
tuổi đời còn trẻ trung đã nằm lại suốt dọc đường
kháng chiến. Làm nền cho cả bài thơ là cái tình của tác
giả. Cho nên, bất chấp mọi thủ pháp, cái mấu chốt làm
nên thành công của một tác phẩm vẫn là cái tình, vẫn
là cái hồn của chính nhà thơ. Thực ra không có hình
thức nào là cũ, cũ nào bằng thơ Đường, vậy mà chưa
mấy ai bảo nó là không hay.

Tôi đâu phải một người am hiểu về thơ, cũng là

thấy vậy thì nói vậy. Sau này anh Vũ Cao còn có một bài viết về Bác Hồ tôi cũng thấy là hay lắm. *Bao giờ là bao giờ, Là Nam về với Bắc, Là Bác Hồ làm thơ, Một bài thơ đẹp nhất, Như thơ Bác từ xưa.* Đã có nhiều nhà thơ viết về Bác rất hay rồi, nay để có thêm một bài nữa là việc không dễ dàng gì.

Nhưng thôi, bàn đến anh Vũ Cao mà chỉ bàn đến chuyện viết lách là chưa đủ. Đang cùng sống với ta hôm nay còn có rất nhiều người kiêu như anh, họ lớn, họ đáng quý chỉ vì họ đã biết quý người, biết nâng đỡ người, biết đứng bên cạnh ta vào những lúc ta không thể thiếu họ được. Tôi muốn kể về họ, bắt đầu từ anh Vũ Cao.

Mấy năm trước, khi được tin anh sắp nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật, có người đã tò ý phân vân hỏi tôi, liệu thơ văn ông này có mông quá không? Tôi cũng phân vân hồi lâu rồi mới hỏi lại, thế nếu để mất một người như Nguyễn Minh Châu thì ông bảo sao? Thì tiếc quá, thì láo quá chứ còn sao nữa. Ấy thế mà đã có lúc, tôi biết chỉ cần khu xử vụng dại một chút là rất có thể dẫn đến chỗ làm thui chột một Nguyễn Minh Châu đấy. Và tôi đã kể lại chuyện này cho người ấy nghe.

Trước hết phải nói ít có ai quý vợ thương con bằng anh Châu. Trong đời anh Châu chỉ giới chăm sóc hai

thứ, một là vợ con, sau là tác phẩm. Ngoài ra anh đều lo mơ với tất cả, có khi ở ngoài đời anh còn vụng dại là đăng khác. Có hàng chục năm cái gia đình ấy gặp long đong, chồng sống trên Hà Nội, còn chị Doanh và hai cháu gái sống dưới Hải Phòng. Hàng tháng anh Châu thực hiện một chuyến nháy tàu về dưới ấy thăm vợ con, chập tối mò ra ga Hàng Cỏ tảng sáng về tới nhà. Trên vai anh lần thì là một bao gạo, lần thì là túi đường sữa, mì chính linh tinh, còn bên nách là một ôm sách, hoặc cuộn bản thảo của tác phẩm vĩ đại sắp ra đời. Người vợ nghe thấy tiếng đập cửa khe khẽ rồi lại một tiếng gọi rụt rè, Doanh ơi, thế là chị lập tức vùng dậy, then cửa kêu lách cách, anh đã về. Cái truyện ngắn *Vùng sáng phía chân trời* anh Châu đã viết vào những năm ấy, nó được hình thành trên những chuyến tàu đêm đưa anh đi về hướng Hải Phòng, nơi thành phố đang rung lên trong tiếng bom, nơi đang có những trận đánh dữ dội.

Tình cảnh ấy không biết còn đến bao giờ với gia đình anh nếu như vào đúng lúc ấy không có một người bạn chiến đấu cũ của anh hiện ra. Cái việc anh đã một hai tưởng đành bó tay chịu, thì với bạn anh lại là việc nhỏ. Vợ chồng con cái thành sum họp, kéo cả về sống ở một căn hộ tập thể trong khu Ông Ích Khiêm gần Lăng Bác. Từ đó anh Châu nhẹ gánh, tập tễnh đi miết, các tác phẩm phấp phới ra đời, tiếng nổi như cồn.

Một hôm nọ, giữa lúc anh đang cao giọng kể chuyện mình vào Quảng Trị cho đám đàn em há miêng nghe thì ông Vũ Cao bỗng đâu hiện ra. Chẳng nói chẳng rằng mà cũng chẳng cười, nghĩa là rất nghiêm, nghĩa là không đơn giản. Ông Cao nhìn ngắm anh Châu rồi thúng thảng nói, này Châu, mấy chuyến ông đi Quảng Trị giờ có thư phản ánh của các đồng chí địa phương gửi ra Tổng cục, cũng không lấy gì làm vui, ông đọc xem thế nào. Anh Châu đỡ lấy lá thư từ tay ông Cao đọc lướt qua. Gọi là thư mà lại thấy có cả dấu đóng đỏ chót, thế là công văn mất rồi, hỏng bét rồi. Ông Cao hất hàm hỏi, liệu có chuyện ấy không? Anh Châu trả lời rành mạch, có, đúng là có. Ông Cao xua tay, được rồi, thế là được rồi. Ông lẳng lẳng xé lá thư kia ra làm hai, rồi lại xé làm tư, sau đó trả cho anh Châu. Anh Châu cầm nắm giấy vụn ấy, mặt ngẩn như con gà nghen cám. Yên tâm mà viết đi, anh Vũ Cao nói, bọn mình hội ý với nhau rồi, đừng nghĩ làm gì nhiều. Khi bước ra đến ngoài hành lang, ông còn nhớ đứng lại khép cửa cho căn phòng sáng tạo của nhà văn được yên tĩnh.

Tôi hỏi anh Châu *chúng mình ở đây là những ai, chúng mình đã hội ý với nhau rồi*, thì những ai là chúng mình? Anh Châu gắt như khi ăn phải mắm tôm, là Vũ Cao, là Từ Bích Hoàng, là Chính Hữu chứ còn ai vào

đấy, mấy ông ấy cầm đầu bọn ta chứ họ xem văn thơ có là cái phải gió gì.

Được dặn dò ân cần cú yên tâm ngồi mà viết nhưng làm sao viết nổi nữa, suốt buổi chiều hôm ấy anh Châu bỏ dở trang văn, im lặng rít thuốc Lào vật. Tôi cũng đâm buồn lây chẳng dám ho he gì. Đã quá nửa đêm, anh Châu rủ tôi ra ngoài phố đi loanh quanh thăm cảnh chợ Bắc Qua. Chợ thời chiến hoá ra đêm lại đông đúc hơn ngày. Mà thấy rất hành là hành. Trên lối vào chợ, đoàn xe đạp thổ hành quân từ bên kia cầu Long Biên vẫn đang tiếp tục ùn ùn kéo đến. Những đồng hành chắt cao như những đồng rơm đồng rạ, đám đàn bà con gái kẻ đứng người ngồi ngổn ngang, nhiều bà trải vải nhựa ra đất thay chiếu rồi nằm úp thìa vào nhau ngủ như chết, khăn đen, nón lá trùm kín mặt.

Anh Châu bảo, nhân dân đấy. Tôi là đứa tính nết cũng phải tự nhận là không được thuần cho lắm, nhiều lúc hiểu là mình có đôi chút lếu láo, cho nên tôi mới cười mà táng cho anh một đòn, thế cái nhân dân trong Quảng Trị đầu của tai địa nó là ra làm sao? Anh Châu không thềm trả lời, anh ngồi thừ bên đồng hành, ngay dưới chân đám đàn bà con gái. Tôi lại nói, cũng còn là may cho anh, phải những ông khác mà xem, chắc chắn sẽ có hợp lên hợp xuống, không chừng anh có thể

thành kẻ phá hoại hòa bình thế giới. Khôi thằng đã chết vì những chuyện ất ơ ấy. Tôi nói còn chưa hết câu mà anh Châu đã vội cướp lời, ông nói phải, mình là thằng chỉ kém họ dăm bảy tuổi mà họ đã là người lớn từ đéch bao giờ chả rõ, còn mình vẫn chẳng ra sao.

Mãi mãi tôi sẽ không được biết câu chuyện hôm ấy là thế nào, nhưng cũng như anh Châu, thêm một lần tôi thấy quý trọng anh Vũ Cao và các anh mà anh Cao thường xưng là bọn chúng mình. Hôm qua tôi vừa gặp anh Vũ Tú Nam ở cuộc họp nghe phổ biến Nghị quyết Trung ương do Ban Tư tưởng - Văn hoá tổ chức. Nghe Nguyễn Trí Huân cho biết anh Cao dạo này quên quên nhớ nhớ, thế là muốn khó rồi. Ừ, anh Nam gật đầu, tình hình đúng là thế đấy, hôm nào rồi Chu đến thăm anh ấy một lúc. Tôi vâng, nhưng về đến nhà thì chính mình cũng lừ khừ ồm. Tôi nằm trong căn gác chật chội của khu tập thể Nam Đồng nghĩ lan man về các anh. Nhà đâu lại có nhà một lúc ba anh em đều cầm bút, nếu kể cả chị Thanh Hương vợ anh Nam nữa thì nhà ấy có bốn người là nhà văn, vì trên anh Nam còn có anh Vũ Ngọc Bình chuyên viết cho thiếu nhi.

Năm tôi vừa chân ướt chân ráo nhập ngũ liền được quân đội gửi tới học khoá II Trường Bồi dưỡng những người viết văn trẻ đặt ở làng Quảng Bá, cụ Nguyễn Hồng làm Hiệu trưởng, anh Nam làm Bí thư

Đảng uỷ nhà trường. Anh Nam hiền hậu, lúc nào cũng bình thản ung dung, chúng tôi gọi vui anh là ông phật. Một ông Đốc suốt ngày ngồi trong căn phòng hẹp, có kê bàn ghế hắt hoi nhưng lại vẫn quen ngồi xếp bằng trên chiếu, xấp giấy đặt trên mẹt, cái mẹt úp lên miệng thúng, viết xong được tờ nào là cất luôn vào thúng, chòm râu đen nhánh nụ cười rung rinh. Một ông Bí thư chân tay cũng dài rộng chẳng kém gì người anh cả, vóc dáng cũng vậy cao lớn lộc ngộc, trông coi diu dặt đám nhà văn trẻ tương lai của đất nước mà lúc nào cũng thông thả chậm rãi như thể chả có chuyện gì đáng kể. Cuối khoá học ấy tôi được cụ Hồng và anh Nam gọi lên phòng Giáo vụ gặp riêng, tưởng có chuyện gì hoá ra hai ông giữ tôi lại thêm vài tháng làm cho xong tập truyện đầu tay, đó là tập *Phù sa*. Khi tôi viết xong, theo lời anh Nam dặn tôi đã mang nó đến Nhà xuất bản Văn học để cụ Kim Lân đọc trước. Lúc đó cụ Kim Lân đang ngồi trong phòng Giám đốc nói chuyện với ông Như Phong. Ông cụ hất đầu ra hiệu báo tôi, cứ để đấy, về đi, nói với cụ Hồng và ông Nam là lúc nào đọc xong bọn tôi sẽ lên gặp thầy trò anh ngay.

Rồi một hôm anh Nam bảo, tập sách của Chu in sắp xong rồi. Tôi hay tạ sự mà kêu đòi mình chẳng ra sao, đòi mình vất vả quá, thực ra thì phải nói ngược lại mới đúng. Cái may mắn nhất, cái ân huệ lớn nhất

mà cuộc đời đã mang đến cho tôi chính là việc tôi đã sớm được gần gũi những người ấy. Chắc chắn chưa bao giờ các ông dạy mình phải làm thế nào để trở thành một nhà văn lớn, vì các ông ấy cũng có nghi thế đâu, nhưng cách sống của mỗi người trong số họ đã nhả nhận chỉ cho mình nhìn thấy như thế nào là một người cầm bút đúng mực.

TẢN MẠN TRƯỚC ĐÈN

1

Nếu tôi là người chép sử nước thì tôi nên viết như thế nào về năm 1998 vừa qua và tôi sẽ viết như thế nào về năm 1999 đang đến? Sao lại không thể đặt ra một câu hỏi như vậy, một khi mình vẫn đang chung sống, đang cùng lo âu, cùng hân hoan mỗi ngày với nhân dân mình, với Đảng mình.

Là một năm đầy những thử thách khắc nghiệt, rất nhiều chuyện buồn phiền chẳng, có lẽ thế. Nhưng cũng rất đúng nếu nói nó là một năm đầy gan góc, nhiều nghị lực, một năm rất Việt Nam. Đất nước vừa

vượt qua một năm không mấy dễ dàng. Người ta thấy phấp phồng cho một tương lai không mấy hứa hẹn ổn định. Suốt mùa hạ và mùa thu cả khu vực miền Trung gặp bão lụt lớn. Một cơn bão lụt mang ý nghĩa thế kỷ với sức tàn phá lớn hơn bất kỳ một trận bom nào trong thời chiến. Đây cũng là một bài học đau xót cho sự tàn phá rừng đầu nguồn, bài học cho sự tàn phá môi trường sinh thái kéo dài liên miên. Một đe dọa có ý nghĩa thường trực là cái nghèo đói đang rình rập trước cửa mỗi nhà, và do đó, cái mệnh lệnh dứt khoát sẽ có kỷ luật nghiêm khắc đối với các cán bộ chủ chốt ở các địa phương nếu để dân chết đói, cũng là một mệnh lệnh không phải chỉ có hiệu lực trong vòng một năm.

Con bão nữa, tương như vô hình nhưng lại có sức tàn phá còn nguy hại hơn gấp bội, đó là cơn bão tiền tệ, là sự khủng hoảng kinh tế mang quy mô toàn cầu, nó đã được hình thành và nổi lên dữ dội ở ngay chính các nước trong khu vực chúng ta. Hiện vẫn đang có hai xu hướng dự báo song song tồn tại: Xu hướng thứ nhất cho rằng nó đã lui dần, bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế các nước Đông Nam Á cũng như của cả thế giới là khả quan; Xu hướng thứ hai ngược lại, vẫn nhìn nhận nó như một nguy cơ còn nguyên, với những biến thái phức tạp, không mấy phần khởi.

Lập tức trong đời sống xã hội xuất hiện một câu hỏi tất nhiên, giá cả thị trường sẽ ra sao, liệu chừng đồng tiền của ta có đủ sức đứng vững trong cơn bão dè sợ này? Một câu hỏi có liên quan thiết thực tới sự sống còn của mỗi gia đình và mỗi chính thể.

Mặc dù chưa lấy gì làm toàn diện và vững chắc, ở đây sau một năm nhìn lại, cần phải ghi nhận những cố gắng nhiều mặt, những phản ứng có hiệu quả ở hai mặt trận chủ yếu là nông nghiệp và tài chính. Từ sự đứng vững vững cảm đó mà chúng ta đã triển khai thắng lợi công tác ngoại giao cũng như các công tác khác. Sự vững vàng trước một tình hình ít sáng sủa đó đã đủ nói lên một điều, con đường đổi mới mà dân tộc đang đi tới là một lựa chọn đúng đắn. Quả là đã và đang có một nhân dân đầy nhạy cảm, rất giàu tiềm lực cùng Đảng đi trên con đường này.

Cũng đã sắp 60 năm nền tài chính cách mạng, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 1945, một nền tài chính đi từ không đến có, thuở ban đầu chỉ có trong tay hai triệu đồng bạc Đông Dương rách, nhờ vào sự ủng hộ hết lòng của đồng bào đồng chí trong cả nước và kiều bào nước ngoài, mà đã từng bước đi lên. Bài học *Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư* mà Bác Hồ đã dạy, trước hết là cho ngành tài chính từ buổi mờ nước đã được xem như một lời thể danh dự của mọi thể hệ ngành tài chính.

Phải nói rõ công tác quản lý tài chính của chúng ta lúc này lúc khác, chỗ này chỗ khác còn rất non kém. Tuy nhiên, những thành tựu của nó cũng không thể không được ghi nhận một cách trân trọng, vì đứng từ đây nhìn lại từng bước đi chúng ta mới thấy hết những đóng góp to lớn của ngành tài chính vào sự nghiệp chung. Giờ đây trước những yêu cầu mới trong công cuộc hội nhập và phát triển mang tính toàn cầu, nền tài chính Việt Nam đang phải tự hoàn thiện mình để trở nên lành và mạnh hơn nữa. Thực sự đó là một cuộc chiến đấu toàn diện và đầy cam go, nhưng đó cũng là con đường không thể tránh khỏi, chỉ có thế mới trưởng thành, mới có đủ tầm vóc và tư cách đảm đương trọng trách trong sự nghiệp quản lý một nền kinh tế từ đơn ngành lên đa ngành, từ cơ chế bao cấp xin - cho đã lỗi thời bước vào nền kinh tế thị trường mới mẻ với nhiều hình thái phức tạp nhưng lại cũng rất hấp dẫn. Chúng ta tin vào những sáng tạo, tài năng và bản lĩnh vốn đã trở thành truyền thống của một nền tài chính mang tính nhân dân, của dân, do dân và vì dân như lịch sử từng ghi nhận trên nửa thế kỷ qua.

Thêm một lần nữa khẳng định chân lý, chỗ dựa vững bền nhất của Đảng chính là nhân dân. Nhân dân là tấm gương kỳ diệu để Đảng có thể soi vào nhằm hoàn thiện mình, tiếp tục xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của mình.

Tính lãng mạn sang trọng của một cuộc cách mạng rất cổ thể bị phủ mờ chỉ bởi sự sa sút phẩm hạnh của một bộ phận không nhỏ cán bộ trong Đảng. Đó chính là nguyên nhân của nạn tham nhũng, thói hoang phí ngông cuồng, thói cửa quyền kiêu ngạo, mất dân chủ, bất chấp mọi đạo lý và nhiều khi đi tới bất nhân bất nghĩa. Nó là những chứng bệnh hoàn toàn xa lạ đối với những mục tiêu căn bản của sự nghiệp lớn mà toàn Đảng, toàn dân đã dốc lòng dốc sức bấy lâu nay. Lòng tin của dân đặt vào Đảng sẽ ra sao cũng là tùy thuộc ở chỗ này. Đây là những thách thức hiểm nghèo, nhưng cũng sẽ là một nội dung rất chủ yếu của những năm tháng này. Lịch sử luôn luôn có sức hấp dẫn của nó, bao giờ cũng có phần sáng và phần tối, phần được viết ra và phần không bao giờ được viết ra, nhưng nó vẫn cứ có. Đó chính là mỗi ngày ta sống.

Sống là có cả vui lẫn buồn, mà xem chừng cái buồn muốn nhiều hơn thì phải. Còn biết vui buồn chính là bởi còn yêu, còn gắn bó. Ví phòng không yêu, không gắn bó với đời thì còn vui buồn làm gì nữa, lúc ấy hẳn lòng người sẽ hóa băng giá, sẽ đứng đưng trước tất thảy. Cho nên sự vui buồn hàng ngày chính là tình cảm, là nhựa sống, là cái đủ sức nâng con người ta dậy, là cả một mớ những quẩn bện, nghĩ ngợi, vẩn vơ. Một cơn bão tận trong Nam mà lại khiến ta chạnh

nghĩ tới một bà dì, bà cô lúc này đang phơi mặt trong mưa lạnh, trong gió bắc trước cổng làng nơi quê nhà, bày bán mấy quả sầu khô trên một cái mẹt còn con cho người qua đường. Ở đâu mà chả có người đang còn khổ hơn mình. Một cuộc sống quá nhiều vui mừng là cuộc sống ít phải rủi ro, là gặp may mắn hơn người. Nhưng một lẽ khác, phải cẩn thận không khéo lại là một người đang sống trên mọi người mất rồi. Giữa trời đất này mà dám đặt mình trên mọi người là dễ thành bất nhẫn, dễ thành liều lĩnh tham lam, dám mưu tính những việc động trời. Liệu sống như vậy phúc có dày được không, phận có mỏng quá không? Cho nên nhìn vào cuộc đời ngày càng thấy có nhiều nỗi éo le rất đáng để đau lòng. Cha là người khôn ngoan mưu lược tưởng như anh hùng vô song mà con cái lại hư đốn chẳng còn ra làm sao, thế là cái thảm cảnh người xưa vẫn nói, đời cha ăn mặn, đời con khát nước, hay là rau nào sâu ấy. Chưa thể vội vàng mà nói được nhưng chỉ biết cứ nhìn vào đã đủ để e ngại, đủ phải biết tự răn chính bản thân mình. Bỗng chợt nhận ra mình còn nông nổi quá, xoàng xĩnh quá. Muốn học theo cổ nhân, mỗi ngày thử bỏ một hạt đậu đen vào chiếc lọ nếu mắc một lỗi xấu, lại bỏ một hạt đậu trắng vào cái lọ khác khi làm được một điều hay, đến cuối tháng cuối năm mang ra đếm xem thử số hạt đen nhiều hay hạt trắng

nhiều, năm nay so với năm trước, việc tốt liệu đã trội hơn việc xấu chưa.

Lại giật mình tự hỏi con có làm sao con cái cán bộ dễ hư hơn con cái dân chúng, con có tại sao lại có một sự thật là lúc này ngồi trong các trại giam người bên đời thì lắm mà người bên đạo lại không bao nhiêu. Là ở những ông bố, những bà mẹ, là ở những quý vị đứng trước các đám đông thường rao giảng những điều mà như người đời vẫn bảo thiếu gì nói đấy.

Ngành thống kê của chúng ta thường hay quy ra phần trăm trong lúc lên biểu đồ so sánh, nhưng trong chuyện này thì chưa thấy làm. Lại như trong giáo dục, cũng chưa thấy làm một thống kê các học trò ưu tú đã từng đạt danh hiệu cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế mấy chục năm qua xem giờ họ đang làm ăn ở đâu. Chỉ rất thấy tin vui trên các báo năm nào cũng có người đoạt các giải nhất mà thôi. Đi học mà đoạt các giải nhất trong các kỳ thi là chuyện rất vui mừng đã đành, nhưng sẽ còn vui mừng hơn khi thấy họ thật sự có những đóng góp lớn cho đất nước vào lúc đã trưởng thành. Đây mới là mục chuẩn quan trọng cho công tác đào tạo. Cần phải biết xem người từ công việc họ làm, chỉ xem người qua bằng cấp, qua các danh hiệu thì chưa đủ, rất dễ hời hợt giáo điều, là mắc vào lối nhìn duy hình thức, rất dễ bị mắc lừa. Khi thuê mướn người

làm, một ông chủ dốt sọ người có bằng cấp và chỉ cần có bằng cấp, cũng bởi vậy mới sinh ra cái thói thèm khát rất tội nghiệp, đó là nạn chạy chọt bằng cấp, không khéo chính các ông chủ cũng nghĩ làm cách mạng đảo lộn được cả trời đất hưởng hồ làm mấy cái bằng dứt túi thì có làm sao. Còn đối với một ông chủ tinh đời thì sẽ biết gạt bằng cấp sang một bên và hỏi người đến xin việc biết làm việc gì và thử thực lực của họ xem sao. Nghe đâu như ở một nước nào đã làm ra được cái máy để thử người. Cái máy ấy thật kỳ tài, mang nhét một người nào đó vào, một lúc lại thấy lòi ra ở đầu bên kia có khi vẫn là người đó nhưng nhiều khi cũng không hẳn còn là người đó nữa. Nếu quả thực có một cái máy như thế thì thiết nghĩ, hơn lúc nào hết, dù đắt mấy cũng nên mua ngay mà mang về, một cái đặt ở Ban tổ chức Trung ương, một cái đặt ở Ban tổ chức Chính phủ. Có nó, nạn bằng giả bằng thật không thành vấn đề nữa, vì lúc ấy người ta sẽ biết lo thân mà cố công tự học, tự rèn để thành người thực học, thực tài, để thành thật thà chất phác. Các cô các cậu con nhà quyền quý sẽ trở nên lễ phép nghiêm ngặt, các anh các chị con nhà thứ dân sẽ biết thân biết phận mà dùi mài học hỏi tu thân vượt lên làm những người xuất chúng có ích cho đời, để được đời kính trọng, chứ không thể yên lòng bám mãi vào cái lý lịch ba đời nghèo khó theo

cái cách nhìn hết sức vớ vẩn “Bố làm ruộng, mẹ như trên” lâu nay vẫn thấy.

Hay chính thời gian là cái máy thử người đó. Có lẽ là vậy, với thời gian mọi việc đều có thể trở nên sáng tỏ. Có nhiều người hôm qua tưởng chừng như rất bình thường, ấy vậy mà sau nhiều năm tháng lại hóa thành những giá trị rất đáng trân trọng, giá trị đó được chứng tỏ bằng chính năng lực cống hiến trong công việc mà họ được giao phó. Rồi cũng bằng thời gian, lại thấy có vô khối những giá trị giả dùm đã được thếp vàng.

Giờ đã lại là một năm mới. Một năm vất vả vừa đi qua, lại một năm vất vả nữa đang tới. Cái năm cuối thế kỷ này, việc đời dồn nén quá tải, sẽ có biết bao điều để chiêm nghiệm, để bàn đến. Dù vậy, chắc chắn vẫn lại là một năm đầy năng động, một năm nhiều quả quyết đi lên và nói một cách kiêu hãnh, nó cũng sẽ phải là một năm rất Việt Nam.

Dạo này người ta hay nói tới *kinh tế tri thức*. Kinh tế tri thức ở thời này có nội dung của nó, nhưng để bắt đầu chắc không ngoài tinh thần mà Khổng Phu Tử từng bàn, *Lộc tại học kỳ trung dã*, hãy tìm lộc trong học hành.

Nếu như sự học hành làm nghèo đi cả tinh thần lẫn vật chất của một dân tộc thì bắt buộc chúng ta phải xem lại cách dạy, cách học của mình. Nếu sự học hành chỉ đem lại lợi ích cho những cá nhân mà làm khốn khó cho cả đất nước thì đó là một sự học đáng sợ.

Cho nên chúng ta mới nói sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp lớn, hết sức hệ trọng. Với tâm lòng của mình trước hiện tại và tương lai đất nước, cũng là cực chẳng đã mà các nhà văn trong những ngày qua đã phải kịp thời lên tiếng góp ý cho ngành giáo dục xung quanh mấy cuốn giáo khoa thư. Có thể đôi lúc tưởng chừng gay gắt, nhưng đây là cái gay gắt xuất phát từ tinh thần xây dựng. Không hiểu được thế, tất sẽ có ít nhiều hiểu lầm và đi đến khó tiếp thu, có khi dễ thành nổi cáu. Một ông thầy giỏi là một ông thầy nói giỏi, giảng giải đối đáp giỏi, mà cũng lại phải giỏi biết lắng nghe, giỏi biết chờ đợi. Là vì sự học rất cần sự chậm rãi, nó vốn là một quá trình chậm rãi.

Ngay trước cổng trường đại học Oxford người ta đặt một tảng đá lớn, trên đó có khắc một dòng danh ngôn: *Hãy làm việc gấp như ngày mai sẽ chết, hãy học chậm rãi như còn phải sống rất lâu.*

Trong lễ kỷ niệm 900 năm tồn tại của trường đại học Praha, ông hiệu trưởng đã bỏ ra mấy tiếng đồng hồ để đọc một bản liệt kê rõ dài danh sách những người nổi tiếng xuất thân từ ngôi trường cổ nhất châu Âu này. Sau đó có một vị khách từ nước Anh sang đã lên phát biểu. Ông ta nhiệt liệt ca tụng những thành tựu vẻ vang của nhà trường và chỉ xin phép được bổ sung thêm một thành tích mà bản báo cáo của ngài hiệu

trường đã bỏ sót, đây là đại học Praha đã từng dám đuổi cô Anhtanh vì ông có triệu chứng tâm thần.

Từ câu chuyện đó chúng ta có thể rút ra được nhiều bài học về cách dạy, cách học, hay nói gọn hơn là cách xem xét sự vật. Trong tinh thần đó, tôi nghĩ các nhà văn cũng không cần nói thêm gì nữa. Nếu thiếu đi sự bình tĩnh và thành thực, chúng ta khó mong đến gần chân lý.

Nhân nói đến sự bình tĩnh và thành thực tôi chợt nghĩ đến trường hợp ông Hồ Ngọc Đại. Ông Đại nhận bằng tiến sĩ hạng ưu tú về tâm lý giáo dục tại đại học Lôônôxốp từ rất sớm. Là một giáo sư tiến sĩ thật hột, nhưng hàng ngày ông lại luôn luôn có ý né tránh việc tự giới thiệu mình là thế với xung quanh, ông đi lại cười nói thư thả và giản dị như một anh giáo làng vậy. Là vì ông luôn luôn lo mình chưa thật xứng đáng với cái học hàm học vị mà số phận đã khoác lên vai mình, ông sợ không khéo mình cũng chỉ là một thứ “gà sống thiên sót” như thiên hạ người ta đang đùa cợt thì xấu hổ lắm. Ngày ông về nước nhận nhiệm vụ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cho mời ông đến ăn cơm và hỏi han chuyện học hành cùng nguyện vọng công tác. Tướng cũng chẳng khó khăn gì nếu lúc đó ông Đại muốn có một chức vụ nào đó ở Bộ Giáo dục, nhưng ông đã chính thức thưa với Thủ tướng là mình muốn được bắt đầu

dạy từ lớp Một, làm anh giáo cấp Một, theo chương trình của mình. Đồng chí Thủ tướng không khỏi ngạc nhiên nhưng vẫn cả cười đồng ý.

Trên thực tế, tuy nhiều năm qua, xung quanh cái trường thực nghiệm của ông Hồ Ngọc Đại đã có không ít những lo lắng eo xèo và đã gặp không ít khó khăn thách thức, nhưng nhìn chung nó đã đứng vững và giờ đây vẫn đang từng bước đi tới. Được thế trước hết là nhờ ở sự sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nhờ ở sự chỉ đạo cũng rất bình tĩnh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có sự bình tĩnh quý báu đó, ông Đại có tài thánh cũng không thể thi thố gì được và chắc cũng chẳng làm gì có sự ra đời của cái trung tâm hôm nay.

Cho nên có thể nói, không phải đến gần đây trong ngành Giáo dục của chúng ta mới nảy ra câu chuyện cải cách và đổi mới. Sự nghiệp đó được bắt đầu từ lâu rồi đã và đang gặt hái được không ít kết quả. Trong sự nghiệp chung đó, ông Đại và các cộng sự của ông ở cái trung tâm kia đã đóng vai trò đi tiên phong, lẫm lẫm làm những người mở đường.

Để làm nổi việc đó, nhiều năm qua và cả những năm tới họ không chỉ cần có tinh thần trách nhiệm cao trước sự nghiệp giáo dục nước nhà là đủ, mà còn cần phải có đầy đủ lòng dũng cảm, phải có đầy đủ ý chí và

ngệ lực, phải có đức hy sinh lớn, phải có cái phẩm chất nhân của những trí thức có tầm nhìn xa.

Biết phải đi đến đâu thì mới biết phải bắt đầu từ đâu. Nếu không nhìn thấu suốt được cái đích mình muốn tới thì sẽ trở thành dầm dờ từ cái bắt đầu.

Các bậc cha mẹ còn muốn dắt con mình tới gửi và học trường đó, đây là phần thưởng cao nhất với ông Đại và các thầy cô đang tận tụy làm việc tại đó. Nó là bằng chứng có sức thuyết phục nhất cho sự hấp dẫn của một phương pháp giáo dục. Những cô cậu học sinh đang dần dần trưởng thành, có cốt cách vững vàng, có hiểu biết chắc chắn, có tự trọng cao, biết yêu mình, yêu người, có lòng tự hào dân tộc, biết hòa nhập tốt đẹp vào đời sống chung đang còn nhiều gian khổ và biết lao động cống hiến, biết sống trung thực. Đây là mong muốn và là cái đã làm được trong nhiều năm nay của ông Đại cũng như của tập thể dưới quyền ông. Tôi muốn nói, đây là một tập thể sang trọng, người ta thấy ở họ toát lên một tinh thần lãng mạn trí tuệ. Nghe nói gần đây đến tuổi nghỉ hưu ông đã bàn giao cương vị phụ trách của mình cho những người kế nghiệp được lựa chọn kỹ, đào tạo kỹ. Xin được chúc mừng ông và chúc mừng các đồng chí đang hết lòng tiếp tục đi trên con đường đổi mới mà ông đã có công mở ra. Chúng tôi hy vọng từ công việc lương thiện mà các ông các bà

đang lặng lẽ theo đuôi, chúng ta sẽ rút ra được những bài học quý báu mang đóng góp vào sự nghiệp chung.

Chắc chắn cũng có thể gặp không ít lần lần, lần lần thì phải mau chóng nhìn ra và sửa gấp, đừng nên sợ hãi, mọi tìm kiếm sáng tạo đều cần phải có sự bảo hiểm.

Cơ sở vững chãi nhất để ta có thể đặt niềm tin vào một hướng đi bởi thấy đó là một phương pháp có mang tính hệ thống cao. Không vội vã, không khoa trương âm ỉ, sẵn lòng lắng nghe mọi sự nhắc nhở, dọc đường đi kiên quyết từ chối mọi hình thức tụng ca, đề cao thực học, coi trọng những giá trị thật, khe khắt đòi hỏi ở chính mình, đấy chính là những phẩm chất quý báu trong *Đạo học*. Không phải tùy tiện mà cha ông chúng ta đã suy tôn thầy Chu Văn An trong Văn Miếu Hà Nội. Tiên sinh suốt đời không chịu đi thi cho nên cũng không có bằng cấp gì cả, nhưng học trò của ông mũ cao, áo rộng đầy triều, ai cũng tài năng và đức độ, do vậy mà Người được nhà vua quý trọng được vời ra chăm sóc sự học trong nước. Nhưng một khi thấy việc triều chính bê trễ và đổ nát, khuyên vua, vua không chịu nghe thì Người đã tìm đường lui về chăm chỉ trong nghề dạy học, tiến vi quan đạt vi sư là vậy, phép xuất xứ của kẻ học giả là vậy.

Thời hậu Lê có mấy ai đã được tin cậy hơn Lê Quý Đôn. Khi nhà vua thân chinh mang quân vào miền

trong đã trao lại cho ông quyền cai quản triều chính ở nhà, với chức vụ Hành khiển nhập nội kiêm Trường Tài phú. Nhưng rồi đến một khoa thi, vì thương thằng con trai Lê Quý Kiệt lận đận mãi trong đường khoa bảng, ông đã đánh liều thò bút vào sửa cho con vài nét chữ trong bài thi, việc lộ ra thế là con thì bị tống ngục, cha bị quở trách nặng nề. Đấy đâu phải là phong kiến hà khắc, đấy là biết giữ kỷ cương phép nước, là chăm lo cho *Đạo học* ngày một vững bền. Nhìn vào thịnh suy của *Đạo học* mà thấy ra sự thịnh suy của xã tắc.

Cái lần vua Lê Chiêu Thống phải bỏ thành Thăng Long lủi trốn về xứ Đông tránh loạn, ông qua làng Thối ăn khoai lang khen ngon quá, qua làng Giải uống nước trà xanh khen mát quá, tới khuya thì dạt vào nhà một viên Chánh tổng người làng Vĩnh Lại.

Viên Chánh tổng cho thắp đèn sáng choang nhà trên nhà dưới. Cả làng kéo đến xem mặt ông vua mất ngai, rồi người ta đòi vua phải ban cho họ tước quận công. Ban đầu là các bậc lý dịch đòi, sau đến thứ dân cũng đòi. Vua bí quá, quan hầu rì tai khuyên phải làm, nhà vua bèn móc trong áo ra một cái ấn đóng lia lịa lên các tờ sắc chỉ. Có một anh thợ cày ở ngoài đồng chạy về, vừa cầm gáo múc nước rửa chân ngoài bể vừa hỏi, có gì mà thắp đèn sáng thế, cô vợ cười khúc khích kể lại sự tình. Anh thợ cày bảo, vậy tôi cũng phải vào xin

một cái quận công mới được. Hôm ấy nhà vua đã ban một lúc 72 cái quận công.

Đó đâu phải là chuyện kể cho vui, đó là những trang sử để đời sau cười ra nước mắt. Nhân đây tôi cũng xin phép được nhắc các nhà văn trẻ của chúng ta, phải coi trọng thực học, phải bình tâm và chậm rãi, đừng một nhát đến tai hai nhát đến gáy, phải nhớ việc học là việc của cả một đời.

Tôi vốn là một học trò rất dốt, đặc biệt là toán pháp. Hồi đi học, mỗi lần đến giờ toán là đầu óc tôi lại một phen mù mẫm, ù cạc cạc. Nhưng dù thế tôi vẫn còn nhớ có một lần thầy dạy toán đã nói rất hay, mọi quá trình đều có thể biểu diễn bằng đồ thị. Vậy thì nếu tôi thử ra một vài dữ kiện lấy cụ Đặng Thai Mai, cụ Vũ Đình Hòe, ông Nguyễn Văn Huyền là những Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên của thể chế ta rồi lần lần tới mấy anh hôm nay, ta thử vẽ một cái đồ thị thì cái đồ thị ấy sẽ là một đường ra làm sao. Tôi thật sự lấy làm buồn.

Cuộc kháng chiến trường kỳ nổ ra được một năm thì giáo sư Đặng Văn Ngữ từ Nhật Bản tìm về Việt Bắc. Ông chọn Bằng-cốc làm điểm dừng chân để liên hệ với cơ quan đại diện của ta, sau đó có người dẫn ông vượt qua đất Lào, nơi ông đặt chân về Tổ quốc là mảnh đất Con Công - Nghệ An.

Lúc qua một cái chợ vùng biên thì cả đoàn phải dừng lại trước cổng chợ để kiểm tra trình độ bình dân học vụ. Máy người cùng đi trả lời trôi chảy được hàng hoàng qua cổng, riêng ông Ngữ bị xem là mù chữ, ú ớ chưa vỡ i tờ. Có gì đâu, lẽ ra phải đọc mấy chữ *mờ, tờ, sờ* thì ông lại đọc là *em, tê, ệt*. Vậy là xin mời giáo sư vui lòng coi giày chịu khó lội vòng qua ruộng nước mà vào chợ.

Ông Ngữ không buồn vì chuyện đó, ông đã ứa nước mắt vì sung sướng. Ông khóc khi tận mắt thấy dân tộc ông, một dân tộc bao năm sống trong đêm tối, nay đang gọi nhau đứng dậy làm người. Đó là một ngày cảm động đối với một trí thức yêu nước. Chính bằng lòng yêu thương dân tộc sâu sắc mà ông đã có một cách nhìn vừa công bằng vừa độ lượng, và đó là một cách nhìn đúng.

Sự thật là có rất nhiều cái đáng mang vào nhà trường để dạy dỗ con trẻ chúng ta, nhưng con trẻ khôn lớn có thì của nó. Với chúng thời gian là vàng ngọc, cho nên việc chọn lựa những cái gì để dạy là vô cùng khó. Người ta gọi nó là lập chương trình, là công việc của các ông thầy lớn, không phải bạ ai cũng gọi về giao phó được.

Đã không hình dung nổi một đứa trẻ khi lớn lên phải là một con người như thế nào trong lúc sống cùng dân tộc và nhân loại; thì nhất định sẽ lúng túng to trong quá trình dạy bảo chúng.

Trên thực tế khi đi tìm một lối ra cho nền giáo dục đất nước, chúng ta đang vấp phải sự bế tắc của mô hình xã hội lạc hậu có tính hệ thống, cho nên tôi dễ dàng cảm thông với những ai có gan ngồi vào ghế Bộ trưởng bộ này. Một nền giáo dục tốt đẹp mang tiêu chuẩn đẳng cấp cao là một mong mỏi chính đáng của mọi người, nhưng đặt yêu cầu đó ra lúc này liệu có phải là định bắt bí nhau không. Ở một xóm hẻo lánh nọ có một bà góa đã rước về nhà mình một ông thợ có tài đóng cối xay thóc. Công việc xong, lúc ông thợ cối ngồi thu dọn đồ đạc để lên đường bà chủ bỗng động lòng lưu luyến nên mới hỏi ướm, nhà cũng vắng, đám trẻ lại ngu đần, vậy ông có ở lại hẳn đây được không, tối tối ông rửa ráy chân tay rồi đóng cối cho tôi, ban ngày lo dạy con cái học hành. Việc nhỏ, ông phở mừng rơn kêu tướng lên, tôi sẽ làm tuốt cho bà xem. Hôm đầu đám trẻ mang giấy bút ra tập vẽ vồ vẽ chạm, mấy hôm sau vẫn dất chẻ rằm, chỉ một vài tháng đã đủ tài gánh đồ tùa đi khắp ngả đóng cối thuê cho thiên hạ. Nhà ấy được khắp vùng gọi là nhà ông phở cối. A di đà phật, ngài đã dạy *cứ nhìn hôm nay mà biết hôm qua và ngày mai của nó*.

Mới sáng ra mà cái chợ của khu tập thể Nam Đồng đã thành quá tải, tiếng còi xe, tiếng người inh ỏi huyên náo cả một vùng. Sức ép dân số không ai là không cảm thấy, người ở ta có ngày sẽ đông hơn cả bên Trung Quốc cũng chưa biết chừng. Giữa khung cảnh ấy tôi bất ngờ cụng phải một nhà thơ. Cũng lúc đó hai chúng tôi cụng phải một ông trẻ bán báo từ đâu khuỳnh khoạng hiện ra, chiếc loa điện gắn trên ghi đông xe đập oang oang chạy những tin tức sốt dẻo nghe mà nổi gai ốc. Ở đâu đó vừa triệt phá hoàn toàn

một ổ mại dâm trá hình có quy mô cấp tỉnh, và ở đâu đó có chuyện quan tòa thông đồng với phạm nhân, luật sư bào chữa tổng tiền thân chủ của mình... Còn ở đây thì tôi phải nói như thét vào tai nhà thơ:

- Định đến mình há?

- Không, em đến tìm anh đây chứ.

- Thế mà mình lại nghĩ là ông định đến mình.

Chúng tôi kéo nhau vào ngồi tạm trong một quán cóc bên hè. Chủ quán là một ông đại tá bốn sao, đã có trên nửa thế kỷ binh nghiệp, ông lẳng lặng đặt vào tay mỗi chúng tôi một cốc chè tươi.

- Uống nước xong về bật tivi xem Quốc hội chất vấn chính phủ là vừa, cũng hay ra phết. - Ông nói.

- Tôi đang sắp ra ga trốn về Bắc Ninh ít ngày đây.

Nhà thơ tranh thủ thông báo nhanh, anh vừa được đề bạt làm Tổng biên tập tuần báo *Nhân đạo và đời sống* sắp ra mắt bạn đọc nay mai. Đây là cơ quan ngôn luận của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Trong số ra đầu tiên anh muốn có một bài ngắn gọn của tôi, xem như một lời chúc mừng cho sự kiện quan trọng này. Tôi liền nhận lời với anh, hứa sẽ sớm có bài gửi ra, rồi vừa đứng dậy, vừa bắt tay vừa nói, ông được giao trách nhiệm này là đúng người đúng việc rồi đấy.

Nhân đạo là một trong bốn vấn đề lớn nhất đang đặt ra trước đời sống đất nước, nó gấp gáp như thế có

lũ sắp về vậy. Ngoài nó thì ba vấn đề kia là tư tưởng, kinh tế và xã hội. Thực ra, từ nhiều năm nay Đảng và Nhà nước đã lường tới sự hệ trọng của vấn đề này, cho nên lần lượt mấy khóa gần đây, các vị chủ tịch nước đã phải trực tiếp thay nhau làm chủ tịch danh dự cho Hội Chữ thập đỏ. Xem thế đủ biết việc ra đời tờ báo *Nhân đạo và đời sống* là rất cần thiết và đúng lúc, nếu không muốn nói là có phần chậm chạp.

Cả nước bây giờ đang có trên năm trăm tờ báo và tạp chí. Báo nhiều thì đúng là nhiều, mà báo vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn đúng là chưa đáp ứng được yêu cầu. Vấn đề là ở chỗ khác, là ở chất lượng từng tờ báo. Mà nói đến chất lượng lại là chuyện rất nan giải, thôi thì trăm người bán vạn người mua, ai dám bàn sâu quá lúc này, dễ mất lòng, dễ mua thù chuốc oán, cho nên rồi ra xem chừng vẫn còn có thêm nhiều tờ báo nữa sắp ra đời chứ không phải chỉ là một hai tờ mà thôi. “Anh làm báo, tôi làm báo, nó làm báo, chúng ta làm báo, chúng nó làm báo”. Hình như cụ Nguyễn Công Hoan đã từng có một truyện ngắn hoạt kê với đầu đề như vậy. Những chuyện ngày hôm qua cũng đừng nghĩ nó không còn là chuyện hôm nay.

Bước chân xuống tàu là tôi bỏ ngay về căn gác nhỏ nằm sâu trong một cái ngõ nhỏ của tôi. Đã hứa là phải

làm, nhưng biết viết gì đây cho ông bạn nhà thơ giờ sắp lao vào làm báo.

Hội Hồng thập tự Việt Nam đến 1957 mới được chính thức thành lập, và cùng năm đó cũng đã chính thức được Hội Hồng thập tự quốc tế công nhận. Là bởi vì mặc dù được thành lập muộn nhưng phong trào này đã có từ lâu trên đất nước chúng ta. Từ những năm đầu cách mạng, từ những năm đầu kháng chiến, giữa bể bộn khói lửa chiến tranh, phong trào này đã hình thành và lần lần đi vào lề lối bài bản, được toàn dân tham gia ủng hộ và đã mang lại nhiều thành quả hữu ích. Một phong trào có sức thu hút tập hợp cao, bắt đầu từ nghĩa đồng bào, từ tình người tình nước.

Có thể xem nó đã được mở đầu bằng lời kêu gọi thống thiết và đầy sắt đá như những lời hịch của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi toàn thể đồng bào. Người nói, chúng ta đang đứng trước ba kẻ thù lớn, đó là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trong lá thư gửi cho ông Giám đốc Nha Bình dân học vụ liên khu Ba vào đầu năm 1947, Người viết: “Ông Giám đốc, các giáo viên, các cơ quan đoàn thể cố gắng làm thế nào để chu kỳ tháng sáu năm sau, toàn thể nhân dân khu Ba từ tám tuổi trở lên đều biết chữ”.

Trong một công văn cũng năm ấy của luật sư Trần Công Tường - Bộ trưởng Bộ Tư pháp gửi lên Người xin

các trường đại học. Công sức các giáo sư, các trí thức ở các trường, các ngành đã đổ vào đây là vô cùng lớn. Sự quan tâm đặc biệt của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong quá trình này là không thể quên.

Hóa ra cũng không phải đợi đến bây giờ những vấn đề bất cập trong kinh tế, trong báo chí, văn hóa hay giáo dục mới được chúng ta bàn đến. Tôi xin ghi ra đây nguyên văn một đoạn trong biên bản cuộc họp thường kỳ của Chính phủ vào ngày 31 tháng 12 năm 1957. Trong cuộc họp này Bác đã nhắc nhở nghiêm khắc một tình hình mà Người thấy là không hay. *Chu tịch Hồ Chí Minh chủ tọa phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ để bàn về việc tổng kết kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957), khi kết thúc cuộc họp Người đã phê phán một số khuyết điểm của các Bộ, các Ngành như: Bộ Giáo dục đặt chương trình học ở các trường nặng quá. Bộ Ngoại thương thì mua hàng tốt bán hàng xấu, rất kém tinh thần quốc tế. Mậu dịch phạm nhiều lãng phí, để cháy ba kho thóc. Bộ Văn hóa để báo chí, tập san xuất ban lung tung, tuyên truyền thì đưa cái gì cũng tươi đẹp cả, đưa ra những tin không chính xác. Phải nói cho chính xác để giáo dục khuyến khích, tránh để dân chủ quan.*

Thế có nghĩa là ngành Giáo dục phải biết cách dạy con trẻ nên người chứ không phải chỉ biết đến việc chất lên hai vai nhỏ nhoi của chúng càng nhiều sách càng

tốt. Vô hình trung làm như vậy lại chính là hành hạ con trẻ. Cũng như trong lĩnh vực báo chí, cần tránh việc bôi đen nhưng cũng không được tô hồng, không được nể nang che đậy, luôn luôn phải biết chịu trách nhiệm trước quần chúng.

*

Khuya. Đêm chính hạ mà trời lại trở rét. Có một cơn bão xa. Gió bắc lùa rào rào lay động những vòm sấu xanh đen ngoài vườn. Tôi tạm rời bàn viết để ra bàn thờ thắp một nén hương cho gian phòng ấm cúng. Đây là tôi kính lạy cụ Hồ, nhiều lúc gặp chuyện khó tôi chỉ còn biết thắp hương lạy Cụ. Tôi vẫn chưa viết nổi dòng nào cho bài báo ngày mai. Tôi đang còn mài giũa lại những trang trong mấy tập *Hồ Chí Minh biên niên tiêu sử*. Tôi muốn biết vào những năm tháng mở nước đầy gian nan thù trong giặc ngoài ấy ông Cụ đã làm những gì, đã ứng xử ra sao và đã nghĩ ngợi thế nào trước những thách thức và trước những éo le của lịch sử. Khi quyết định trở lại chiến khu Việt Bắc là Người đã mang được cả một dân tộc cùng đi, Người hiểu rõ việc nước là việc quá lớn, phải cả dân tộc cùng ghé vai gánh vác mới nổi. Không được phép bỏ sót một hiền tài nào, để mất một hiền tài trong lúc này cũng là có tội với nước.

tốt. Vô hình trung làm như vậy lại chính là hành hạ con trẻ. Cũng như trong lĩnh vực báo chí, cần tránh việc bôi đen nhưng cũng không được tô hồng, không được nể nang che đậy, luôn luôn phải biết chịu trách nhiệm trước quần chúng.

*

Khuya. Đêm chính hạ mà trời lại trở rét. Có một cơn bão xa. Gió bắc lùa rào rào lay động những vòm sấu xanh đen ngoài vườn. Tôi tạm rời bàn viết để ra bàn thờ thắp một nén hương cho gian phòng ấm cúng. Đây là tôi kính lạy cụ Hồ, nhiều lúc gặp chuyện khó tôi chỉ còn biết thắp hương lạy Cụ. Tôi vẫn chưa viết nổi dòng nào cho bài báo ngày mai. Tôi đang còn mài giũa lại những trang trong mấy tập *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. Tôi muốn biết vào những năm tháng mở nước đầy gian nan thù trong giặc ngoài ấy ông Cụ đã làm những gì, đã ứng xử ra sao và đã nghĩ ngợi thế nào trước những thách thức và trước những éo le của lịch sử. Khi quyết định trở lại chiến khu Việt Bắc là Người đã mang được cả một dân tộc cùng đi, Người hiểu rõ việc nước là việc quá lớn, phải cả dân tộc cùng ghé vai gánh vác mới nổi. Không được phép bỏ sót một hiền tài nào, để mất một hiền tài trong lúc này cũng là có tội với nước.

Đảng ta là Đảng cầm quyền, Người từng nói vậy, nhưng hơn ai hết Người cũng hiểu chính là vì cầm quyền mà không được phép độc quyền, mọi độc quyền trước sau đều dẫn đến thoái hóa. Vốn là một người lão thực, trong lúc giải quyết việc nước Người dễ dàng nhận ra mọi biểu hiện cơ hội và giáo điều. Ngày 19 tháng 7 năm 1951 sau Đại hội Đảng lần thứ II ít lâu, Người đã viết trên báo *Nhân dân*: *Có một số đồng chí đã không chịu nghiên cứu thực tế của cách mạng Việt Nam, họ không chịu hiểu rằng Chủ nghĩa Mác-Lênin là kim chỉ nam cho hành động chứ không phải là kinh thánh. Vì vậy họ chỉ học thuộc lòng ít câu của Mác-Lênin để lờ người ta.*

Có thể xem đây là một lời khuyên bảo mang ý nghĩa cảnh báo cho Đảng.

Vào đầu 1947 ký quyết định thành lập Bộ Thương binh cựu binh. Bổ nhiệm bác sĩ Vũ Đình Tụng, một người công giáo yêu nước quê vùng Vụ Bản, Nam Định làm Bộ trưởng. Trước đó cụ Tụng giữ trách nhiệm Giám đốc Nha Y tế Bắc bộ. Mặc dù đã có Bộ Thương binh cựu binh, các Hội giúp đỡ thương bệnh binh, Ái hữu thương bệnh binh vẫn song song hoạt động. Viết thư cho đồng chí Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng thường trực Bộ Nội vụ, yêu cầu mời cụ Võ Liêm Sơn đứng ra làm Chủ tịch Hội mùa đông binh sĩ, yêu cầu bổ sung thêm cụ Nguyễn Văn Tố làm Phó chủ tịch Ủy ban tán

cụ, nơi cụ Bùi Bằng Đoàn đang làm Chủ tịch.

Phong tặng khen thưởng thường xuyên và kịp thời nhưng cũng không ít phê bình quở trách. Cuối mỗi năm trực tiếp duyệt các án tử hình, nhiều lần cương quyết bác đơn xin ân xá. Ân uy sáng tỏ, kỷ cương rành mạch, tràn đầy một tinh thần dám chịu trách nhiệm trước vận mệnh nước nhà. Yêu nước thương dân là tình cảm, là lẽ sống và cũng là lý tưởng, như thế Người sinh ra là để làm một người như thế. Và có lẽ cũng bởi thế chẳng mà nhiều khi ta thấy ở Bác có lúc dễ dễ lẫn lộn việc nước với việc nhà, việc dân với việc Đảng. Dẫu vậy cũng không ai dám nghĩ như thế là dở.

Hãy nghe Bác bày tỏ lòng mình với cụ Tụng khi biết tin người con trai duy nhất của cụ vừa hy sinh ngoài mặt trận: *Cụ biết tôi là người không có vợ con, cho nên con cái nhà nhà đều là con cái tôi cả, hai mươi năm triệu đồng bào đều là gia đình tôi cả.* Đến thế tức là nỗi đau của hai cụ đã thành nỗi đau chung của cả nước. Ngày thành lập Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Bác chỉ định cụ Vũ Đình Tụng làm Chủ tịch Hội. Trước đó mấy tháng, vào cuối 1956 khi thành lập một đoàn đại biểu Việt Nam qua thăm Tiệp Khắc và dự một Hội nghị Quốc tế hòa bình tổ chức ở Praha, cụ Tụng lại được cử làm Trưởng đoàn. Trước ngày lên đường cụ Tụng dẫn cả đoàn lên Phủ Chủ tịch chào Bác. Lúc chia tay Bác đã cầm tay cụ Tụng mà

lưu luyến mãi không rời. Nào ai rõ hôm ấy hai cụ đã nói với nhau những gì, Bác đã dặn dò cụ Tụng những gì. Chỉ biết đó là một cuộc chia tay của những người ruột thịt đồng chí, của những bậc trí giả. Cụ Tụng sinh 1895, kém Bác năm tuổi, mất 1973, trước khi mất vài năm cụ còn được cử kiêm nhiệm thêm nhiều cương vị quan trọng khác ở Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ở Ban Liên lạc Toàn quốc những người công giáo Việt Nam, ở Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam. Có không biết bao nhiêu bài học quý báu có thể tìm thấy từ mỗi ngày sống của Bác. Thì cứ thử mở những trang biên niên sử này ra mà xem, cứ gì phải được gần mới có thể hiểu. Ngày Bác Hồ mất, tôi đứng lơ vơ cả buổi ở ngoài hành lang Hội trường Ba Đình. Đang đứng đó thì thấy có mấy nhà báo vây quanh một vị khách người Pháp sang viếng Bác. Ông ta bùi ngùi nói với chúng tôi, *Hồ Chí Minh là một quả núi cao, càng gần càng khó nhìn thấy đỉnh*. Càng gần càng thấy đó là một câu nói chí lý. Bác Hồ, một nhà thơ, một người làm vườn, một đầu bếp, một vị tướng, một nhà ngoại giao, và trùm lên tất cả, Bác Hồ là một nhà văn hóa, một nhà văn hóa làm cách mạng, một nhà văn hóa làm tổ chức. Thế nào là tổ chức, nghĩa đen của từ nguyên này đã rất nhiều khơi gợi. *Chức* là dệt. Từ những đồng sợi rối bời vút dưới chân, người thợ phải biết dệt nó thành những tấm vải, tấm lụa với

những sợi ngang, sợi dọc được sắp xếp chặt chẽ. Còn *tổ* là thêu. Dệt rồi lại còn phải biết thêu thêm hoa lá chim muông lên những tấm vải tấm lụa đó. Công việc ấy được gọi là tổ chức. Trong muôn vàn sự tổ chức ở đời thì khó nhất, hệ trọng nhất vẫn là tổ chức một nhà nước, tổ chức một đất nước cho ra dáng, để lịch sử có thể chiêm ngưỡng.

Tháng 3 mới rồi, tôi có dịp tạt vào Paris, đi chơi trên đường phố cùng với một người cháu tên là Đặng Nguyễn Thông, nó được chọn sang làm tiến sĩ khoa học bên đó. Khi đến vườn hoa Luxembourg thấy dọc tường có treo đến năm chục bức ảnh khổ lớn, đó là một cách kỷ niệm nửa thế kỷ hoạt động của tờ báo lớn L'Express. Với cách nhìn của những nhà báo có tên tuổi trong ngôi đền L'Express, những bước đi đáng ghi nhớ nhất của đời sống nhân loại trong nửa thế kỷ vừa qua đã hiện ra trước mắt mọi người qua từng tấm ảnh đó. Mỗi năm là một sự kiện được lựa chọn, khi là ở nơi này khi là ở nơi khác. Việt Nam có hai lần được nhắc đến với hai sự kiện lớn, 1954 *quân viễn chinh Pháp thất thủ, thung lũng Điện Biên Phủ rơi vào tay Việt Minh* và 1966 *quân đội Mỹ sa lầy ở Việt Nam, chỉ trong một vài tháng đã có 500 nghìn lính Mỹ dấn thân vào cuộc chiến*.

Tấm ảnh 1954 là cánh đồng Điện Biên vắng lạnh với một người lính dù Pháp chân vừa tiếp đất. Tấm ảnh 1966

là một chiếc xe tăng trên nóc có cả chục lính thủy đánh bộ Mỹ mũ sắt chụp đầu, súng ống lăm lăm trong tay.

Năm ra đời của tờ L'Express là 1953, năm ấy sự kiện đáng kể nhất là tin ông Stalin qua đời. Một bức chân dung quen thuộc, trán ngắn, cổ ngắn, bộ râu rậm trùm kín miệng. Năm 1958 là bức ảnh ông Đờ-gôn một vị Tổng thống lỗi lạc của nước Pháp đứng phát biểu trong lễ trao trả độc lập cho Angiêri với một câu nói nhiều ý nghĩa: *Tôi đã hiểu các bạn*. Bài phóng sự lịch sử bằng ảnh của tờ L'Express đã được khép lại ở năm 2003 với hình ảnh trái đất hiện ra đẹp lạ lùng. *Đây là một hình ảnh đã có được bằng sự kết hợp bảy nghìn bức ảnh chụp từ vệ tinh do tổ chức quan sát hành tinh "Planet Observer MSAT" đã xây dựng nên. Và ở đây nó được đặt tên thánh là "Terra Cognita", với một lời bình dưới bức ảnh cũng rất thú vị: Bất chấp mọi biến động lịch sử, trái đất của chúng ta vẫn đang quay.*

Thì đúng là nó vẫn đang quay, cũng như nhân loại vẫn đang bám víu vào nó mà sống và vẫn đang không ngừng vất vả trên hành trình đi tìm cho mình một tiếng nói chung. Một tiếng nói chung cho toàn nhân loại, nó chỉ có thể là tiếng nói của chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Một đời sống giàu tinh thần nhân đạo vẫn đang còn là nỗi khao khát của loài người. Đó cũng là lý do giải thích vì sao Tổ chức Chữ thập đỏ Quốc tế đã ra đời tại

Thụy Sĩ cách đây tròn 140 năm vẫn có sức sống dẻo dai và quy mô hoạt động ngày càng lớn.

Chùng nào thế gian này còn lắm âm mưu lừa gạt, lắm tham vọng cay nghiệt, lắm đói nghèo tăm tối, lắm xô đẩy đâm chém thì tiếng nói nhân đạo, những hành vi, tư tưởng nhân đạo vẫn là cái có bao nhiêu cũng là còn thiếu trong đời sống con người. Nó chẳng khác nào nước lã đối với muôn loài vậy.

Tôi không muốn gấp lại những trang biên niên sử đặt trước mặt mình. Chúng ta đã bắt đầu bằng những chặng đường quá đẹp, chúng ta đã làm nên một khúc dạo đầu quá đẹp, ở đó cách mạng đồng nghĩa với cái đẹp. Những năm ấy là những năm một nhân dân với những phẩm chất tuyệt vời bỗng một hôm được đánh thức và xốc dậy bằng những trí tuệ và bằng những cốt cách cũng tuyệt vời.

Gần đây trên tuần báo *Văn nghệ* có đăng tải những bài viết của các nhà văn giới thiệu đôi nét về các làng cổ. Mục này được hoan nghênh, bạn đọc thích mà các nhà văn, các nhà nghiên cứu cũng thích. Điều này cũng dễ hiểu, trước hết là bởi cái làng Việt luôn luôn là mối quan tâm của mỗi người chúng ta.

Riêng tôi phải thừa thật thế này, do gặp những biến động xã hội lớn, năm 1955 tôi đã theo gia đình rời làng quê từ Bắc Giang về sống dưới thị xã Bắc Ninh. Bước vào tuổi trưởng thành thì đi bộ đội. Mười năm

chiến tranh tiếng là có qua mặt trận này mặt trận khác nhưng nhìn chung là vẫn quanh quẩn ở Hà Nội, thành người Hà Nội. Tất nhiên lâu lâu cũng có về thăm lại quê hương, nhưng bảo đã hiểu kỹ càng, đã cảm thông sâu sắc với cuộc sống nông thôn thì không dám. Làng quê giờ đây với tôi chỉ còn là nơi để nhớ thương mà thôi. Nơi ấy tôi đã gửi lại mồ mả ông cha, họ mạc lâu ngày thành xa ngái, bạn bè cùng lứa đều đã già, thoáng một cái đã nên ông nên bà, thoáng một cái đã người còn kẻ mất, mỗi đũa một phương. Mái nhà xưa chả còn, cây đa bến nước chả còn, cánh diều bay lơ lửng trên nền trời chiều chả còn, bụi duối già ngoài bờ ao, bụi cúc tần, bụi cây “ma thối cơm nếp”, cái điểm nghỉ chân ngoài đồng, cái vắn chỉ, cái ghè, đền miếu tất cả đều thành hoang phế, một lần biến mất không trở lại, ngay đến một tiếng chim cũng vắng.

Tôi cảm thấy thân phận tôi buồn thảm chẳng thua gì cái buồn xa xứ của ông Hạ Chí Chương ngàn năm trước. Khi làm thơ kể lể tình cảnh về thăm cố hương của mình, ông đã ngậm ngùi biết bao khi có mấy đứa trẻ trong làng hỏi ông là người từ đâu tới đây.

Tôi càng đánh giá cao những trang viết của đồng nghiệp bàn về cái làng Việt Nam xưa và nay. Và tôi mong còn được đọc thêm nhiều bài nữa, của nhiều người viết nữa. Nhất là những bài viết về cái làng Nam

bộ, cái làng Trung bộ, tôi thật sự thèm khát được hiểu thêm đôi chút về nó. Tuy nhiên, những bài báo tôi vừa đọc thấy cái làng Việt xưa được viết khá kỹ, mà cái làng Việt nay thì xem ra còn quá sơ sài. Hay là chỗ này còn có gì khó nói, hay là nó chẳng có gì để nói.

Chúng ta đang đứng trước những xô đẩy khắc nghiệt của cuộc sống hiện đại. Chúng ta nghe thấy những áp lực từ nhiều phía đe dọa sức sống văn hóa của dân tộc mình, bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Và như một thói quen lịch sử, lại một lần nữa chúng ta phải nghĩ đến cái làng Việt cổ. Nó chính là bàn đạp, là căn cứ của mọi quá trình cứu nước cũng như khởi dựng phát triển. Cái làng Việt chính là cái nôi tuyệt vời, chính là cội nguồn của mỗi người Việt Nam. Mọi tinh hoa dân tộc, sức sống của một nền văn hóa lâu bền, tinh thần của đất nước đều từ đây mà ra. Cho nên hỏi quê hương người Việt Nam là đâu thì ai cũng có thể trả lời ngay rằng quê hương người Việt Nam là ở cái làng Việt Nam. Cùng cố và xây dựng một cách toàn diện vững chắc cái làng, làm tươi đẹp đầm ấm cái làng đang là một hướng nhìn đúng, có tầm chiến lược. Cùng với bước đi của thời gian, cái làng Việt tất cũng phải không ngừng đổi mới, nhưng đổi mới thế nào để vẫn còn nó, ngày càng là nó, đây là điều mà chúng ta cần lo nghĩ. Đây là cả một công cuộc dài lâu,

bởi vì nó là một việc khó, đòi hỏi nhiều nỗ lực, trí tuệ và phải có một tình yêu lớn. Nó chính là tình yêu Tổ quốc, tình yêu dân tộc. Thiếu tình yêu sâu sắc và chân thật đó là khó mà làm nổi.

Tôi đọc những trang văn của các ông *Tự lực văn đoàn* thì thấy làng quê Việt Nam êm đềm quá, dễ sống quá. Đến lúc đọc những trang văn của những ông *Hiện thực phê phán* thì lại thấy u ám quá, quẩn quại quá, đọc mà thấy ghê cả người. Hình như ở đây cả hai trường phái đều đã bộc lộ hết cả mặt mạnh mặt yếu của mình. Hình như cả hai đều còn có chỗ chưa phải, đều thiếu một cái nhìn đầy đủ.

Bảo dễ sống, bảo đẹp thì đã dễ sống đã đẹp làm sao được, ai mà tin. Sau hơn nửa thế kỷ cách mạng dữ dội, quyết tâm là thế, vậy mà đến hôm nay vẫn còn chưa dễ sống, chưa êm đẹp nổi hưởng hồ là ở cái thuở thực dân phong kiến tôi đòi ấy. Nhưng bảo chỉ thấy rất những đen tối ngu muội, người chẳng thành người, ngợm chẳng ra ngợm thì cũng đâu có nghe được. Có thể ở một lúc nào đó, trong một bối cảnh nào đó, trước một yêu cầu nào đó mà phải tô đậm sự thật lên cho mọi người đều bức xúc uất hận chẳng, nếu thế thì còn nghe được.

Nếu cái làng Việt của chúng ta chỉ có thế thì làm sao sinh ra nổi một cụ Thủ Khoa Huân, một cụ Nguyễn Trung Trực, một cụ Phan Chu Trinh, một cụ Phan Bội

Châu, một cụ Nguyễn Thái Học, một cụ Hồ Chí Minh...
Làm gì còn có lịch sử. Họ đều đã từ cái làng Việt mà ra.

Chỉ tính suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ vừa qua, cứ khiêm tốn mà nói, từ tất cả các miền, mỗi làng đã đóng góp một đại đội, thế thì thử xem cả nước sẽ là bao nhiêu sư đoàn, và hiện giờ vẫn đang còn bao nhiêu bà mẹ, bao nhiêu người vợ ngồi trước thềm ngóng trông chồng con trở về. Thế đủ thấy cái làng Việt là sức người sức của, là kho lẫm tinh thần và vật chất của đất nước. Là sáng tạo kiêu hãnh của lịch sử. Nước nhà có tuổi thọ là mấy ngàn năm thì cái làng Việt cũng có tuổi thọ là ngần ấy. Cái làng Việt từng trải và chìm nổi như lịch sử dân tộc từng trải và chìm nổi.

Từ những mảnh đất nghèo ấy đã bước ra lớp lớp anh hùng, lớp lớp những người con dám ghé vai gánh vác mọi nỗi hy sinh nhọc nhằn, mọi thách thức hiểm nghèo để Tổ quốc ngẩng đầu lên. Đó là những tài năng và phẩm hạnh đủ để vượt qua bể bão, sóng to. Cũng từ những mảnh đất ấy đã bước ra không ít những kẻ láu cá gian manh, những tên phản bội sống không còn biết xấu hổ, không biết sợ một ai. Cái gan của nó cũng không phải vừa, nó là gan cóc tía.

Cho nên càng ngẫm càng thấy cái làng Việt là rất hay, nó vẫn đang là một câu đố lịch sử với mỗi chúng ta, những người cầm bút. Đây là một món nợ tinh thần

bắt mỗi nhà văn phải lo mà trang trái. Và cho đến giờ, trong cái đầu bã đậu của tôi mặc dù đã rất cố gắng mà vẫn không sao vỡ ra được một vấn đề lý luận, vẫn không sao hiểu nổi tại làm sao một đám người làm ruộng, từ những cánh đồng bước lên, cầm súng lao vào những cuộc chiến đấu vì độc lập tự do cho cả dân tộc, anh dũng là vậy, khôn ngoan là vậy, chiến công rực rỡ là vậy, ấy thế mà suốt cả một chặng đường dài luôn luôn bị nhắc nhở là cần phải khắc phục cái đầu óc nông dân lạc hậu, tầm nhìn thiên cận, manh mún.

Năm nay tôi đã vào tuổi sáu mươi, tóc trên đầu bạc nhiều rồi, đêm nằm ho sâu từng cơn. Nghe nói trời đang có rét hại tràn về, chắc mạ ngoài chân đê lại vàng úa. Mấy chục năm mới lại thấy có tuyết rơi trên Sa Pa, trên xứ Lạng. Nếu tôi nói suốt đời tôi vẫn đang ôm giữ một tình yêu dành cho một cô bé dịu dàng ở quê nhà, một tình yêu từ thuở lên năm lên mười, thì liệu có ai tin cho không.

*

Đối với mỗi người cầm bút, cái làng Việt giữ một vị trí rất đặc biệt trong suốt quá trình hình thành tính cách nhà văn cũng như sự bùng nổ sáng tạo.

Vào năm mười tám tuổi tôi bắt đầu viết những trang văn đầu tay, ở đó thấp thoáng hiện ra hình ảnh

những người thân, hình ảnh quê nhà yêu dấu và tuổi ấu thơ nhiều buồn bã của mình.

... “Lần ấy, vào một đêm sau trận mưa rào, anh tôi nháy ra khỏi giường, khề bảo tôi: “Em ngủ ngon nhé, anh ra ao đánh lờ”. Tôi nhóm dậy níu anh lại: “Nước đầy thế này ngập lờ mất, đánh làm sao được”. Anh tôi ấn tôi nằm xuống: “Cứ để anh đi, anh đặt ở ven ao”. Chưa bao giờ tôi thấy anh tôi dịu dàng như thế, dù vẫn biết anh yêu tôi ghê lắm.

Tôi theo anh ra ngoài sân. Trời ớn lạnh, vài ngôi sao lác đác mọc, từng đám mây màu khói thuốc bám trên nền trời. Tôi nghe có tiếng chó sủa mé đầu làng, phía bốt Sen Hồ pháo sáng “xi nhan” giặc bắn lập lòe xanh đỏ. Ra tới cổng anh tôi đứng lại ngập ngừng dặn: “Hễ u có dậy, bảo sáng mai anh sẽ về”. Tôi gật đầu khề vâng. Chưa bao giờ “vâng”, tôi chỉ quen gật đầu “ừ”, kể cả với u tôi cũng vậy. Ngày ấy mà vâng là cảm thấy ngượng lắm, bọn nhỏ xóm tôi đều thế cả, chẳng gì mình tôi. Anh tôi mang lờ đi rồi, tôi không vào giường ngủ nữa, ngồi bệt xuống thêm, nền đất ẩm lạnh cả người. Tự nhiên không hiểu sao tôi thấy lo lo, chưa bao giờ tôi cảm thấy như thế. Nhưng rồi tôi cũng ngủ thiếp đi, trong giấc mơ hôm ấy vẫn có những con cá rô lấp lánh quẫy trong bụng chiếc lờ tre cật.

Sớm ra khi tôi choàng dậy thì biết có chuyện gì quan trọng đã đến. Làng xóm kéo vào sân nhốn nháo, u tôi khóc không thành tiếng: “Khổ cho anh mày con ơi, ra với anh mày ở ngoài Gò Thần ấy, con bó u con đi con ơi...” Tôi hoảng hốt giật khỏi cánh tay u tôi, mếu máo chạy ra phía đầu làng. Gò Thần chen chúc những người, ai cũng buồn, ai cũng ngơ ngác, tất cả đều im lặng. Tôi chen vào, lăn đến bên anh tôi, anh tôi nằm ngửa, ngực đầy máu, đầu bết bùn, cái lò rô bẹp dí trong tay. Bấy giờ tôi chỉ biết là mình khóc, khóc to nhất. Dân làng chôn anh tôi ở đình Gò Thần, anh tôi nằm đấy vừa cao vừa đẹp. Riêng tôi chỉ tiếc thầm là sao cái ao làng rộng là thế mà vẫn xa nơi anh tôi nằm.

Anh tôi mất rồi tôi mới biết rằng đêm đêm, khi đặt lò đơm cá anh tôi vẫn thường đi thăm đường cho bộ đội ta qua vùng tự do. Anh tôi là liên lạc của du kích xã. Đêm ấy anh tôi cùng với chị Hiên bên xóm Đoài đi bắt liên lạc, ra đến Gò Thần thì gặp Tây phục kích, anh tôi bị giết, còn chị Hiên thì chạy thoát. Tôi khi ấy còn nhỏ, không biết mặt chị Hiên, bây giờ chị cũng không còn nữa. Chị ấy mất trong một đêm đưa bộ đội ta vượt sông Cầu.

U tôi thường nhắc với tôi một câu nghe như đã thuộc lòng: “Tội nghiệp, giá mà còn chúng nó... hai đứa yêu nhau là thế, cái Hiên chỉ kém anh mày mỗi một tuổi, vậy mà đám đáo đê”.

Tôi những lúc ấy thường im lặng, óc tôi xôn xao lên bao hình ảnh, những ngôi sao đêm lạnh lùng, những con cá rô lấp lánh quẫy, mùi thóc nếp và mùi hoa sen, tiếng chân chú cào cào đập lách tách trên cỏ, những đám mây đen trên nền trời và người chị gái vùng vẫy trong lòng sông đầy sao”.

Tôi đã thuộc lòng đoạn văn ngắn ấy, tôi sửa đi sửa lại từng chữ một, cân nhắc nhịp điệu từng câu, từng đoạn. Tất cả phải được đẩy tới chỗ hoàn mỹ, phải thật nhiều dụng công, sao cho cái tình sâu nặng của ta gửi vào trang sách có sức ngân nga mãi mãi cùng thời gian.

Lớn lên, tôi đã có dịp đi nhiều nơi, gặp nhiều cảnh ngộ, những trang viết dấy lên với không biết bao nhiêu chuyện đời, nhưng thỉnh thoảng hình bóng cái làng quê kia vẫn bất ngờ hiện ra trong các trang văn như thể chợt gặp lại một câu hát ngoài đồng vắng.

Rồi đến một ngày, giữa cái không khí gọi là đổi mới, các làng quê bị lôi cuốn vào một cơn lũ thời cuộc không thể cưỡng nổi. Nó thay đổi mau chóng cả về hình thức và nội dung, cả người và cảnh sắc. Ấu cũng là một tất yếu. Đã biết là thế mà trong bụng vẫn cứ thấy lo lo. Nhìn vào các khu công nghiệp đang mọc lên quanh các làng mạc, trên các xứ đồng, ta có cảm giác thật lạ lẫm thế nào. Thôi thì đã sắp mặt làm ruộng mãi rồi mà có sướng được đâu, khổ vẫn hoàn khổ. Cho nên hãy học

thiên hạ mà thay đổi cách làm ăn, thay đổi cách sống, phải tiến vào công nghiệp, phải bảo nhau công nghiệp hoá, thành thị hoá nông thôn, phải biết buôn biết bán, nhặt nhanh từng mớ tôm mớ tép đem đến những thị trường bên kia thế giới, rù rê bạn bè tứ xứ, xắn tay áo mở cửa mời chào họ. Ai cũng biết làm như vậy là hợp thời, lưỡng lự như mấy ông bà nông dân cũng còn thấy là phải, nghe cái giá cả đến bù ruộng đất trên đưa xuống chỗ này thì thấy là hợp lý, chỗ khác cho là còn rẻ, dẫu sao cũng vẫn là một việc đã đến lúc phải làm. Nhưng đến lúc mang thùng ra đo đạc thì bắt đầu có chuyện. Cái chưa ổn xảy ra lắm lúc tường căng thẳng, sự thật vẫn có thể giải quyết nhanh chóng được, nhưng nhiều nơi nghe chừng còn đang tiếp tục mù lúng túng. Dân biết, dân không chịu, nằm dài ra đấy, ở nhà không đi bầu Quốc hội, đi bầu Hội đồng nhân dân các cấp. Nhìn chung vẫn là mâu thuẫn trong nội bộ mà thôi. Nhân dân đòi được đối xử công bằng, trên biết thế nhưng chưa làm nổi, chưa làm nổi vì còn lắm nguyên nhân.

Chuyện ruộng đất xưa quý một khác mà nay quý một khác. Đằng sau cái tình đất tình người mà mấy nhà thơ thường hay băng khuâng, trên thực tế từ bao đời đất đai rành rành còn là chuyện miếng cơm manh áo, là no ấm hay đói rét, là chủ hay là tớ. Trong một trận đánh ở Điện Biên Phủ có anh chiến sĩ ôm bộc phá lao

lên, trước lúc giật nự xoè còn dặn lại bạn mình, mày tìm về làng tao, cày mảnh ruộng tao mới được chia. Đến lúc tất cả được lừa vào hợp tác xã, có anh nông dân ười rất thật thà, ngựa mặt lên giòi hỏi, thế là lừa à ? Có nhiều ông cán bộ to chịu khốn khổ chỉ vì thấy dân nhọc qua, thấy bà con không thể chỉ sống bằng mảnh ruộng năm phần trăm được mới đòi phải tăng lên vài chục phần trăm. Lại có ông nửa đêm mò xuống các làng bàn với dân phải khoán chui khoán trộm, những ông này lúc chết dân muốn lập miếu thờ.

Rồi từng đoàn nhà văn hăm hở tìm về các làng thâm nhập thực tế, bút máy cài ngực, sổ con cầm tay, có anh to lớn béo tốt lại râu tóc chẳng có, nom cứ như người ở nước nào vừa đến, nhưng lại nói được tiếng ta, mà nói thạo. Ăn cơm nhà chủ nhiệm, họp hành nhà chủ nhiệm, ngó lên mấy bức tường thấy toàn bằng khen và cờ đỏ, ngó ra đồng thấy ông chủ nhiệm khoát tay chỉ trò một thôi một hồi thế là năng suất hoá năm mươi tấn, phong cảnh thành tranh vẽ. Nghe thấy bàn luận với nhau toàn những chuyện cắt tai lợn, cho lợn ăn phân trâu chóng lớn, rồi gieo mạ trong sân, trồng khoai trên ụ... Có bà hàng xóm đứng sau cổng vói tò mò nhìn sang thấy ông nhà văn lúi húi ghi ghi chép chép bên thềm, dáng nom lạ lắm quá, mới chép miệng bảo, nhà ông kia đích thị là chuyên gia nước ngoài, không phải

người xứ nào đến ta thì tôi cứ xin các ông lãnh đạo cho tôi được đi đăng đầu xuống đất.

Đến hôm nay thì khác nhiều rồi, hết bao cấp rồi, cho nên việc lặn lội của anh em văn nghệ xuống các cơ sở xem chừng muốn khó, muốn đi nổi trước hết phải có ai nuôi ai rước mới được, mà thấy trên đạo này cũng ít hô hào động viên. Thế cũng phải, nếu những trang văn một khi đúng là cần thiết cho cuộc sống thì sự ra đời của nó thường cũng không mấy cầu kỳ như vậy. Vừa qua có một nhà nhiếp ảnh trẻ tuổi một mình một ngựa rong ruổi hết làng này sang làng khác chụp được cả gánh ảnh, toàn cổng là cổng. Những cái cổng rêu phong sương kính có sức giúp ta gợi nhớ đến cả một thời xa lắc, yêu thương gần gũi xiết bao. Có cái là cổng nhà, có cái là cổng làng, cổng đình, cổng chùa, cổng đền, cổng miếu. Nhiều cái cổng có cây si cây đa phủ rậm rồi mù trên nóc, nhiều cổng còn có cả tổ cò tổ quạ. Chuyển đi gần đây nhất khi dắt xe về đến nhà cậu liền lăn ra ốm, không buồn ăn ngủ, vợ con hỏi gì cũng chỉ lắc đầu ôm mặt khóc như cha chết. Thì ra người ta vừa phá mất cái cổng mà năm ngoái cậu đã chụp một bức được giải thưởng quốc tế. Trời đất ơi, có thế mà cũng khóc được ư, suốt thế kỷ vừa qua người ta đã nhân danh đủ mọi lý do để phá đi gần như sạch sẽ tất cả những gì mà tổ tiên đã kịp gửi lại cho con cháu. Còn như cái cổng cổ mà cậu còn

giữ được ảnh nếu nó không bị phá năm nay thì đến sang năm, sang năm nữa cũng vẫn có thể bị phá. Trẻ con lớn lên hoá chậ chội, mỗi đứa được cha mẹ chia cho một góc, đứa được mảnh vườn, đứa được chái bếp, đứa phải ra công mà ở. Cái công thành vô tích sự với một đôi vợ chồng trẻ đang cần có chỗ chui ra chui vào. Lại cũng có thể nhà ấy rừng mỡ vì trong túi có ít tiền bán đất, sắm một chiếc xe công nông, sau đó là đập phăng cái cổng cũ rách đi, thay vào đấy là một cái cổng mới hàng hoàng, cánh cổng phải có hoa sắt, hai trụ phải được ốp gạch men hồng bóng láng, như cổng nhà ông Phú Khiêm ngày xưa mới thích. Nhiều vấn đề bức xúc đã được đặt ra trong cuốn sách mỏng có tên là *Vấn đề dân cày* của hai nhà cách mạng Quan Ninh và Vân Đình viết từ 1938 đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự của nó. Mối quan hệ giữa ruộng đất và dân cày sau rất nhiều vật lộn có lúc tưởng đã vui, nay lại thấy hiện ra trên khắp nước như một cảnh báo nghiêm khắc. Chung quy nó đã được bắt đầu từ một cách lý giải mang tính nguyên tắc trong khi nhìn nhận vấn đề này.

Sau Cách mạng tháng Tám, chính quyền mới cần phải ban bố một sắc lệnh trước quốc dân đồng bào về quyền hạn và nghĩa vụ thuế. Việc ra văn bản này được giao cho Bộ Tài chính. Vừa hay trong Bộ lại đang có một thứ trưởng có học vấn, có chuyên môn cao, đã

từng tốt nghiệp cử nhân tài chính ở Anh quốc về, người đó là ông Trịnh Văn Bính. Vậy là ông Bính được giao trách nhiệm chấp bút. Ông Bính cứ thật thà căn cứ theo những gì mình đã được học hành mà xếp ruộng nương thổ trạch vào mục vốn tự có trong văn bản. Các nhà tài chính chắc còn nhớ đó là một văn bản lịch sử có tên là: *Tài khoản 001 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Văn bản thảo xong được trình lên cấp trên, mấy hôm sau ông Bính nhận được lệnh phải sửa ngay không được phép xem ruộng đất là vốn tự có. Phải chờ đến nhiều năm sau đó, khi ông Bính đã trưởng thành trong quá trình công tác mới có thể nhận ra được tầm quan trọng của vấn đề này, nó chính là cách mạng hay không cách mạng.

Gần đây, bằng cách nhìn đổi mới của thời kinh tế thị trường, ruộng đất thành hàng hóa, thành vốn tự có. Vẫn một mảnh đất ấy có thể giá rất rẻ mà cũng có thể rất đắt. Khi nó chưa được cấp dấu đỏ của nhà nước cho phép biến thành đất xây dựng thì nó còn rất rẻ. Vậy là đất trống trọt rẻ gấp cả trăm lần đất xây dựng. Không biết liệu có ai chợt nghĩ đến một lúc nào đó rất có thể dân ta lại thiếu gạo ăn, lúc ấy thì chắc chắn giá đất sẽ phải tính ngược lại. Lấp ló đứng sau những bờ ruộng ngoài cánh đồng giờ đây không phải là những người nông dân một nắng hai sương mà là những ai đó, trong số đó có không ít những người đang được gọi là cán

bộ, miệng nói như rỗng cuồn, nhưng xem binh tình này thì chẳng còn bao lâu nữa sẽ vênh váo bước ra đặt vào tay mỗi chúng ta một tấm các tự giới thiệu mình, có kẻ là ông nọ bà kia, kẻ thành cò quay dân đất, hót hải chạy lên chạy xuống, gầy gầy béo béo, tương vậy mà nhìn kỹ vẫn thấy gượng gạo nhón nhác thế nào. Ai dám cấm buôn cấm bán, nhưng hình như ở họ ít nhiều đã có lỗi với đất đai xứ sở.

Lại nhớ đến một tình hình không mấy dễ chịu mà Các Mác bằng thiên tài của mình đã từng khái quát, khi ông miêu tả bức tranh toàn cảnh nước Anh ở vào giai đoạn tiền tư bản, giai đoạn được gọi là thời kỳ phân công hóa lần thứ nhất. Ông viết: *Những nhà máy đua nhau mọc lên, những công trường mở ra, đường sắt đường bộ đường thủy chằng chịt, khắp nơi bến sông bãi biển ngã ba ngã tư là những thị trấn những phố xá, đất đai trồng trọt thu hẹp, đồng cỏ biến mất dần cừu chết đói, từ các làng mạc thôn dã lũ lượt từng đoàn người kéo nhau ra thành thị kiếm ăn, nạn thất nghiệp hoành hành, trộm cắp nổi lên, chính quyền bị phân hóa, một bộ phận lớn lưu manh hóa.*

Nhà nông ta có câu, *trâu chậm uống nước đục*. Lại có câu, *ăn cỏ đi trước lội nước theo sau*. Vậy chứ đây là chuyện lội nước hay là chuyện đi ăn cỏ? Muốn sao thì cũng vẫn cứ có quyền đặt hi vọng vào tương lai, vào chính những bài học mà lịch sử đã để lại cho chúng ta hôm nay.

Cái chuyện mái lều tranh hai trái tim vàng có lẽ mãi mãi vẫn chỉ là chuyện lãng mạn của một thời, hoặc chỉ là chuyện vớ vẩn trong một chuyến đi du lịch giấu diếm nào đó, chứ nếu ai đã sống một quãng đời dài dưới những mái nhà ấy thì thật không còn biết nói thế nào, nắng khổ đẳng nắng, mưa khổ đẳng mưa, lúc lụt lúc bão mới thật là cảm cảnh. Cho nên đành phải xin tạ lỗi với các nhà dân tộc học, với các cô các cậu trên tinh, vẫn biết làm thế này là chưa biết đến bao giờ cảnh quê hương mới nên thơ được, nhưng bà con giờ đây cũng cứ phải dành dùm dè xén để dựng lên những ngôi nhà xi măng, những bàn thờ xi măng, giường tủ xi măng, cốt thóc xi măng, đường sá mương máng xi măng và mồ mả cũng xi măng nốt.

Có một người Việt xa quê nhà đã lâu mới đây lặn lội về thăm họ mạc đã lấy làm lo ngại khi trông vào cái làng Việt và hỏi tôi, nó đang đi về đâu cái làng Việt của chúng ta. Tôi ngẫm nghĩ rồi trả lời, suy cho cùng thì sau tất cả vẫn cứ là rất mừng, vì nó đang cùng đất nước tự làm một cuộc lột xác để nó không còn là nó như những năm tháng vừa qua nữa.

Chỉ dăm năm nữa là nhân loại bước sang thế kỷ mới. Và chỉ mười lăm năm nữa là Hà Nội có một ngàn năm tuổi. Thì đã biết thời gian là vô lượng vậy mà vẫn không khỏi hồi hộp ngẫm nghĩ trước những bước đi của nó.

Giao thừa này xin đừng đốt pháo, mà cũng chớ cần lắm một canh đào, trong cái thời khắc thiêng liêng của một năm mới đang đến, không gì bằng sự tĩnh tâm nghĩ ngợi, bất kỳ sự âm ỉ vay mượn nào cũng là vô duyên và ngớ ngẩn.

1995, năm bản lề của một thập kỷ nhiều biến động khôn lường. Trong cuộc chạy việt dã đường trường của mình, nhân loại đang đến gần một giới hạn khó đoán định. Những đổi thay chóng mặt đã và đang xảy ra. Nhiều nhà nước sụp đổ, nhiều nhà nước ra đời, tám bản đồ chính trị hôm qua đã hóa lỗi thời, còn tám bản đồ chính trị hôm nay là chưa thể vẽ được. Thế giới đang bước vào một thời kỳ mất ổn định nghiêm trọng. Những vùng đất vùng người lâm than trong thiên tai dịch bệnh, trong nghèo đói và chiến tranh. Mặt người lạnh lẽo, mặt người dữ dằn. Người ta xô vào cắn xé nhau trong sự tan vỡ một niềm tin hoặc trong sự say mê điên cuồng một niềm tin. Chẳng có vị thánh nào là không đẹp bởi vì tất cả đều hiển minh nhân ái, chỉ có những kẻ đục nước béo cò là rất tội nghiệp. Sự thực, cho dù đã bay vào vũ trụ, ngẫm cho kỹ thấy con người vẫn chưa khôn lên được bao nhiêu. Hóa ra thành quách đền đài xếp ngổn ngang trên mặt đất cũng không mấy bền vững, hình như mọi sự kỳ vĩ cũng chỉ là rất vừa phải, những thành tựu tương lớn lao đang cũ dần cùng năm tháng. Một thời kỳ miệng người ta thường leo leo nhân quyền và dân quyền nhưng trong thực tế lại là một sự áp đặt thô bạo nhất, can thiệp thao túng thẳng tay nhất. Phảm hạnh mỗi con người rất dễ nhỏ bé ti tiện hơn chính nó có thể có và nền tự do của những dân

tộc đang phát triển không khéo dễ như những con thuyền gặp bão lớn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng đi tìm những giải pháp hữu hiệu, ngô hầu thoát ra khỏi sự khủng hoảng trầm trọng, nhân loại giờ đây vẫn đang sống nguyên vẹn trong ngôi nhà Ba-bi-lon, ở đó, ai cũng nói nhưng không ai hiểu nổi ai và một tiếng nói chung vẫn đang còn là một mơ ước.

Là vì chưa biết trân trọng thật sự quyền sống, quyền được tồn tại của nhau. Là vì không chịu nhớ rằng mỗi dân tộc đều có một nguồn gốc văn hóa riêng, mỗi con người đều có tổ tiên, có mồ mà ông bà, có quê hương bản quán và không một thứ khoa học kỹ thuật nào có thể làm mất đi đời sống tinh thần của nó. Sau tất cả mọi khốn khó mà nó đang phải nếm trải, có lẽ con người sẽ biết trút bỏ nhiều thứ rối rắm nặng nhọc và bước sang thế kỷ mới một cách giản dị và trang trọng, với một đời sống nội tâm phong phú, với ánh sáng tâm linh, trong một tình yêu thương trong sạch nhất.

Trước cửa niết bàn, Đức Phật từ bi bảo con người rằng, này người kia, người đã lặn lội qua bể khổ nay đến được niết bàn rồi đó, hãy bỏ con chó của mình lại và bước mau vào đi. Con người thưa rằng, con đã ngụp lặn trong bùn tối cùng nó tới chốn này, nó không còn

là chó mà nó đã thành người bạn cùng sống chết của con, vậy nếu bạn con phải ở lại thì con đâu dám bước vào. Đức Phật mỉm cười, thế mới đúng là Phật, cửa niết bàn đã rộng mở đón con và bạn con.

Yêu thương là nghĩa như vậy. Cái mà con người đáng mang theo, phải mang theo trên đường đời xa lắc cũng chỉ nên có vậy. Đó chính là tiếng nói chung của loài người. Ngoài nó, mọi thứ khác đều bất cập, đều vô lối và vô đạo lý, do đó mà hóa ra không cần thiết.

*

Đã có nhiều cái hôm qua đúng mà hôm nay thành sai, và ngược lại đã có nhiều cái hôm qua là dở mà hôm nay lại là hay. Vậy từ nay về sau là sao đây? Ngẫm cái khôn cái dại của loài người cũng là chuyện có thể hiểu được câu các cụ thường chép miệng nói “chó dại có mùa người dại quanh năm”, là rất nhân tình thế thái. Chỉ đến khi biết mình đã dại mới là lúc hết dại mà thôi. Cho nên ở một phương diện nào đó có thể xem lịch sử loài người còn là cả một chuỗi dài những lầm lẫn thường xuyên.

Với từng con người cũng không khác là mấy. Nó đã làm được rất nhiều sự kỳ diệu trong đời nó nhưng nó cũng có thể sinh ra lầm lẫn điều gở. Thần thánh cũng

là nó mà ma quỷ cũng vẫn chỉ có nó. Chính từ những bài học kinh nghiệm, những bài học của sự từng trải, của sự trả giá đắng cay mà nó đã lần lần khôn lớn. Cho nên người xưa đã dặn, chớ ai sinh ra đã hay ngay, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh.

Cũng giống như kiếp người, một nhà nước đã có năm mươi năm từng trải là một nhà nước đã ở vào cái tuổi tri thiên mệnh. Nghĩa là tất nhiên nó phải có đủ bản lĩnh cầm lái, đủ sự nhìn xa trông rộng để đúng đắn nhiều, lầm lẫn ít.

Thử nhìn nhận một cách công tâm, ai cũng có thể thấy rõ. Tốt nhất là hãy nhìn vào thực tiễn, ở những gì đã làm và sẽ còn làm.

Có hai việc đáng kể. Một là về đối ngoại. Nhờ đánh giá xu hướng chung của thời đại mà chúng ta đã mau chóng từ đối đầu chuyển sang đối thoại, mau chóng cải thiện từng bước tình hình trên nguyên tắc giữ vững độc lập dân tộc, mạnh dạn hòa nhập, làm bạn với tất cả các nước. Hai là đã chân thành bắt tay vào thực hiện sự nghiệp đổi mới, xem đây như một sự nghiệp sống còn của nước nhà, đổi mới, đổi mới toàn diện trên mọi mặt kinh tế, văn hóa và chính trị.

Nhờ vậy mà chính quyền nhân dân, nền dân chủ nhân dân đã vượt qua những thử thách hiểm nghèo.

Lòng tin của nhân dân đặt vào Đảng là thước đo đáng tin cậy nhất, chính xác nhất. Cái con lắc lịch sử đầy nhạy cảm đó giờ đây vẫn đang giao động với một tần số đáng lo ngại. Trong đời sống dân tộc có những vấn đề được đặt ra một cách thường trực, khắc phục nghèo đói, kiếm công ăn việc làm, dạy dỗ con trẻ, phấn đấu để giảm bớt sự chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị, giảm dần chi số lạm phát, nâng dần chi số tăng trưởng của nền kinh tế... Không ai nghĩ đó là những việc có thể làm trong một sớm một chiều, nhưng cũng không ai dám đặt hy vọng của mình vào một chỗ quá ít độ tin cậy.

Quả có những vấn đề hết sức nhức nhối, những vấn đề không một ai lúc này có thể làm ngơ, đây là nạn tham nhũng và tệ quan liêu, là sự tha hóa nhân cách của nhiều cán bộ, ở mọi ngành mọi cấp.

Trên thế giới, nhiều nước người ta xem đây là một quốc nạn, còn ở ta thì nó đang thật sự trở thành một hiểm họa thách thức sự tồn vong của cả một thể chế. Do đó vấn đề cán bộ đang được đặt ra như một đòi hỏi bức xúc, nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Một thách thức không thể lẫn trốn, một nhiệm vụ ngặt nghèo trước một chứng bệnh ngặt nghèo. Chừng nào chưa làm được việc đó thì lòng tin của nhân dân chưa thể có đủ cơ sở để trở nên bền vững và nếu vậy đã bàn làm sao

được cái thế đứng lâu dài cho một dân tộc ở thế kỷ tới. Đã có thể lường đến một tình thế đậm chân tại chỗ, nghe ngóng và biến báo. Đã có thể lường thấy đây là một thời kỳ không thể bảo nhau làm nổi việc gì cho ra đầu ra đũa, nhìn vào đâu cũng thấy như mình đang bị lừa, như sắp bị mất cắp và không một việc gì khi xong đã có thể gọi được là hoàn tất. Cái đuôi con cáo cứ lòi ra không sao giấu nổi.

Bạn tôi viết “Đất nước lách mình đi qua những que diêm dễ cháy” và “Mẹ tôi gạt cỏ bước lên”... Niềm rung rung ấy mang được vào thơ là lấy từ những gấn bó máu thịt tìm thấy từ những yêu thương lớn.

Trong cuộc sống của mọi người cũng vậy thôi, sống lằm lũi giữa đời thường nhưng tấm lòng thì không thể tầm thường. Người mỗi ngày một sinh sôi, mỗi ngày một đông đúc, cái đói cái rét là dễ gặp, là sự phân phát rộng rãi không cần tem phiếu. Ấy vậy mà đất đai thì chỉ có thế, đất đai ngày một bị thu hẹp và không hiếm nơi trở nên cằn cỗi. Mặc cho các nhà sinh học loay hoay khám phá, mỗi hạt thóc vẫn cứ chỉ cho ra một bông lúa, được mùa thì lúa đầy, mất mùa là lép. Mà còn mất mùa nhiều, còn rất nhiều giông bão, rất nhiều lũ lụt nước dâng ngập đồng. Cũng như lửa vậy, lửa rất dễ bùng cháy. Lo có ngày đất rừng chẳng còn rừng nữa.

Thiên hạ nuôi ta suốt một đời mà ta nào đã nuôi nổi thiên hạ lấy một ngày. Trong khi cần phải đến đồng vắng sửa mình làm thành một vẻ đẹp trí tuệ cho đời thì ta lại sà vào giữa đám đông chầu chực một lưng cơm lẫn cám. Người xưa dạy “cần kiệm liêm chính”, Chúa Giê-su khuyên nhủ các thánh tông đồ của mình, “các ngươi là muối mà các ngươi còn không chịu mặn thì ta biết lấy gì muối các ngươi”! Đã phải than thở thế là lúc đạo đến chỗ khó. Đạo chỉ có thể vượt lên là nhờ ở những người giữ được đạo. Hóa ra mọi sự còn mất xưa nay đều trông vào con người.

*

Trong trời đất, muôn loài đang sống động đều có mang nhịp điệu riêng của nó, để mất nhịp điệu cũng có nghĩa là chấm hết. Một tiếng gà gọi sáng là nhịp điệu làm ta bừng tỉnh và đủ xao xuyên cõi lòng.

Năm Cách mạng tháng Tám những ai cùng tôi vừa đầy một tuổi? Năm chúng ta lấm láp bùn đất ôm cò đi vào Sài Gòn những ai cùng tôi ở tuổi ba mươi? Những ai giao thừa này cùng tôi thức nghe tiếng gà văng vẳng gọi sáng và ngẫm xem tuổi năm mươi của mình đang đi qua như thế nào?

Sự thăng trầm của một kiếp người là rất hữu hạn,

nhưng sự thăng trầm ấy có thể thành cái lâu dài và có ích khi nhịp điệu của nó như những con sóng hòa vào nhịp sống chung của dân tộc.

Với mỗi cuộc đời bình thường, để có nhịp điệu chi cần có tình yêu cuộc sống. Nhưng với một dân tộc, để có nổi một nhịp điệu như nhịp điệu mà chúng ta đã tìm thấy từ suốt nửa thế kỷ vừa qua là cả một sự dũng cảm xốc dậy, là nhọc nhằn và rất xa xăm. Đây là một sự nghiệp lớn, là điều hòa âm dương, là thấy ánh nắng từ trong bóng đêm, là lường tính có cái lạnh lùng từ lúc tiết trời đang còn ấm áp và thấy những rủi ro quái gở sẽ đến ngay từ lúc đang còn bình yên.

*

Giêng hai lá bánh khúc lất phất trắng ngoài đồng, hoa cúc đại ngất ngơ vàng ven đường lên biên giới, hoa chạch chịu nhọc nhằn lấp ló suốt những bãi bờ dọc miền Trung và lục bình chìm nổi trên những dòng sông phương Nam.

Hơi thở của đất trời, nơi bắt đầu những mùa xuân là đó chẳng.

Quả bom Mỹ lần đầu ném xuống Hà Nội trong chiến tranh phá hoại đã rơi vào phố Huế mùa Hạ 1967, còn những trái sau cùng là những chùm đã trút xuống khu Khâm Thiên vào đêm tháng Chạp 1972. Những năm ấy gần như vòm trời trên đầu chúng ta lúc nào cũng xanh đến nóng ruột. Người Mỹ thích đặt tên cho các chiến dịch, hồi đánh dọc Đường 5 họ gọi là *Sấm rền*, còn đánh Hà Nội thì được gọi là *Biên lửa*. Đấy đâu phải là những từ văn vẻ, nó là một sự thật. Hậu phương miền Bắc những năm đó đã nằm trong bom

trong lửa, là một mặt trận lớn. Mục đích cuối cùng của những cuộc tiến công ấy là nhằm triệt phá tận gốc ý chí thống nhất của một dân tộc, là bắt nó phải chịu khuất phục bằng vũ lực.

Hà Nội nói nhiều trên các loa phóng thanh báo động, nói gay gắt bằng máy bay, tên lửa, các cỡ súng phòng không ở mọi hướng. Nhưng dưới các mái nhà, trong các căn hầm chật hẹp, Hà Nội rất kiệm lời.

Cũng vào những năm tháng sôi sục đó bộ đội Phòng không náy ra sáng kiến đưa súng máy lên đỉnh cầu Long Biên. Đúng là đối mặt với quân thù. Có cả thảy tám khẩu 14 ly 5 được đặt trên tám nhịp. Những người lính trẻ quê quán gần như đều ở các làng trong vùng châu thổ sông Hồng. Họ thay nhau leo lên leo xuống một ngày vài ba lần, lấy cơm nước, tắm giặt, khi lên khi xuống đều dặn dò nhau đừng có nhìn xuống dễ chóng mặt. Lại đang giữa mùa đông, đứng ở trên cao mới thấy gió lạnh lửa dữ lắm. Có bà mẹ mò lên tìm thăm con, bà cụ cứ ngẩng mặt lên gọi con mà ràn rụa nước mắt. Nhiều gió quá, gió thổi tấp măt cả tiếng mẹ tiếng con. Chưa kịp đánh trận nào bỗng lại có lệnh tháo gỡ cả xuống, trong một vài ngày phải mang hết súng vào trong thành phố, đặt lên những nóc nhà vững chãi nhất, chẳng hạn như nóc Học viện Thủy lợi, nóc Hội trường Ba Đình, nóc nhà băng, nóc Nhà hát Lớn, ở một

nóc ngôi nhà dân trong Hàng Buồm cũng thấy có một khẩu. Nghe nói đây là theo lệnh của Bác. Người gọi đồng chí chỉ huy lên và bảo, “làm sao phải thế, cho các cháu xuống”.

Ở bên đường Cổ Ngư mé hồ Tây cũng thấy có đặt một trận địa nôi. Hàng mấy trăm chiếc thùng phuy được ken xít vào nhau bằng những sợi cáp to, bên trên lát ván. Bình thường không sao, nhưng mỗi lần nổ súng cả người và pháo đều nháy lên, chao như chao vông. Đó là những khẩu 37 ly phục ở đây để đón lõng máy bay bay thấp. Đêm nào anh chính trị viên cũng xách đèn bão đứng trước hàng quân xác định nhiệm vụ, chúng ta ở đây là để bảo vệ các cơ quan Trung ương, bảo vệ cầu Long Biên, nhà máy điện Yên Phụ và chùa Trấn Quốc.

Trong chùa Trấn Quốc lúc đó có bếp anh nuôi, lại thêm một đơn vị công an kéo ra ở nhờ nhà chùa, phải tới một trung đội. Ban ngày thấy họ ngủ, họp hành cũng ít, nhưng đêm đến là gọi nhau đi mất hút, sáng bánh tưng tốp lần lượt quay về. Chỉ có thể nói là hết sức bí hiểm và quan trọng.

Vị sư trụ trì tuổi đã cao lắm, đôi mắt già nua nhuộm màu sương khói. Cụ thường ngồi tiếp chuyện tôi bên thềm nhà trai, trong tay là một chiếc chày gỗ và một chiếc cối gỗ nho nhỏ. Hôm thì thấy cụ già vài lát

gừng, hôm lại thấy cụ già nắm lá tía tô, kinh giới. Một lần tôi hỏi, thưa cụ sao trong chùa lại có treo tấm đại tự với hai chữ Trấn Bắc. Cụ thùng thảng hỏi lại, anh cũng có chữ Hán. Cháu chỉ lôm bôm vậy thôi, thuở bé ở nhà quê đến trường học quốc ngữ, về nhà vẫn phải học thêm Hán tự, cháu là một thứ đồ bùn cụ ạ.

Nhà sư già gạt chiếc cối gỗ sang một bên quay vào nhà trong mang ấm chén ra thêm pha trà mời tôi cùng uống. Cụ thêm nói chuyện. Giọng cụ nghe thều thào lúc xa lúc gần, nhiều lúc đang nói cụ bỗng ngừng lại nghĩ vẩn vơ đâu-dâu, tôi đoán rằng những lúc đó cụ đã quên bẵng là có tôi đang ngồi hầu chuyện.

Đây là lần vua Minh Mạng ngự giá ra Bắc Hà, ngài có tới thăm chùa này và đã hạ thánh chỉ cho đổi tên chùa là Trấn Bắc. Đã có Huế là kinh đô rồi thì ngoài này cái gì cũng phải xuống cấp. Cũng như khi Gia Long lên ngôi thì Thăng Long được gọi là Hà Nội. Vùng đất có cái thế rồng chầu hổ phục nằm ở giữa trời giữa đất, vùng đất có cái thế rồng bay, bỗng chốc chỉ còn là một cái tên nôm na tầm thường, đất trong sông. Cho nên Bà Huyện Thanh Quan mới có thơ, “dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, thành cũ lâu đài bóng tịch dương”. Anh có tưởng tượng nổi khi bóng chiều phủ xuống bờ thành ngoài cửa Tây, cửa Bắc kia nó khiến ta nao lòng đến thế nào không. Năm Tây lấy thành Hà Nội lần đầu, hình

như là năm 1873, cụ Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn ở bụng trong lúc đốc quân kháng cự, vào cuối trận đánh, thấy thế ta đã núng lăm rồi, cụ bèn gọi người con trai dìu cụ lên bờ thành, để nhìn thành phố một lần nữa. Cụ là tướng giữ thành, phải chết ở trên thành. Tây lấy được thành nhưng tự liệu thấy chưa giữ nổi, chưa sống yên được bèn rút ra ngoài, phải mười năm sau đó, là Giáp Tý 1884 chúng mới quay lại lấy thành lần thứ hai. Lần này thì ở hẳn, thiết lập nhà nước thực dân. Với dân mình đó là quãng mười năm mang rất nhiều tâm sự. Quan giữ thành là cụ Hoàng Diệu. Lúc mất thành là vào buổi chiều, cụ một mình bước vào Võ Miếu thắp hương khăn vái nhận lỗi trước tổ tiên rồi tuần tiết bằng một dải lụa bạch. Trước hai cụ ít lâu Hà Nội còn có một quan Tổng đốc nhân cách cũng lớn lắm, đó là cụ Trần Bích San. Cái chết của cụ có lẽ chỉ có con cháu trong nhà mới rõ thực hư. Rất nhiều năm sau người ta vẫn đồn thầm rằng cụ đã nuốt đầy giấy bản vào ruột mà chết. Năm ấy cụ tròn ba mươi bảy tuổi, là một trong sáu người được vua Tự Đức cất cử làm đại diện Nam Triều qua Pháp thương thuyết. Nói là thương thuyết nhưng thực là sang để cắt ba tỉnh miền Đông Nam bộ cho họ. Biết vậy cụ Trần bèn chọn lấy cái chết cho mình. Cụ Phan Thanh Giản là trưởng đoàn thì không thoái thác được, sau đó về nhà nhục không chịu nổi

cũng uống thuốc độc mà mất. Cụ Nghè Trần Bích San đỗ Tam nguyên năm hai mươi nhăm tuổi, được giữ lại trong triều làm quan luôn. Tuổi trẻ tài cao, về sau dễ gặp sương giá nghiêm trọng. Lúc nghe tin con trai đỗ đầu cả ba kỳ thi, thân sinh của cụ là cụ Nghè Trần Doãn Đạt đã ôm mặt khóc rồi làm một bài thơ gửi vào Huế dặn con trai. Thơ có câu: “Hữu thức vô nan nan thức đáo. Vô danh bất hoãn hoãn danh phù”. Làm một người có hiểu biết không khó, khó là thành một người hiểu biết thấu đáo. Vô danh không hèn, hèn là những kẻ mang danh hão, hư danh. Các cụ đều đã giữ trọn danh tiết, để lại tiếng thơm muôn đời. Phải gánh vác việc nước vào lúc nước suy là cầm chắc gặp nhiều nông nổi cay cực, cay cực không sao thổ lộ được cùng ai.

Hiện nay trước cổng gò Đống Đa vẫn đang lưu giữ câu đối của cụ Nghè Liên làm. Lấy cớ trùng tu Trung liệt miếu tưởng niệm công lao hiển hách của Quang Trung, nhưng kỳ thực là các cụ còn muốn gửi vào đây những tâm sự của các trí giả trong thời mất nước. Đó là lời điệu, là những buồn thương, những uất hận và niềm kiêu hãnh của con cháu trước vong linh các bậc liệt sĩ đã ngã xuống trong hai cuộc chiến đấu giữ thành Hà Nội. Là muốn gửi gắm vào đây một niềm tin bất diệt về sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Câu đối ấy đọc là: “Thù thành quách thù giang

san, bách chiến phong trần dư xích địa - Vi nhật tinh vi hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên". Dịch là, thành quách giang sơn trăm trận đánh gian lao như được thu cả về khoảnh đất nhỏ này - Tâm sự mười năm ấy tưởng vậy mà cũng đủ để sống mãi cùng non sông, trời đất, trăng sao.

Xem đấy để biết không có cái đau nào bằng cái đau mất nước. Không có tủi nhục nào đáng sợ hơn tủi nhục mất nước. Có nước mà không biết giữ, đến lúc để sênh tay thì chỉ còn có cách nhìn nhau mà ngậm ngùi. Thật quả là trở trêu, đến lúc ấy chỉ một cô me Tây cũng đủ làm đảo điên tất cả. Anh có biết ai đã đứng ra mộ phu phá thành Hà Nội hồi cuối thế kỷ trước không. Đây là nhà chị Tư Hồng. Một cô gái vùng đồng chiêm Phủ Lý đi mua gà về bán cho Tây, rồi lân la thành vợ một viên quan Ba. Tây tổ chức đấu thầu phá thành, chị ta dự thầu và trúng. Thiếu nhân công thì về làng mộ lấy vài trăm giai đình. Chỉ mấy tháng chị ta đã phá tan cả bốn bờ thành, số gạch mang ra xây dựng cả dãy phố cửa Đông. Vào lúc vận nước đã xuống bao giờ cũng thấy có lắm sự lố lằng kỳ lạ.

Ta hãy cứ nhìn vào hai chị em bà chúa Chè đủ rõ. Quyển binh nghiêng thiên hạ, họ coi cái đất kinh kỳ này không bằng một con muỗi. Cho nên mới dám hô đám kiêu binh mắc mùng giữa ban ngày ban mặt, giữa

đường giữa chợ để mà vật con gái người ta ra. Ghê
gớm thật, con người ta khi được thời được thế là dễ
sinh ra nhiều tệ hại, nó là những vết nhơ nhuốc rất khó
gột tẩy, là nguồn cơn chuẩn bị cho con cháu mỗi khi
bước ra đường không còn dám ngẩng mặt lên. Cũng
bởi biết con người ta là lắm chứng tật cho nên người
xưa thường khuyên, “quân tử nép tường mà đi”.
Người xưa dạy ta sống một ngày là giữ sạch mình một
ngày, là khiêm cung nhân ái, chẳng ai dạy ta sự bừa bãi
cẩu thả.

*

Một lần cụ dặn tôi, trong những ngày cả nước lâm
nguy thế này, bận thì bận, nhưng bận mấy có dịp anh
vẫn cứ nên làng vắng tạt qua những nơi vốn vẫn được
gọi là chốn xưa cảnh cũ của Hà thành. Những chỗ ấy
giờ sắp hóa phế tích cả rồi, tuy vậy vẫn còn giữ được
nhiều dấu vết của cổ nhân, đủ để đời sau ngẫm ngợi.
Đây là những pho sử tường tàn mạn mà rất công phu,
được đặt giữa trời giữa đất, đặt trước mắt tất cả mọi
người, mọi thời, nhiều khi nó còn toàn bích hơn cả
những pho sử được cất giữ kín đáo trong cơ mật viện
của các triều đại đã đi qua. Tôi thuở trẻ là người cũng
ham đọc kinh sử, đọc rồi gấp sách lại nhìn ra ngoài đời

bổnng giết mình mà hiểu ra rằng mình chỉ còn có mỗi một con đường nấp nhờ cửa Phật là hay hơn cả.

Lúc xây đền Ngọc Sơn trên hồ Gươm, các bậc khoa bảng cân nhắc mãi vẫn không biết nên rước ai vào thờ ở chỗ ấy cho phải nhất, sau cùng các cụ bảo nhau hơn hết thầy chỉ có đức thánh Trần mà thôi, cũng từ cái đức lớn của Ngài mà cụ phó bảng Nguyễn Văn Siêu mới ghi ra được mấy câu đề ở cổng trong của đền: *Luận sự thường tồn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch, vi văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sinh thư hùng*. Khi xem xét việc đời nhớ là phải lưu lại lấy một chút lòng trung hậu, chớ có riết róng chuyện đúng sai quá, văn chương thì phải tránh dùng những lời khinh bạc cao ngạo, càng không nên hoa mỹ son phấn mà làm gì.

Rồi anh lại phải qua Văn Miếu. Đó cũng là chỗ linh thiêng huyết mạch chẳng kém gì hồ Gươm. Có nhiều chỗ bị tàn phá xây cất lại mấy lần, chỉ riêng chỗ ấy là thấy mỗi thời lại được xây dựng thêm một ít. Đến thời Nguyễn thì trong Huế có Văn Thánh, cũng là văn miếu cả đấy. Tuy vậy, vào thời Minh Mạng các cụ ngoài này vẫn tiếp tục cho xây Khuê Văn Các. Khuê Văn Các mới có từ đó. Ở trong nhà Văn Miếu giờ vẫn đang để ba chữ "Tập đại thành". Thế nào là Tập đại thành đây? Đây là mấy chữ được rút ra từ sách *Luận Ngữ*, "Tập tiên thánh chi đại thành". Nghĩa là phái học kỹ lưỡng, học

tất cả các bậc hiền triết trước mình, không trừ một ai. Anh thử tính xem, cùng thời với Khổng Phu Tử còn có biết bao các vị khác nữa. Khổng Phu Tử chỉ là thánh chi thời, còn có Bá Di là thánh chi thanh, Liễu Hạ Huệ là thánh chi hòa, Y Doãn là thánh chi nhậm... Vô khối người lớn giúp ta khôn lớn trưởng thành, ở đời đừng có một mực chỉ biết tới cái này mà không thấy còn có cả những cái kia. Hai thời Lý - Trần có nhiều thành tựu lớn, khoan dung mà mạnh mẽ, đó là một sự khai mở vĩ đại, tạo ra được nhịp điệu khai mở như thế quả là đã mang lại cho dân tộc một hồng phúc. Tìm ra được một nhịp điệu ấy tất nước nhà lúc đó chắc chắn phải có nhiều bậc cao minh, lòng dạ sáng như ngọc. Chỉ thế mới có thể hiểu thấu nổi cái chân lý đơn giản, trong cõi đời vốn đã có cái này nhưng vẫn còn có cả cái kia. Trong quy mô rộng lớn đến vô chừng của ba vạn sáu nghìn thế giới nhà phật cũng vậy, có cái này nhưng vẫn còn có cả những cái kia. Cái này và cái kia nó chính là sự toàn vẹn và chính nó làm nên nhịp điệu hòa thái muôn đời. Đã không đủ sức bao dung ôm nhận thử hỏi làm sao có thể gọi được là lớn. Cái nghèo cái khổ suy cho cùng chưa phải đáng sợ nhất, cái đáng sợ nhất có lẽ là sự tầm tối, nó mới chính là cái nghèo nhất trong mọi cái nghèo. Nam mô A di đà Phật, xin ngài đại xá, đã chúng sinh ắt khó tránh khỏi vô minh.

“Thăng Long phi chiến địa” là lời sấm của cụ Trạng Trình, nói thế để can mấy ông họ Mạc, họ Nguyễn chớ có cố chấp tranh giành mãi với Lê Trịnh, mỗi nhà hãy tìm một phương mà mở nước, dựng nước. Chữ bảo phi chiến địa, là không có đánh nhau thì không phải, chả có cuộc chiến nào đến hồi quyết định lại không diễn ra ở đây, thế mới ác liệt.

Cũng như bảo người Tràng An là thanh lịch thì cũng đâu có sai, nào có thiếu gì kẻ sĩ, thiếu gì hiền tài ở chốn này. Anh cứ thử lội dọc dòng Tô Lịch mà đếm, thời nào cũng có thể gọi ra vài chục đấng bậc. Vậy suốt mười thế kỷ cả thành Thăng Long này sẽ là bao nhiêu. Rất nhiều. Họ từ bốn phương tụ họp về, mỗi người mang theo hào khí một miền, một gốc rễ, chung đúc nên hào khí Thăng Long. Cụ Trần Bích San người trấn Sơn Nam Hạ, nay là Nam Định, cụ Nguyễn Tri Phương người Thuận Hóa, cụ Hoàng Diệu người xứ Quảng, lại còn có những vị vốn là gốc Chàm, gốc Châu Mân, Châu Liêm, đời này qua đời khác, con cháu về sau cũng có nhiều người hiển vinh.

Nhưng về một lẽ khác mà nói, phàm đã gọi là đất kinh kỳ thì không tránh được chuyện chín người mười làng, cho nên đất Tràng An cũng còn gọi là đất kẻ chợ.

Gọi là người Tràng An thì thiên hạ quý trọng lắm, mà bảo đây là người kẻ chợ thì họ thấy e ngại. Chưa chắc giàu đã sang, chưa chắc mũ cao áo rộng mà không ngồi xổm ăn bốc. Có những ông tổng đốc ra tổng đốc nhưng lại vẫn có những ông bất quá cũng chỉ như một viên lý trưởng ở một cái làng quá nhiều thượng thư, tuần phủ.

Anh xem cái thú chơi cây thế có bác học không. Cây có rất nhiều thế, mỗi thế mang một ý nghĩa, một cốt cách riêng. Cây thông thẳng đứng là thế *trực, minh* *minh cô cao đa liệt phong*, nó chính là tư chất của người anh hùng giữa cuộc đời nhiều giông bão, nhiều sóng gió mây mù. Cây thông quằn quại bám vào vách đá mà ngoi dậy là thế *tà, khô tùng đào quái ý tuyết bích*, nó là biểu tượng của một ý chí phi thường, một bản lĩnh sống phi thường, đầy thách thức và bất chấp. Tương là tình cờ như không mà thế nào vẫn phải ra thế ấy, rất rành mạch, có vậy mới gọi là biết chơi, kẻ đã không biết mà toan đua đòi thì tội lắm, cây nhiều tiền ôm về những bụi cây thân cành xoắn tít, uốn éo rối loạn, nom ngỗ hay lắm mà thực tình là nhảm nhí. Rong đâu có bay lượn như vậy chứ, đó chính là đã rơi vào thế *địa lợi*. Với những người sành cây thế, một khi cất gọt nhầm lẫn, để cái cây của mình sa vào thế *địa lợi* thì chỉ còn một cách là vứt vào bếp làm củi. Nói cho cùng, cứ để các nhà sinh vật cảnh mặc sức thì thối vẫn không sao

bén được gót các cụ ta xưa. Hãy nhìn, xung quanh hồ Tây là những rừng bàng bát ngát, làng nào cũng bàng, ngõ nào cũng bàng, đường nào, sân nào cũng bàng. Những vòm cổng dưới bàng, những hiên nhà dưới bàng, cầu ao bờ giếng, đền miếu chùa chiền đều nấp dưới những tán bàng. Và áo the khăn xếp, nón thúng quai thao, khăn vuông mỏ quạ, áo dài tứ thân, yếm trắng bao xanh, tất cả đều hiện ra thấp thoáng dưới những rừng bàng. Cây bàng mùa hạ lá xanh ròn, mùa đông lá đỏ, mùa ra lá có cái đẹp của mùa ra lá, mùa rụng lá lại mang vẻ đẹp của mùa rụng lá. Chao ôi, chơi đến thế là tuyệt vời lịch duyệt, mà lại gần gũi giản dị biết bao nhiêu. Đây là chơi giữa trời đất, sống giữa trời đất, sống cùng trời đất.

Chiều ấy tôi tạ từ nhà sư bước đến nhô ra khỏi cổng chùa. Sóng vỗ ì oạp lên bến đá. Ở đằng xa, chỗ mây nước một màu, trong sương lạnh đàn sâm cầm đang vừa đập cánh vừa chín chít gọi nhau. Một ngày yên bình hiếm hoi giữa thời khói lửa. Không gian im ắng, chứa đầy vẻ phấp phồng cảnh giác. Những chiếc xe "Gát" kéo theo những khẩu pháo không trum bặt chạy từ trong thành phố lên đê sông Hồng. Những người lính mặt mày gầy xác, xống áo lấm bụi, đầu đội mũ sắt ngồi đứng lổ nhổ trên các thùng xe. Cầu Long Biên đã bị gãy mất một nhịp từ mấy hôm trước, cầu

pháo Chương Dương vừa bắc xong. Cánh lính pháo di chuyển trận địa. Anh em công an cũng được lệnh chuyển vào nội thành. Ngôi chùa trở lại vẻ tĩnh mịch vốn có của nó.

Mấy năm sau ở chiến trường ra tôi có trở lại nơi ấy, muốn tìm gặp nhà sư lấy một lần nữa nhưng cụ đã quy rồi. Ông cụ đã hạc giá vân du về chốn xa xăm như người ta thường nói. Tôi đứng lơ đãng trong mảnh vườn vắng vẻ sau chùa, nơi đặt mộ chí của chủ vị đã tịch diệt. Mỗi trường lão lúc sắp qua đời đều tự lo cho mình một cái tháp gạch, cái thì cao, cái thì thấp, cái nọ nấp sau cái kia, nhìn chung vẫn có cùng một kiểu dáng, bốn mặt đều có chữ Phật đắp bằng xi măng tô sơn đen giữa nền vôi trắng. Vì các vị không cho khắc tên riêng của mình nên tôi đành chịu không thể rõ ông cụ giờ đang nằm ở đâu trong khu vườn đó. Tôi đốt một nắm hương thơm mang chia lè ra cắm xuống chân từng cây tháp. Tôi bỗng tự hỏi vậy là nhà sư già buổi ấy đã chuyện trò cùng tôi hay Hà Nội ngàn năm tuổi đã chuyện trò cùng tôi.

Ngoài đê con nước đang lên cao. Những cơn gió từ hai bờ đất cứ thổi mãi vào lòng tôi những vui buồn muôn thuở.

Đầu đó trong các trang hồi ký của Vũ Hoàng Chương, của Tô Hoài đều thấy các ông có nhắc đến một cái làng ở rìa thị xã Bắc Ninh, gọi là làng Niềm Xá. Đoạn đường sắt chỗ ấy có hai ga cách nhau chừng vài cây số, ga Thị Cầu là ga chính, ga Bắc Ninh là ga xép. Có một dạo ông Vũ Hoàng Chương đã làm *Ký ga xép Bắc Ninh*, đứng trên sân ga nhìn thấy cái làng Niềm lô xô cổng ngõ, lô xô mái ngói tường hoa, từ ga bước ra chỉ mất vài bước chân là tới. Những lúc các ông thấy buồn bực muốn chạy trốn khỏi Hà thành là các ông liền nhớ

ngay đến ông ký ga họ Vũ và lập tức gọi thêm Nguyễn Tuân, Đinh Hùng cùng nhau vùng dậy khăn áo gió đưa. Chi cần nhảy lên một toa tàu hạng thường, vượt qua sông Cái một đoạn đường ba chục cây số là đã gặp bạn quý, là đã sa vào làng Niêm, ở đó đang có những cô Hồng, cô Tuyết hát hay đàn ngọt, đẹp người đẹp nết, ăn nói mặn mà, ra vào ý tứ. Nghĩa là cô đâu cũng có năm bảy loại, cô đâu hát khác cô đâu rượu, cô đâu đâu phải là gái làng chơi, họ vẫn có đủ cái sang trọng của họ. Đó là một lối chơi thanh tao, có lễ lối, có cung bậc, có khúc thức. Càng ở chốn ăn chơi lại càng phải biết bảo nhau giữ mực thước, nếu không tất cả sẽ hóa xoàng xĩnh, hóa thô lậu, tất cả sẽ mau chóng tụt xuống một tình thế nát như cám lộn. Cho nên có những ông tuần phủ, tri huyện vẫn dám mang những cô đâu về làm vợ bé nhà mình, điều đó không có gì lạ, đây là sự trọng nhau về tài, quý nhau về nhân cách. Rất có thể chính mình mới là quân đều cán, là kẻ bạc tình, là những thằng hèn, mà người ta thì lại vẫn có đủ sự thủy chung, nhân nghĩa. Cho nên cũng lại phải tùy trường hợp cụ thể để mà bàn, có thể mới có thể để cho các ông sau hàng nửa thế kỷ đi tung hoành khắp thiên hạ đến lúc phải đặt những dòng cuối cùng của đời mình vẫn thấy phải nhớ về nơi ấy, phải nhắc đến bóng dáng của những người đàn bà ấy với tất cả sự thương mến và trân trọng.

Lớn lên, tôi có một thời thích lang thang trong những xóm ngõ của làng Niêm để tìm dấu xưa, hay đứng ngẩn ngơ trước một cái cổng lớn có đắp chữ Nho làm đại tự, có mảnh sân lớn lát gạch Bát Tràng, có ao sen, có hòn non bộ, có bóng hoàng lan, hỏi liệu đây có phải là nhà bà Hồng, bà Tuyết ngày xưa không, người ta lắc đầu bảo đây là nhà ông Phán Cư, con cháu giờ đang ở bên Pháp, bên Mỹ không thấy ai buồn về nhòm ngõ nữa. Có muốn tìm nhà bà Hồng, bà Tuyết là phải đi tới cuối ngõ, chỗ ấy xưa kia một tháng là ba mươi ngày đèn lồng đuốc hoa, đàn nhị tưng bừng, hương thơm ngào ngạt, nó là thứ có sức dẫn dụ những ông dâm xấn tay áo đốt cả giòi, giò tan nát còn gì nữa đâu. Thời đại mới, phải nhìn đây là dấu vết sa đoạ, buồn tui của chế độ cũ, ánh sáng cách mạng đến là xua tan bằng hết, xóa đi bằng hết mọi tăm tối đói nghèo. Tôi vâng rồi bỏ đi.

Gần đây lại thấy nhiều nơi tổ chức hát ả đào, quan chức đến dự đông lắm, gọi là câu lạc bộ phục hồi vốn cổ dân tộc. Tôi hỏi liệu hát ả đào có phải là hát cô đầu ngày xưa không? Các chuyên gia nghệ thuật bảo, đúng là nó đấy, nhưng để tránh tiếng cô đầu mới gọi một tên khác của nó là ả đào, thế thôi. Có một thời mình đã hiểu lắm xem cái gì của ngày xưa cũng là hồng tuốt, nay nhìn lại mới thấy là có khuyết điểm với cha ông, nhiều lúc chúng

ta đã nhân danh cách mạng mà làm liều đủ thứ, có khi lôi nhau ra đấu tố, bắn vào mặt nhau trước tòa án nhân dân cũng vì mỗi tội thẳng này suốt đời chỉ mê mẩn *tom chat, hát xướng*. Tôi lại vâng, rồi bỏ đi.

Sau nhiều năm tháng khốn khổ giờ là lúc đã đổi đời rồi chẳng, cho nên thấy hội hè lại nhiều, quanh năm mở hội, làng nào cũng hội. Hội hè xong lại quay sang tố cáo nhau, kiện cáo nhau, cũng vẫn chỉ là chuyện hơn thiệt, ăn chia không đều. Có làng năm nào mở hội là năm ấy có người chết, người làng ít chết nhưng người lạ kéo đến xem hội chết nhiều, là do đông quá, xe pháo chạy xiên xẹo, đường xá của thiên hạ hôm ấy bị làng chiếm giữ không thể lách lên nổi. Vong lọng kiệu cáng ngổn ngang, mỗi làng mỗi lệ, có làng quy định phải rước ảnh Bác Hồ và cờ đỏ sao vàng lên trước, sau đó là các vị chức sắc trên ngực đeo nhiều thứ huân chương, lại có làng cứ theo lệ cũ, sau cờ thần cờ thánh là tới các bô lão tám mươi, rồi nam phụ lão ấu, chiêm trống vang lừng, mũ phớt kính râm, quần lá tọa, áo vét-tông, miệng nhai trầu bồm bồm, phụ nữ thì áo dài tân thời, áo dài tứ thân phấp phới xanh đỏ, mặt mũi bôi phấn son loang lổ chỗ trắng chỗ đen, trông chẳng còn nhận rõ ai vào ai, họ dắt nhau đi đều đặn qua đền này miếu nọ. Lúc làm lễ tế, làng này thì khấn Nam hải đại vương, làng kia thì khấn Man nương thánh mẫu, người

đứng tể nguyên là đại tá sư trưởng, bí thư thường vụ đủ cả, họ mặc áo thụng xanh, mũ cánh chuồn, xò ủng cao su đánh xi bóng loáng để được giống như người xưa đi hia, đi hài. Phùng phùng chen lẫn như một đám rước trong một vờ tuồng, một đám đông ngô ngọng, bơ vơ, một cuộc tập hợp tương thiêng liêng mà thật hết sức thiếu nội dung. Đây chính là sự thả nổi, sự bất lực, là hiện tượng mê sảng ở các vùng quê sau nhiều mệt mỏi, những tương đã có lúc sáng sủa lên được.

Bản sắc dân tộc không phải thế, lại càng không thể xem đó là tiên tiến được, chỉ có thể xem nó là sự lại gạo của những tàn tích tăm tối từ ngàn năm xưa vẫn đang chôn giấu kỹ trong lòng dân trí nước nhà.

Những năm còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, khi đọc Ngô Tất Tố, tôi thấy những bài báo của cụ hay hơn là các tiểu thuyết của cụ. Lại thấy cuốn *Lều chông* hay hơn cuốn *Tắt đèn*. Cuốn *Tắt đèn* được nhà văn viết ra bằng nhiều tâm huyết, bút pháp sắc sảo đến mức điêu luyện. Các tình tiết được gọn lọc và sắp xếp theo một nhịp độ dồn dập, nhiều kịch tính. Đó là những trang hiện thực mang tính luận đề cao. Sách giáo khoa ở bậc trung học đã trích giảng phần cuối của tiểu thuyết này, nó được đặt tên là *Tức nước vỡ bờ*. Ở đây xung đột đã được đẩy dẫn lên cao trào, chị Dậu hoảng hồn vùng thoát khỏi vòng tay của lão già nhà

quan dân dục, trước mặt chị chỉ thấy một màn đêm đen kịt như mực. Ai cũng hiểu đó chính là tình cảnh người nông dân ta trước cách mạng. Vừa qua, trong một giờ văn ở Nha Trang, có một em gái đã đứng lên hỏi thầy, liệu như vậy chị Dậu có phải là một người ác không, chị đã giữ được cho mình tiết hạnh nhưng lại để mặc chồng bị trói, con phải mang bán. Thầy cũng chưa được hướng dẫn phải trả lời trò ra sao. Cuộc sống ở các miền quê trước kia đã vậy mà nay cũng không khác hơn được là bao, xem chừng còn lắm nan giải.

Có thể có nhiều chị Dậu như cụ Tố từng thấy ở vùng quê mình ngày đó, nhưng đến hôm nay, sau gần ấy năm với biết bao thăng trầm tôi lại thấy vẫn còn có rất nhiều chị Dậu ở quê cụ, mà tấn bi kịch ở đây lại đang đi theo một chiều khác hẳn, còn đáng sợ hơn nhiều. Tôi không rõ, nếu ngày đó cụ Tố không ra đi sớm như cụ đã dám ra đi thì giờ đây liệu nhà văn sẽ tính sao cho hợp tình, hợp lý ở bộ tiểu thuyết nông thôn mà cụ phải viết.

Trong làng Niềm tôi có một người bạn tên là Đỗ Hữu Hải. Anh vốn là một chú liên lạc của cơ quan Nông hội Việt Bắc trong những năm kháng chiến lần thứ nhất, sau đó anh được gửi qua học bên Quế Lâm, về nước được cử lên dạy học trên Yên Bái. Khi chuyển về xuôi anh đã có một khoá làm Phó Chủ tịch Ủy ban

Hành chính thị xã Bắc Ninh. Anh Hải là một cán bộ trong sáng, bụng dạ thành thật và tất nhiên là rất tin yêu cách mạng, vậy mà một hôm đến chơi nhà tôi anh nói, mình định bán nhà đi đâu thì đi, chán lắm ông ạ. Làm sao mà chán, một đời theo cách mạng giờ phải giữ lấy chữ nhân mà sống chứ. Nhân lắm rồi, nhưng sợ nhân thêm thì trẻ hồng mắt, quanh nhà tôi đang có đến mấy ổ điếm, rồi tiêm chích đủ cả, chúng nó đứng trong cổng nhà mình làm chuyện bậy bạ. Là nhà văn, có bao giờ ông nghĩ một cuộc cách mạng triệt để sau cùng vẫn rất có thể hoá thành một cuộc đảo chính hay không? Thế thì còn phải đợi xem cái đích mà nó đến là thế nào. Tôi cũng đang nghĩ không khéo giá trị đáng kể nhất của một cuộc cách mạng vĩ đại sau cùng có thể chỉ là dăm bảy bài hát hay, nếu thế thì thật buồn.

Một ngày tôi dậy sớm hơn mọi ngày, lững thững đi bộ vào nhà anh Hải, lúc đến lối nhỏ sau tường nhà anh thì bỗng có một bóng áo lụa đỏ, quần đùi chèn bám ở phía sau. Rồi cái bóng hồng đó lướt lên trước tôi, chạm vào người tôi. Một con bé chừng mười lăm mười sáu, mũm mĩm trắng trẻo. Nó nhoén cười hỏi, chú định đi đâu giờ này. Chú cứ đi thôi, chưa định đến đâu cả. Nhà cháu kia, chú vào nói chuyện cho vui. Đứng đây một lát nữa, bố mẹ cháu làm nghề gì? Bố cháu hy sinh trong Nam từ lâu rồi, mẹ cháu đi buôn đường biên, bà

ấy hẳn có khi không về nữa, định sang Thiểm Tây làm vợ cho cả ba bố con một nhà họ Tăng đào vàng. Cháu sống thế nào? Cháu bán hai đứa con rồi, mỗi đứa năm triệu, con cháu đẹp lắm, đứa nào cũng ba cân hai. Nó là con những ai? Làm sao mà nhớ nổi. Vậy cháu có buồn vì nhớ các con không? Buồn là buồn thế nào, cháu là đứa không biết buồn từ lâu rồi. Chú là nhà văn mà lần thân thế, theo kịp làm sao được bước đi của thời đại, bị cuộc sống bỏ tụt hậu là cái chắc. Xem ra mày đọc sách cũng nhiều. Cháu nằm ở nhà không có khách là mang sách ra đọc, thích nhất là chuyện *Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài*.

Hôm đó tôi nói với anh Hải, thôi anh dọn đi chỗ khác là phải, nhưng định đi đâu nhi, làm sao mà tìm nổi một chỗ tạm gọi là sạch sẽ dưới gầm trời này? Anh Hải ngồi rũ ra trước thêm một lúc rồi lắc đầu, rất khó.

Nói như Bác Hồ đã nói, cách mạng là lương tâm, danh dự và tình cảm thì giờ đây chúng ta còn phải phấn đấu với một nỗ lực rất lớn. Chúng ta đang đứng trước một hiện thực nhiều gay gắt, chỉ những ai ít tinh thần trách nhiệm mới dễ yên lòng. Cách mạng chưa bao giờ đồng nghĩa với những toan tính ma giáo quý quyết, bản chất của nó là trung hậu. Ma quý nằm ngay trong lòng người, ma quý luôn luôn có xu hướng ám ảnh và tìm đủ cách đánh lộn sòng nhằm làm rối loạn

các giá trị, đó là nguy cơ thường trực lúc gần lúc xa, đòi hỏi những người còn gắn bó thiết tha với sự nghiệp chung không thể không cảnh giác. Những lúc như thế này ta lại thêm một lần nhớ đến lời dạy của Bác: *Tin tưởng ở ai, tin tưởng ở nhân dân, tin tưởng vào tương lai của dân tộc.*

Sách Phật có nói đến phép *Lục thông*: một là *Thiên nhãn thông*, có thể nhìn xa nghìn dặm. Hai là *Thiên nhĩ thông*, có thể nghe xa nghìn dặm. Ba là *Tha tâm thông*, có thể biết người khác nghĩ gì. Bốn là *Túc mệnh thông*, có thể biết cả kiếp trước của người khác. Năm là *Thiên túc thông*, có thể đến bất kỳ nơi nào trong chớp mắt. Sáu là *Lậu tận thông*. Vậy *Lậu tận thông* là gì, phép này thì Phật mới có, và Phật chỉ giao cho người lương thiện vào những lúc cần thiết, không bao giờ Phật giao nó cho ma quỷ. Nhân tiện cũng xin thưa, giống như ma quỷ đang ở trong mỗi người, Phật cũng đang ở trong mỗi người. Trong chùa là ông Thiện, ông Ác tả hữu mỗi ông mỗi bệ. Trên hai vai người có quỷ có thần. Đó là một cặp đối lập song sinh và trường tồn hết sức sinh động, sinh động hơn tất thảy những cái ta thường hay gọi là đấu tranh giai cấp.

Từ phép thứ nhất đến phép thứ năm thì ở người, ở Phật và ở ma quỷ đều có ngang nhau, nhiều lúc ma quỷ còn mạnh hơn cả Phật và người. May mắn làm sao

lại còn có phép thứ sáu. *Lậu tận thông* mang những năng lượng dư sức xóa sạch mọi mưu ma chước quỷ, cho dù chúng ghê gớm đến như thế nào. Nôm na mà nói, phép thứ sáu là quyền năng của riêng Phật, nó có vị thế đặc biệt giống như quân *phăng teo* trong một cỗ bài tây vậy.

Bởi thế *mi* chỉ có thể lộng hành đến một lúc nào thôi, đến một mức nào tất *mi* sẽ bị *phăng teo*, thế là chấm hết. Phật đã thấu hiểu mọi nhẽ đời, Phật đã lường tính mọi lẽ xa xăm và để con người còn phải tiếp tục lịch trình lăm thử thách của mình, lâu lâu Phật vẫn giao cho con người cái quyền năng giản đơn mà vô cùng màu nhiệm ấy.

Đó là quyền sống bất khả kháng, quyền sáng tạo bất khả kháng, quyền đi tìm chân lý bất khả kháng và đó chính là *Chân Thiện Mỹ*.

Sự thật, ngay từ những buổi đầu Cách mạng tháng Tám trong tay mỗi người dân Việt đều đã cầm sẵn cái quyền năng đầy kiêu hãnh này rồi, bởi vậy mà tinh thần của cuộc cách mạng mới được hiểu là sẽ còn sống mãi.

Sau gần ba tháng ngồi trước đèn, sách vở ngập bàn, đêm Hà Nội nóng hầm hập như trong một cái lò nướng bánh, với chú mèo nhị thể bé bỏng lúc nhảy lên bàn quờ chân vỗ lấy tay tôi mỗi khi tôi động bút, lúc lại nhảy xuống chiếu lăn lộn giằng xé những tờ bản thảo đen kịt chữ vút rải rác đó đây, tôi kịp rút ra một kết luận nho nhỏ, càng viết càng thấy bơ vơ, càng thấy cô đơn và những đêm thức mới dài rộng yên ả làm sao. Đây là những đêm không có nhiều lắm trong một đời văn, đây là cái bơ vơ trong lúc đi tìm kiếm, cái cô đơn

không hề lè loi của một kẻ yêu chúng bạn và gần bó thiết tha với nghề, nó là sự cô đơn pha chút kiêu ngạo. Nhà văn rất nên có những khoảng trống bơ vơ đó, phải có nó để tự đẩy mình nhảy vào dòng xoáy của sự sáng tạo đầy bí mật, thật sự là hết sức nhọc nhằn. Một lần đi vào là một lần tuần nạn, một lần bước ra là một lần hồi sinh, nhà văn đón nhận cơn gió từ cõi nào thổi tới giống như người thợ lò nhoai người lên mặt đất đón nhận lấy luồng gió tươi.

Cái công việc mà chúng ta đang theo đuổi vốn từ bản chất đã rất thân phận rồi, trong *Văn chiêu hồn*, Nguyễn Du đã dành riêng một đoạn cho các văn nghệ sĩ *Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý, Dấn mình vào thành thị lân la, Mấy thu lìa cửa lìa nhà, Văn chương đã biết đâu là chí thân, Nơi hàng quán gặp tuần mưa nắng, Vợ con nào nuôi nấng kiêng khem, Vội vàng lật sấp chôn nghiêng, Anh em thiên hạ lảng giềng người dung.*

Ở những câu thơ ấy của Nguyễn tôi tìm thấy nỗi buồn trong tình thương yêu con người của ông. Tôi nghe thấy hơi mưa ẩm ướt trên vạt cỏ may ngoài đồng, vè sương kính của rặng cây sau mùa hái quả. Lấp ló đằng kia, sau những thân cành gãy guộc là một trái hồng treo lơ lửng đỏ lựng như máu, đỏ như một nhát chấm phá xuất thần của họa sĩ tài năng nào trong bức tranh ẩn tượng.

Một chuyến về thăm quê giữa xóm nghèo trên vùng núi Lục Ngạn tôi đã gặp trái hồng như thế. Sao các cháu không trẩy, tôi vừa ngẫm nó vừa lơ đãng hỏi đám trẻ, mấy đứa cùng nhao nhao trả lời, quả hồng diên, quả hồng ma, chát lắm không ai ăn nổi.

Nhưng đúng là nó rất đẹp, rất thảng thốt khơi gợi. Trong vẻ đẹp của nó chứa đựng nhiều bất thường, nhiều vô lý và có lý, như chính nghệ thuật vậy. Lâu lâu trái hồng ma ấy lại hiện về trong tâm tưởng tôi, có sức ám ảnh dai dẳng, có thể tôi còn phải cất công nhiều lần tìm về cái xóm hẻo lánh kia để gặp lại nó. Một câu thơ hay cũng có sức ám ảnh hệt như vậy.

Tôi cũng biết có một nhà chị nhiều lúc ngủ mà nước mắt vẫn tuôn lã chã trên gương mặt. Chị là một cô gái Hà Nội đẹp, đến giờ vẫn còn những nét đẹp, vào những năm đời sống nhiều khó khăn, sống bằng tem phiếu là chính chứ không hẳn đã sống bằng tiền, tôi thấy chị vẫn có ý cố gắng để sự ăn mặc của mình không nhuốm vẻ tiều tụy. Chị muốn cho xung quanh nhận ra vẻ đẹp thách thức đó ở mình, chị muốn mình phải yêu được mình cái đã. Một chiều đông, tôi gặp chị từ nhà mình ngoài khu tập thể bãi Phúc Xá đi vào trong phố, chợt nhận ra chị đang khoác một chiếc áo nhung đen may quá khéo, đường khâu đường lượn quá khôn ngoan, tấm thân mảnh mai của chị sau tấm áo ấy hiện

lên làm tôi xao xuyến. Tôi nói khê, hôm nay chị đẹp quá. Chị cười sung sướng, chú biết không, nhà có cái vỏ chăn nhung cũ tôi quyết định mang giặt rồi phá ra khâu lấy cho mình một cái áo rét, mùa đông thành phố mình thật tuyệt, đàn bà con gái chúng tôi không được phép để Hà Nội lam lũ thêm chút ọ.

Chín năm cùng gia đình đi kháng chiến, nay Hà Giang mai Tuyên Quang, đến lúc hòa bình trở về thì ngôi nhà lớn ở phố Tràng Tiền được sung công, do Nhà nước quản lý. Chị vinh dự được tuyển vào đứng sau quầy sách tiếng Pháp trong cửa hàng quốc doanh sách ngoại văn. Thật trớ trêu chỗ làm việc ấy lại chính là ngôi nhà mà chị đã gửi những năm tuổi thơ mình ở đó. Chị em trong tổ công tác ngày ngày cùng chị ra vào nơi ấy, thấy ngôi nhà càng gần lâu càng thích mới chép miệng bảo, may theo được cách mạng chúng tao lấy làm lạ.

Nếu chỉ thế thì làm sao đã phải khóc, nhiều người đang còn gặp những oái ăm gấp trăm lần mình. Cũng là muốn để có Chủ nghĩa xã hội, mỗi người cần phải biết tự giác hy sinh, phải biết dẹp bớt cái chủ nghĩa cá nhân nó luôn ẩn náu trong lòng mỗi người như một kẻ thù nguy hiểm.

Chị chỉ khóc khi anh ngã xuống ở mặt trận Quảng Trị mùa hạ năm 1972. Đêm nào chị cũng khóc mà lại

khóc trong mơ. Khóc là thực mà mơ là giả. Gian nhà trong khu tập thể buồn vắng từ ngày ấy, ngoài kia là sông Hồng gió thổi qua những bờ mía xào xạc, những con đom đóm bay trên mặt sông suốt đêm, đàn vò với những đôi cánh mỏng manh nổi lênh bênh trên sóng vào lúc sớm ra.

Anh là một cán bộ trung cấp của quân đội, hai người thương nhau từ mùa đông Hà Nội sáu mươi ngày khói lửa. Anh mang mũ ca lô, áo trấn thủ, súng trường có khắc hai chữ *quyết tử* ở báng gỗ. Đạo đó chị được bổ sung làm nữ cứu thương tự vệ Thành, tới phường Cửa Đông nhận nhiệm vụ thì gặp anh. Lúc đó anh đang cùng các đồng chí của mình đào một tuyến hào thông từ dây nhà này qua dây nhà khác. Anh bảo độc lập trở về, Thủ đô sẽ được xây lại hết, sẽ phải đập phá bằng hết tiếc gì mấy dây phố ọp ẹp này.

Một đêm cuối năm, sắp Giao thừa thì chị được lệnh mang túi thuốc đi theo mấy chiếc cáng thương binh ra bãi giữa sông Hồng, rồi lại theo mấy chiếc cáng đó lên đênh trên những chiếc thuyền thúng tìm vào làng Thổ Khối. Sáng hôm sau chị nhận ra là có cả anh đang nằm bất tỉnh trong số đó, anh bị gãy đùi vì một mảnh đạn cối, chị kéo chắn che mặt cho anh khỏi nắng gió. Khi anh tỉnh lại hỏi đây là đâu thì đã là đất Phố Yên, cửa ngõ của Việt Bắc. Ngày anh lành lặn trở về

đơn vị, chị đã ngồi khâu tặng anh một cái túi dệt bằng vải bạt, thêu vào đó một dòng kỷ niệm *Nhớ Hà Nội làm tròn nhiệm vụ*.

Chị biết anh là con thứ của một gia đình đông con, nhà đâu ở mạn Yên Phụ, cũng chưa bao giờ chị lặn lội lên vùng đó, chỉ càng thêm thương một chàng trai con nhà nghèo, thông minh mà chả được học đến nơi đến chốn. Những năm còn nhỏ anh đứng làm chân kéo phông màn trong rạp hát Hàng Bạc, lớn thêm một chút được chọn đóng những vai phụ trong các pho tuồng cổ tích Tàu. Chiêng trống vang lừng, quân reo dậy đất, cò quạt phất tứ tung, *Bớ quân bay, dạ dạ*. Anh trợn mắt nghiêng rằng, chân đạp rầm rầm xuống sàn sân khấu, hát bằng giọng mé khiến lòng người nghe xót như bị sát muối: *Thổ tận can tràng, Dây xích xiềng trời chặt chí bình sinh, Con gió bụi sống qua ngày khó nhọc*.

Cái chết của Khương Linh Tá trong vở tuồng ấy đã vện vào anh. Đêm đêm chị vẫn gặp bóng anh hiện về, anh đứng ở cuối giường, cổ không đầu, hai tay ôm khư khư cái đầu mình bọc trong tấm vải dù trắng đầm máu trước ngực, con mắt nhòm ra chớp chớp.

Ờ đời có lắm cách chết, nghĩ mà thương. Đạo Nhật đạo chính Pháp, chị đã tận mắt chứng kiến một sĩ quan Nhật và một sĩ quan Pháp đổ thân vào nhau mà chết. Người Pháp rút súng lục, người Nhật rút gươm, súng

nổ thì guom cũng kịp bổ xuống. Cả hai đều đang còn rất trẻ, họ nhảy vào nhau như hai con hổ đói, chẳng nói chẳng rằng. Cảnh tượng đó xảy ra ngay trước cửa nhà chị, trên đường Tràng Tiền vào một sớm phố xá vừa mới mở cửa hàng cửa hiệu. Người Pháp từ trong Restaurant Bô Đê Ga bước ra, người Nhật vô tình ở đâu ngang qua đó, thế là không kịp tránh nhau, lại không ai chịu lép để nhường đường cho ai, giá họ chịu lún nhau lấy nửa bước chân thì đã chả có chuyện gì. Trong đời chị mới chỉ thấy người Nhật là ghê gớm. Ngày họ làm lễ giao nộp vũ khí cho quân đội đồng minh chị đã rủ mấy người bạn gái cùng đến xem, bãi chợ Hôm đông chật người, có mặt rất nhiều võ quan Tàu Tướng. Lính Nhật đứng thành hàng thẳng tắp, bại trận gì mà anh nào nom cũng sát khí đằng đằng. Viên quan Nhật hét lên mấy tiếng rợn người, đám lính của ông ta liền hét theo, rồi họ lần lượt bước lên quăng súng làm thành mấy đống to như những đống củi. Đám Tàu Tướng hoảng hồn, khi nghe tiếng hét thì cầm đầu bỏ chạy thành thử các chị đứng xem lại là người chứng kiến cảnh quân Nhật đầu hàng.

Quốc khánh mừng 2 tháng 9 năm ấy chị cũng có mặt ở Quảng trường Ba Đình để nghe Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập. Anh ấy, chồng chị sau này, đứng làm hàng rào tiêu binh dưới chân kỳ đài. Chị đi điều

hành trong đoàn nữ sinh cứu quốc, lúc đó có cả chị Lê Xuân là con gái bác sĩ Chương cùng đi, nhà bác sĩ Chương ở chỗ ngã tư đường Quang Trung - Trần Hưng Đạo bây giờ. Oai hùng làm sao là dàn kèn đồng do ông Quán Liên chỉ huy, lúc tấu bản nhạc *Tiến quân ca* nghìn người như một đều ngẩng đầu lên, giơ tay lên đề cù Hồ trông thấy mình.

Anh kê cho chị nghe câu chuyện sau Tuần lễ vàng cù Hồ và cù Huỳnh đã tìm đến nhiệm sở tướng Tiêu Văn ở gần Cửa Nam. Hai cù ngồi đợi rất lâu trong phòng khách mà hấn không chịu ra tiếp. Cù Huỳnh bèn đứng bật dậy, chống mạnh cái ô xuống nền nhà làm vỡ cả viên gạch lát. *Tu về thôi, nhục lắm cù ạ.* Cù Hồ đứng lên thưa lại, *Xin cù hãy vì việc nước nhà mà nán thêm chút nữa.* Cả hai lại ngồi, lát sau Tiêu Văn từ trên gác khệnh khạng xuống, chưa kịp ngồi thì cù Hồ đã đứng dậy chỉ tay vào mặt mà bảo: *Các ông đòi Chính phủ Việt Nam phải cung cấp thêm gạo, chúng tôi đến nói là không có gạo, một cân cũng không có, vì dân chúng tôi đang đói. Nhưng chúng tôi cũng nói để các ông biết là chúng tôi có vàng, chúng tôi có thể cho vàng để các ông rút quân về.* Đây là lần hai cù đến để đuổi đám ô hợp ấy cút đi.

Nhiều lần chị đã nói với tôi là chị biết nhiều chuyện về những ngày gian nan của buổi đầu dựng nước, những năm tháng lắm nhiều nhưng hỗn loạn,

lắm hiểm nghèo nhưng cũng không ít tự hào. Nếu chú muốn viết một bộ tiểu thuyết tràng giang về cuộc cách mạng tháng Tám thì phải hỏi chị. Để chị kể cho mà nghe. Tôi trả lời chị rằng, để viết lại những chuyện ấy đối với tôi là không khó, cái khó nhất đối với tôi là chuyện phải viết làm sao cho xứng với những dòng nước mắt đêm đêm vẫn đang chảy trên gương mặt chị.

*

Tôi thường tự hỏi, nên nói luân hồi hay phải nói là luân hồn mới phải. Một gã điên là tuyệt đối đi vào vô thức. Một giấc mơ là thuộc về miền siêu việt, nó là một cấu trúc lạ mang tính phi thường, một lực lượng mang dáng hình khác được gọi là thức giấc. Ở đây bộ máy thần kinh con người chẳng qua cũng chỉ là một thân xác hữu hình, là chỗ trú ngụ tạm thời của bản thể. Thật rất khó nói ra bằng lời, chính chỗ này là phần việc mà văn học nghệ thuật cần phải gánh lấy. Văn học nghệ thuật với những đặc thù thần diệu của mình, có đủ khả năng phá vỡ cái hàng rào được xem là bất khả tương nghị trong cuộc sống loài người.

Ở đây văn xuôi phải biết lùi lại nhường bước cho thơ ca, thơ ca lại phải biết lùi lại nhường bước cho hội họa và âm nhạc. Âm thanh và màu sắc những sóng giao

thoa của nó, những nhịp điệu thần kỳ của nó là những đôi cánh để con người bay vào cõi tinh thần không phải chỉ là của con người mà còn là của cả đất trời vô thủy vô chung. Vượt lên trên mọi phạm thức, con người hoàn toàn có quyền tự giải phóng mình để bay vào cõi vô cùng kia. Cái *chân nguyên* của tạo hóa đang ngày càng có xu hướng thi thố tự thể hiện mình với vô vàn hình thái khác lạ. Con người là một hiện hữu sinh động của *chân nguyên*, của *bản thể* và văn hóa là tài sản đáng giá nhất của con người. Các nền văn hóa trên trái đất cũ kỹ này vừa mang tính khu biệt lại vừa có tính đồng nhất, suốt hành trình dài lâu của mình con người đã góp nhặt được, đã cất giữ và gọt dũa được cái ta gọi là những giá trị văn hóa.

Trong các nền văn hóa ấy có chứa những tầng giá trị nhuộm màu tâm linh, có chứa những khái niệm mới mẻ về những miền không gian không thông thường. Trong bản thân mỗi người cũng đang tiềm ẩn những năng lực kỳ bí, việc tìm kiếm cho mình một phương pháp để tự giải phóng những năng lực ấy được gọi là *Ứng*. công việc sáng tạo nói chung cũng được gọi là *Ứng*, là cứ mở ra mãi, đi tới mãi.

Trước mắt nó, *Con người*, là những ánh lửa bập bùng, nó bước về nơi có ánh sáng ấy trong tâm thể của những nhà hiền triết.

Phàm tục hay sang trọng, quý sứ hay thánh thần, thấp hèn hay cao cả, tất cả vẫn chỉ là một, được bày tỏ dưới nhiều hóa tướng khác nhau. Kinh thánh tự nó chẳng cần giáo hội, để sáng tạo chính là phải tìm lấy một hướng đi riêng, một dáng đi riêng, duy nhất.

Một nhân gian rất thật mà cũng rất ảo, thực thực mơ mơ. Một thế giới trong đó hết thảy đang phơi bày, hết thảy đang được lột trần, đó là những thách thức, những nguồn cảm hứng lớn đặt ra trước các nhà văn, trước tất cả những ai mang sứ mệnh sáng tạo.

MỤC LỤC

- Kia đàn hồng hạc.....	4
- Ghi chép ở Ban Mê	18
- Ông già ngồi dịch Đăm Săn	47
- Cát nóng.....	65
- Trời Điện Biên mây trắng.....	88
- Quê ngoại.....	108
- Sân trước một nhành mai.....	128
- Lời mai trò chuyện	146
- Miền sáng tạo của mỗi nhà văn	159
- Một người vẽ tiền	165
- Một con người đã ra đi.....	181
- Đồng hành cùng cái đẹp	194
- Phảng phất hơi may	201
- Hoa trước thềm văn.....	209
- Tàn mạn trước đèn.....	274